NGUYỄN HẠNH

TỰ HỌC ĐÀN GUITAR THEO PHƯƠNG PHÁP

F. CARULLI

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

NGUYỄN HẠNH

TỰ HỌC ĐÀN GUITAR THEO PHƯƠNG PHÁP F.CARULLI

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

F.CARULLI

MÉTHOD DE GUITARE

(PHƯƠNG PHÁP ĐÀN GUITARE)

TÀI LIỆU DÙNG ĐỂ TỰ HỌC VỚI:

- Phần hướng dẫn đọc nốt và đánh nốt trên phím đàn, hướng dẫn thư thế đàn và thao tác ngón.
- 44 bài tập với phương pháp sư phạm tuyệt vời của tác giả F. CARULLI.
- 06 bài học để tập các ngón đàn được điêu luyện của tác giả F. CARULLI.

Tôi rất mong quyển sách PHƯƠNG PHÁP ĐÀN GUITARE này sẽ giúp nhiều cho bạn đọc trong việc tự học đàn GUITARE.

NGUYỄN HẠNH

CÁC DẤU CĂN BẢN CỦA ÂM NHẠC

Các âm hiệu cho biết có 7 giá trị của nốt là:

TRÒN _____	𝅝	bằng một nhịp có 4 phách (nốt đen).
TRẮNG _____	𝅗𝅥	bằng phân nửa dấu TRÒN.
ĐEN _____	♩	bằng phân nửa dấu TRẮNG.
MÓC _____	♪	bằng phân nửa dấu ĐEN.
MÓC ĐÔI ___	♫	bằng phân nửa MÓC.
MÓC BA ____	♬	bằng phân nửa MÓC ĐÔI.
MÓC BỐN ___	𝅘𝅥𝅯𝅘𝅥𝅯𝅘𝅥𝅯𝅘𝅥𝅯	bằng phân nửa MÓC BA.

Cũng có 7 dấu hiệu để nghỉ hay dấu lặng được biết là:

Dấu lặng tròn	𝄻	nghỉ lâu bằng giá trị một dấu tròn.
Dấu lặng trắng	𝄼	nghỉ lâu bằng giá trị một dấu trắng.
Dấu lặng đen	𝄽	nghỉ lâu bằng giá trị một dấu đen.
Dấu lặng móc	𝄾	nghỉ lâu bằng giá trị một dấu móc.
Dấu lặng móc đôi	𝄿	nghỉ lâu bằng giá trị một dấu móc đôi.
Dấu lặng móc ba	𝅀	nghỉ lâu bằng giá trị một dấu móc ba.
Dấu lặng móc bốn	𝅁	nghỉ lâu bằng giá trị một dấu móc bốn.

Cũng còn có ô đứng nghỉ 2 dấu lặng tròn và ô đứng nghỉ 4 dấu lặng tròn.

Dấu chấm đặt sau nốt nào thì nó có nửa giá trị của nốt đó; chẳng hạn như dấu tròn chấm __ bằng ba dấu trắng; dấu trắng chấm bằng ba dấu đen; dấu đen chấm bằng ba dấu móc; và các dấu chấm khác cũng tương tự.

Có những nhóm ba và sáu nốt, biểu thị bởi 3 và 6, người ta gọi là liên ba và liên sáu. Liên ba có giá trị bằng 2 nốt và liên sáu có giá trị bằng 4 nốt.

Nốt nhạc có 7 tên là: *DO* (ngày xưa nốt DO gọi là UT), *RE*, *MI*, *FA*, *SOL*, *LA*, *SI*. Những nốt này không cùng cao độ, từ DO đến RE là một cung, RE đến MI là một cung, MI đến Fa là nửa cung, FA đến SOL là một cung, SOL đến LA là một cung, LA đến SI là một cung, SI đến DO là nửa cung.

Có 3 loại khóa: khóa Sol 𝄞, khóa DO 𝄡 và khóa Fa 𝄢.

Người ta đặt khóa nhạc trên các dòng kẻ nhạc khác nhau để xác định tên của nốt trên các dòng kẻ nhạc tương ứng.

Đàn Guitare đánh ở khóa Sol trên dòng kẻ thứ hai.

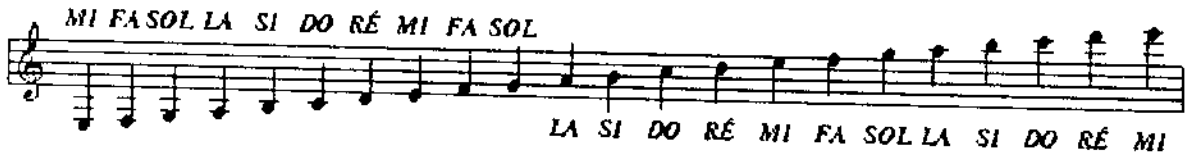

Có 3 dấu hóa: dấu thăng ♯, dấu giáng ♭, dấu hoàn ♮.

Dấu thăng nâng nốt nhạc lên nửa cung. Dấu giáng hạ nốt nhạc xuống nửa cung; và dấu hoàn đem nốt nhạc trở về trạng thái tự nhiên trước khi thăng hoặc giáng.

Khi các dấu hóa này đặt ở sau khóa nhạc, các nốt trên dòng hoặc khe nhạc có dấu hóa đều biến đổi, người ta gọi đó là dấu hóa tự nhiên; ngoài ra, còn có dấu hóa bất thường trước nốt nhạc, nó có giá trị biến đổi từ nốt đó cho đến hết ô nhịp.

Dấu thăng kép 𝄪 nâng nốt nhạc lên nửa cung của nốt có dấu thăng, và dấu giáng kép 𝄫 để giảm nốt nhạc có dấu giáng xuống nửa cung.

Chúng ta có thể đặt đến 7 dấu thăng hoặc 7 dấu giáng ở đầu khóa nhạc.

Dấu thăng đầu tiên trên nốt Fa, dấu thứ hai trên nốt Đo, dấu thứ ba trên nốt Sol, dấu thứ tư trên nốt Re, dấu thứ năm trên nốt La, dấu thứ sáu trên nốt Mi, dấu thứ bảy trên nốt Si.

Dấu giáng đầu tiên đặt trên nốt Si, dấu thứ hai trên nốt Mi, dấu thứ ba trên nốt La, dấu thứ tư trên nốt Re, dấu thứ năm trên nốt Sol, dấu thứ sáu trên nốt Do, dấu thứ bảy trên nốt Fa.

Người ta gọi *Cung*, là dây cơ bản, dựa vào đó người ta thiết lập một bài hát, và tính chất của cung người ta gọi là *Thức*.

Có hai dạng *Thức*: trưởng và thứ.

Cung cơ bản là dạng trưởng, cung tương quan với nó ở quãng 3 xuống là dạng thứ, và cả hai chịu chung ảnh hưởng của dấu hóa ở đầu khoá nhạc.

Người ta nhận biết cung qua các dấu hóa ở đầu khóa nhạc. Nếu không có dấu gì ở đầu khóa nhạc, thì đó là cung Do trưởng hoặc cung La thứ. Nếu khi có một dấu thăng ở đầu khóa thì cung đó là Sol trưởng hoặc Mi thứ.

Hai dấu thăng là cung Re trưởng hoặc Si thứ; ba dấu thăng là cung La trưởng hoặc Fa ♯ thứ; bốn dấu thăng là cung Mi trưởng hoặc Do ♯ thứ; năm dấu thăng là cung Si trưởng hoặc Sol ♯ thứ; sáu dấu thăng là cung Fa ♯ trưởng hoặc Re ♯ thứ; bảy dấu thăng là cung Do ♯ trưởng hoặc La ♯ thứ.

Khi có một dấu giáng ở đầu khóa, người ta gọi đó là cung Fa trưởng hoặc cung Re thứ; hai dấu giáng, là cung Si trưởng hoặc cung Sol thứ; ba dấu giáng, là cung Mi ♭ trưởng hoặc cung Do thứ; bốn dấu giáng, là cung La ♭ trưởng hoặc cung Fa thứ; năm dấu giáng, là cung Re ♭ trưởng hoặc cung Si ♭ thứ; sáu dấu giáng, là cung Sol ♭ trưởng hoặc cung Mi ♭ thứ; bảy dấu giáng, là cung Do ♭ trưởng hoặc cung La ♭ thứ;

Để biết được bài nhạc ở dạng trưởng hay dạng thứ, chúng ta nhìn vào âm bậc thứ 7 của âm giai xem là dấu thăng ♯ hay dấu hoàn ♮. Ví dụ: Trong âm giai La, âm bậc thứ 7 là nốt Sol.

Nếu âm bậc thứ 7 có biến đổi thì đó là cung thứ, nếu không biến đổi, đó là cung trưởng.

Người ta gọi ô nhịp là sự phân chia các thì (phách). Ô nhịp được giới hạn trong 2 đường vạch nhịp.

Có loại ô nhịp 4 thì C, có loại ô nhịp 3 thì $\frac{3}{4}$, và loại ô nhịp 2 thì ¢.

Trong ô nhịp của nhịp 4 thì, mỗi thì có giá trị bằng một nốt đen. Cả ô nhịp có giá trị bằng 4 nốt đen, hoặc một nốt tròn, hoặc hai nốt trắng, hoặc tám nốt móc...

Trong ô nhịp của nhịp 3 thì, mỗi thì có giá trị bằng một nốt đen; và ô nhịp 2 thì, mỗi thì có giá trị bằng một nốt trắng.

Có hai loại nhịp đơn, đó là: nhịp 2/4 là nhịp có 2 thì, mỗi thì có gía trị bằng một nốt đen; nhịp 3/8 là nhịp 3 thì, mỗi thì có giá trị bằng một nốt móc.

Có 3 nhịp kép, đó là: nhịp 12/8, gốc là nhịp 4 thì, và mỗi thì có giá trị bằng một nốt đen chấm, hoặc ô nhịp có giá trị bằng 4 nốt đen chấm.

Nhịp 9/8, gốc là nhịp 3 thì, và mỗi thì có giá trị bằng một nốt đen chấm.

Nhịp 6/8, gốc là nhịp 2 thì, và mỗi thì có giá trị bằng một nốt đen chấm.

Khi chúng ta đánh nhịp bằng tay hoặc chân cần biết:

Với nhịp 4 thì, người ta đánh nhịp đầu xuống đất, nhịp thứ hai qua phải, nhịp thứ ba qua trái, và nhịp thứ tư lên trên.

Với nhịp 3 thì, người ta đánh nhịp đầu xuống đất, nhịp thứ hai qua phải, nhịp thứ ba lên trên.

Với nhịp 2 thì, người ta đánh nhịp đầu xuống đất, nhịp thứ hai lên trên.

Âm bậc chậm hay nhanh mà người ta đặt ở các ô nhịp gọi là *Nhịp độ* và được biểu thị bằng các chữ tiếng Ý như sau:

Grave	
Largo assai	Rất chậm
Largo	
Adagio	Chậm
Larghetto	
Andante sostenuto	Chậm vừa
Moderato	
Maestoso	Chậm vừa
Andante	
Allegretto	Hơi nhanh
Allegro	Thật nhanh
Vivace	Linh hoạt
Presto	Thật nhanh

Luyến hay dấu nối. 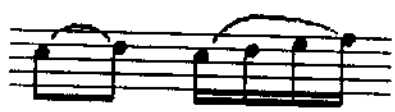

Đường cong nằm trên các nốt được diễn cùng một giọng rung.

Người ta gọi đảo phách là một dạng ngoại lệ của việc phân chia thứ tự giữa phách mạnh và phách yếu.

Dấu chấm lưu 𝄐 đặt trên nốt hoặc dấu lặng để diễn lâu tùy ý.

Dấu tái đoạn 𝄆 𝄇, lập lại đoạn nhạc giữa hai dấu tái đoạn (hai vạch đứng có dấu hai chấm).

Nốt nhỏ 𝅘𝅥𝅯 là dấu láy ngắn, không có giá trị trường độ, nhưng nó lấy bớt trường độ của nốt đứng sau và liên kết với nốt đó.

Người ta dùng nhiều ký hiệu để thay đổi cường độ của bài nhạc:

p	*Piano*	*tiếng Ý được dịch:*	*Nhẹ*
pp	*Pianissimo*		*Rất nhẹ*
mf	*Mezzo forte*		*Mạnh vừa*
f	*Forte*		*Mạnh*
ff	*Fortissimo*		*Rất mạnh*
sf	*Sforzato*		*Cương nghị*
Cresc.	*Crescendo*		
Rinf.	*Rinforzando*		*Làm cho mạnh*
Smorz.	*Smorzando*		
Dimin.	*Diminuendo*		*Bớt lần*

PHẦN THỨ NHẤT

Đàn Guitare của Pháp hay của Ý có 6 dây; dây thứ nhất là *Mi*, thứ hai là *Si*, thứ ba là *Sol*, thứ tư là *Re*, thứ năm là *La*, và thứ sáu là *Mi*.

Dây số 1 D. số 2 D. số 3 D. số 4 D. số 5 D. số 6

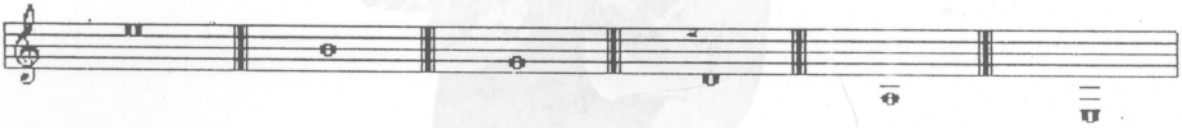

CÁCH CẦM ĐÀN GUITARE VÀ CÁCH ĐẶT TAY

Không nên ngồi cao quá cũng như thấp quá, không để cao trên ngực hoặc để hờ trên đầu gối.

Người ta thường tựa đàn trên đùi trái, hơi đưa cần đàn lên trên. Đặt chân trái lên một cái ghế nhỏ có chiều cao khoảng 14 - 18cm.

Cách cầm đàn của đàn ông

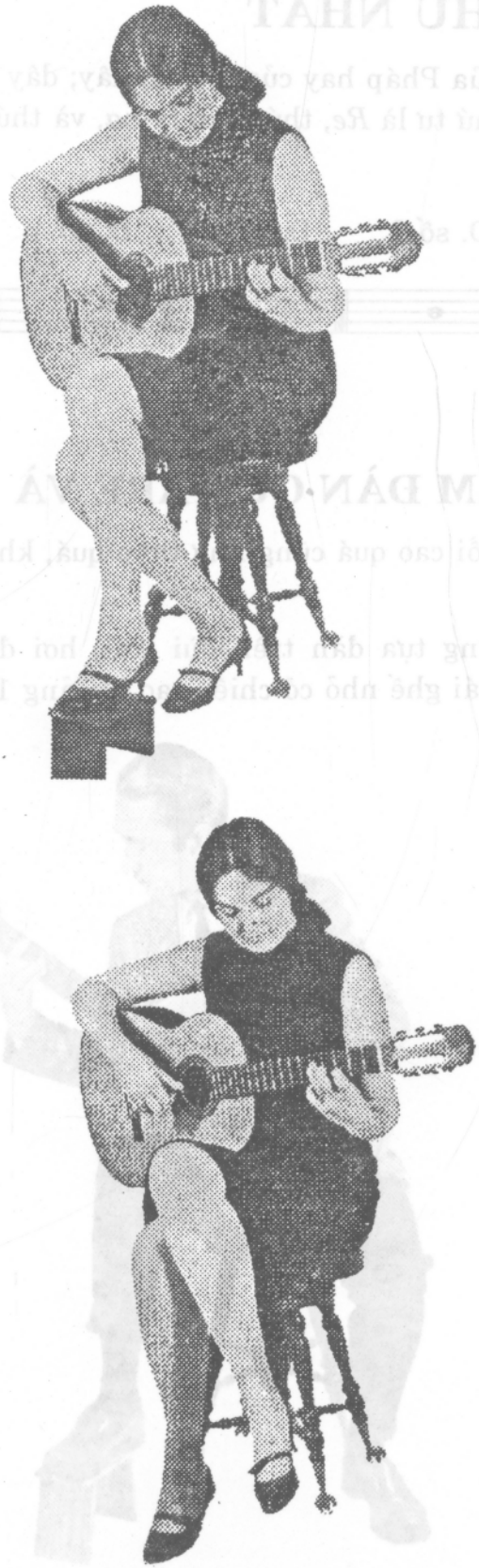

Cách cầm đàn của nữ

Bàn tay trái tựa vào cần đàn chỗ phím đầu tiên bằng 2 ngón cái và ngón trỏ. Ngón cái cầm đàn không phải cố định ở một chỗ nhưng nó phải lướt được trên cần đàn. Ở vài phương pháp, các tác giả cấm tuyệt đối học viên dùng ngón cái của tay trái bấm cạnh đàn đối diện với các ngón khác, trên dây số 6 và đôi khi trên dây thứ 5. Âm nhạc rất thú vị, nó giàu chất hòa âm, và bốn ngón không đủ thời gian để diễn lời nhạc và các nốt trầm ở cung bậc khác nhau, chính vì vậy, dùng ngón cái là cần thiết.

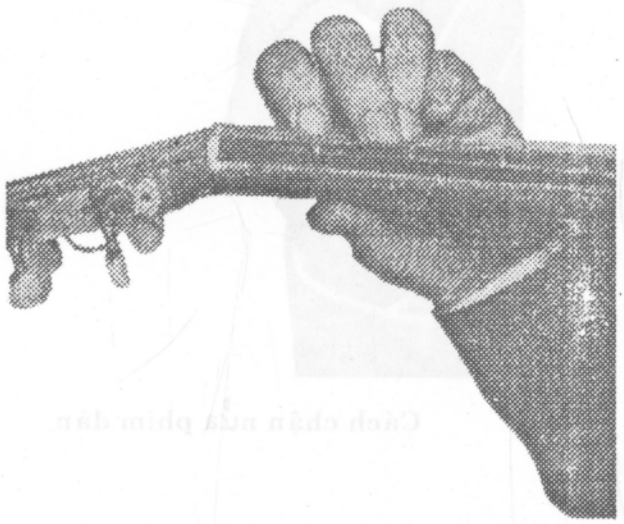

Vị trí cầm đàn của tay trái

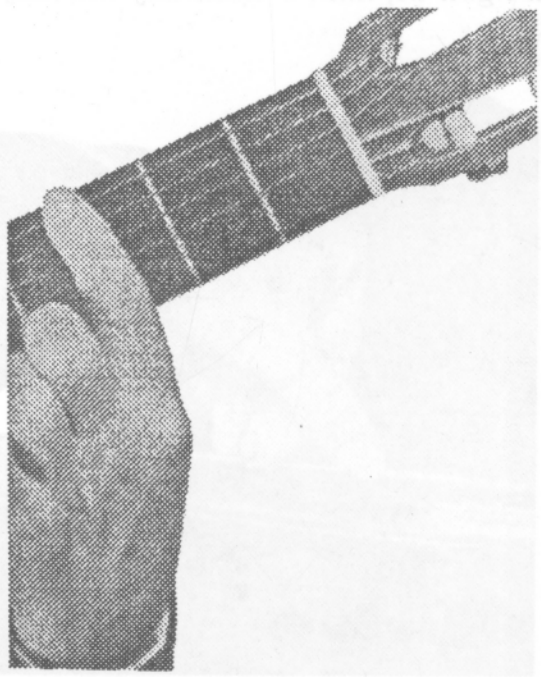

Cách chận cả phím đàn

Cách chận nửa phím đàn

Cánh tay phải tựa trên cạnh của thùng đàn hướng bàn tay thẳng đứng mặt thùng đàn guitare, thẳng đứng với đường thẳng chỗ con ngựa của đàn; bàn tay tựa nhẹ trên ngón út, nằm ở cạnh dây Mi (dây số 1),

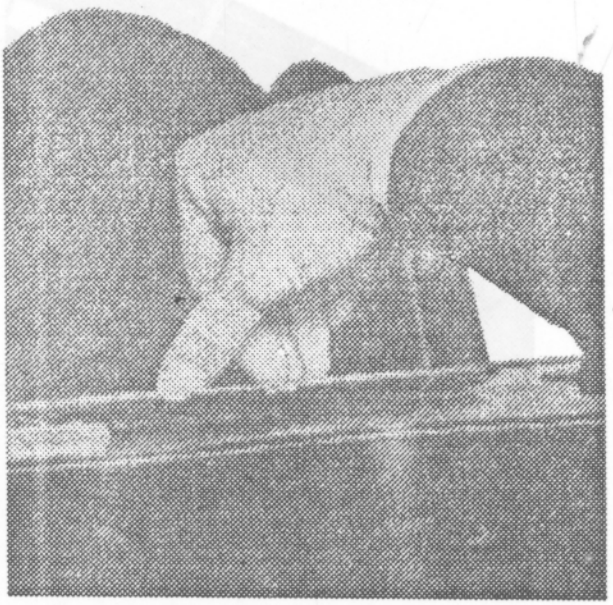

Cánh tay phải tựa trên cạnh của thùng đàn

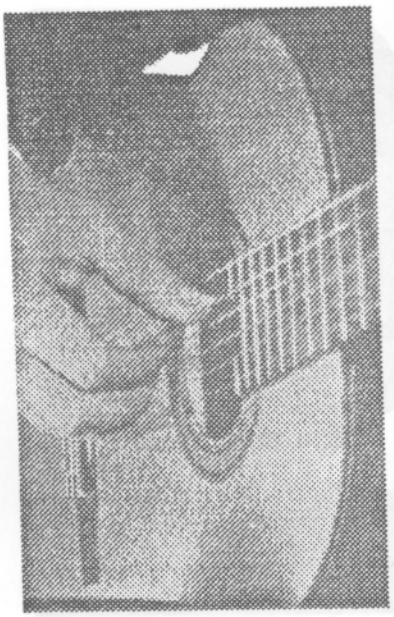

Thực hiện hợp âm rải với một ngón

Thực hiện hợp âm rải với 2 ngón

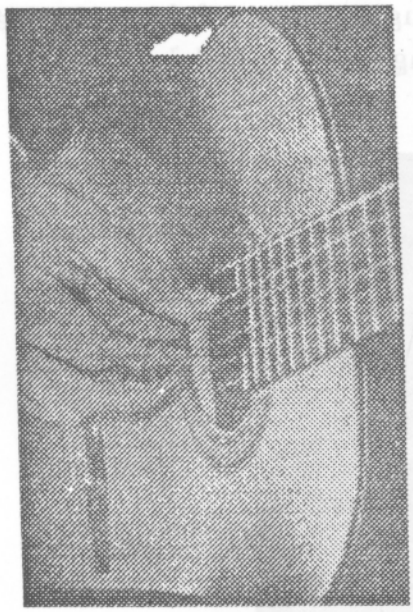

Thực hiện hợp âm rải với ba ngón

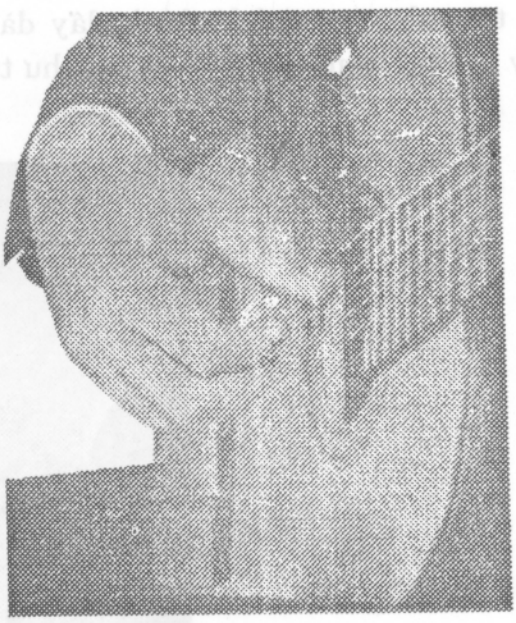

Thực hiện hợp âm rải với bốn ngón

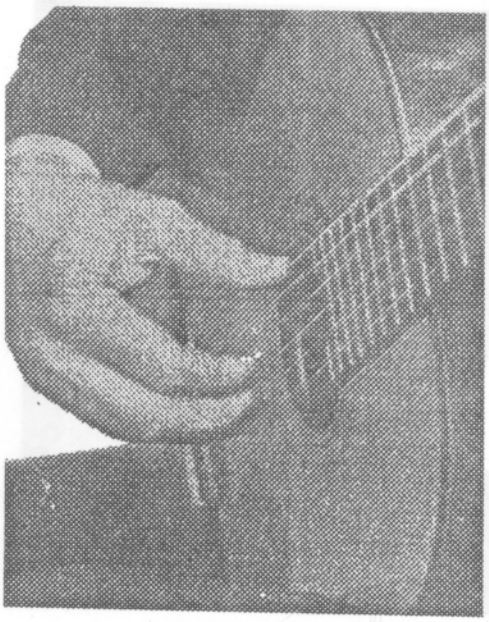

Chuẩn bị đánh hợp âm

Kết thúc việc đánh hợp âm

Khi cần đánh kiểu hòa âm, người ta dùng ngón tay bàn tay trái nhấn rất nhẹ trên dây, tay phải đánh dây đàn, và buông ngón tay ở bàn tay trái ra ngay lập tức. Âm thanh lúc này như tiếng chuông ngân nho nhỏ.

Chuẩn bị đánh kiểu hòa âm

Ngón tay cái của bàn tay phải dùng để đánh các dây số 6, 5, và 4; ba dây còn lại thay đổi tương ứng với các ngón khác.

Ngón áp út không dùng để đánh hợp âm. Để đánh hợp âm đến quãng 6, quãng 8, người ta dùng ngón trỏ và giữa cho dây số 5 và số 4; ngón cái cho dây số 3 và số 2.

Ví dụ:

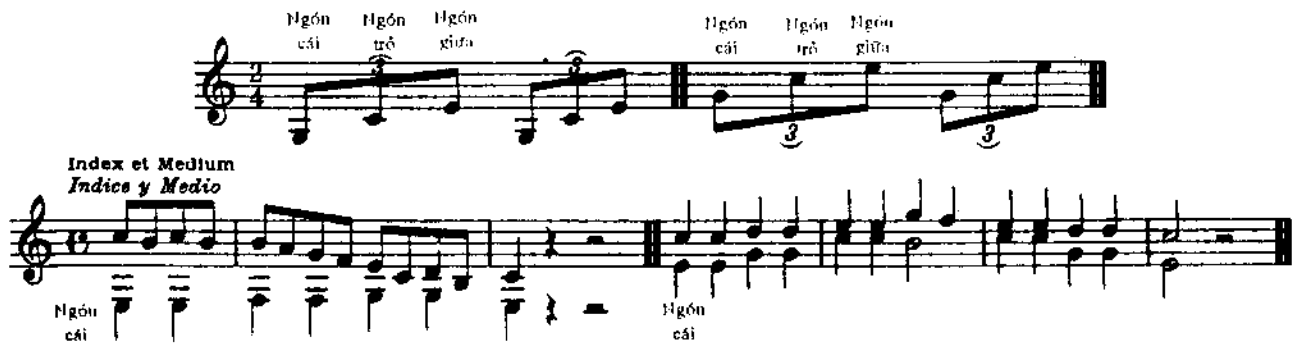

Cần lưu ý khi đánh đàn, ngón cái của bàn tay phải đưa lên trước so với các ngón khác, và bàn tay đừng đưa cao hay hạ thấp ra phía sau.

CÁCH LÊN DÂY ĐÀN

Lên dây đàn dựa vào thính giác là chính. Người ta lên giây thứ 5 là dây La theo cái La mẫu; đó là một dụng cụ bằng thép, có độ rung trùng tần số của nốt La. Ngoài ra, chúng ta có thể lấy theo một dụng cụ khác có tần số trùng với nốt La cũng được. Bấm vào phím 5 của dây 5, chúng ta đánh được nốt Re; dùng âm Re này để canh lại dây đàn số 4 (dây Re). Bấm vào phím 5 của dây 4, chúng ta đánh được nốt Sol; dùng âm Sol này để canh lại dây đàn số 3 (dây Sol). Bấm vào phím 4 của dây 3, chúng ta đánh được nốt Si; dùng âm Si này để canh lại dây đàn số 2 (dây Si). Bấm vào phím 5 của dây 2, chúng ta đánh được nốt Mi; dùng âm Mi này để canh lại dây đàn số 1 (dây Mi). Dây số 6 cũng là dây Mi nhưng thấp hơn một bát độ, chúng ta có thể dùng dây Mi số 1 để canh dây 6.

Nhạc viết cho Guitare dùng bộ khóa chuẩn, thường viết ở khóa Sol. Chẳng hạn, các dây buông của đàn Guitare tương ứng với các nốt:

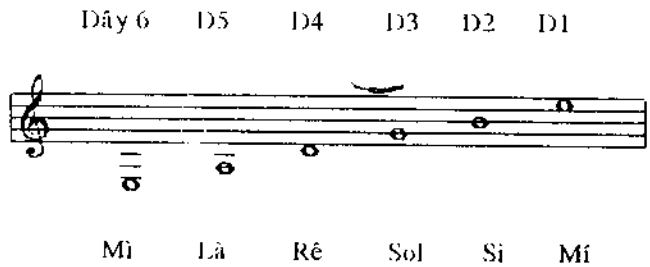

Những dây buông, nghĩa là các ngón tay trái không cần bấm, được ký hiệu bằng một dấu o nhỏ bên cạnh nốt. Ví dụ:

Số 0 nhỏ phía trên nốt Mi, cho biết đó là dây buông.

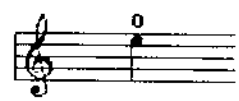

Số 0 nhỏ phía trên nốt Si, cho biết đó là dây buông.

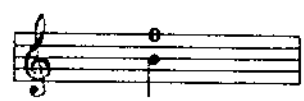

Số 0 nhỏ cạnh nốt Sol, cho biết đó là dây buông.

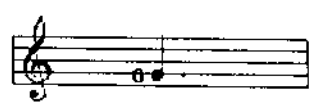

Số 0 nhỏ cạnh nốt Re, cho biết đó là dây buông.

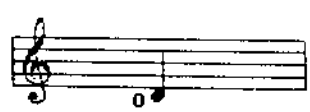

Số 0 nhỏ cạnh nốt La, cho biết đó là dây buông.

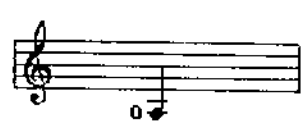

Số 0 nhỏ cạnh nốt Mi, cho biết đó là dây buông.

CÁC NỐT CƠ BẢN

Các nốt trên đàn Guitare được thực hiện bởi dây buông và các phím đàn. Vị trí các nốt được thể hiện qua 4 phím đàn đầu tiên gọi là vị trí phím thấp.

Các nốt cơ bản ở 4 phím đàn đầu tiên là:

_ Dây thứ sáu:

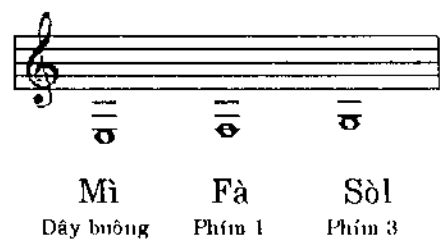

_ Dây thứ năm:

Sau nốt Sol ở phím thứ ba của dây thứ sáu, tiếp theo là nốt La (dây buông) ở dây thứ 5.

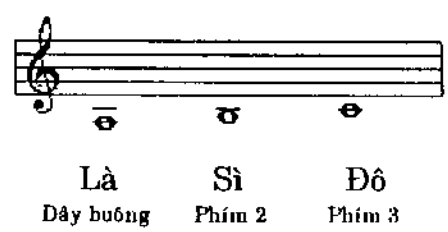

_ Dây thứ tư:

Sau nốt Đô ở phím thứ ba của dây thứ năm, tiếp theo là nốt Rê (dây buông) ở dây thứ 4.

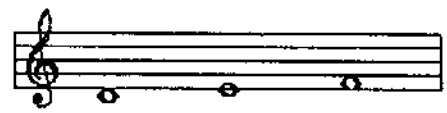

Rê Mi Fa
Dây buông Phím 2 Phím 3

_ Dây thứ ba:

Sau nốt Fa ở phím thứ ba của dây thứ tư, tiếp theo là nốt Sol (dây buông) ở dây thứ 3.

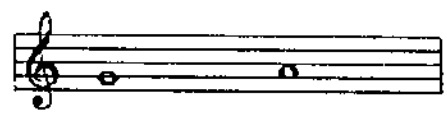

Sol La
Dây buông Phím 2

_ Dây thứ hai:

Sau nốt La ở phím thứ 2 của dây thứ ba, tiếp theo là nốt Si (dây buông) ở dây thứ 2.

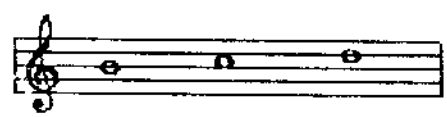

Si Đô Rê
Dây buông Phím 1 Phím 3

_ Dây thứ nhất:

Sau nốt Rê ở phím thứ 3 của dây thứ hai, tiếp theo là nốt Mi (dây buông) ở dây thứ 1.

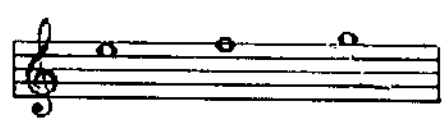

Mi Fa Sol
Dây buông Phím 1 Phím 3

Trên cây đàn Guitare, hai phím liên tiếp nhau, cách nhau nửa cung. Hình vẽ sau, cho chúng ta thấy đầy đủ vị trí các nốt ở phím 1 đến phím 4 trên cây đàn Guitare.

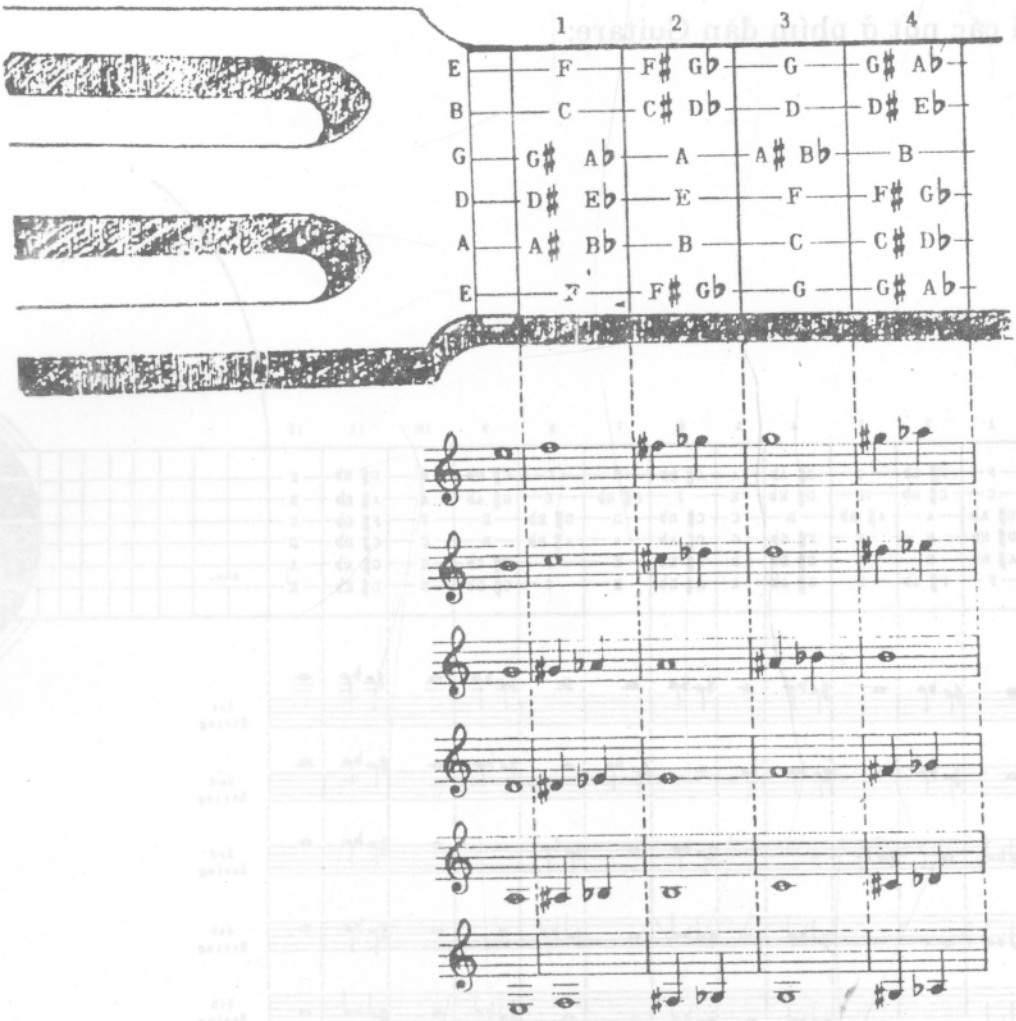

Ô nhịp đầu dành cho các nốt trên dây buông, ô nhịp 1 dành cho các nốt trên phím số 1, ô nhịp 2 dành cho các nốt trên phím số 2, ô nhịp 3 dành cho các nốt trên phím số 3, ô nhịp 4 dành cho các nốt trên phím số 4.

CÁC NỐT MỞ RỘNG

Ngoài thế bấm cơ bản từ phím 1 đến phím 4, các phím đàn Guitare còn tiếp tục đến phím 12. Ở mỗi dây có thể diễn tả được ít nhất là 13 nốt (một nốt dây buông và 12 nốt trên phím đàn). Như vậy, với 6 dây đàn, chúng ta có thể diễn tả được ít nhất là 78 kiểu nốt (các nốt có thể trùng cao độ). Từ nốt thấp nhất là nốt Mì (dây buông thứ 6) đến nốt cao nhất Mí (cách 3 bát độ) cho phép diễn một thang âm rộng và phong phú.

Vị trí các nốt ở phím đàn Guitare:

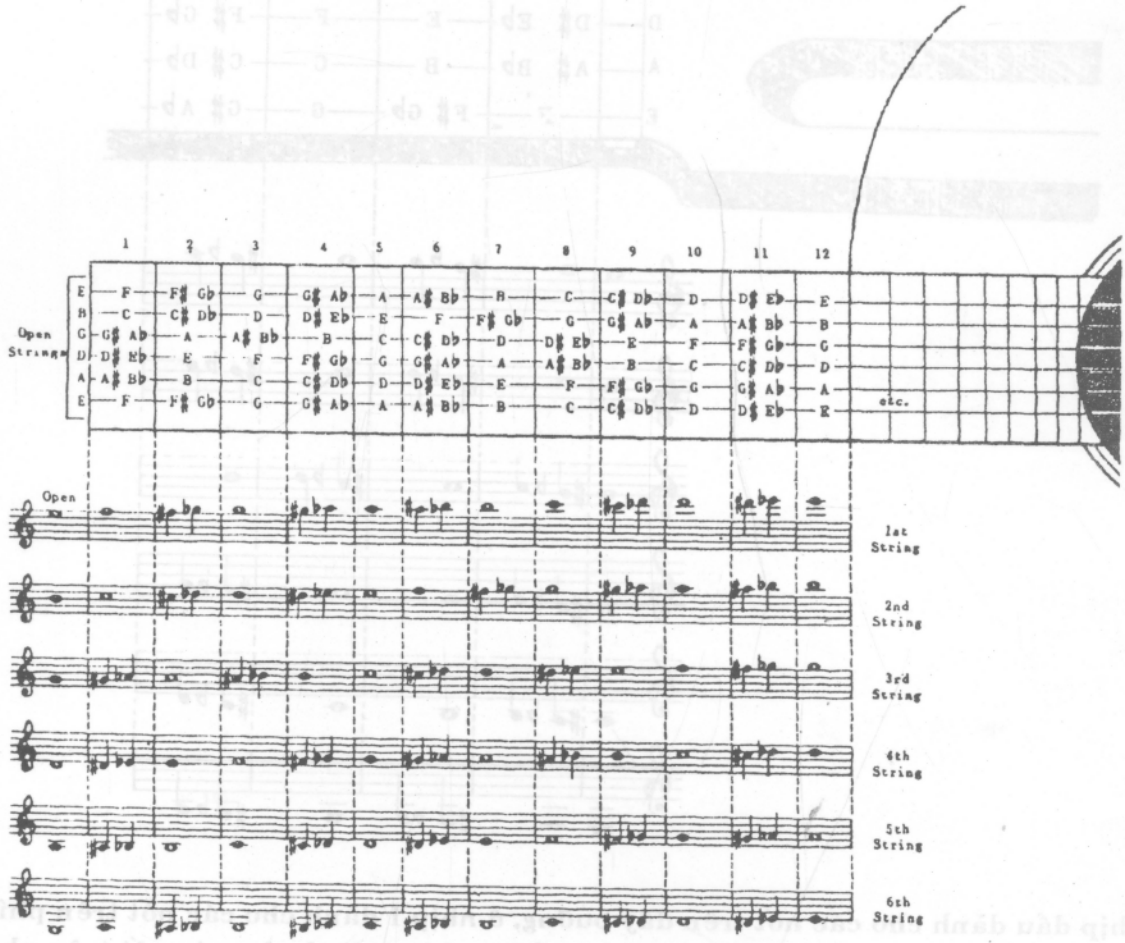

Ô nhịp đầu tương ứng với vị trí dây buông. Các ô nhịp từ thứ hai trở đi, tương ứng với các vị trí trên phím đàn. Mỗi phím đàn cách nhau nửa cung.

ÂM GIAI CỦA THẾ THỨ NHẤT

Những con số để chỉ ngón tay của bàn tay trái, và vị trí các phím đàn.

Những nốt trống (dây buông) được ghi bằng số 0, ngón trỏ số 1, ngón giữa số 2, ngón áp út số 3, và ngón út số 4.

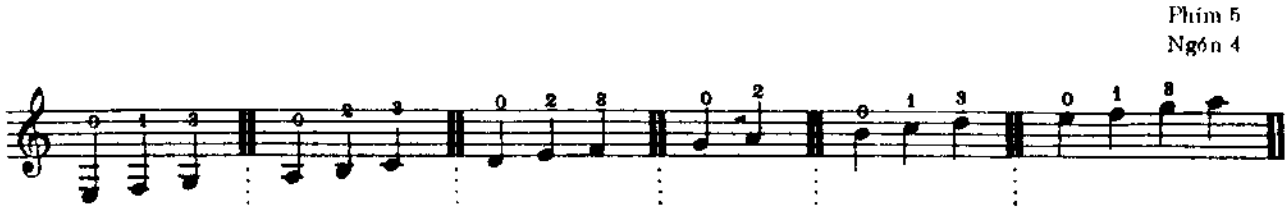

BÀI TẬP

DÀNH ĐỂ HỌC VÀ ĐỌC TỐT CÁC NỐT

Ở THẾ THỨ NHẤT

ÂM GIAI

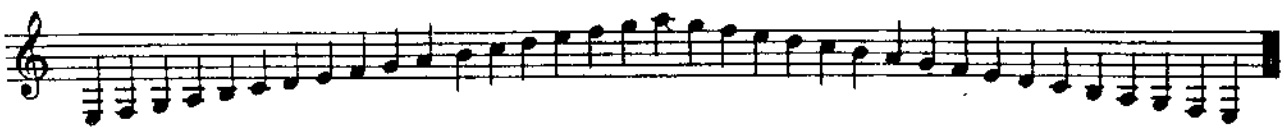

Lời dặn: Các con số để biểu thị cho các ngón tay của bàn tay trái, và các ngón tay của bàn tay phải được biểu thị bằng các ký tự sau: p = ngón cái (viết tắt từ chữ *pouce*); i = ngón trỏ (viết tắt từ chữ *index*); m = ngón giữa (viết tắt từ chữ *médius*); a = ngón áp út (viết tắt từ chữ *annulaire*).

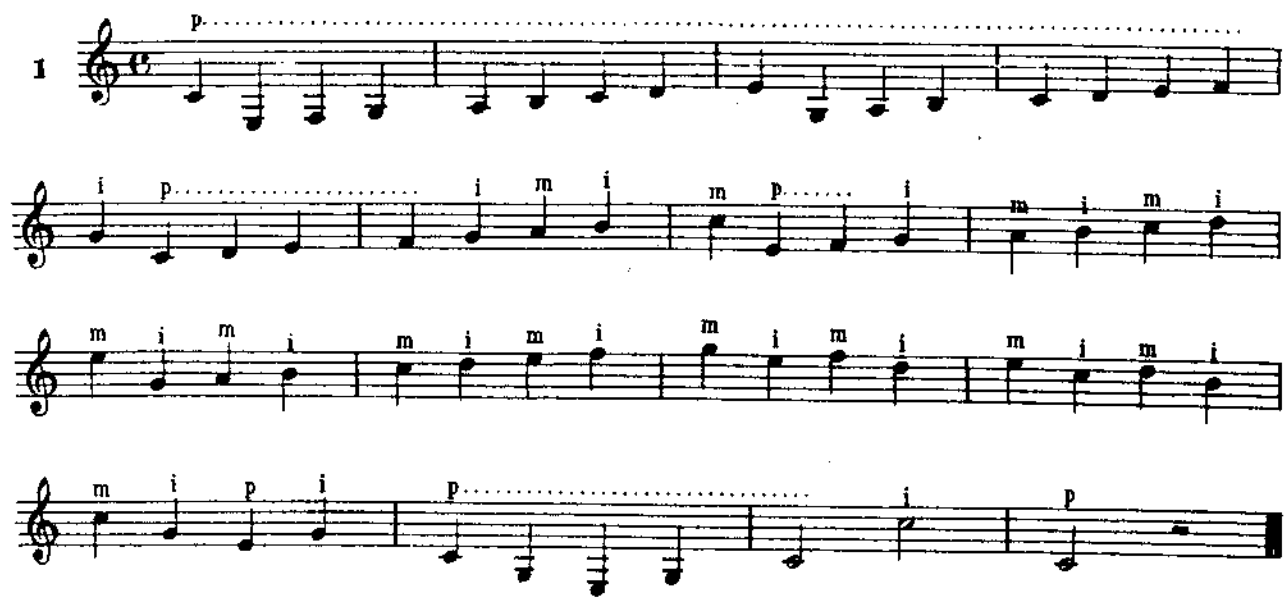

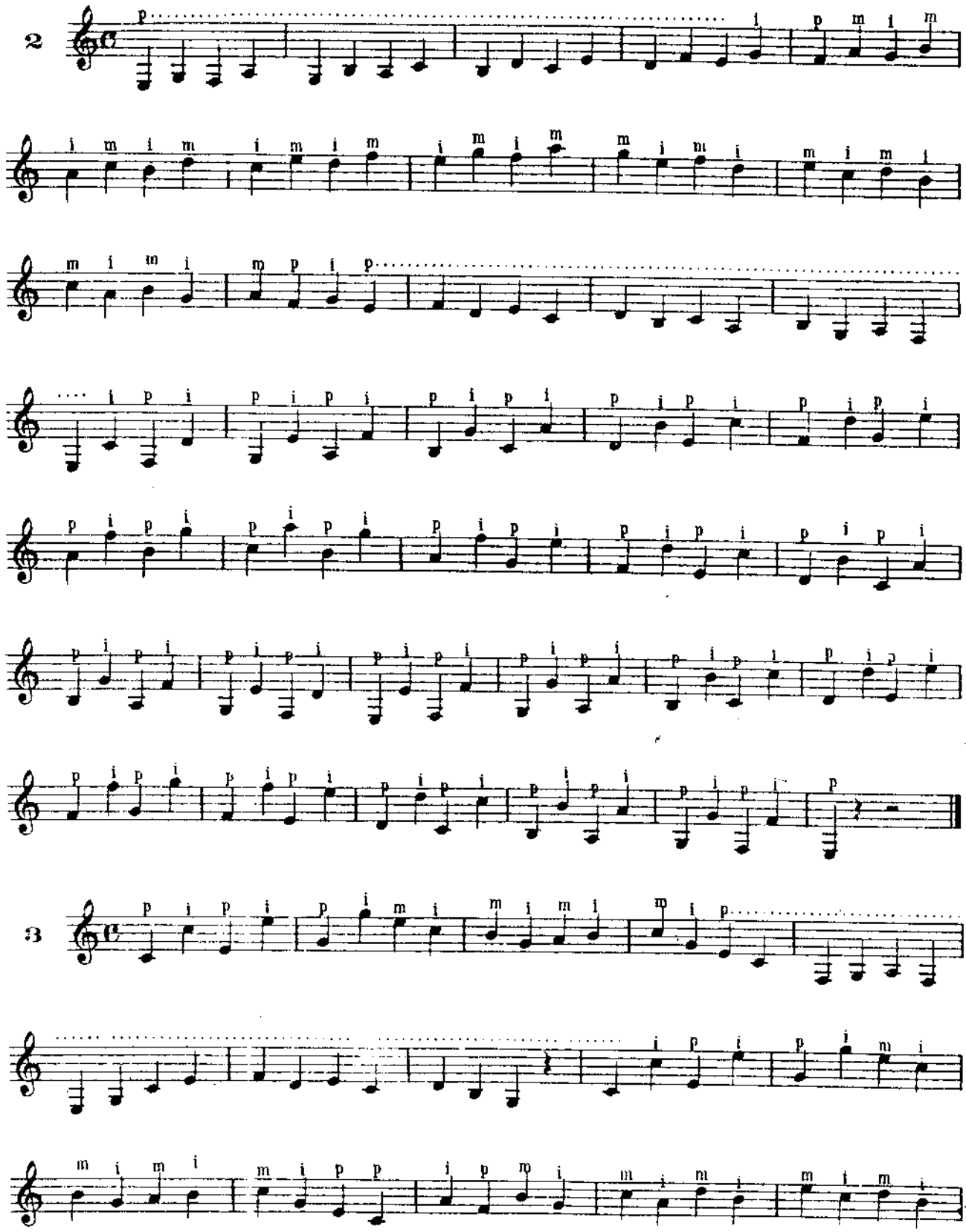
2
3

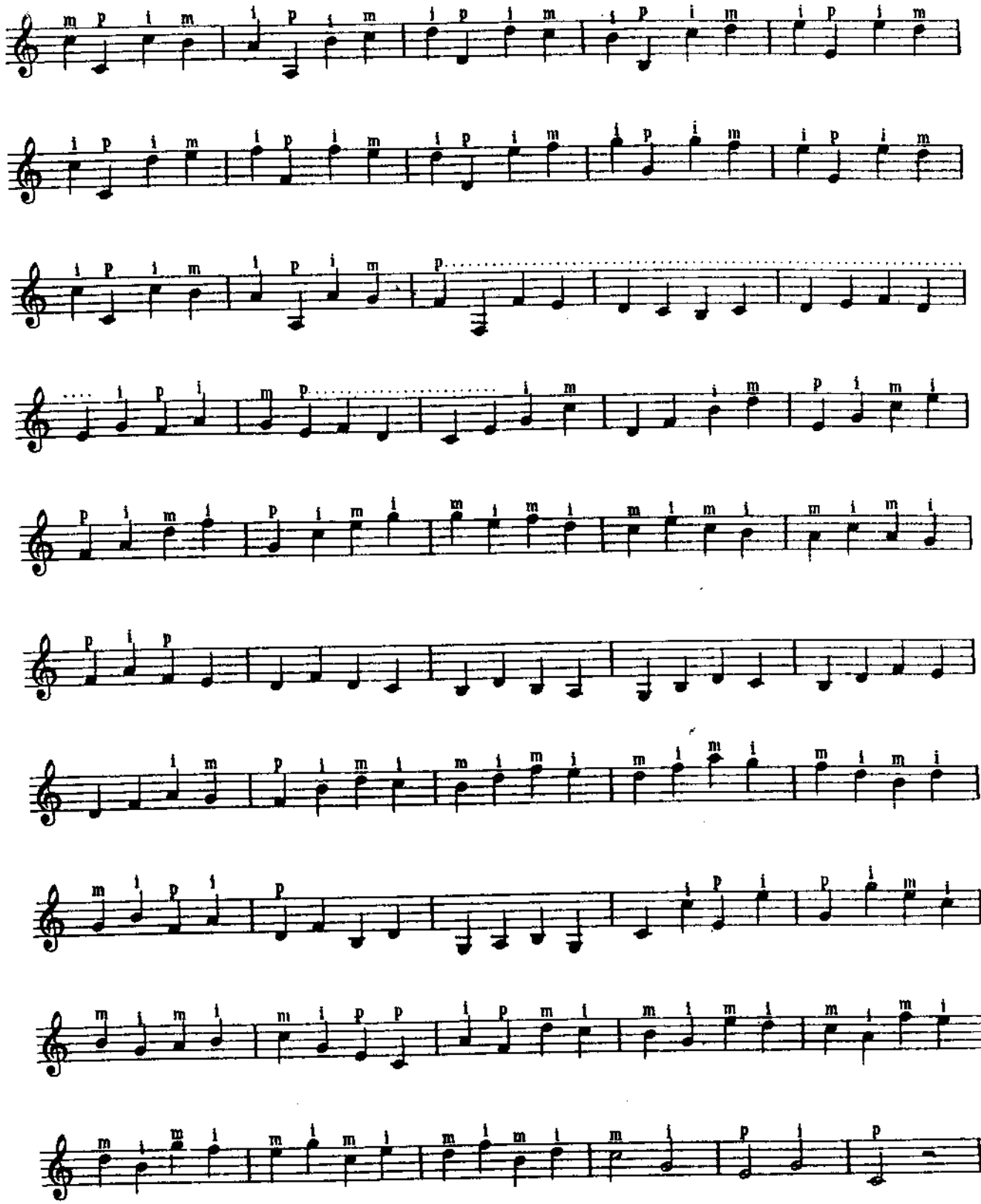

ÂM GIAI LÊN VÀ XUỐNG VỚI CÁC DẤU THĂNG

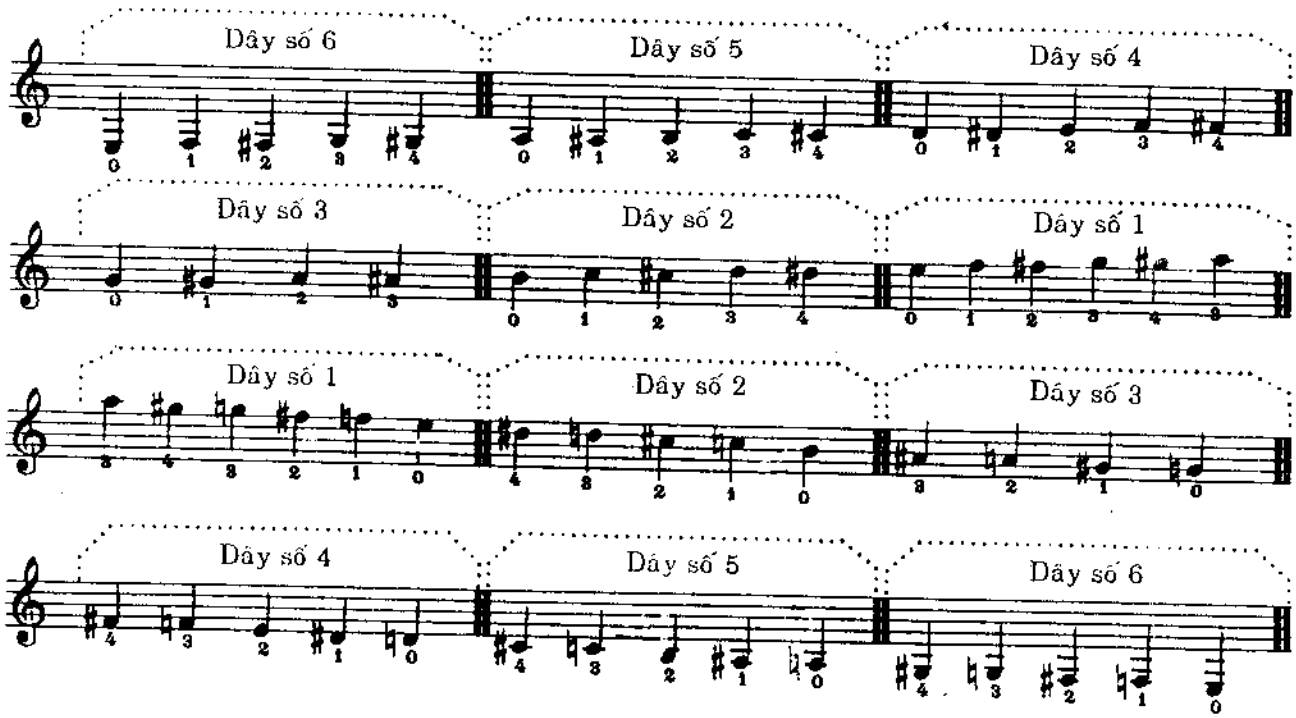

ÂM GIAI LÊN VÀ XUỐNG VỚI CÁC DẤU GIÁNG

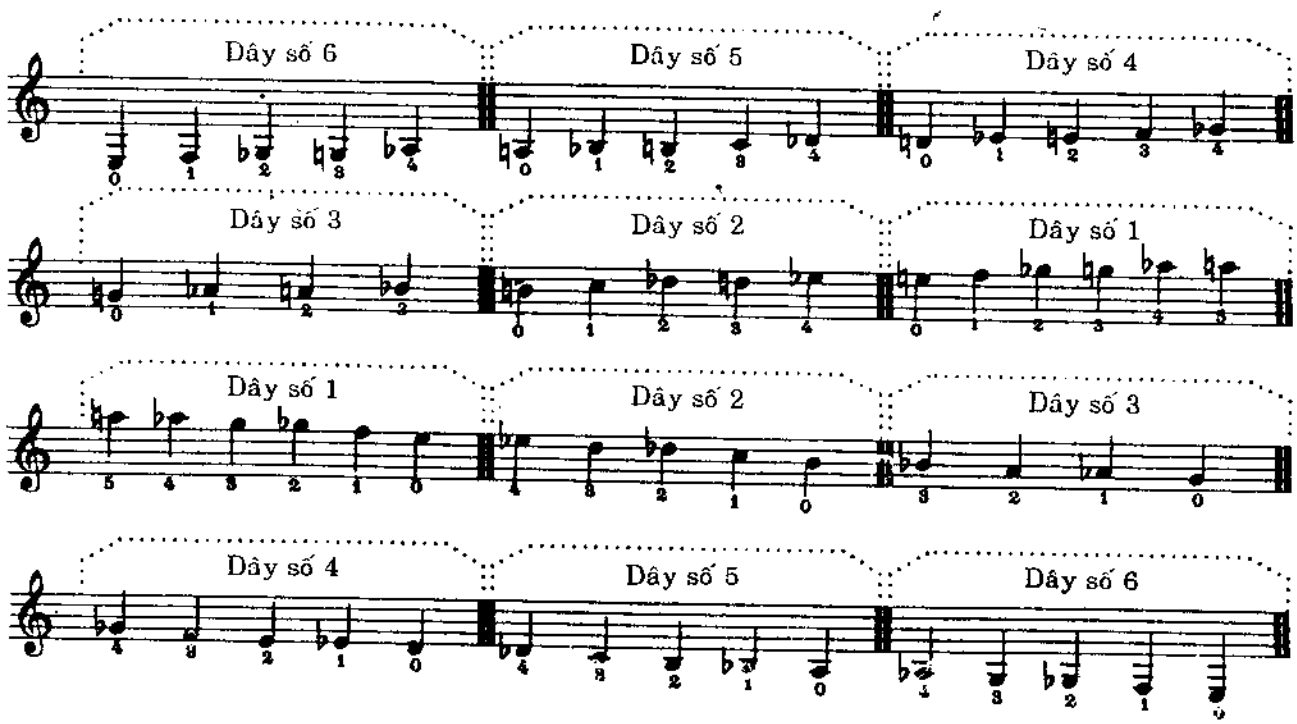

BÀI TẬP

DÀNH ĐỂ HỌC VÀ ĐỌC CÁC NỐT
VỚI DẤU THĂNG & GIÁNG

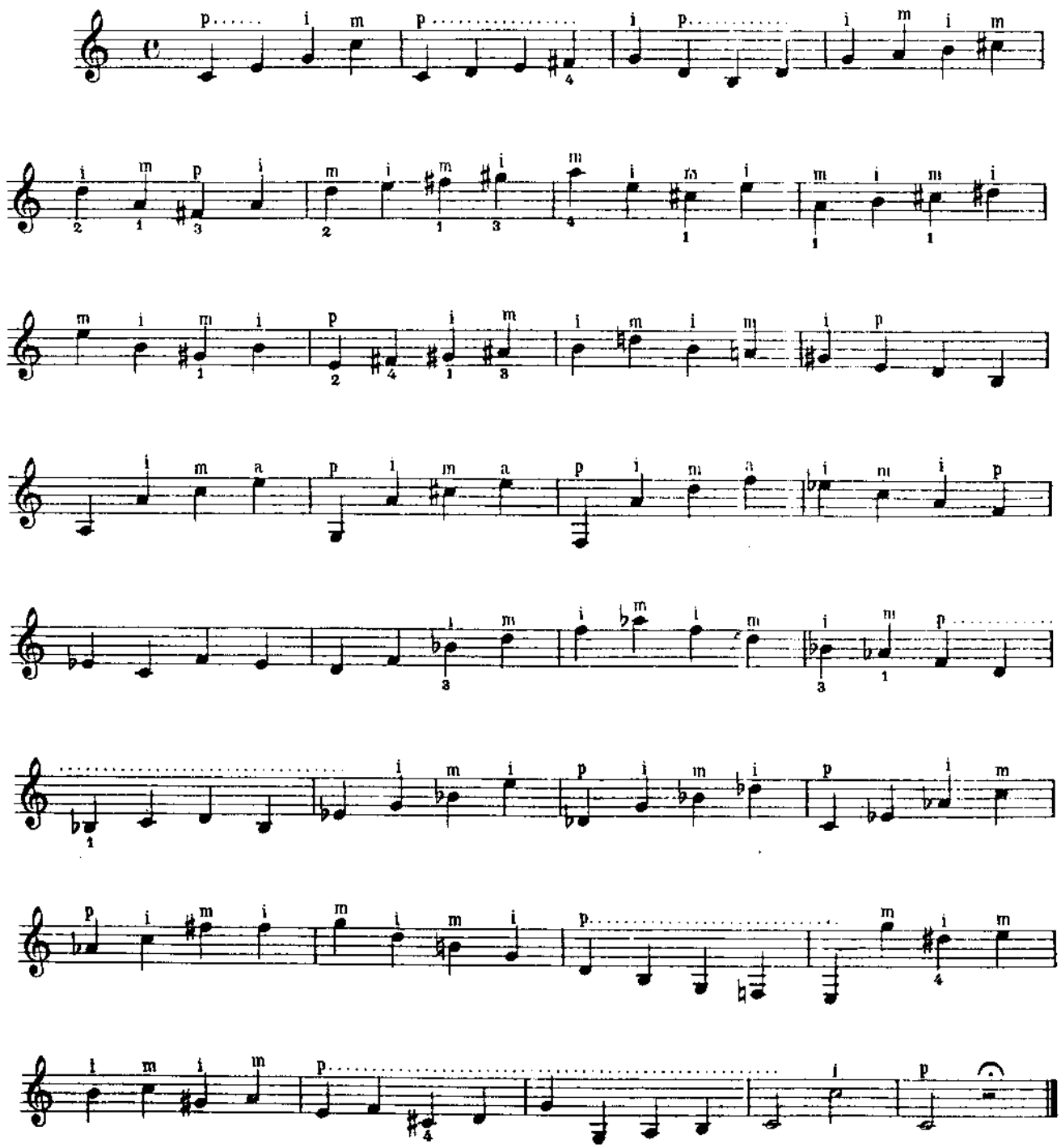

CÁCH ĐÁNH CÁC HỢP ÂM

Có những hợp âm 4, 5, và 6 nốt. Hợp âm 4 nốt thì đánh với 4 ngón tay.

Ví dụ:

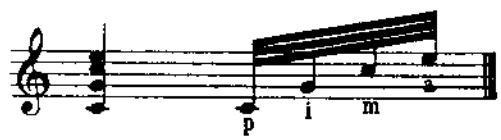

Đánh

Hợp âm 5 nốt, đánh với 4 ngón tay; nhưng lướt ngón cái trên 2 dây đầu, và các nốt khác của 3 ngón còn lại.

Ví dụ:

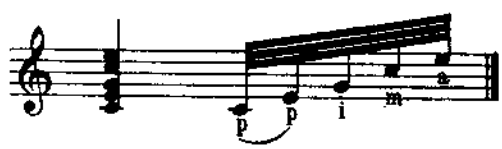

Hợp âm 6 nốt, đánh lướt ngón cái trên 3 dây đầu, và các nốt khác của 3 ngón còn lại.

Ví dụ:

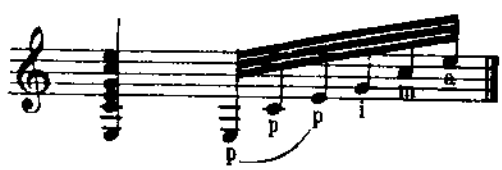

Có cách đánh hợp âm nhanh hơn, các nốt có thể được đánh chung cùng một lúc.

CHẬN HỢP ÂM

Người ta gọi chận hợp âm là dùng một ngón tay của bàn tay trái để chận lên hai hoặc nhiều nốt.

Ví dụ:

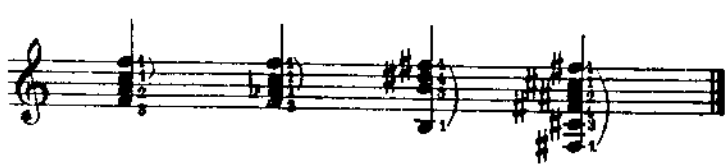

CÁCH ĐÁNH HỢP ÂM RỜI

Trên đàn Guitare, có những lối đánh hợp âm rời 3 nốt, 4, 6, 8, 9, 12 và 16 nốt; với 3 hay 4 ngón.

Với mỗi loại hợp âm tương ứng, có một bài tập nhỏ để luyện ngón cho tay trái và tay phải quen với hợp âm rời.

Trong khi chơi nhạc trên đàn Guitare, nếu chúng ta gặp nốt trầm nhưng không ở dây buông, bấm ngón tay trên dây cho hết rồi mới buông để tránh câm tiếng, đó là điều cần để giữ được âm thanh của nốt nhạc và tránh tiếng rung dây buông.

HỢP ÂM RỜI 3 NỐT

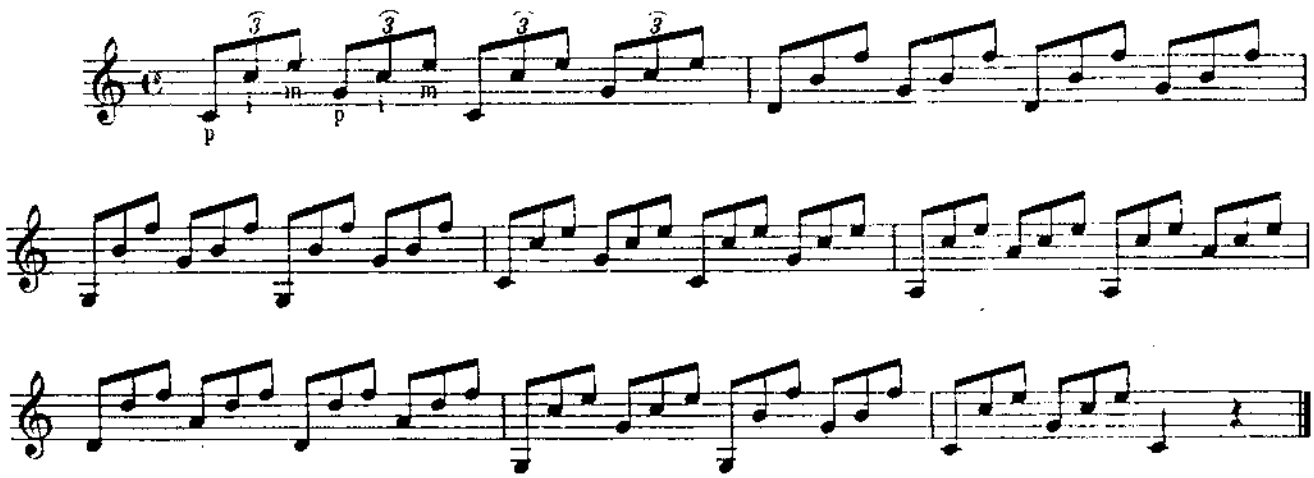

HỢP ÂM RỜI 4 NỐT

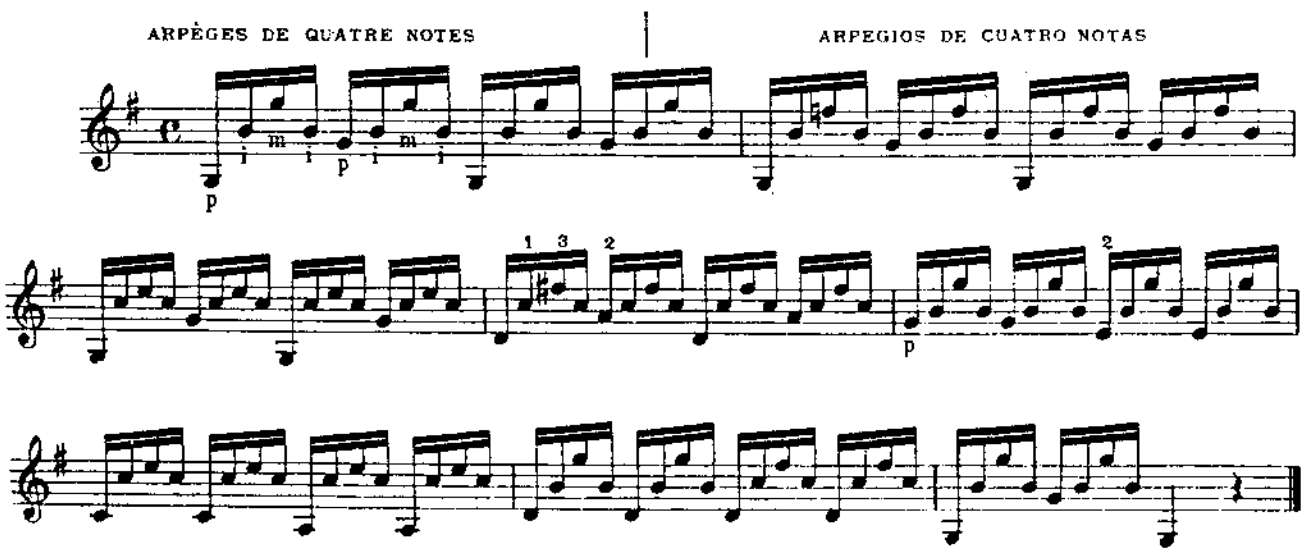

HỢP ÂM RỜI 6 NỐT

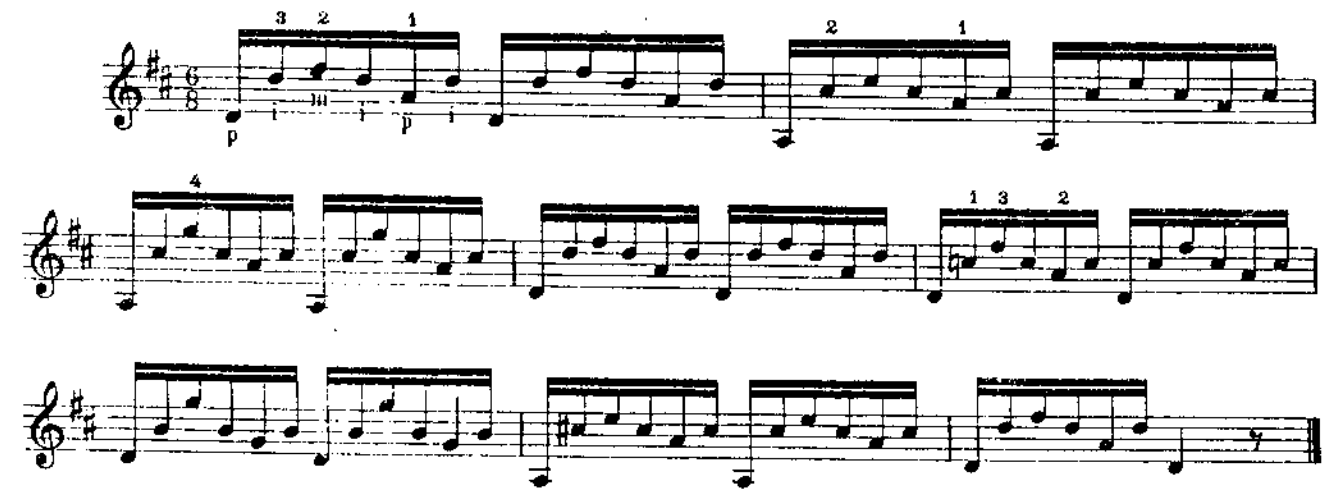

HỢP ÂM RỜI 8 NỐT

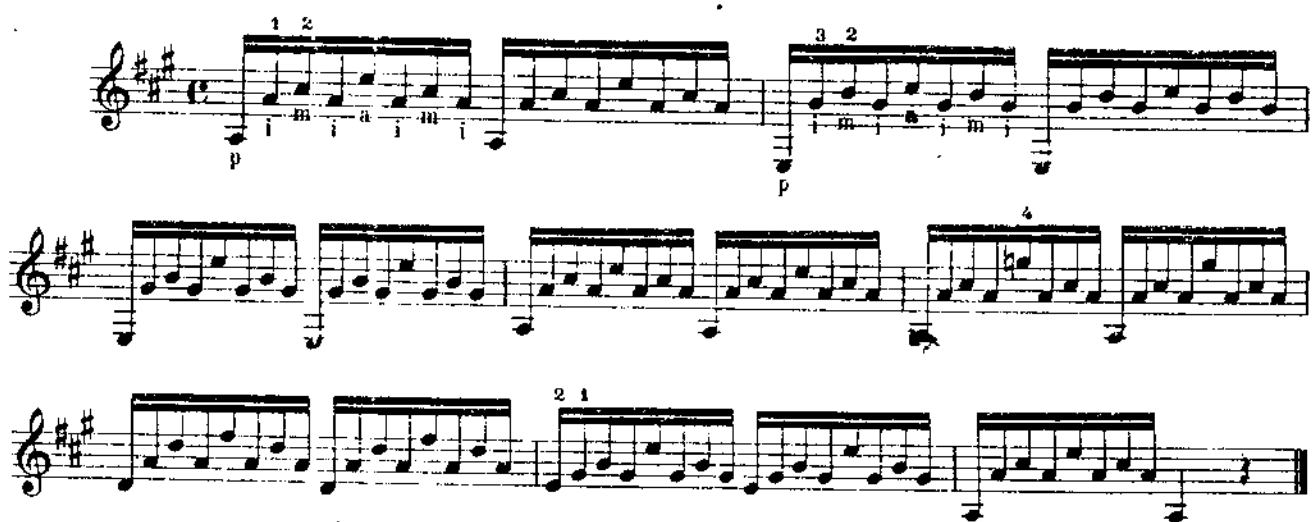

HỢP ÂM RỜI 4 NỐT

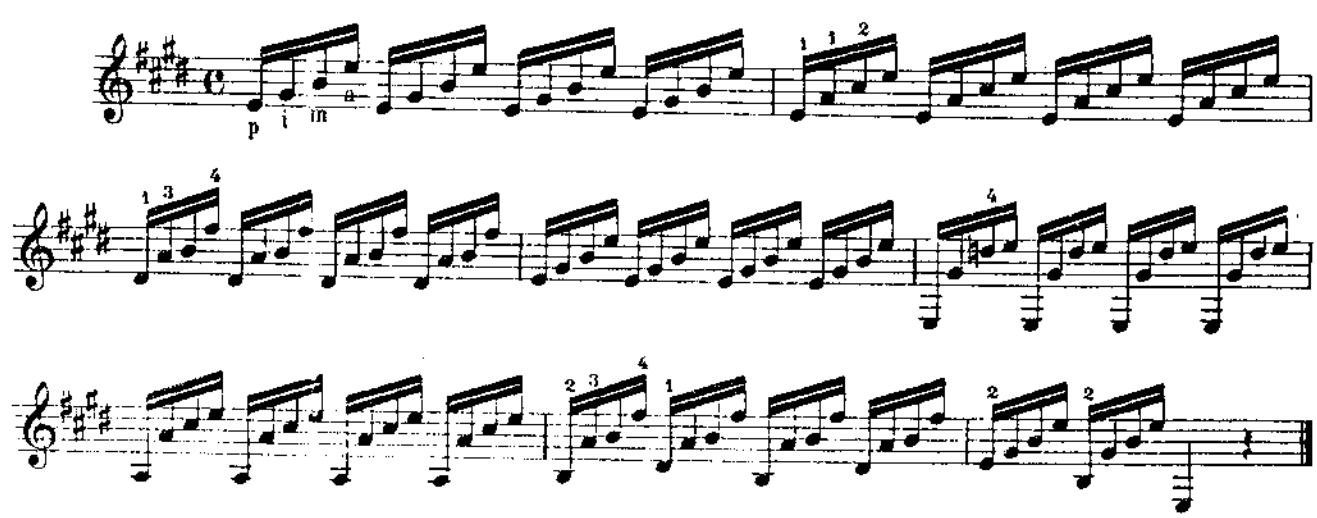

HỢP ÂM RỜI 6 NỐT

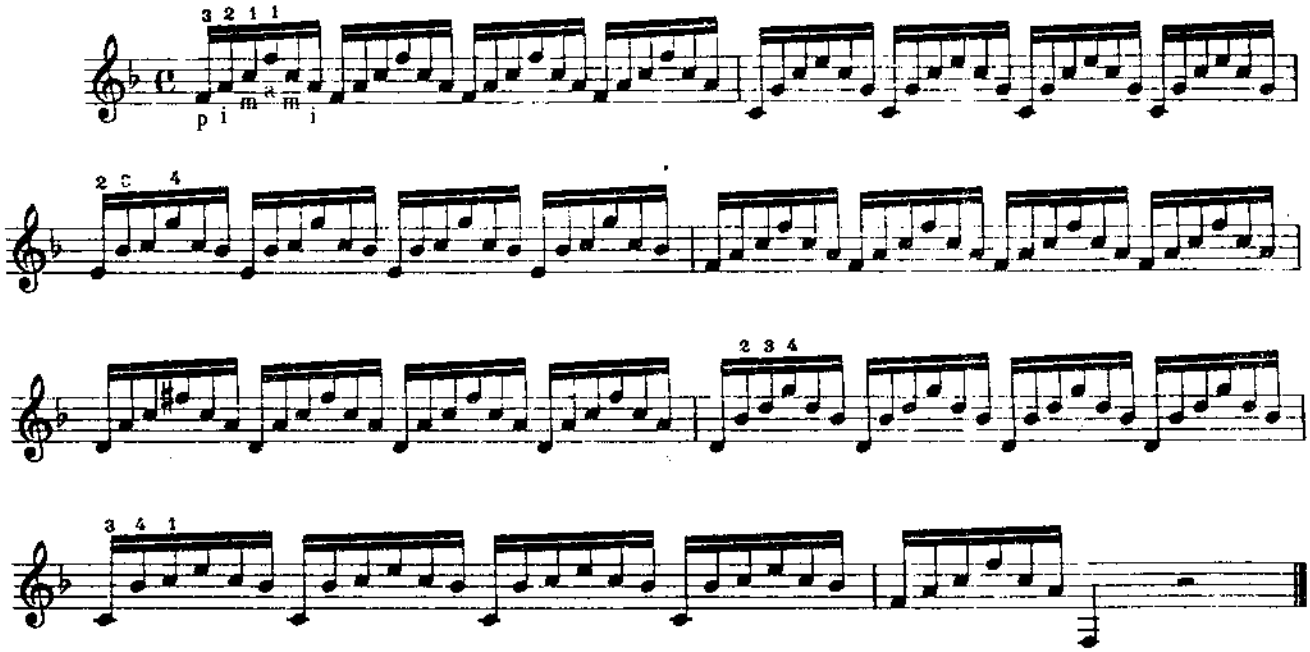

HỢP ÂM RỜI CÓ NỐT ĐÔI

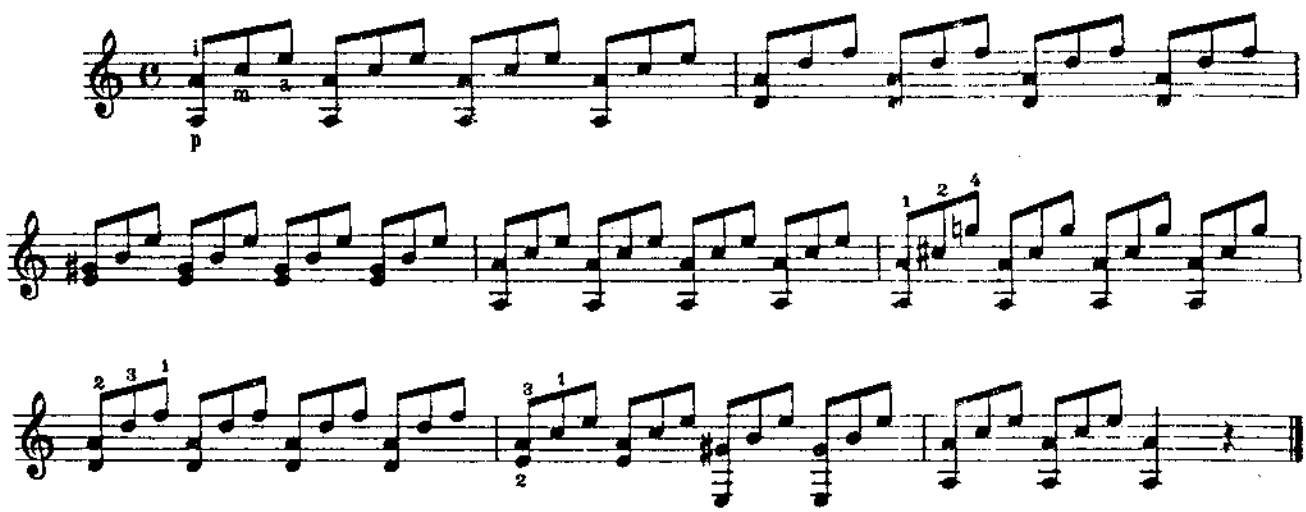

HỢP ÂM RỜI CÓ NỐT ĐÔI

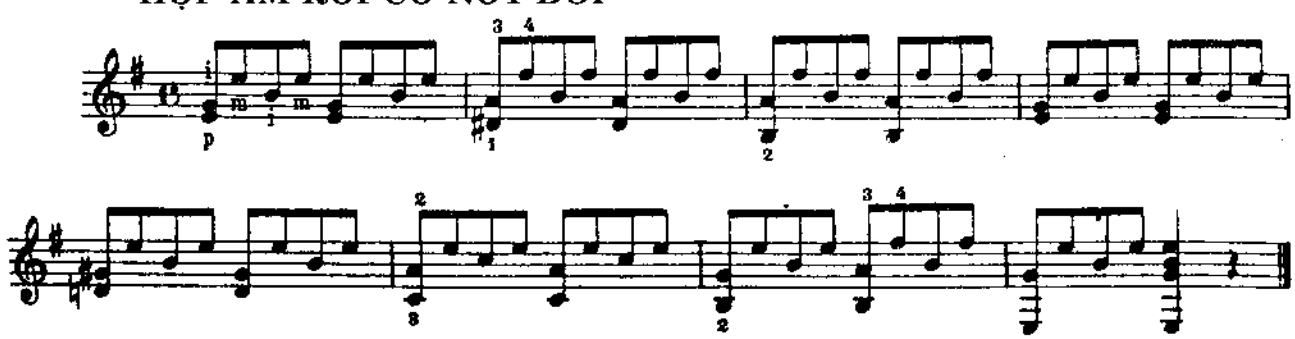

HỢP ÂM RỜI 8 NỐT

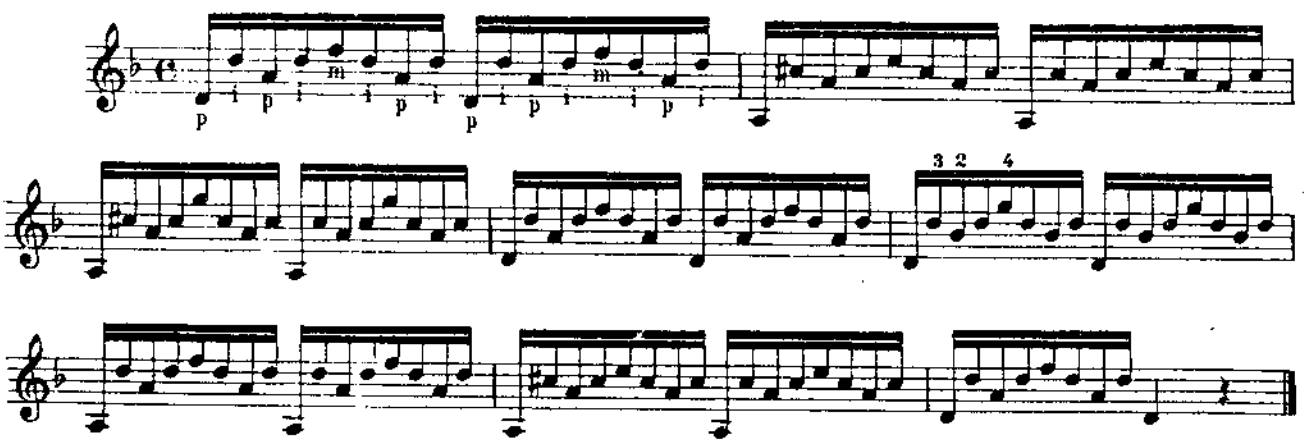

CÁC HỢP ÂM RỜI

Để tập luyện với những bài trước

HỢP ÂM RỜI 3 NỐT

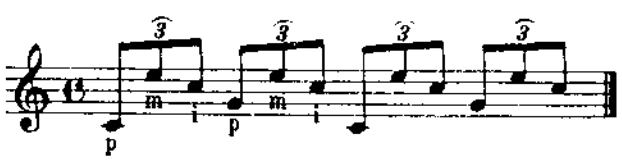

HỢP ÂM RỜI 4 NỐT

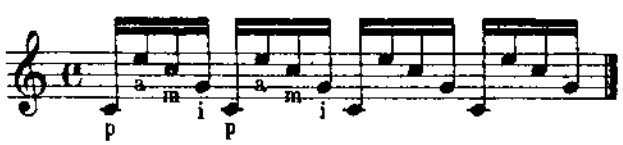

HỢP ÂM RỜI 6 NỐT

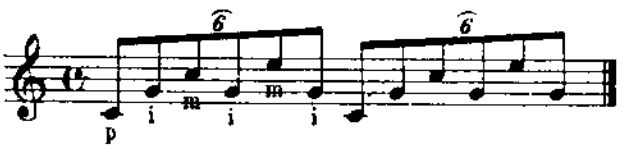

HỢP ÂM RỜI 8 NỐT

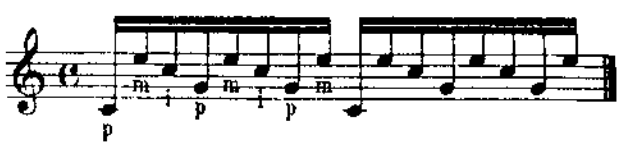

HỢP ÂM RỜI 8 NỐT

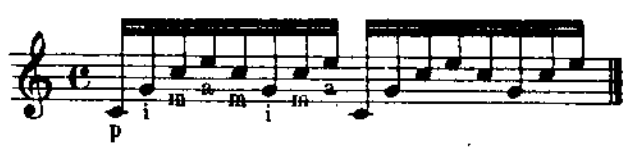

HỢP ÂM RỜI CÓ NỐT CẶP

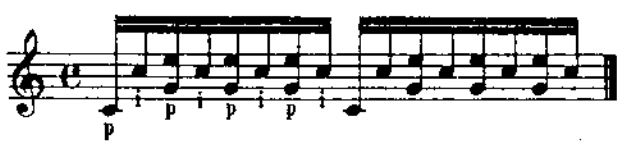

Mỗi nhạc cụ có một giọng khác nhau: trên Guitare có thể chơi nhiều giọng, nhưng tốt nhất là ở thể trưởng và thứ, Re trưởng và thứ, Mi trưởng và thứ, Do, Dol, Fa. Những giọng khác khó hơn, bây giờ chúng ta thực hiện các âm giai, hợp âm qua các bài tập ngắn với những giọng thường dùng.

ÂM GIAI, HỢP ÂM, BÀI TẬP VÀ NHỮNG ĐOẠN KHÁC GIỌNG RẤT THÔNG DỤNG Ở THẾ BẤM THỨ NHẤT

Lưu ý: Khi gặp chữ p (pouce) ở trên hay dưới một nốt, thì dùng ngón tay cái của bàn tay trái để bấm (đối diện các ngón khác, phía sau cần đàn).

Các nốt trầm có vạch nốt quay xuống đều phải đánh bằng ngón tay cái của bàn tay phải.

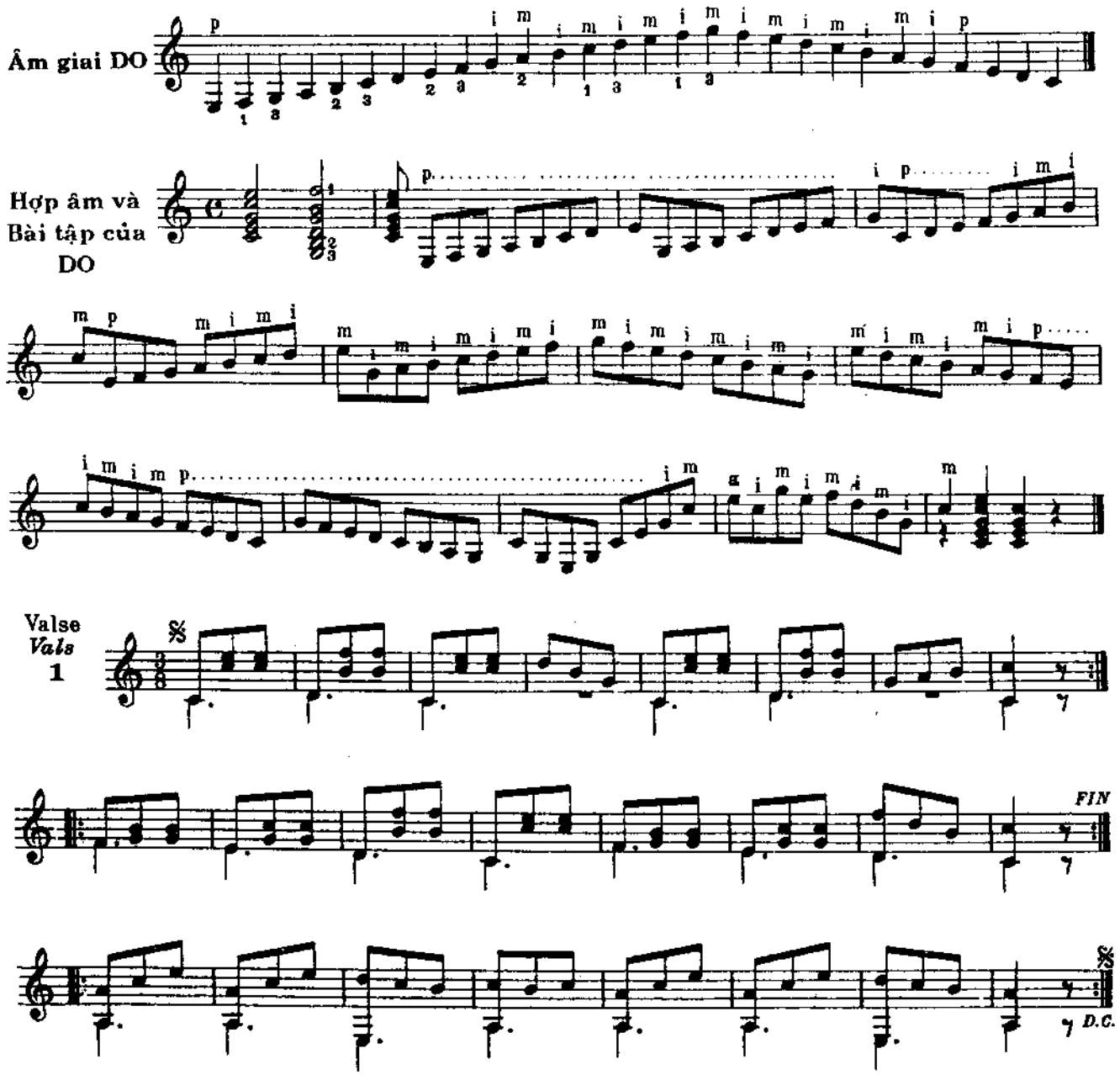

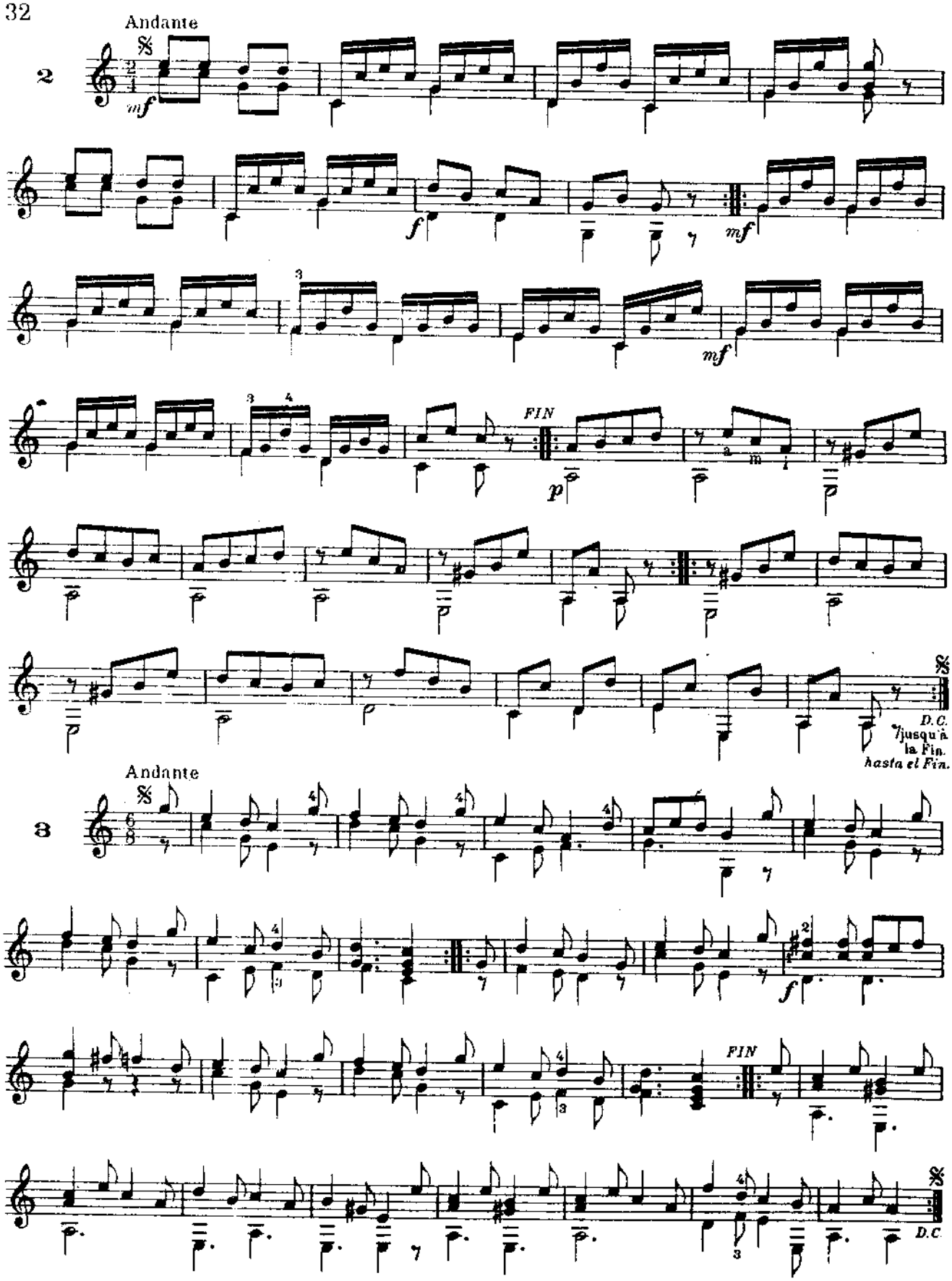
Andante
2
mf
f
mf
3
mf
FIN
p
D.C.
jusqu'à
la Fin.
hasta el Fin.
Andante
3
f
FIN
D.C

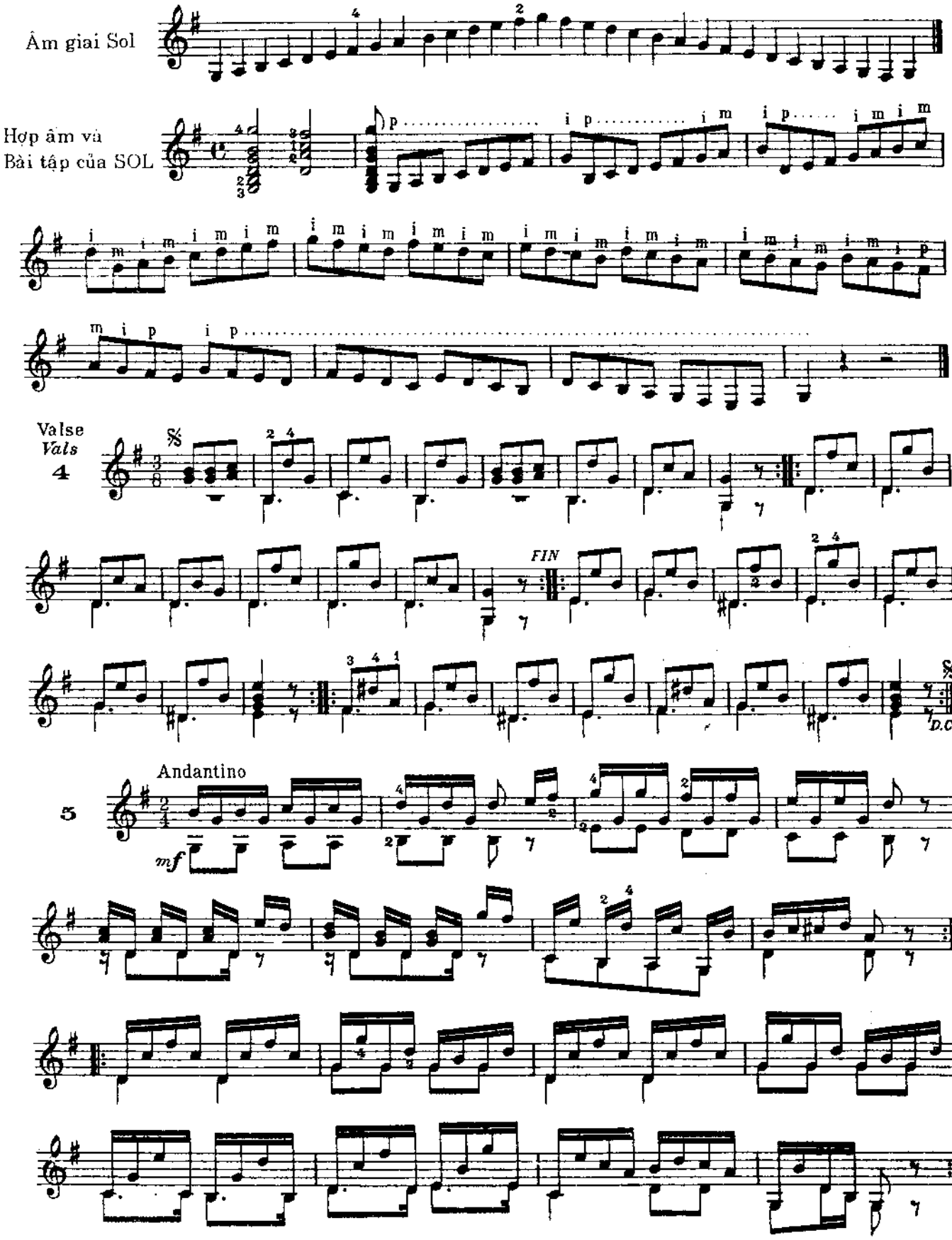
Âm giai Sol
Hợp âm và
Bài tập của SOL
Valse
Vals
4
FIN
D.C.
Andantino
5
mf

Poco Allègretto

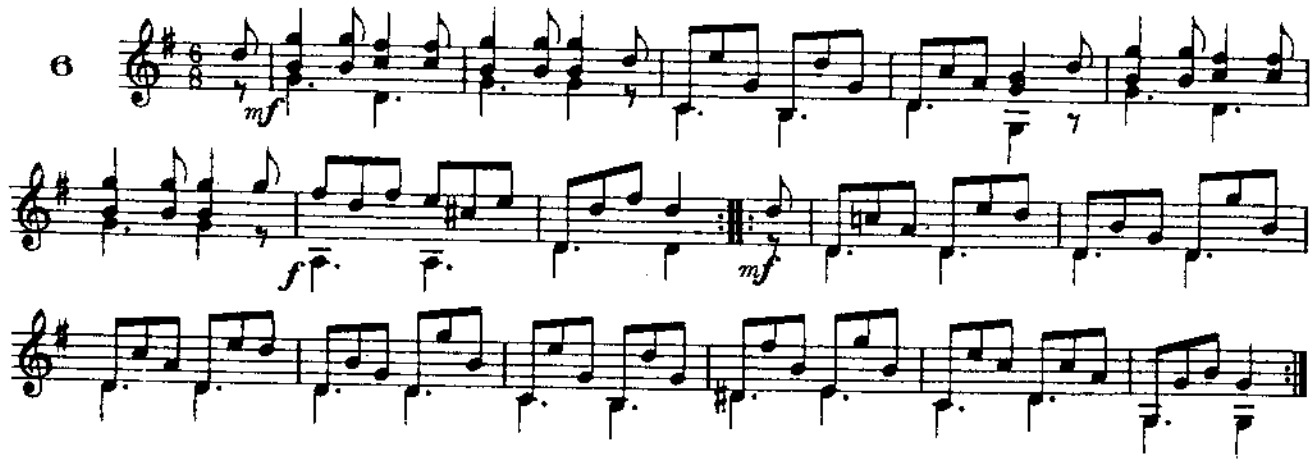

Âm giai Ré trưởng.

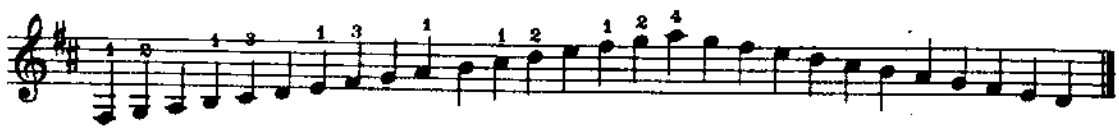

Trong hợp âm và bài tập của âm giai Ré trưởng sau, dùng ngón trỏ của tay trái để bấm chặn phím.

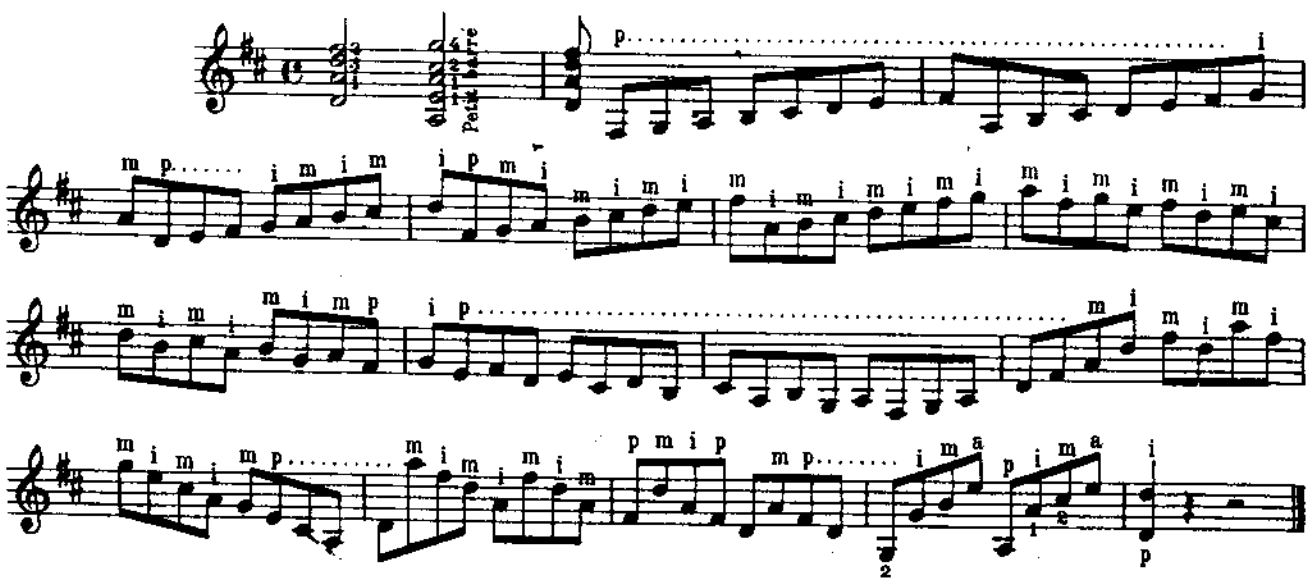

7
RONDO

Poco Allegretto

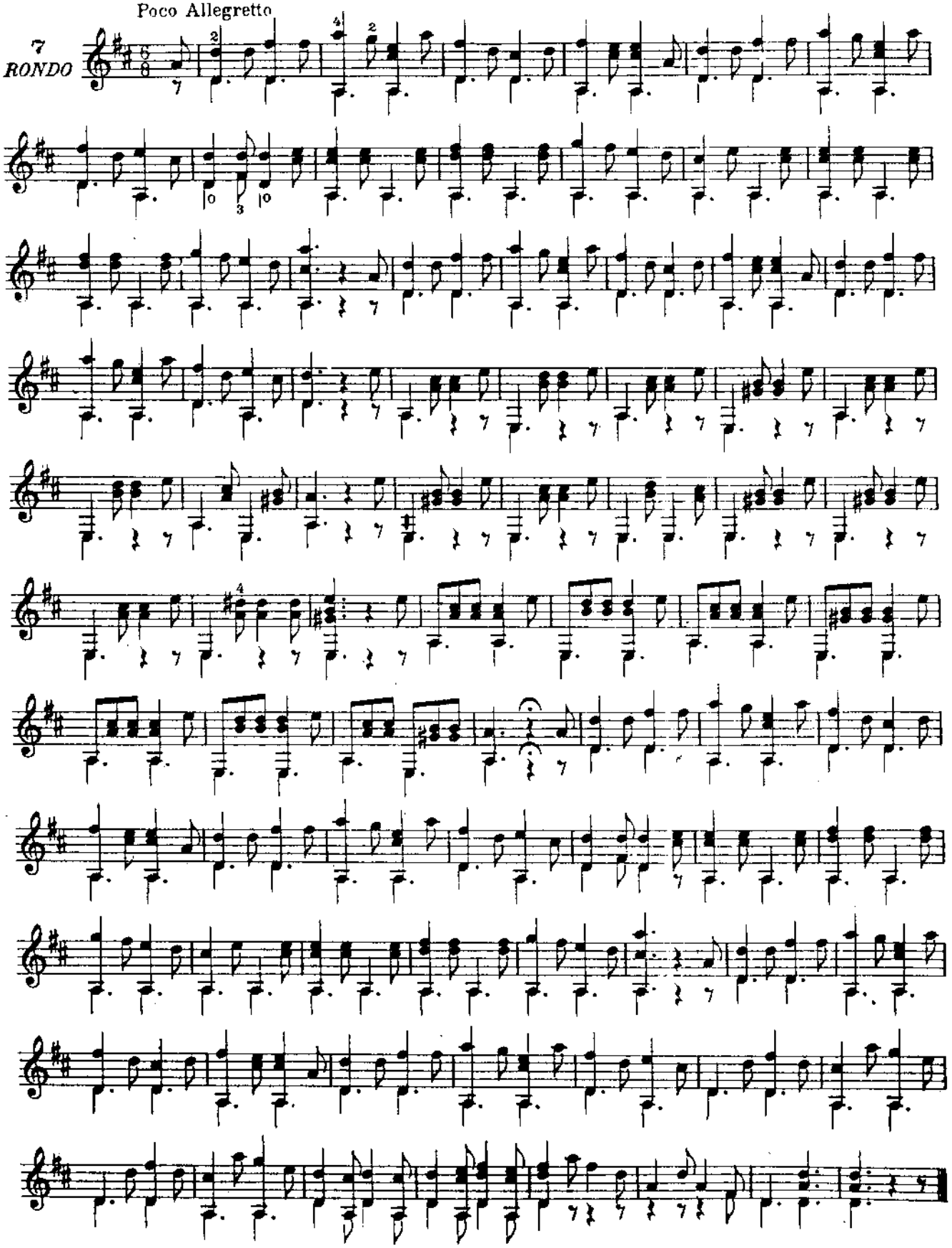

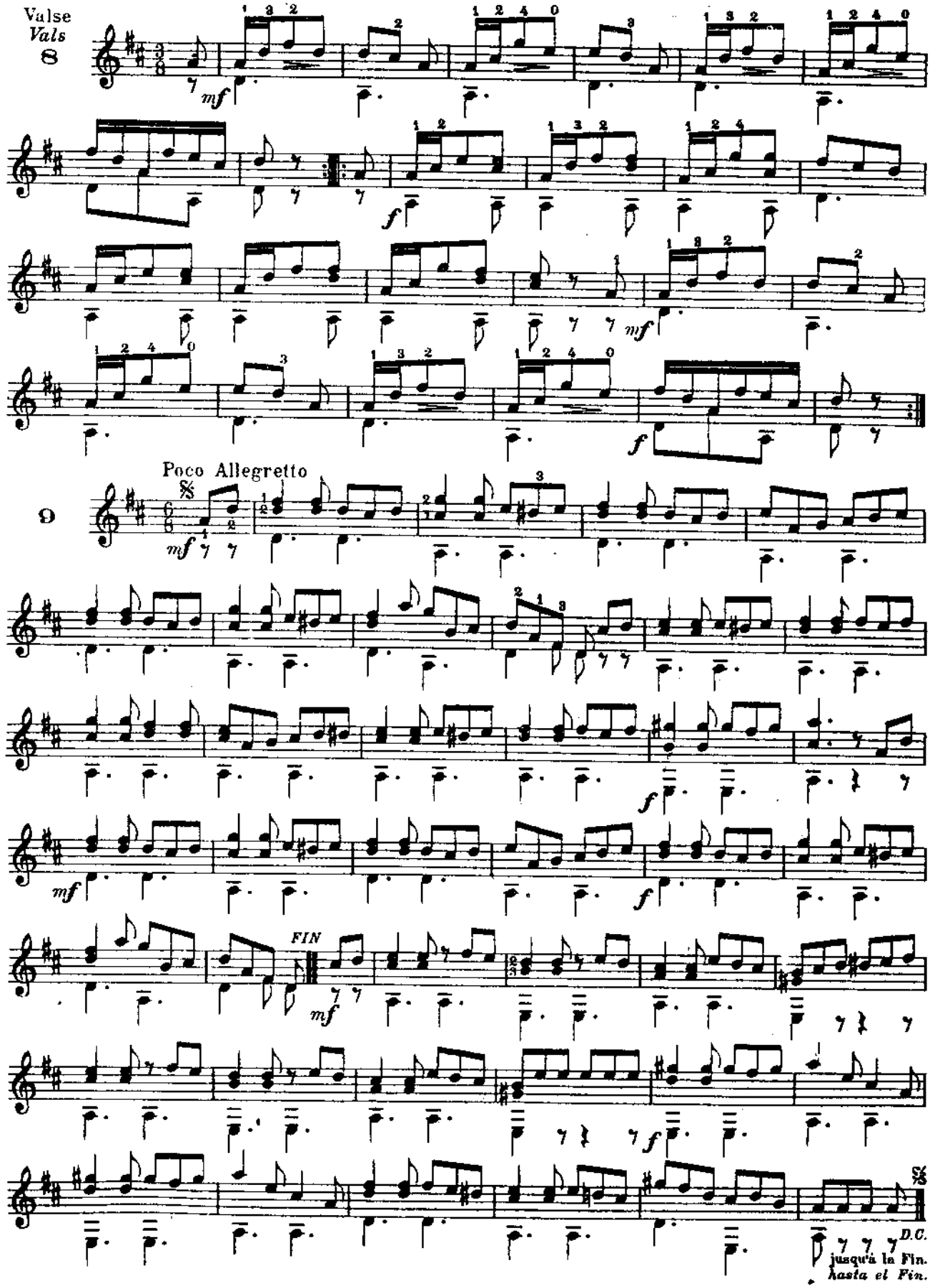
Valse
Vals
8
mf
f
mf
f
9
Poco Allegretto
mf
f
mf
f
FIN
mf
f
D.C.
jusqu'à la Fin.
hasta el Fin.

Andᵗᵉ grazioso

10

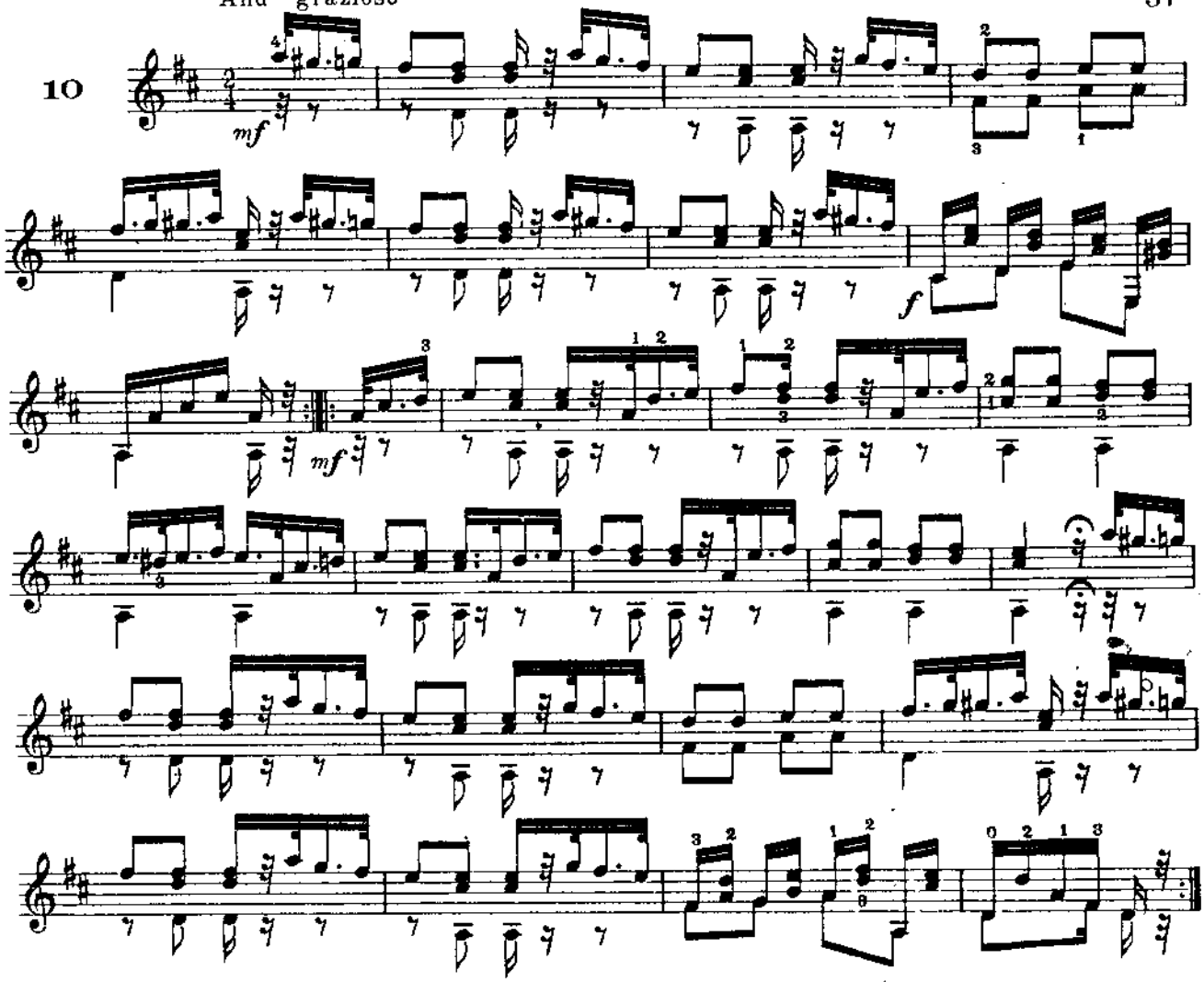

Gamme en *LA*
Escala de *LA*

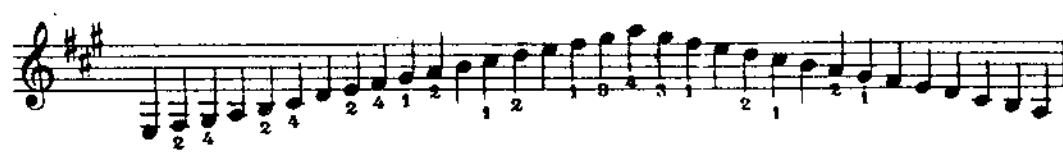

Hợp âm và
Bài tập của LA

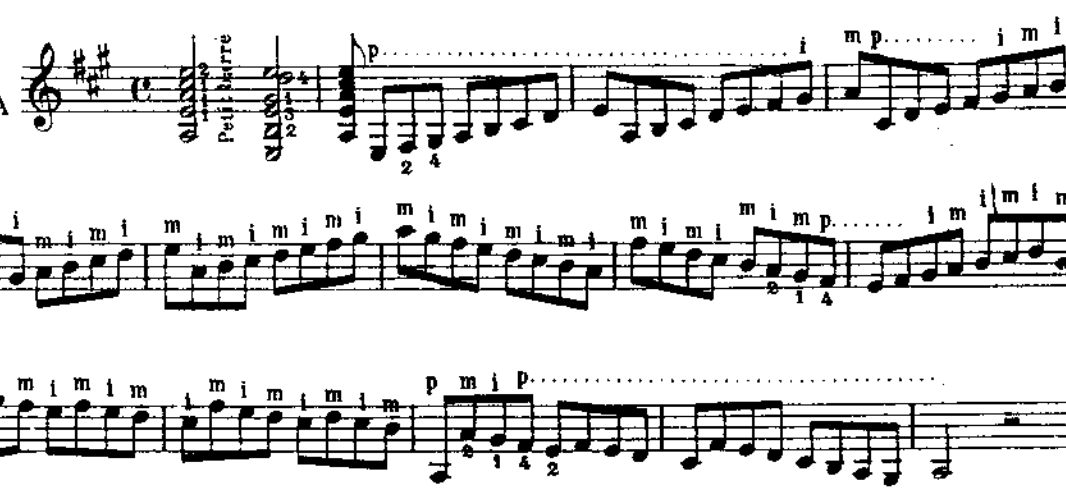

Valse
Vals

11

12

13

f

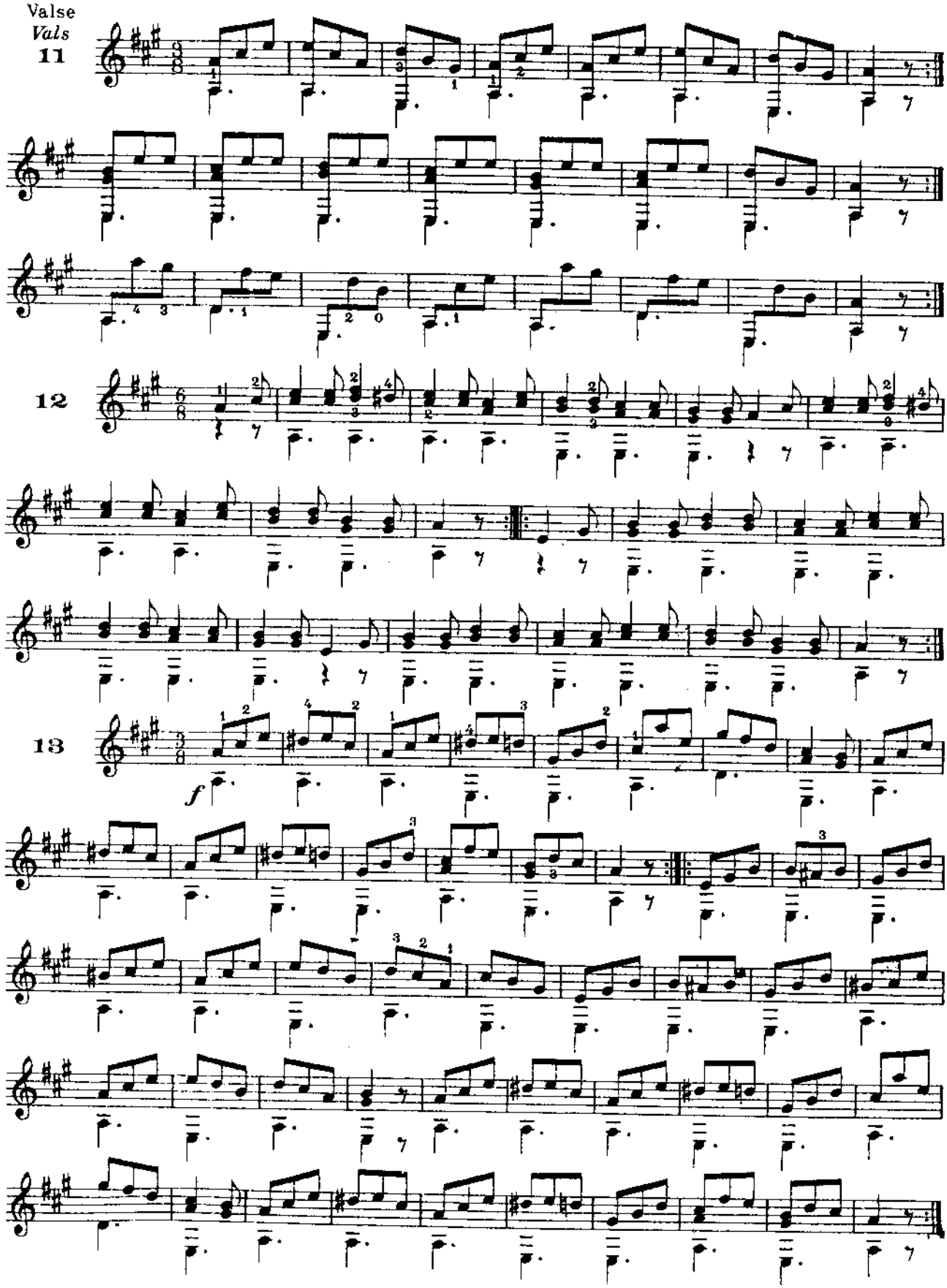

Gamme en *MI*
Escala de *MI*

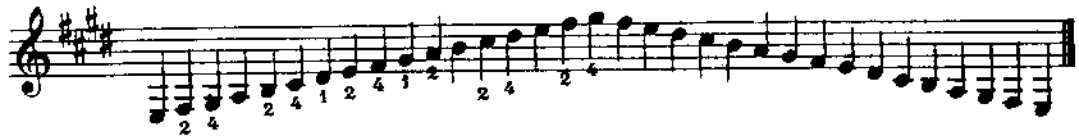

Hợp âm và
Bài tập của MI

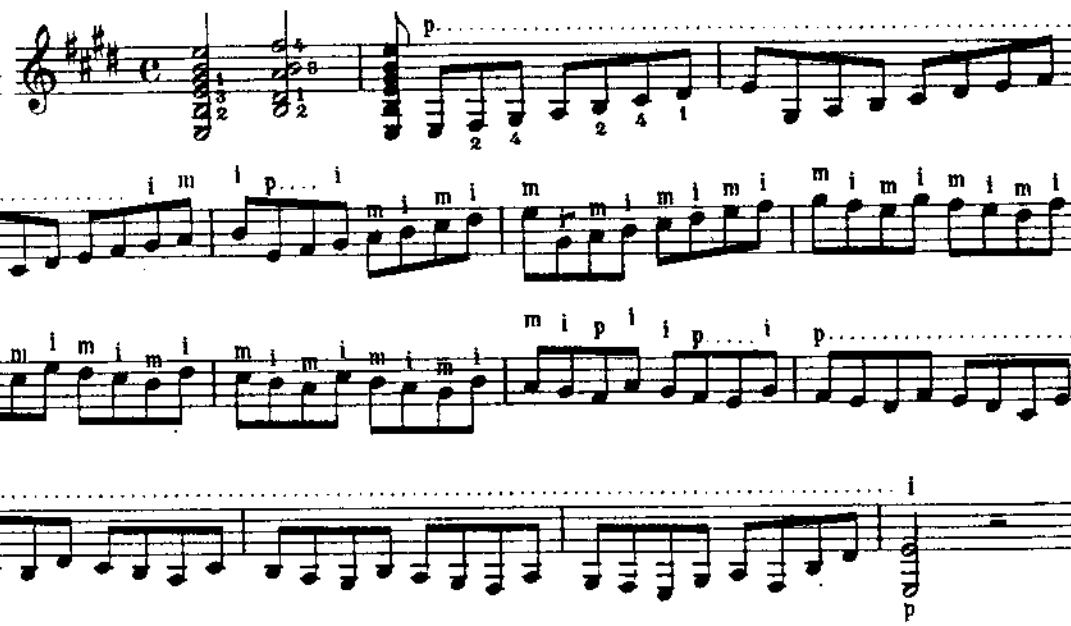

Allegretto

14

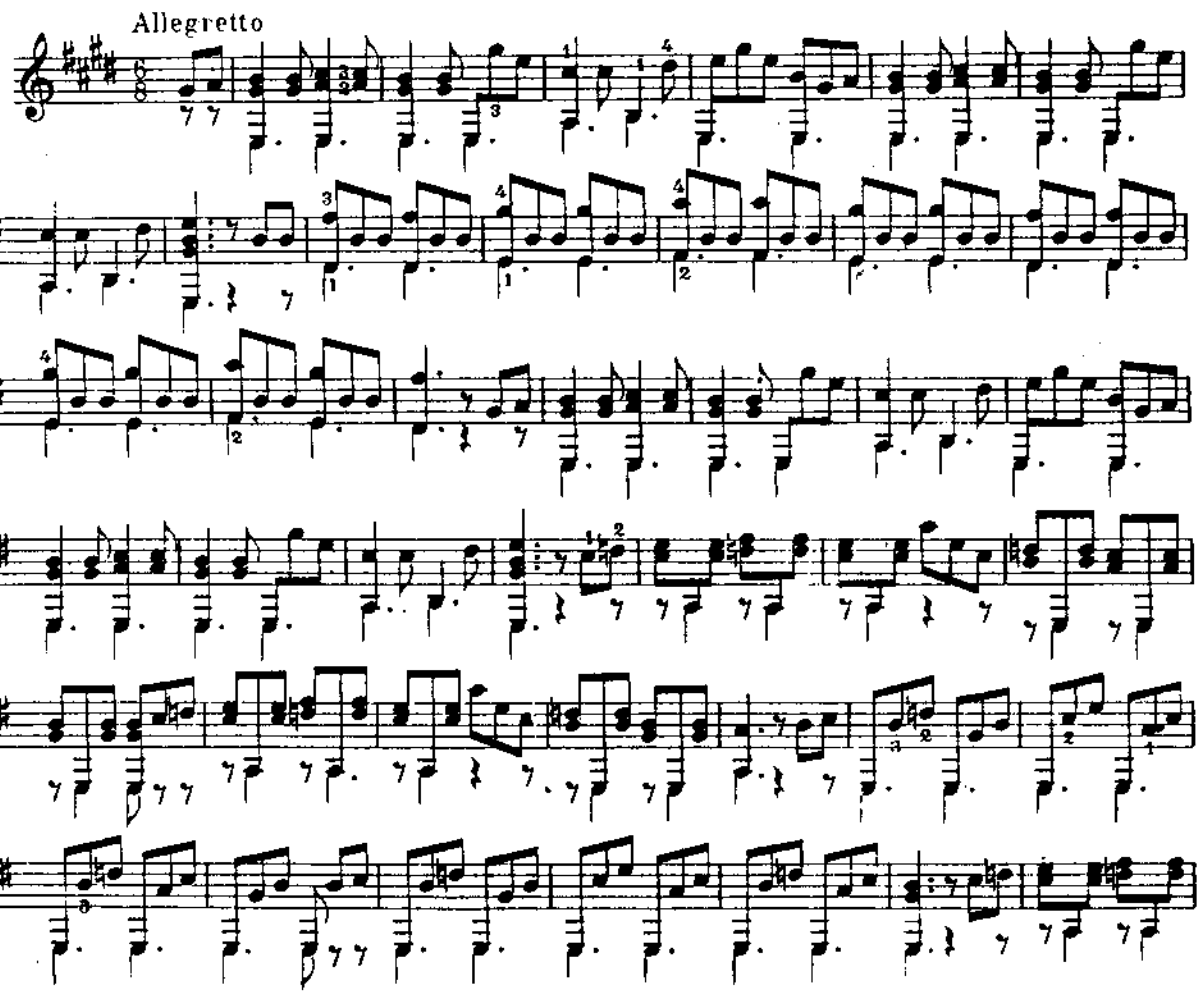

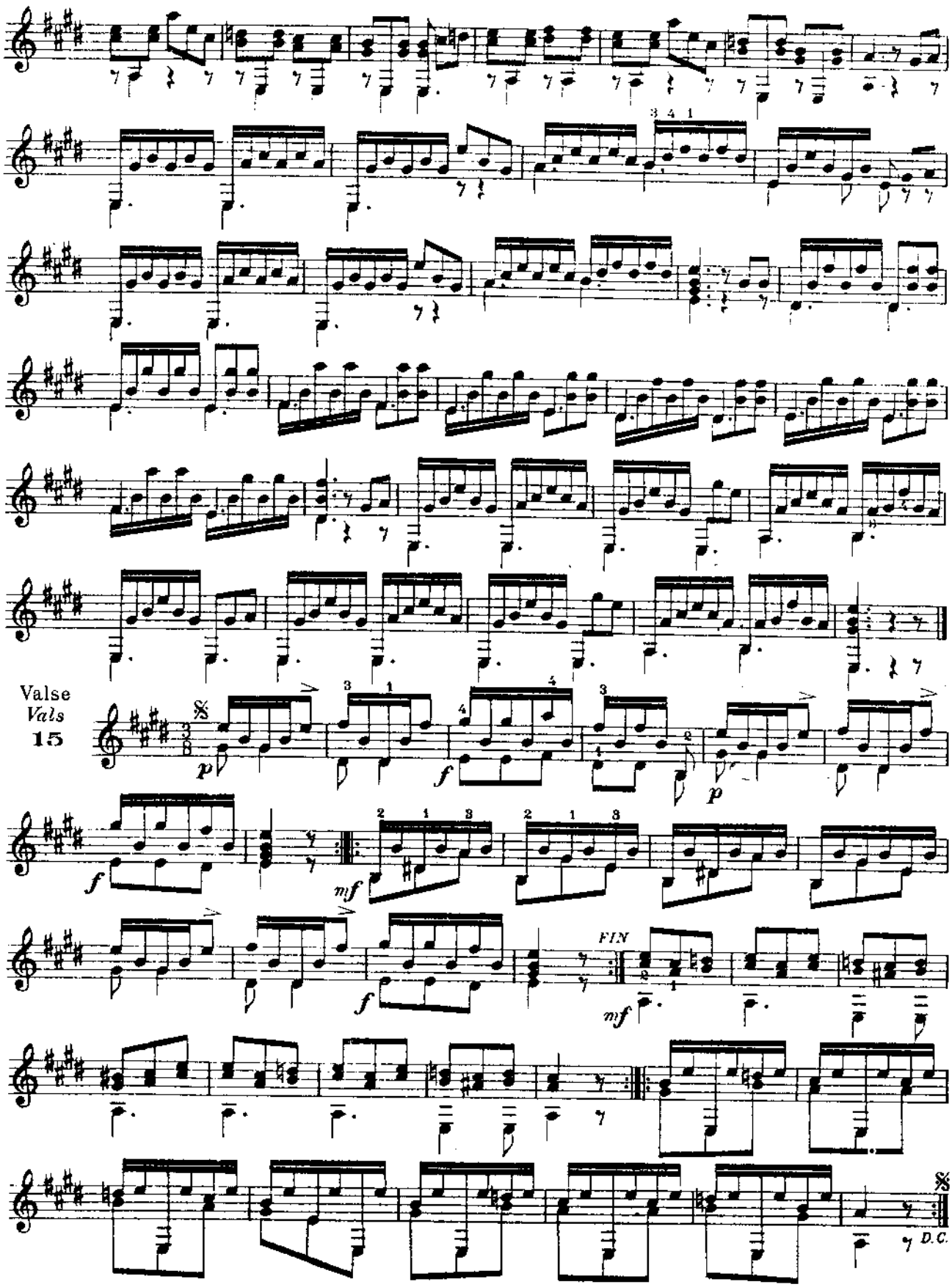
Valse
Vals
15
FIN
D.C.

Gamme en *FA*
Escala de *FA*

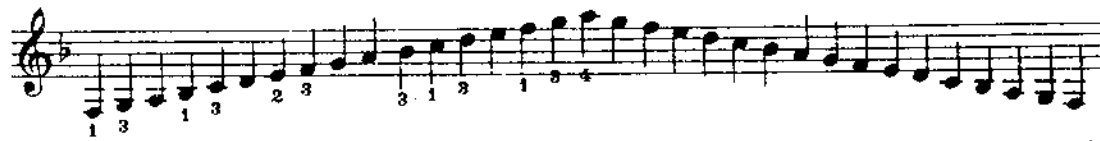

Hợp âm và
Bài tập của FA

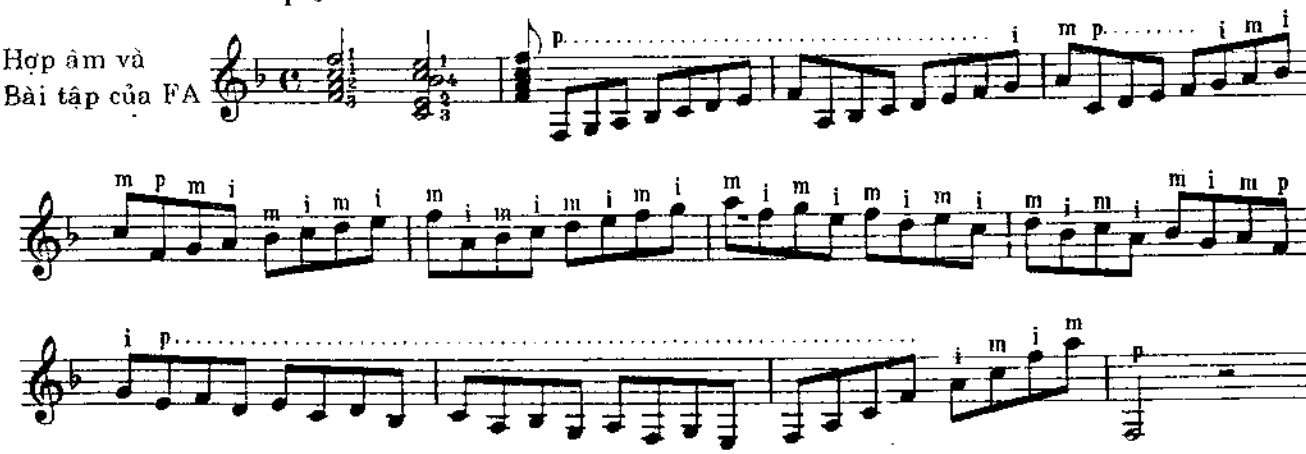

16 Poco Allegretto

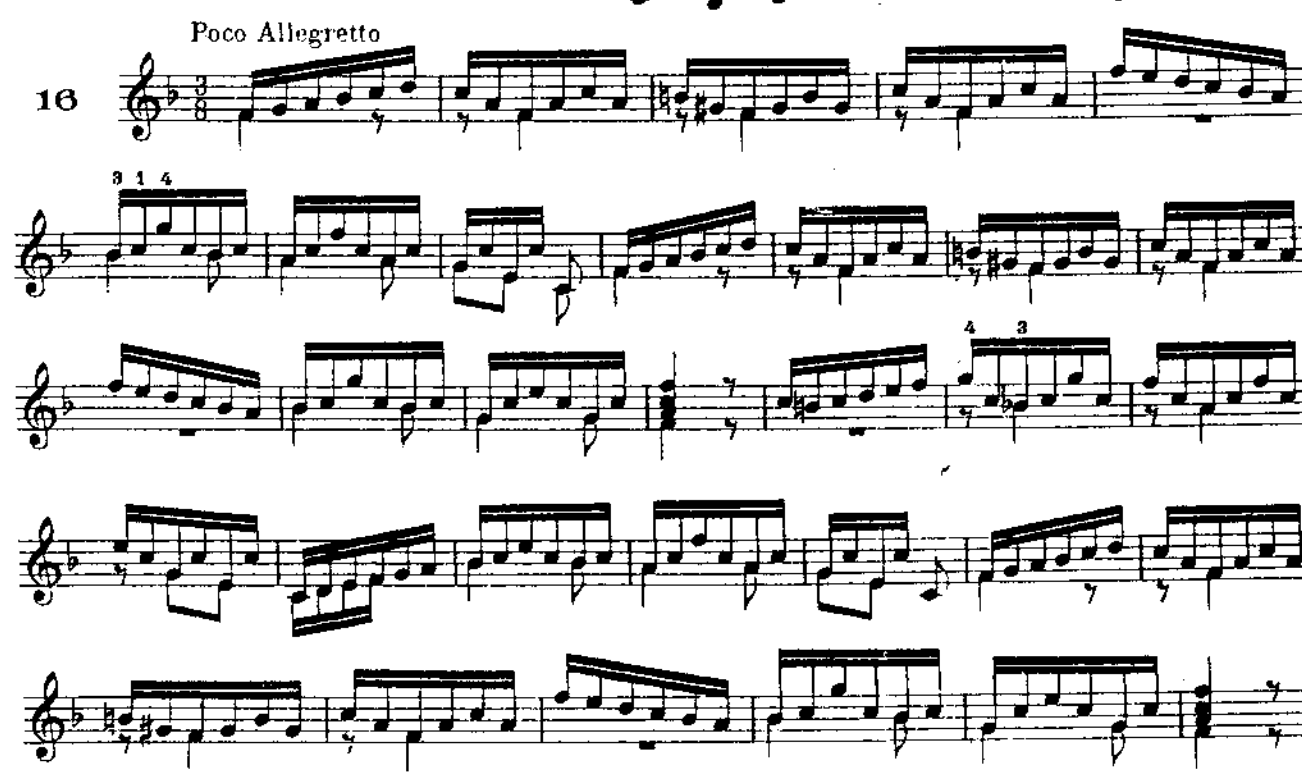

17 Andante

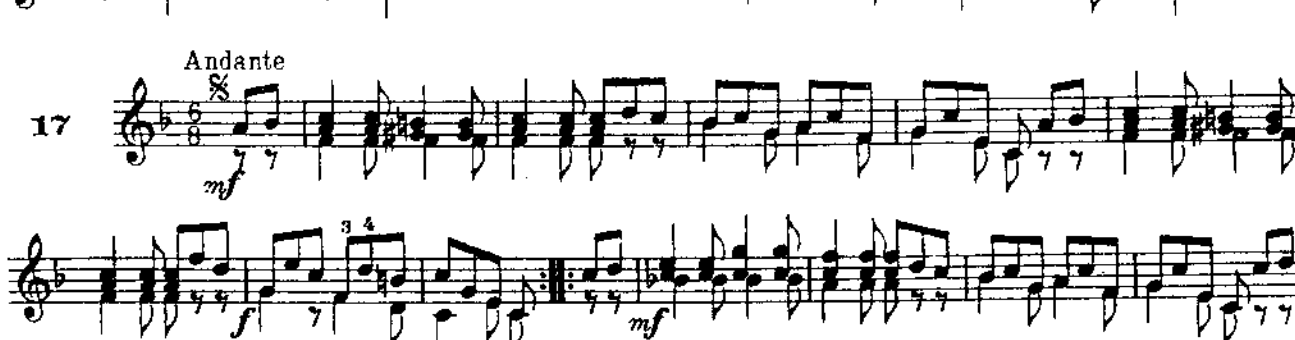

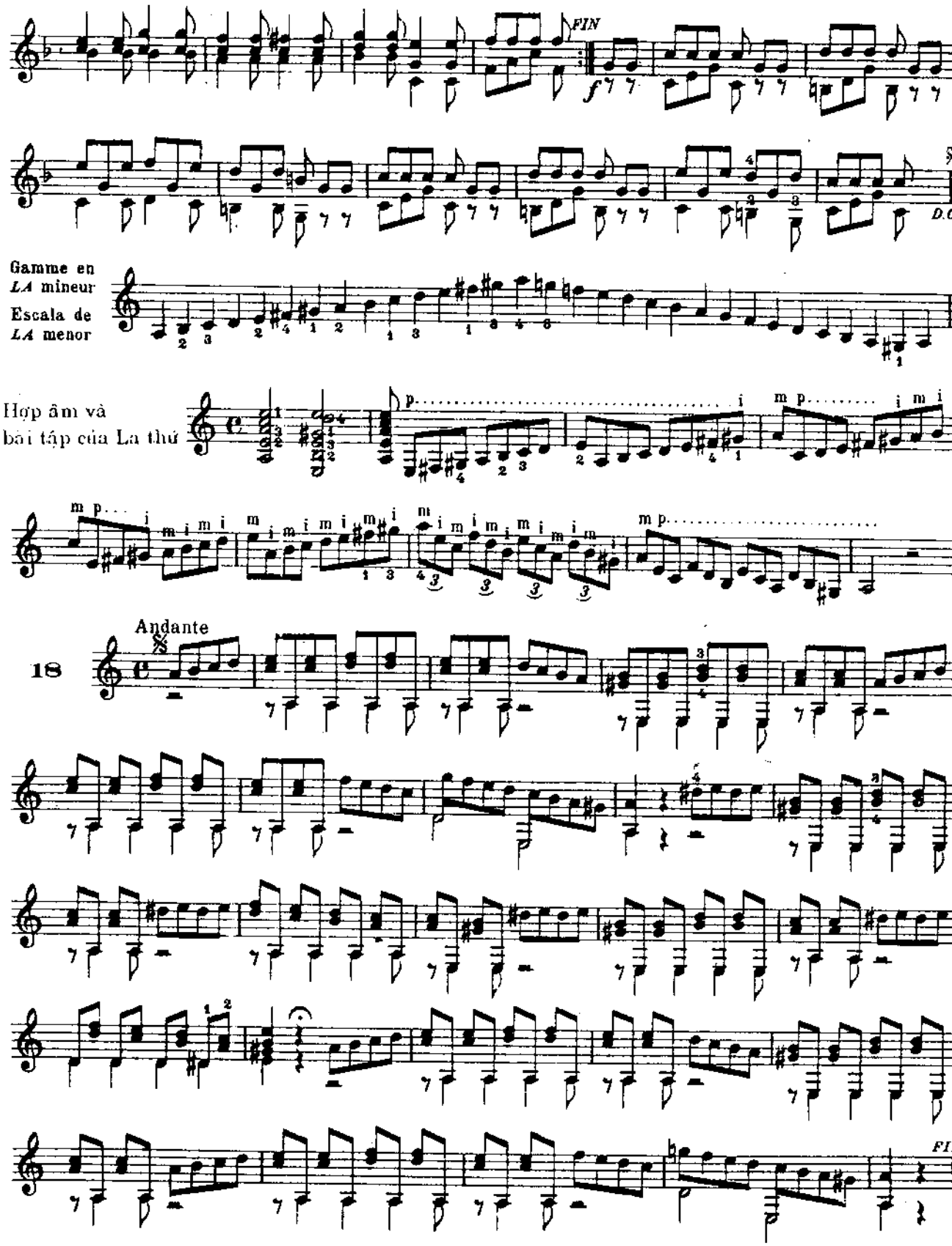
FIN
D.C.
Gamme en LA mineur
Escala de LA menor
Hợp âm và bài tập của La thứ
Andante
18
FIN

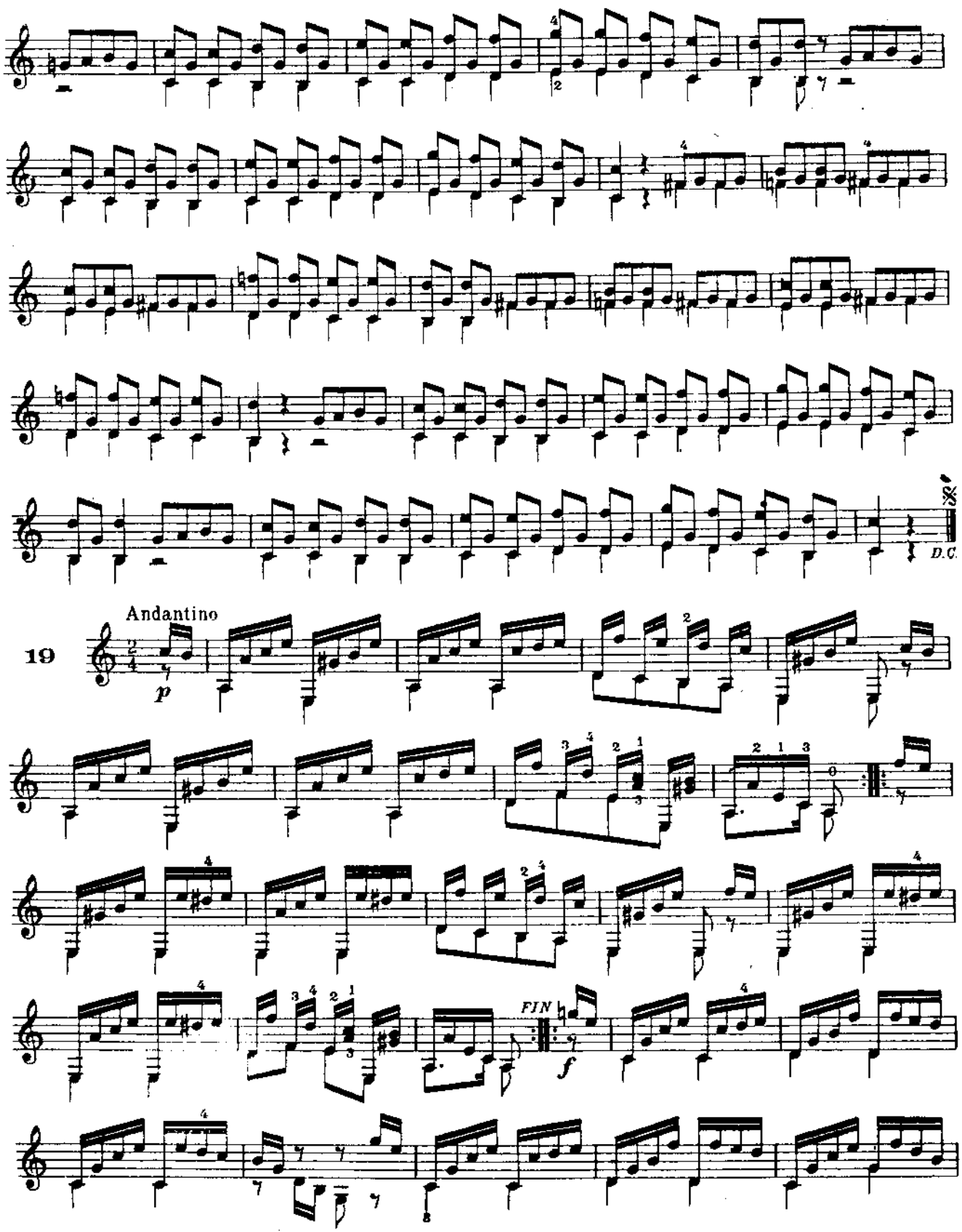
D.C.
19
Andantino
p
FIN
f

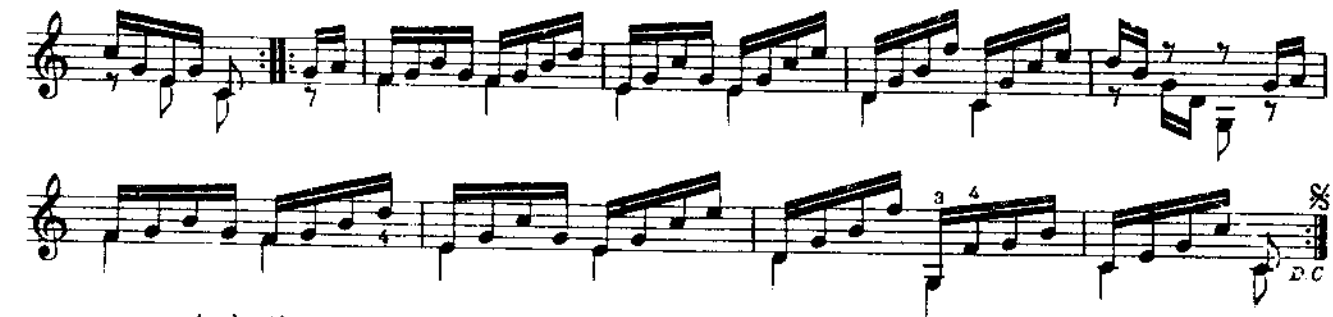

Andantino

20

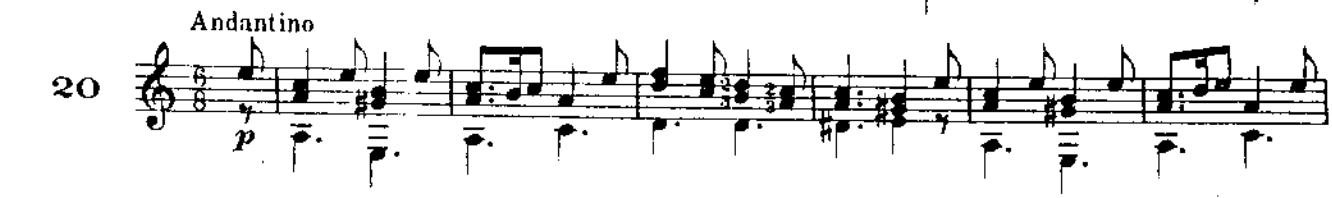

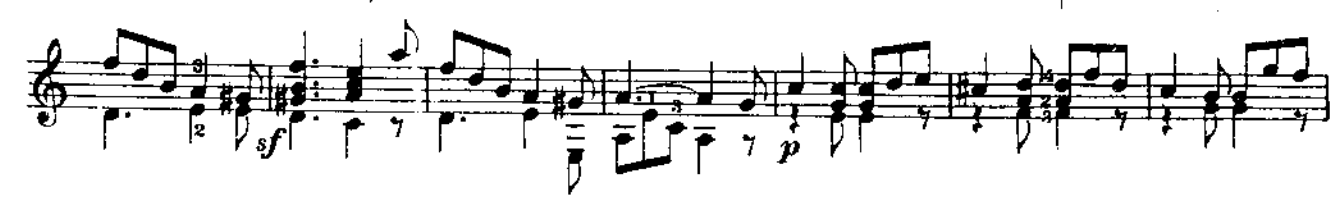

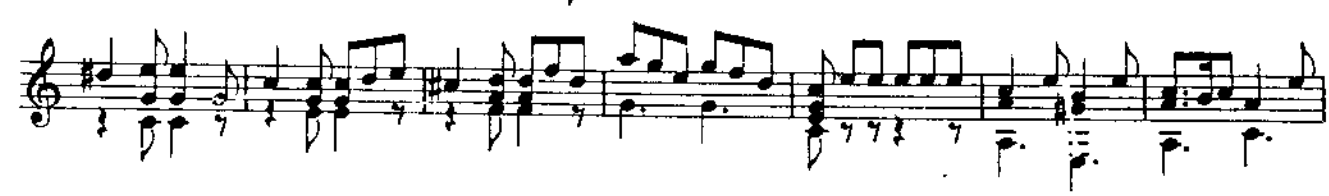

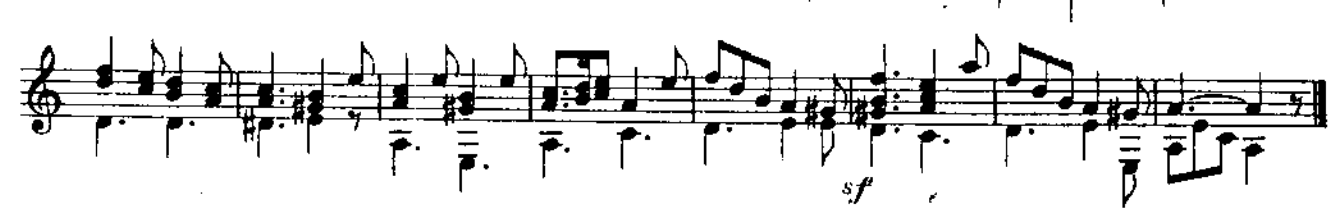

Gamme en
MI mineur

Escala de
MI menor

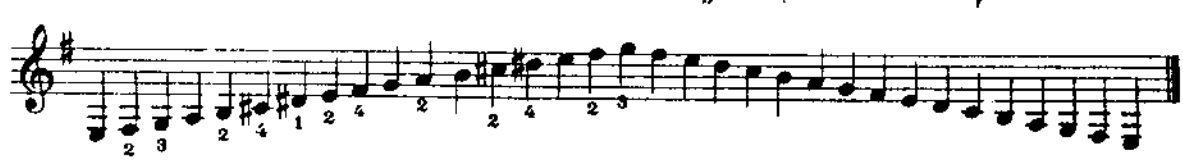

Hợp âm và
Bài tập của MI thứ

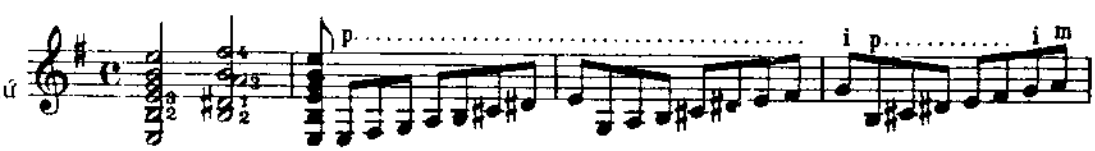

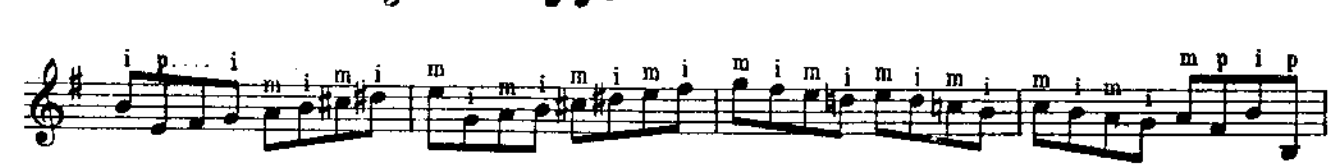

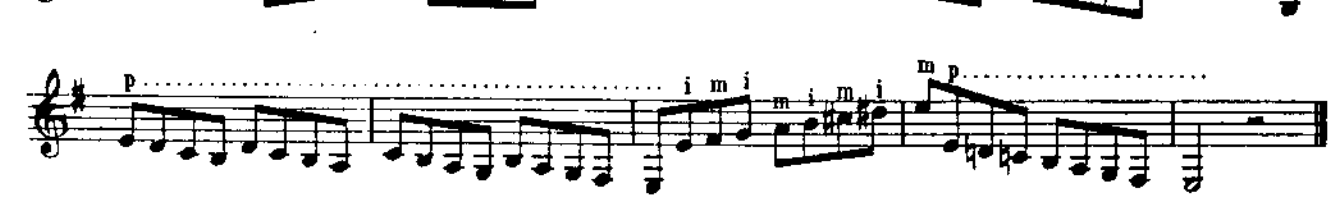

Valse
Vals
21

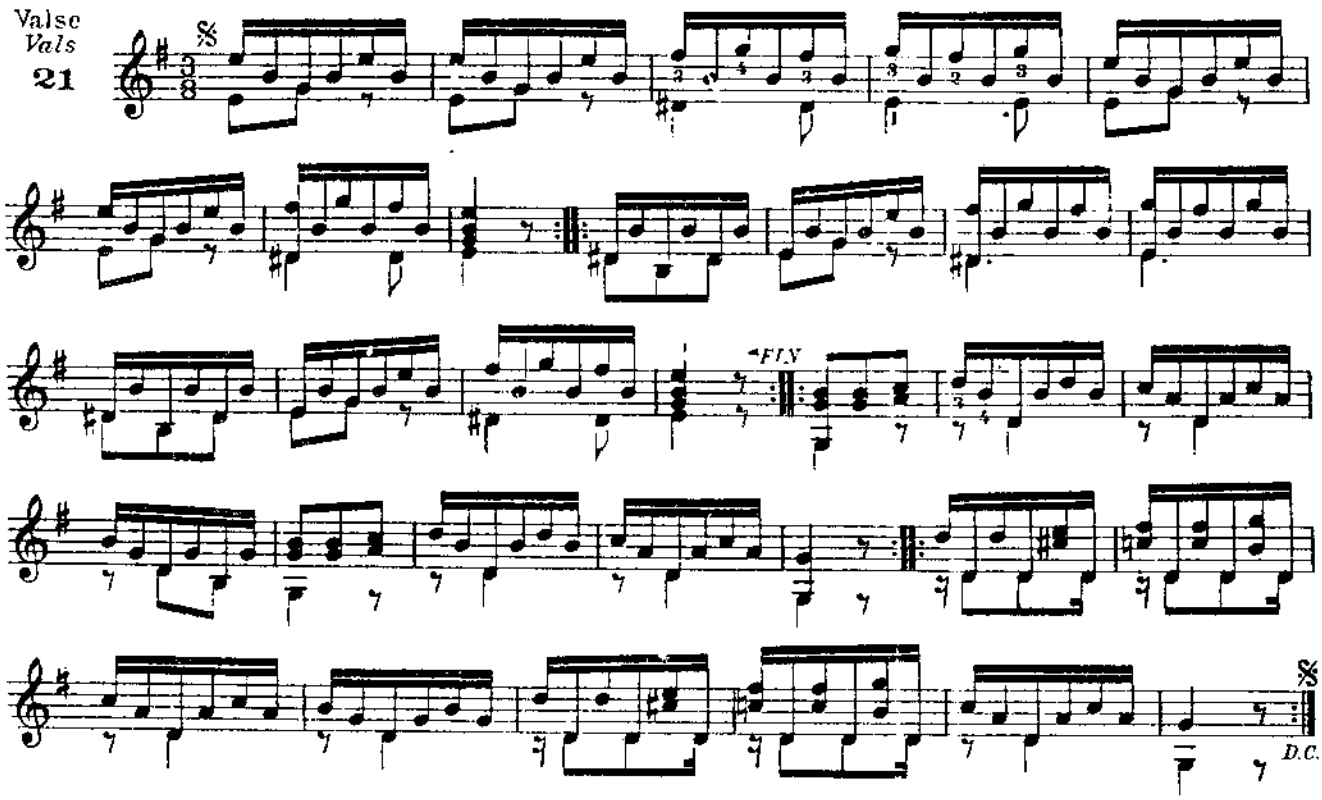

Gamme en
RÉ mineur
Escala de
RE menor

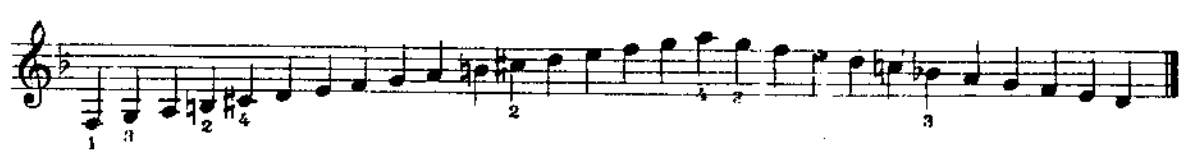

Hợp âm và
Bài tập của RÊ thứ

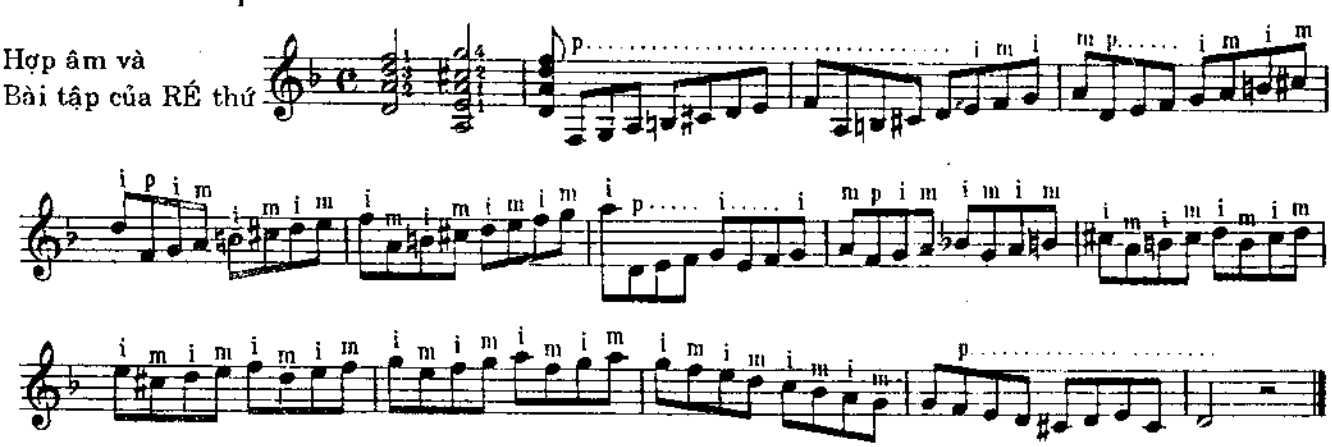

22

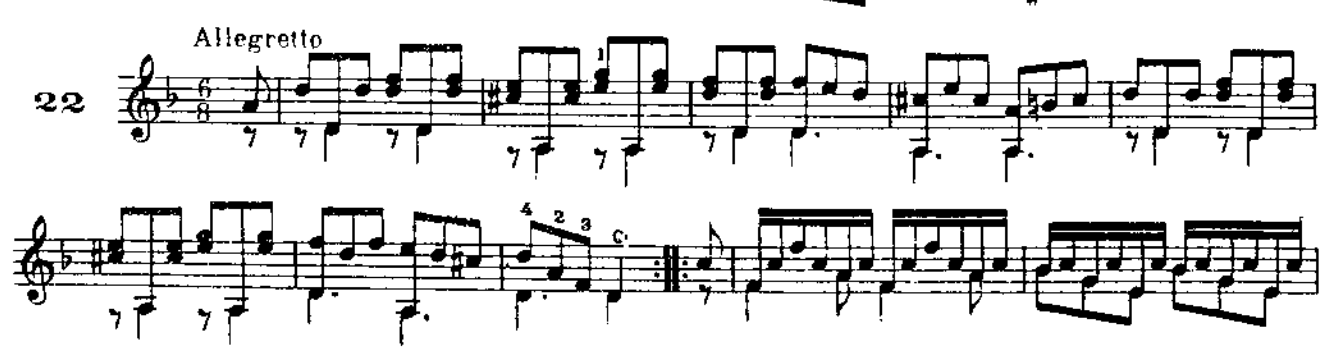

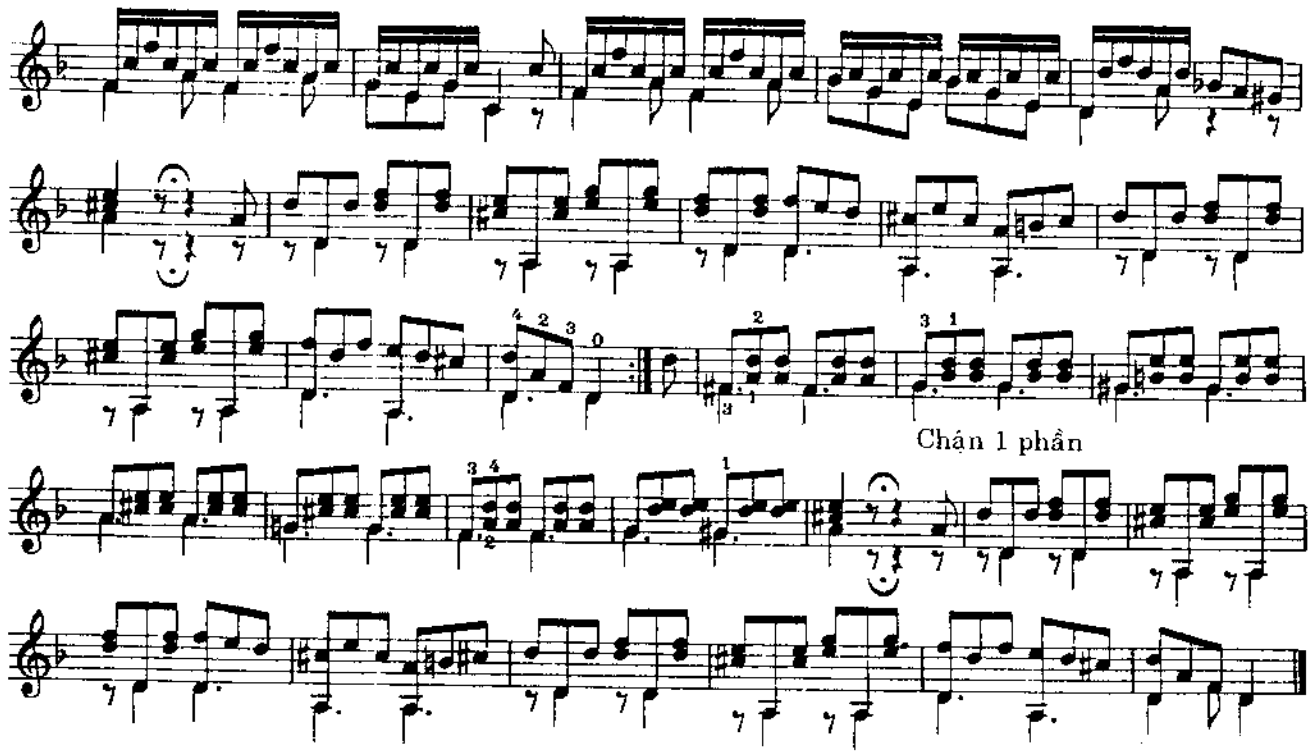

CÁC BÀI TẬP TIẾP THEO ĐỂ TẬP QUEN VỚI THẾ BẤM THỨ NHẤT

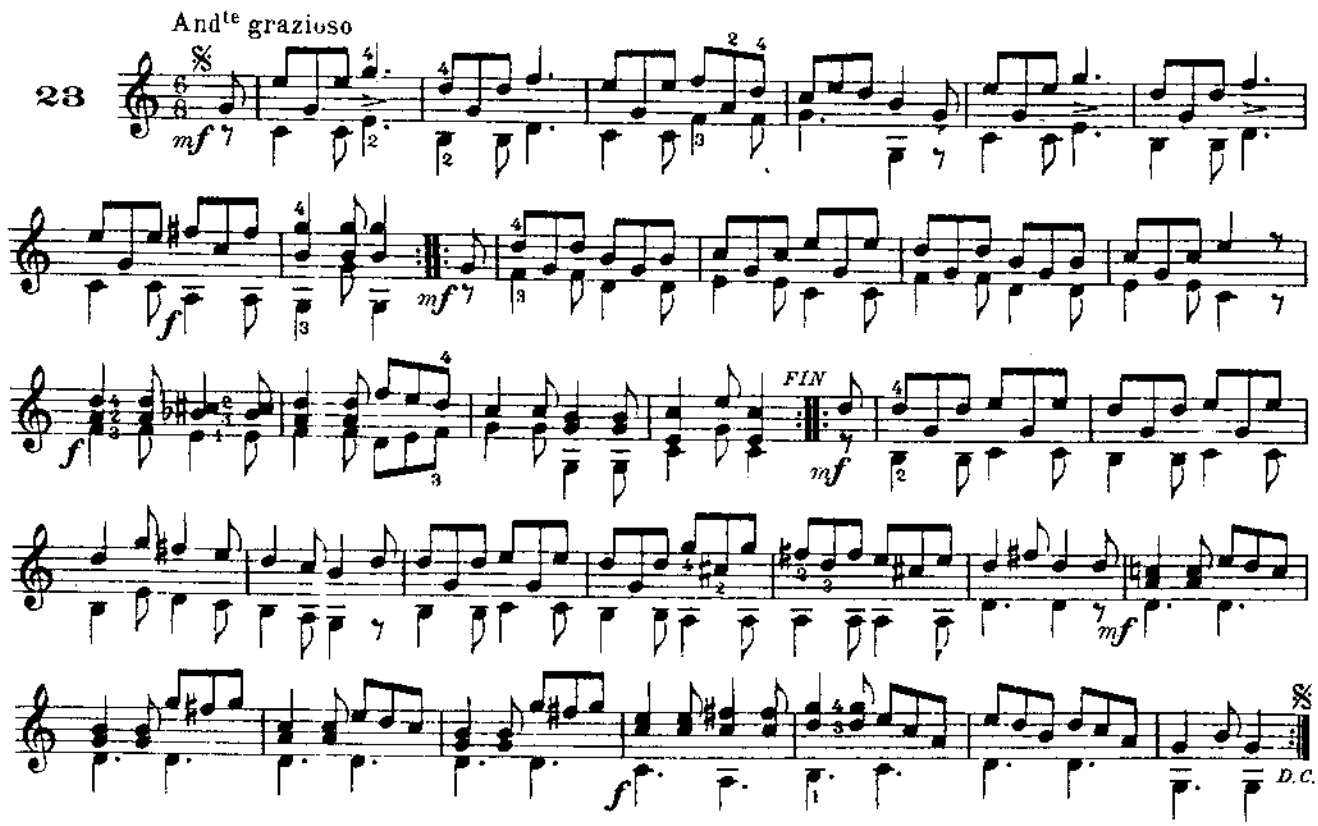

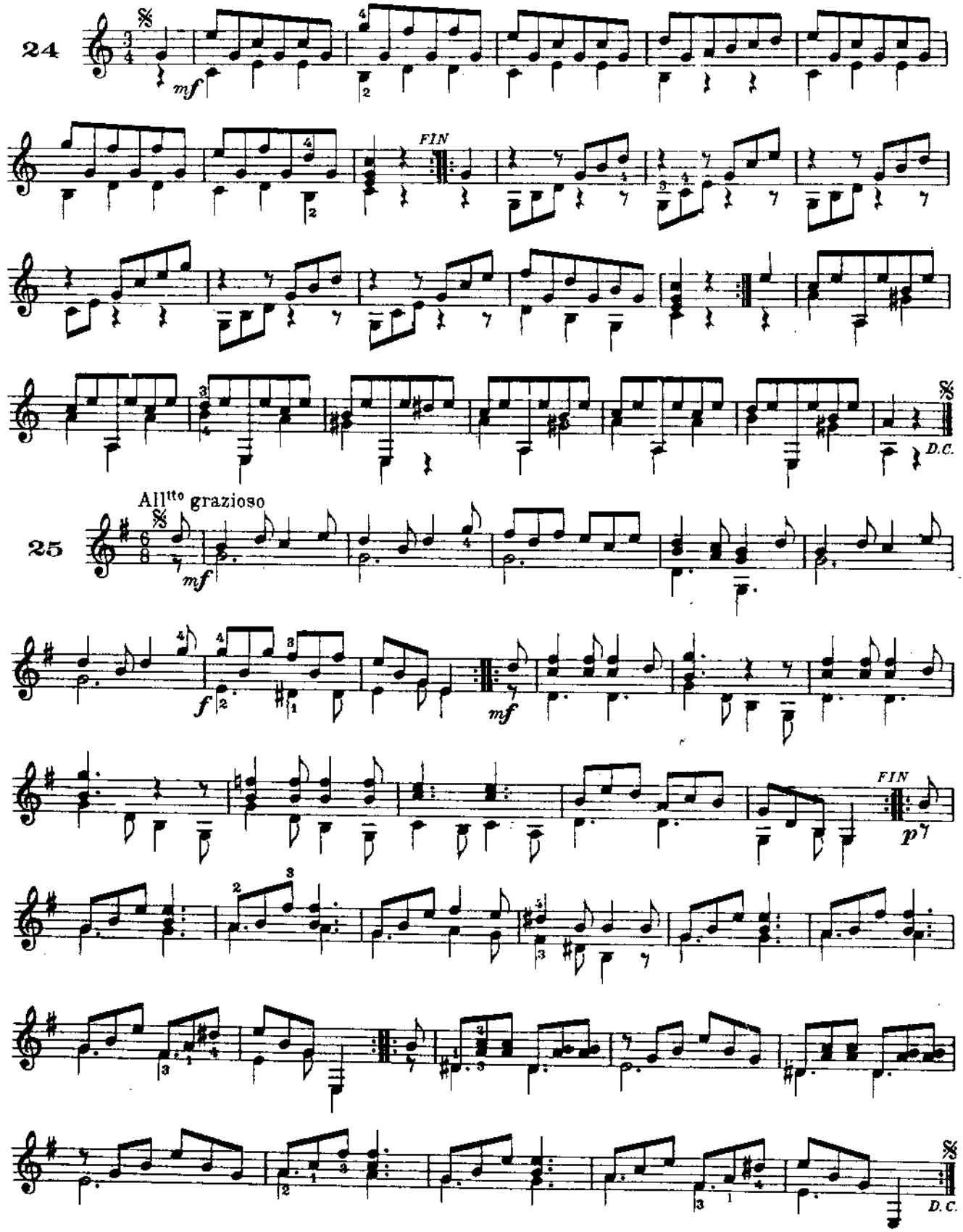
24
mf
FIN
D.C.
25
All^to grazioso
mf
f
mf
FIN
p
D.C.

Polonaise
Polonesa

26

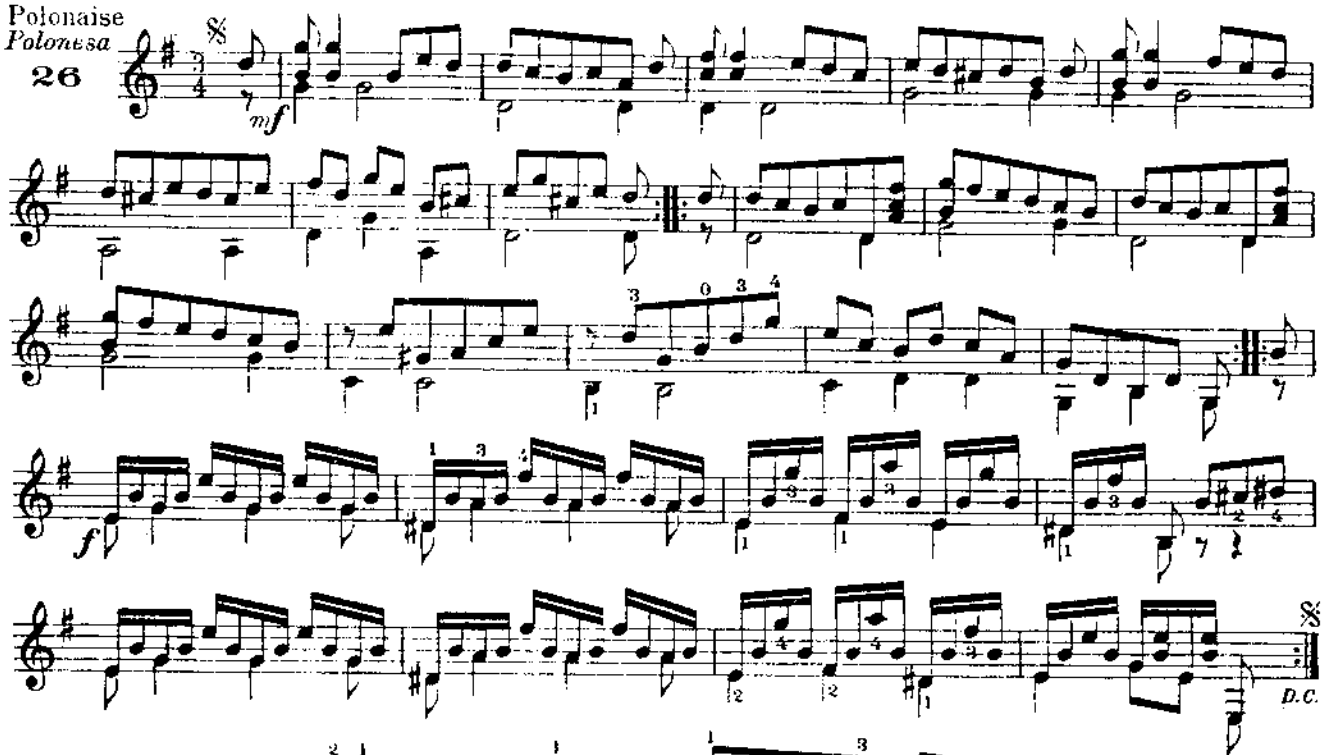

27

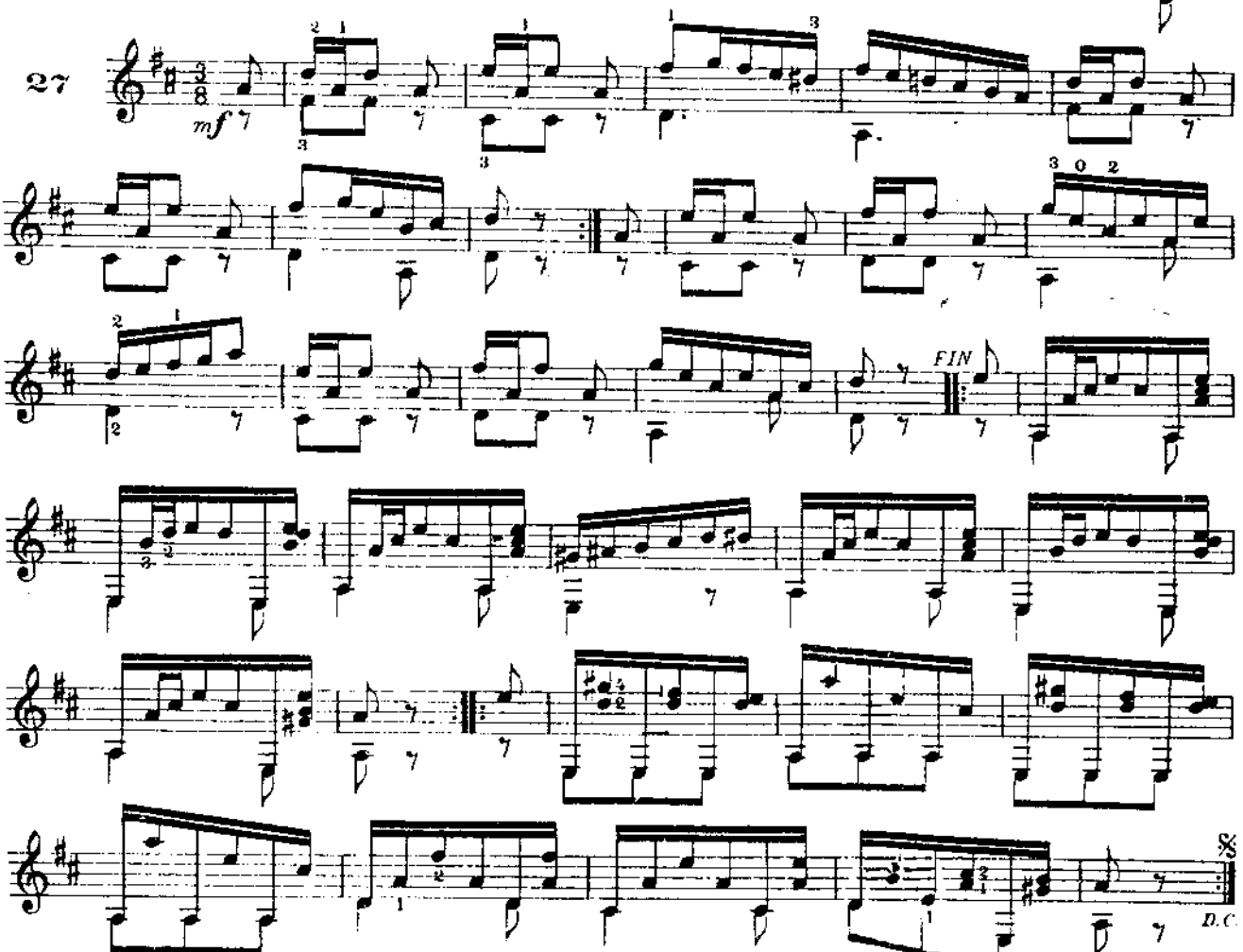

All° grazioso

28

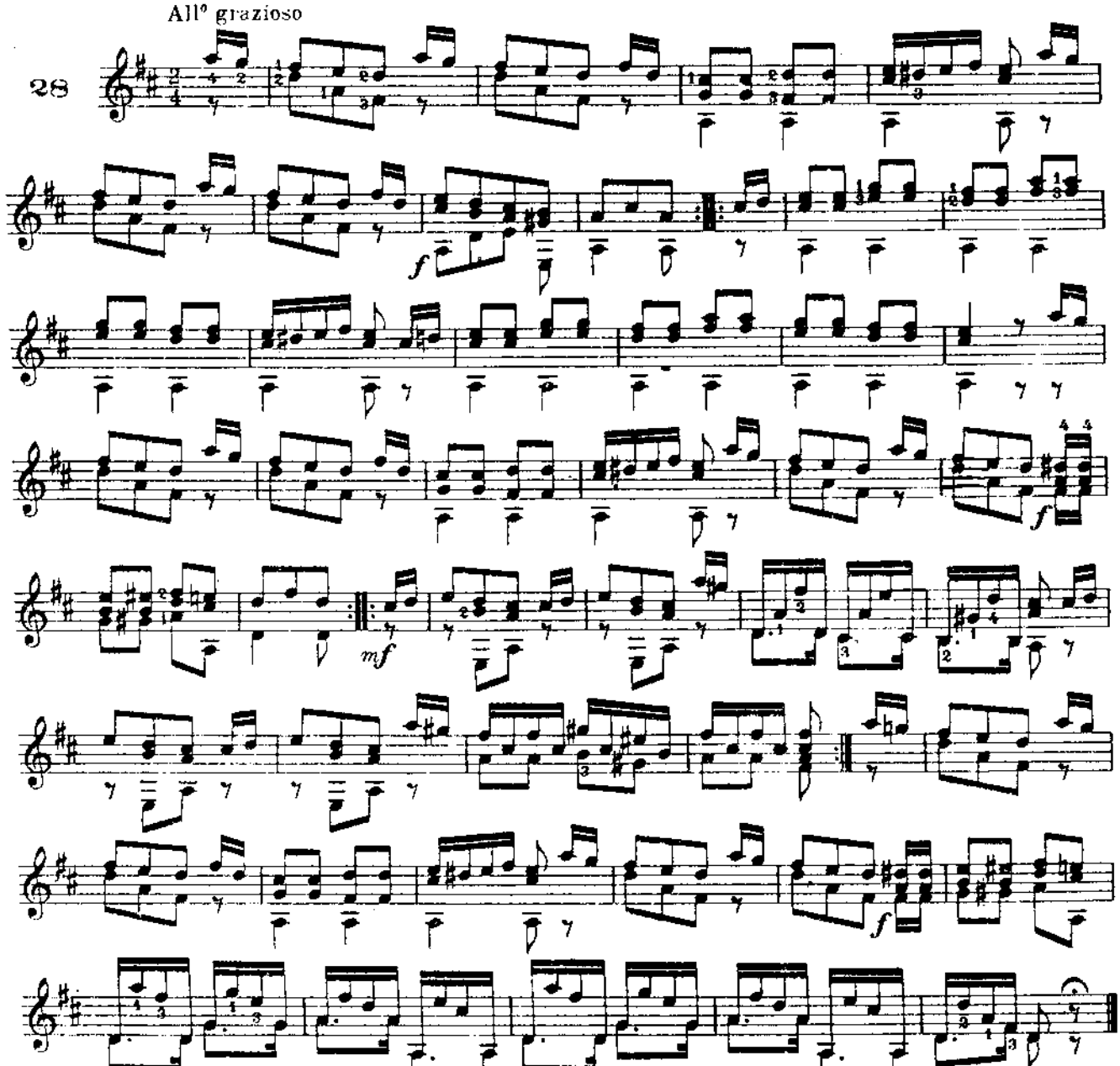

All^tto grazioso

29

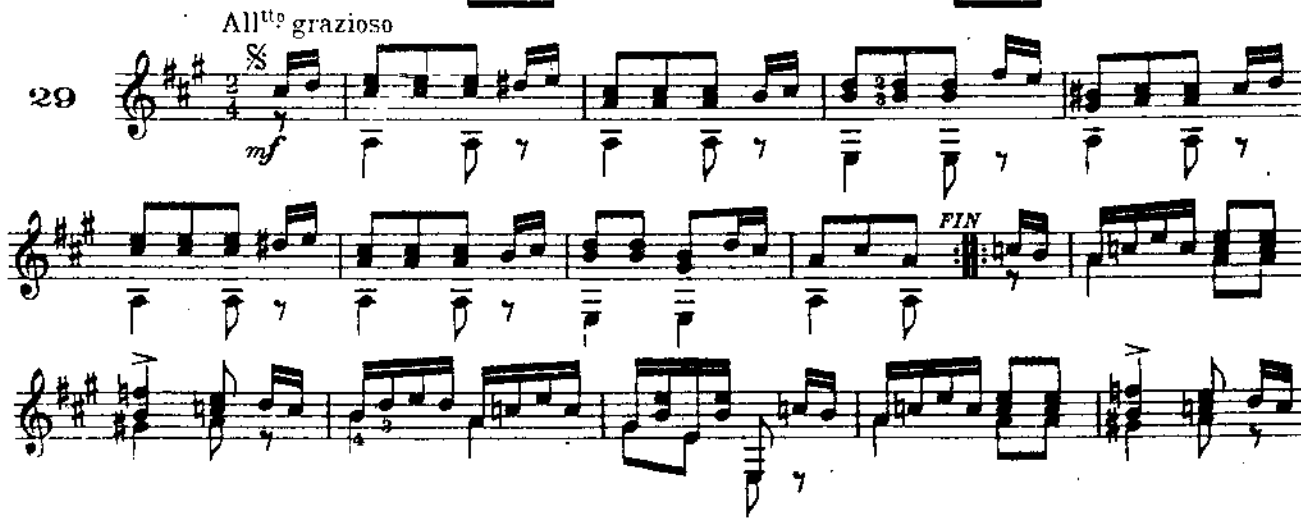

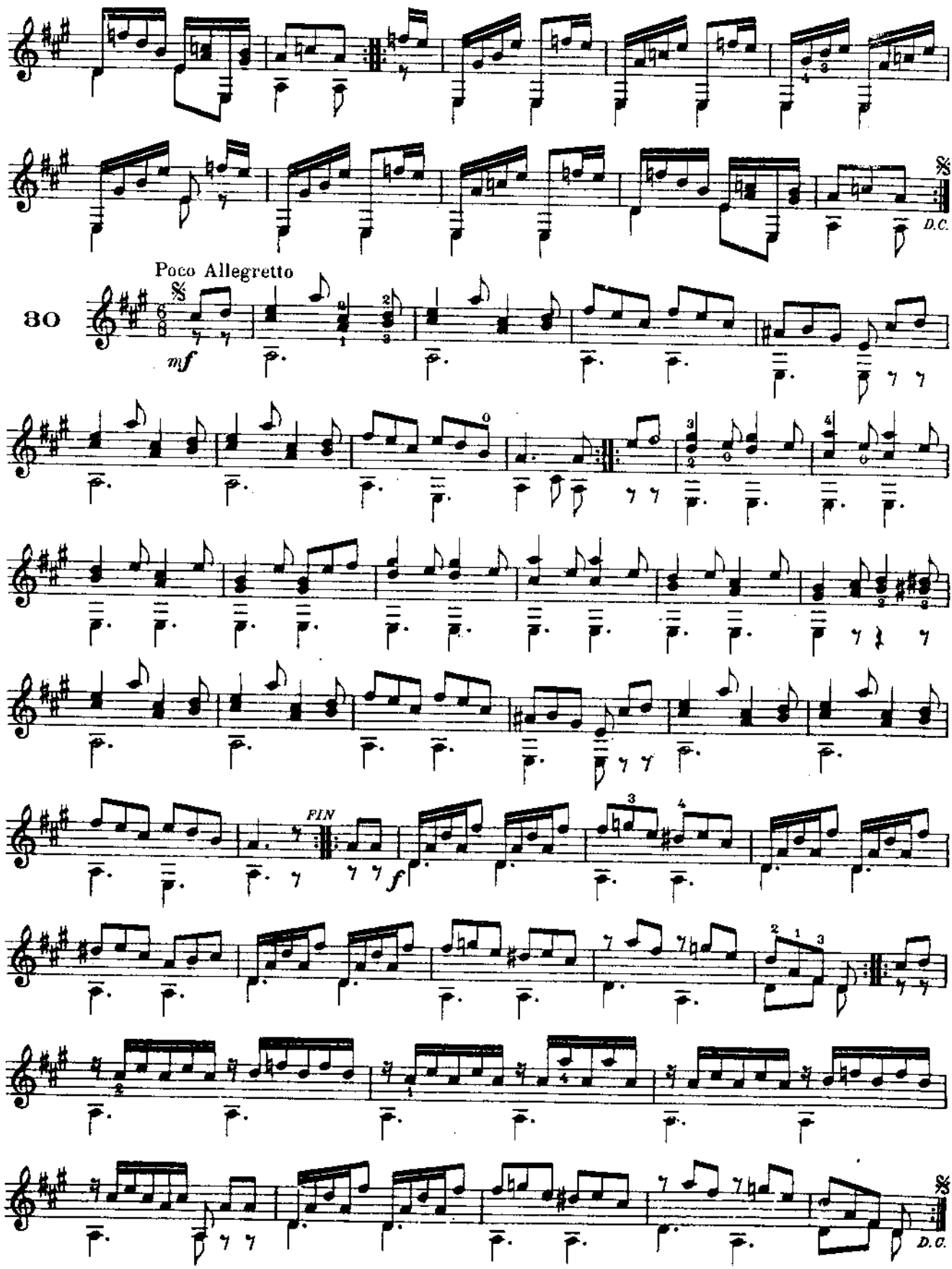
D.C.
Poco Allegretto
30
mf
FIN
f
D.C.

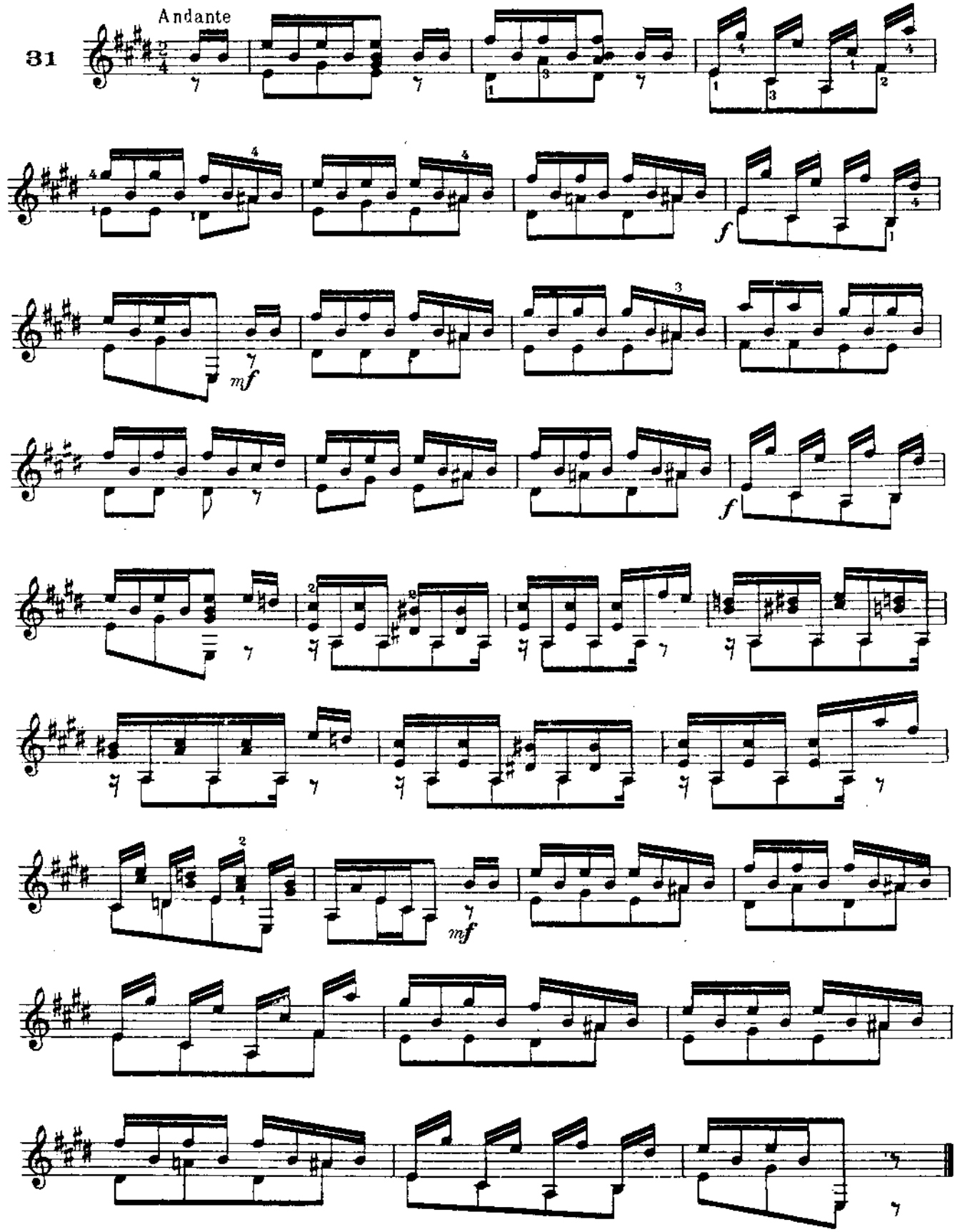
31
Andante
f
mf
mf
f

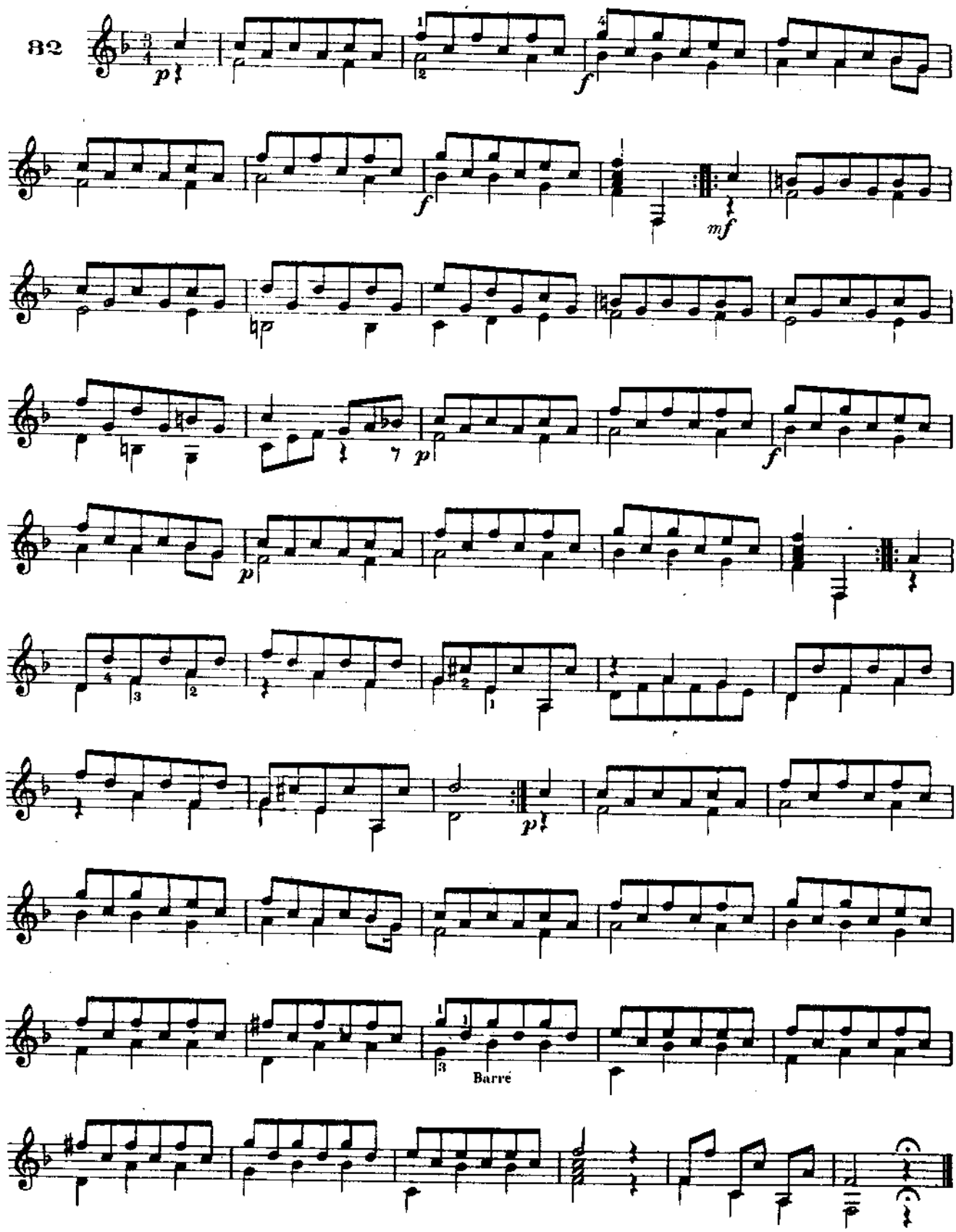
32
Barré

Poco Allegretto

83

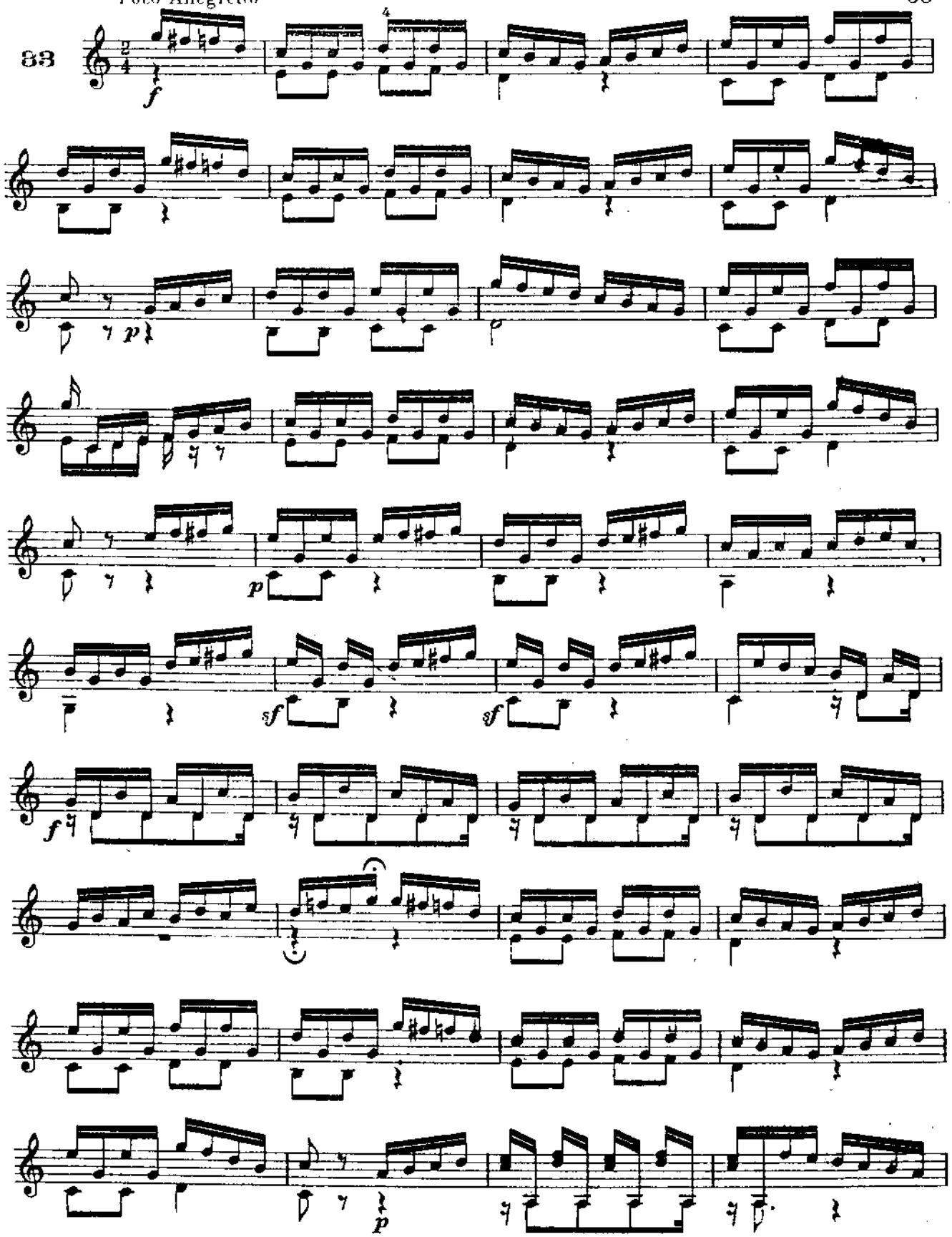

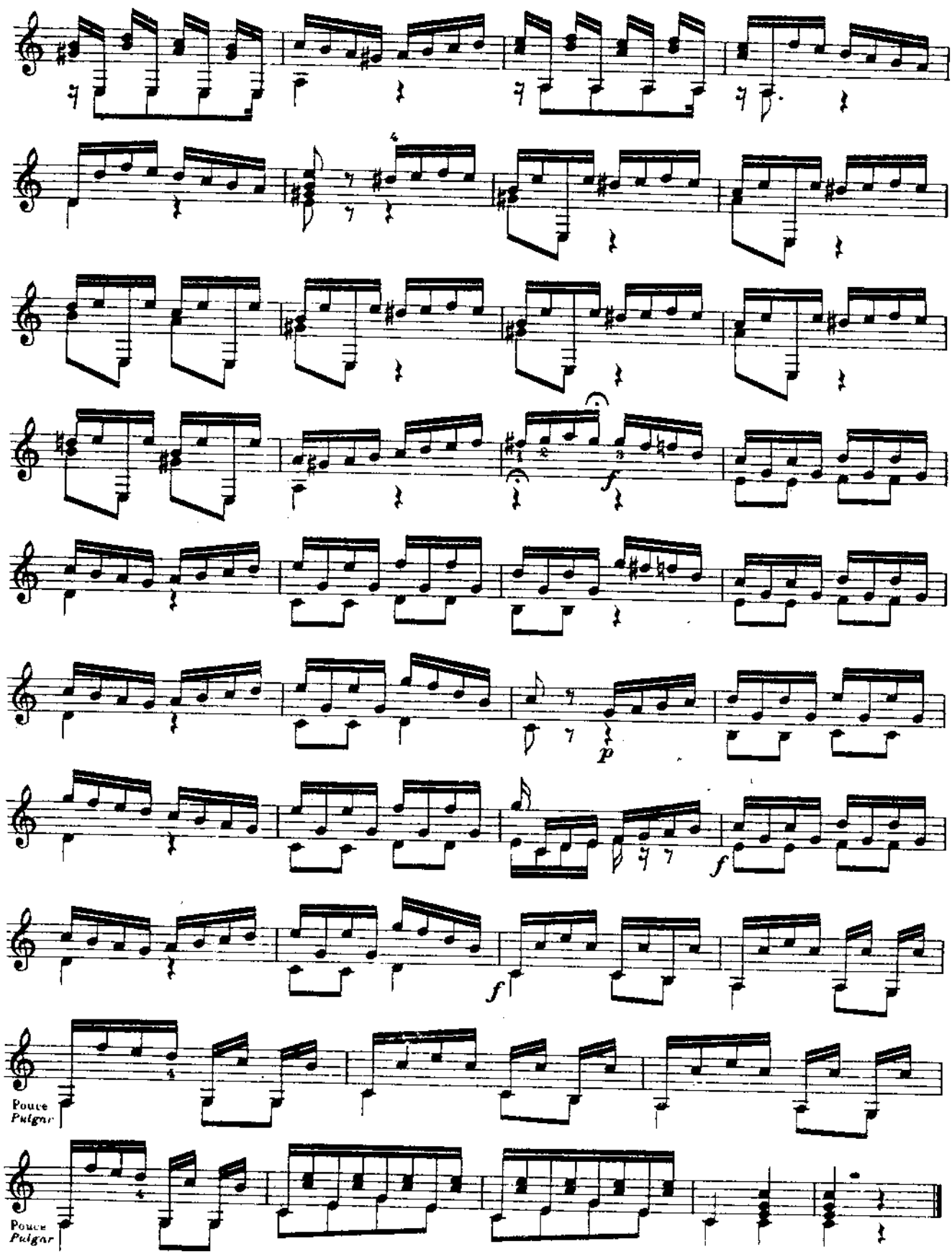
f
p
f
f
Pouce
Pulgar
Pouce
Pulgar

Poco Allegretto

34

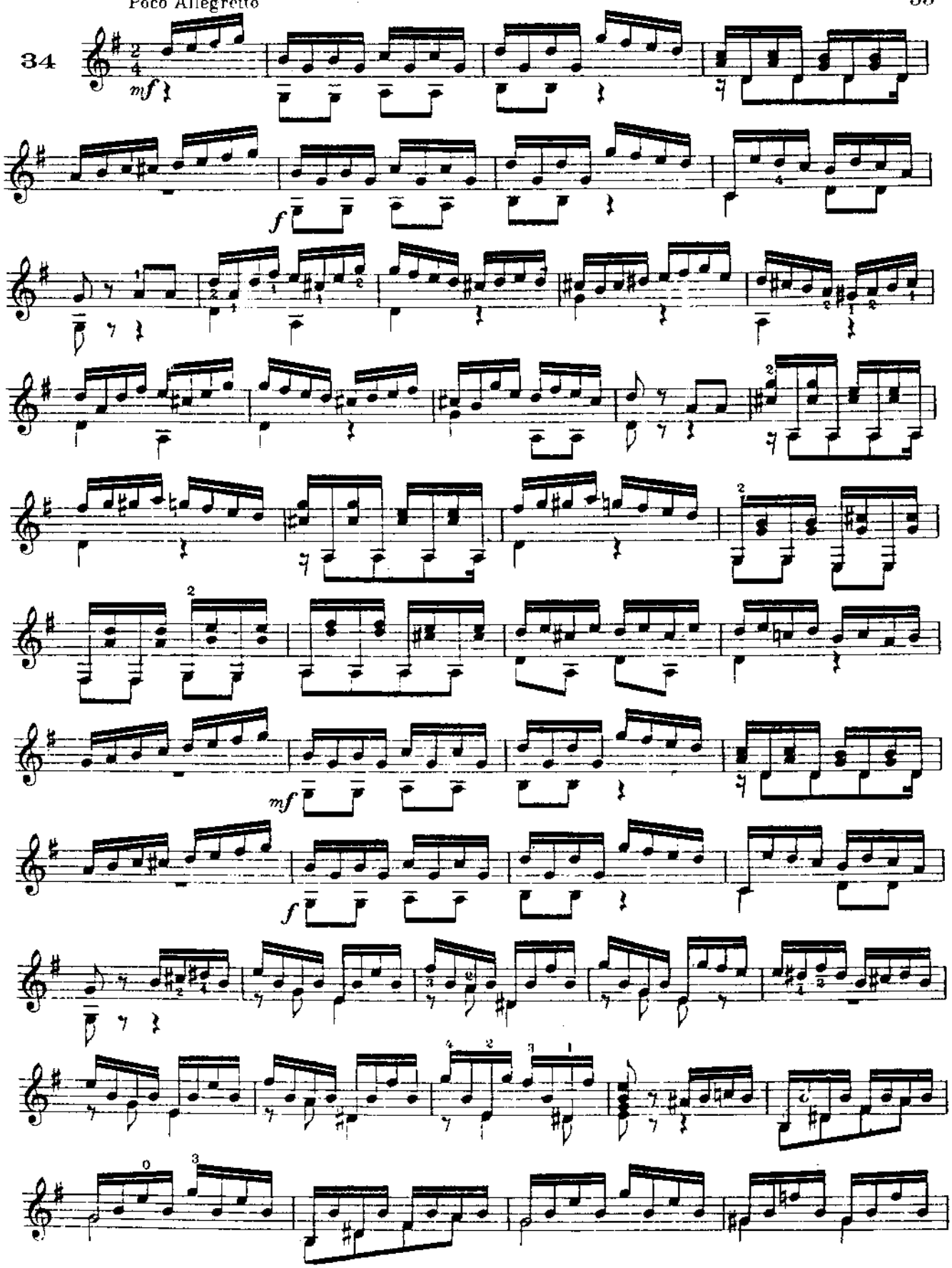

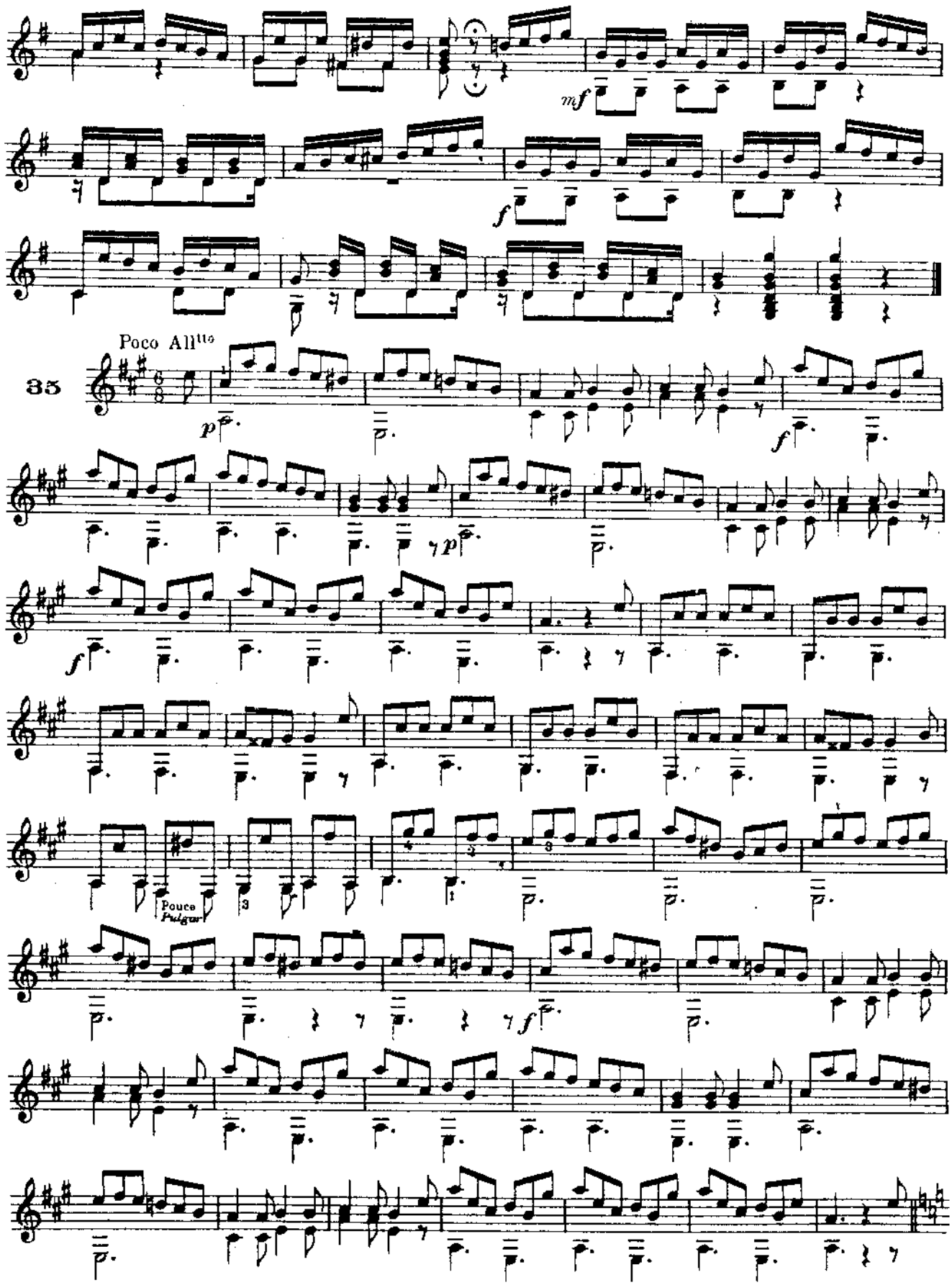
mf
f
Poco Allto
35
p
f
Pouce
Pulgar

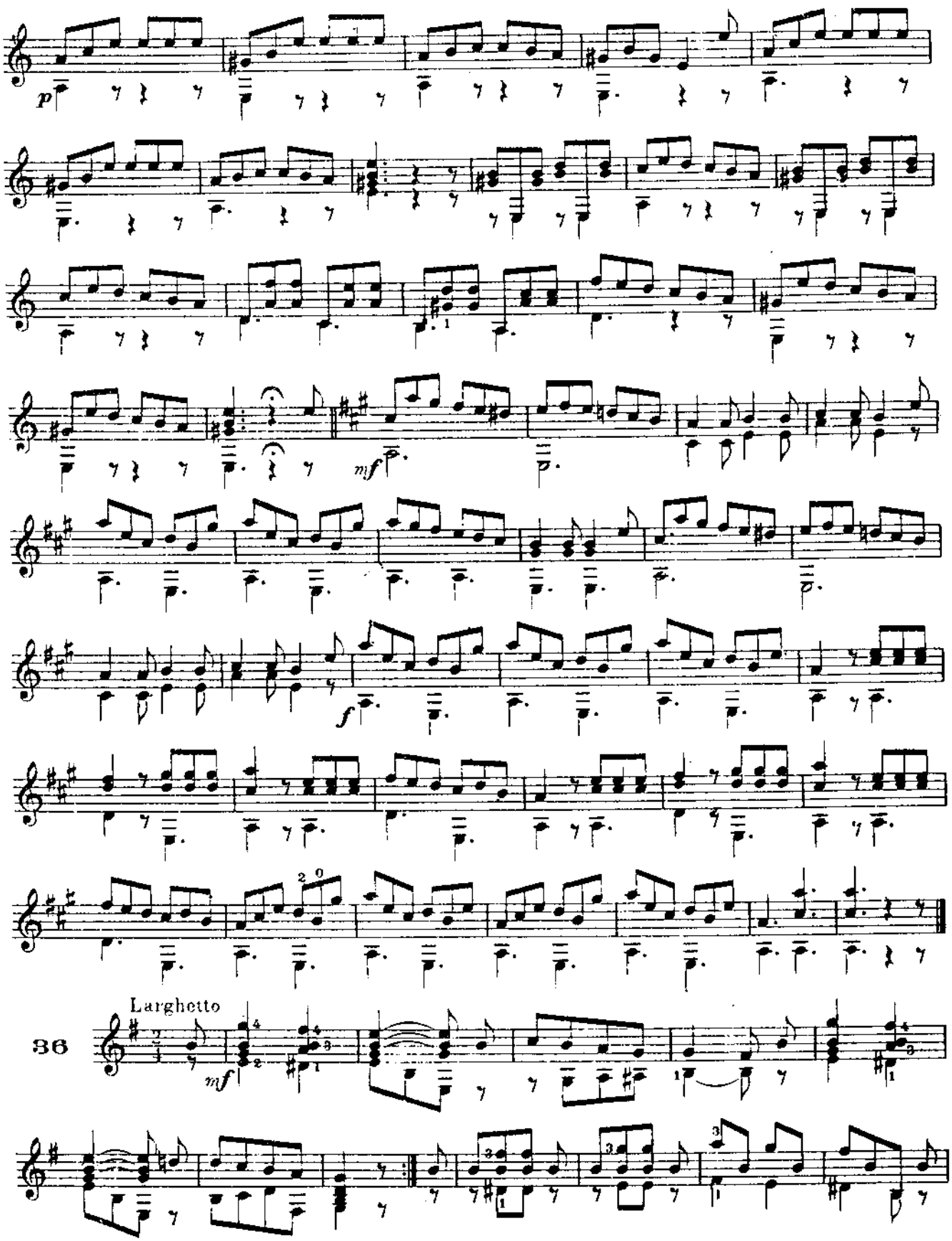
p
mf
f
Larghetto
36
mf

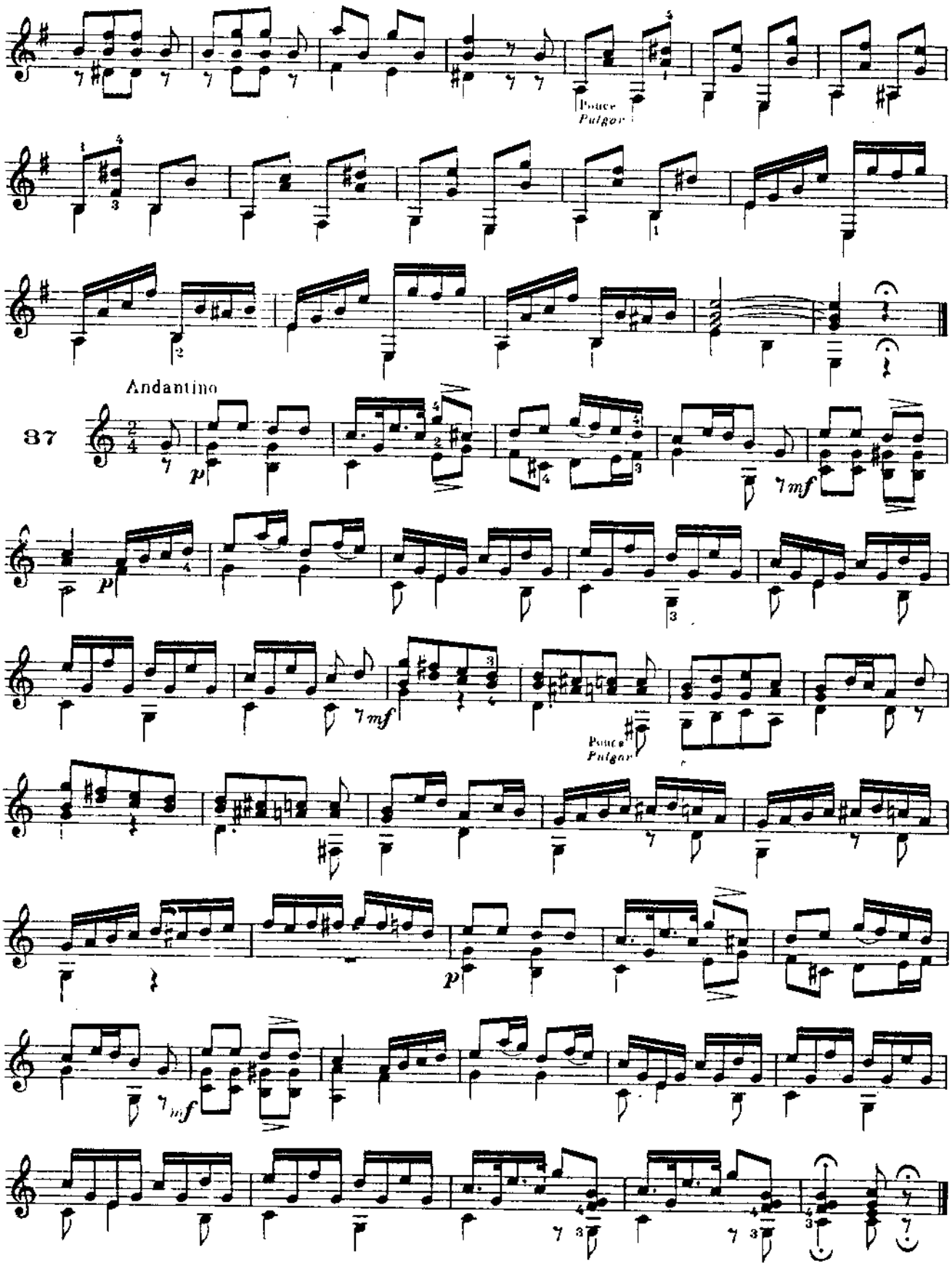
Pouce
Pulgar
Andantino
37
p
mf
p
mf
Pouce
Pulgar
p
mf

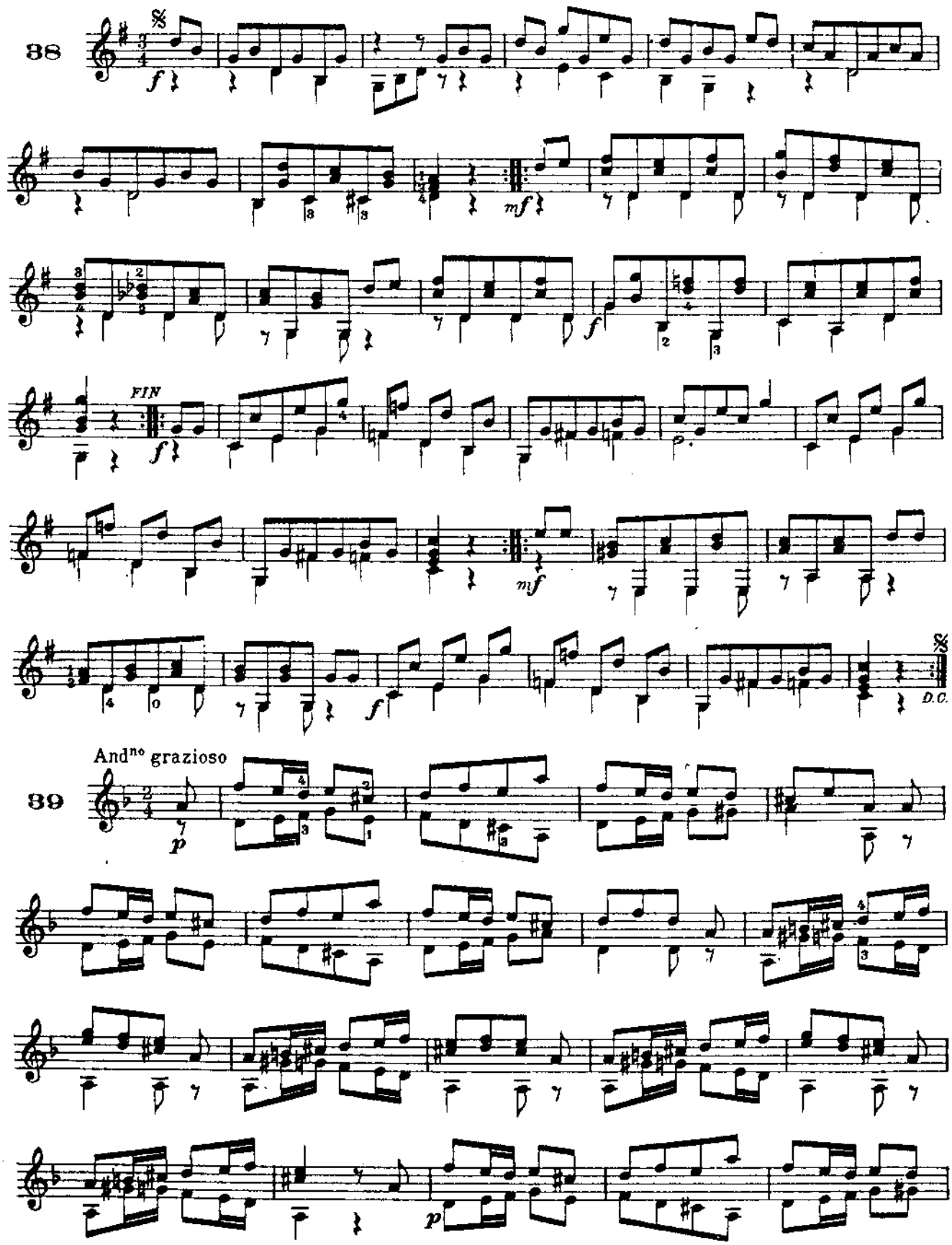
38
FIN
D.C.
39
And^no grazioso

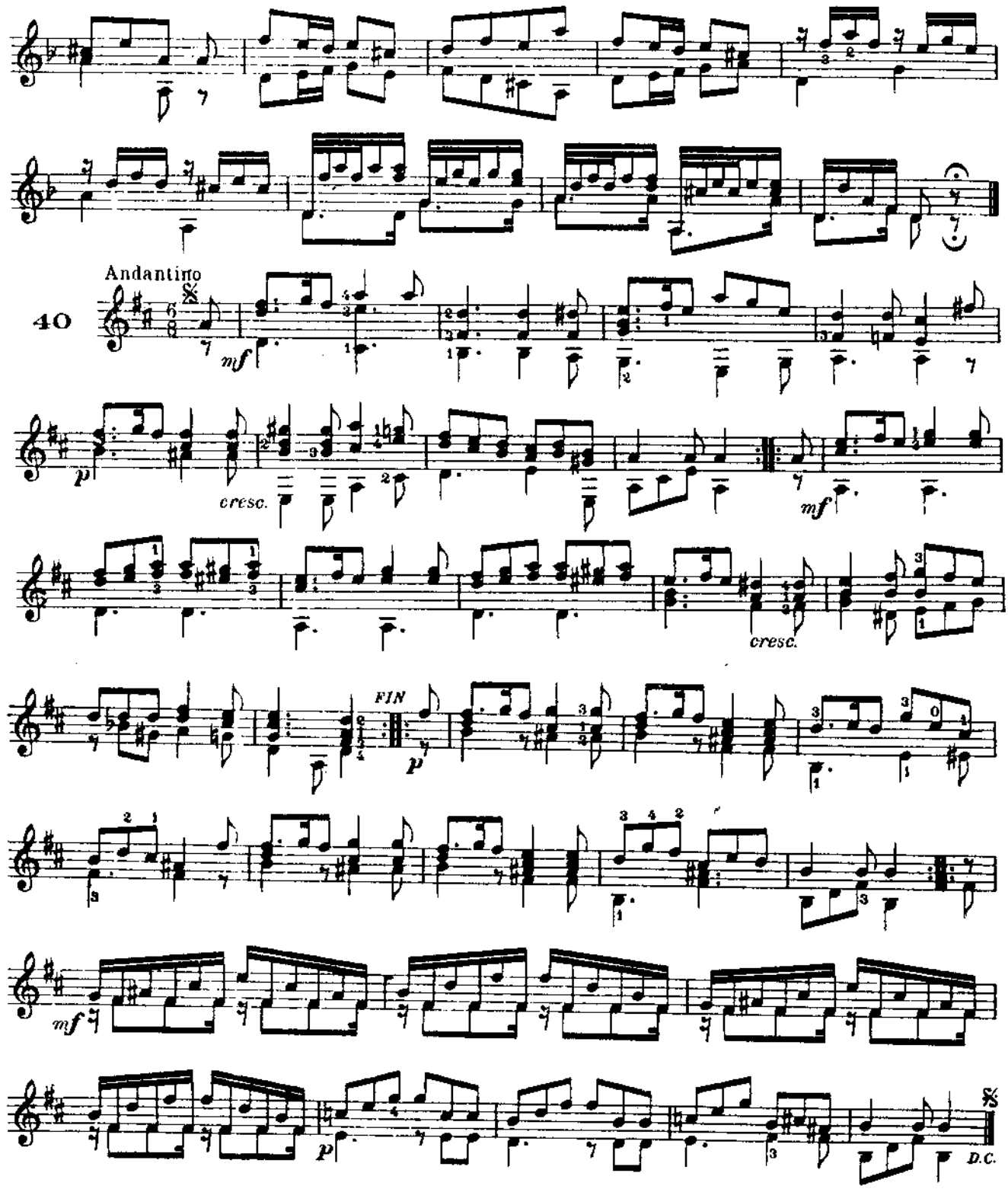

HẾT phần thứ nhất

Ghi chú: Các bài tập tiếp còn trong phần thứ hai.

PHẦN THỨ HAI

CHẢY TIẾNG HAY CÁC NỐT ĐƯỢC NỐI

Người ta làm chảy tiếng lên hoặc xuống.

Chảy tiếng lên, người ta đánh mạnh nốt đầu và nhấc ngón tay ở bàn tay trái ra, để ngón tay rơi trên nốt thứ hai mà không cần đánh đàn.

Chảy tiếng xuống, người ta đánh mạnh nốt đầu và nhấc ngón tay ở bàn tay trái ra, làm kêu nốt thứ hai, chuẩn bị đánh nốt tiếp, nếu không phải là dây buông. Kỹ thuật chảy tiếng được phối hợp với kỹ thuật rung dây (khi đánh nốt thứ nhất, trong khi dây đang rung, dùng ngón tay bàn tay trái nhấn tiếp nốt thứ hai mà không cần đánh đàn), kỹ thuật vuốt dây.

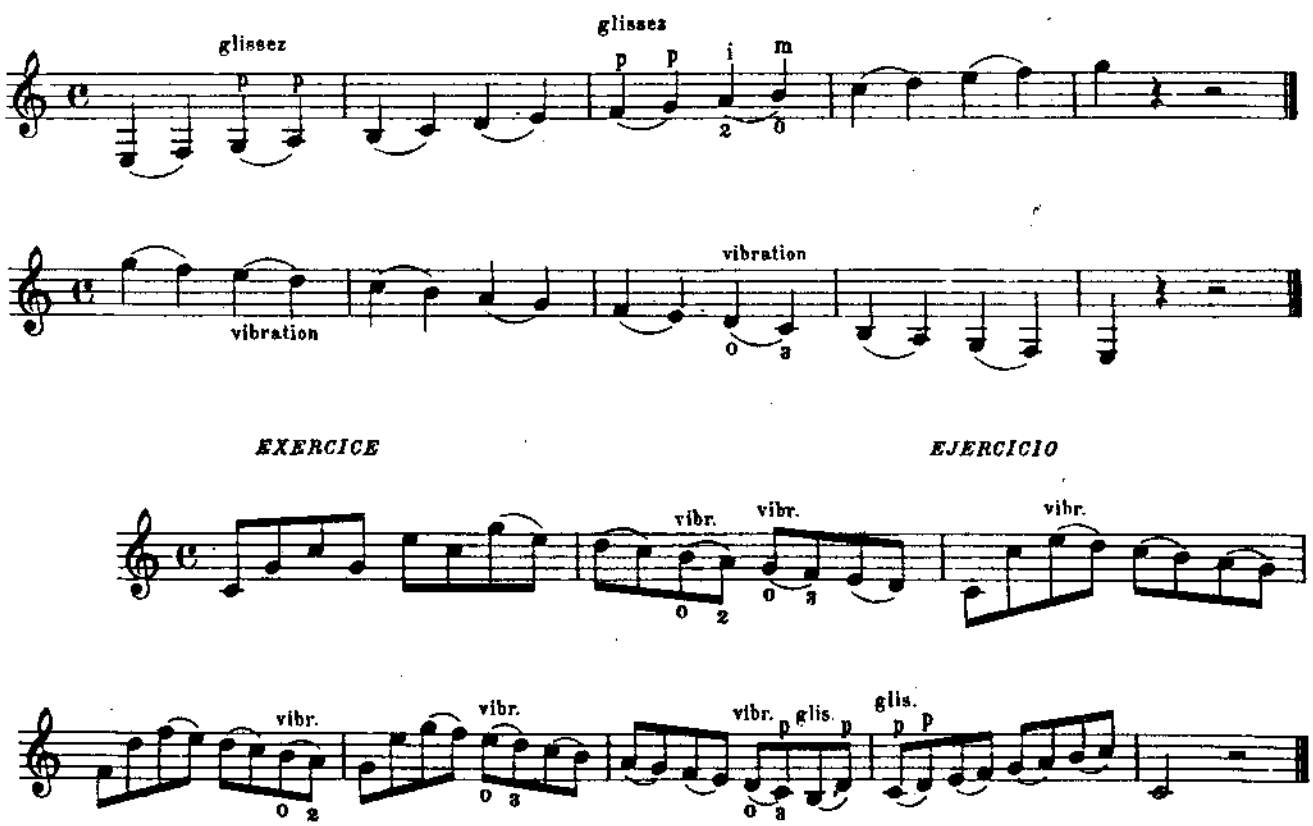

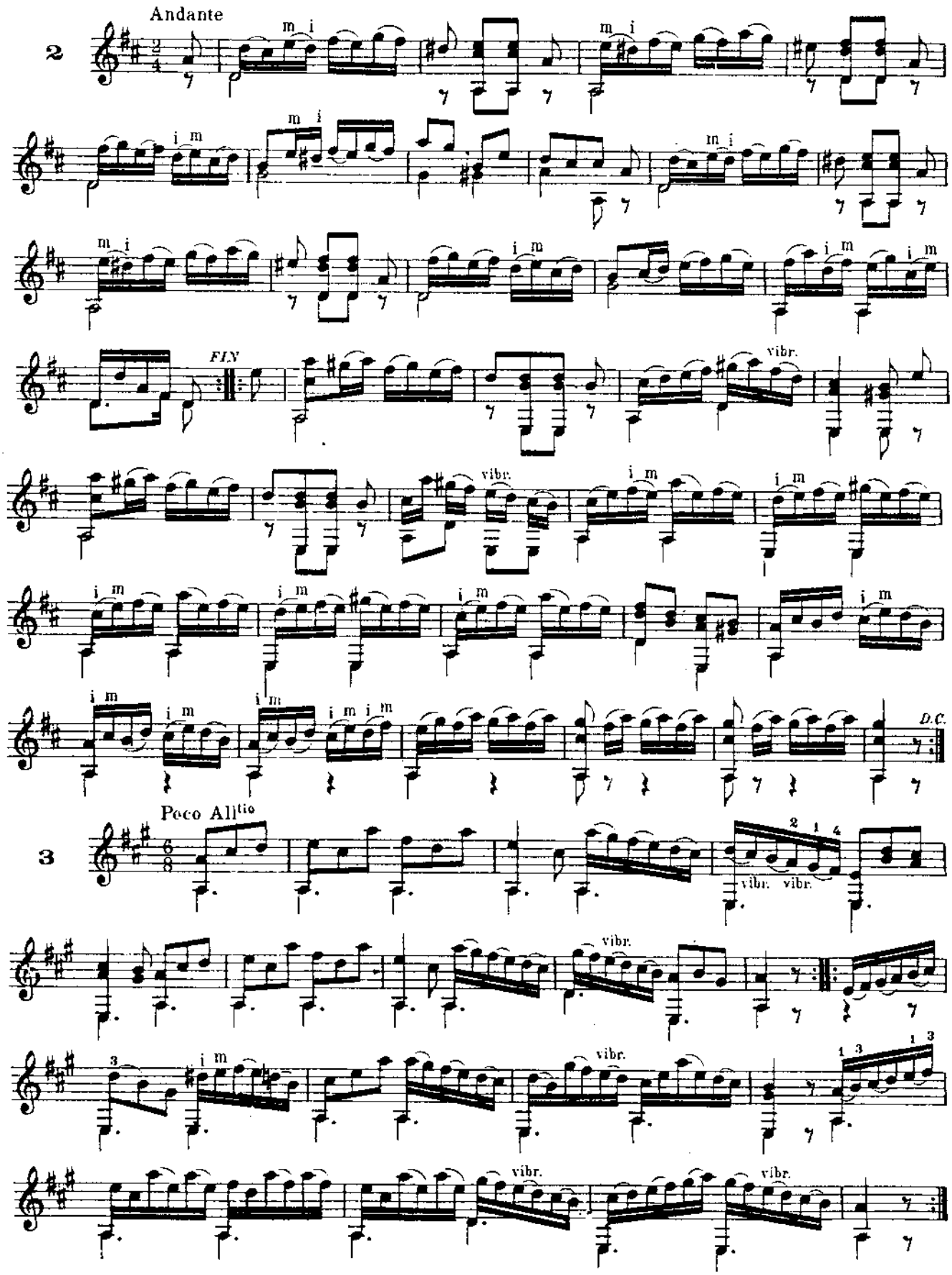
Andante
2
FIN
vibr.
D.C.
Poco Allegretto
3

Người ta có thể làm chảy tiếng với nhiều nốt cùng một lúc theo phương pháp đã chỉ ở phần trước. Ví dụ:

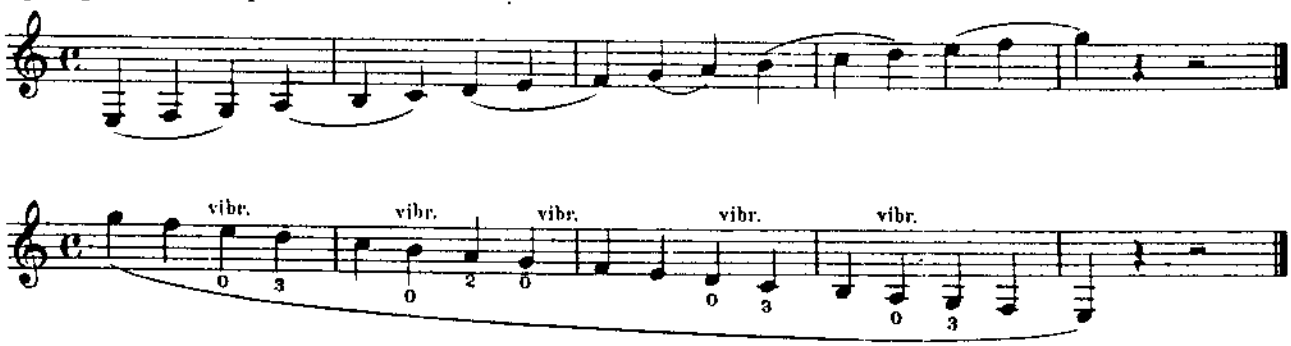

DẤU LÁY

Những dấu láy đơn và các dấu kép là dấu hoa mỹ, đó là những nốt không có gía trị về trường độ, nhưng nó làm câu nhạc phong phú hơn và giá trị trường độ của nó lúc diễn sẽ lấy bớt từ 1/3 đến 1/2 trường độ nốt chính đứng liền sau nó. Ví dụ:

Dấu láy đơn

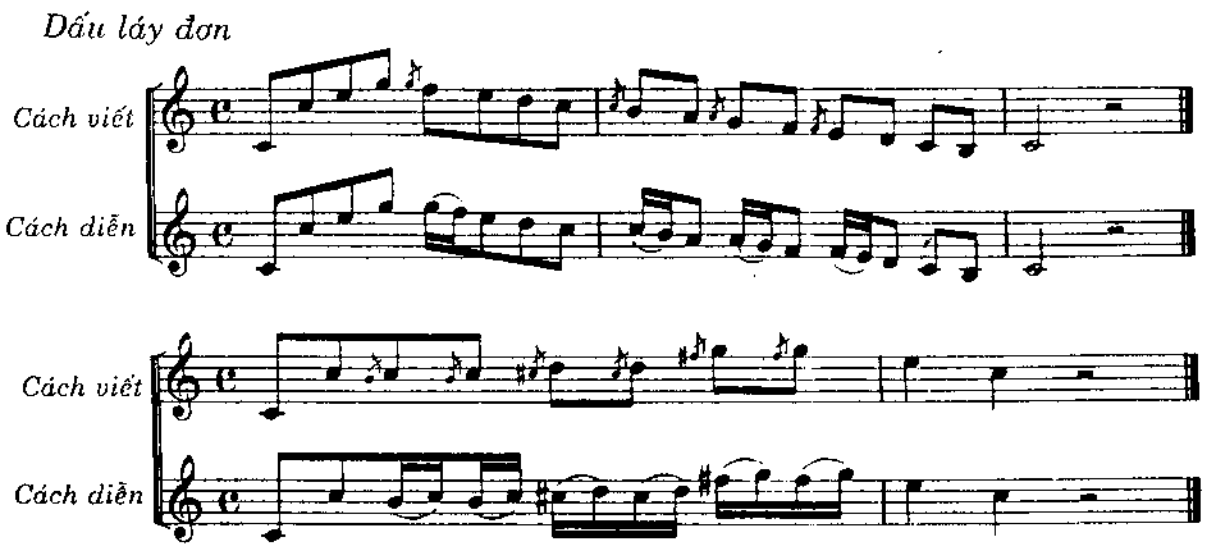

Dấu láy kép

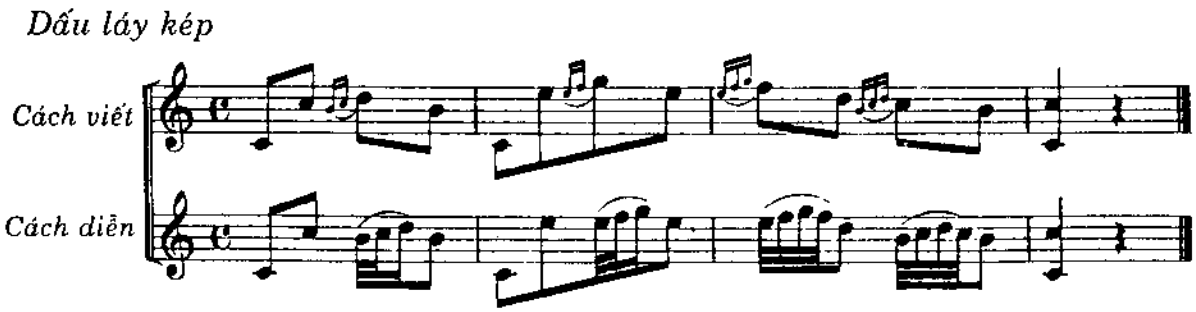

DẤU VÊ VÀ ÂM ĐIỆU

Dấu vê cũng là một dấu hoa mỹ, người ta cũng làm chảy tiếng các nốt đứng cạnh, thường là nốt trên nó, chảy tiếng thật nhanh để kịp với trường độ của nốt chính.

Ví dụ :

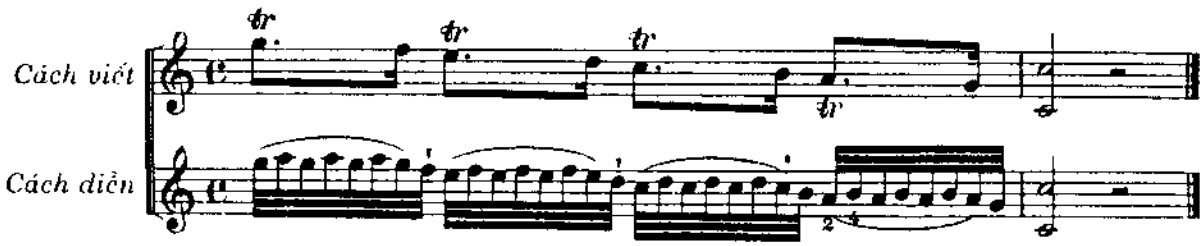

Âm điệu đôi lúc được gặp sau dấu vạch nhịp. Được tiến hành như dấu vê, nhưng luôn bắt đầu từ cao độ của nốt chính.

Người ta diễn âm điệu trên đàn Guitare với 3 cách sau:

1. Đánh nốt chính một lần, sau đó chảy tiếng nhiều lần các nốt kế tiếp.
2. Đánh nốt chính, chảy tiếng ở nốt phụ phía trên.
3. Chuẩn bị hai nốt trên hai dây khác nhau với các ngón tay trái, dùng 2 ngón tay mặt để đánh.

Ví dụ:

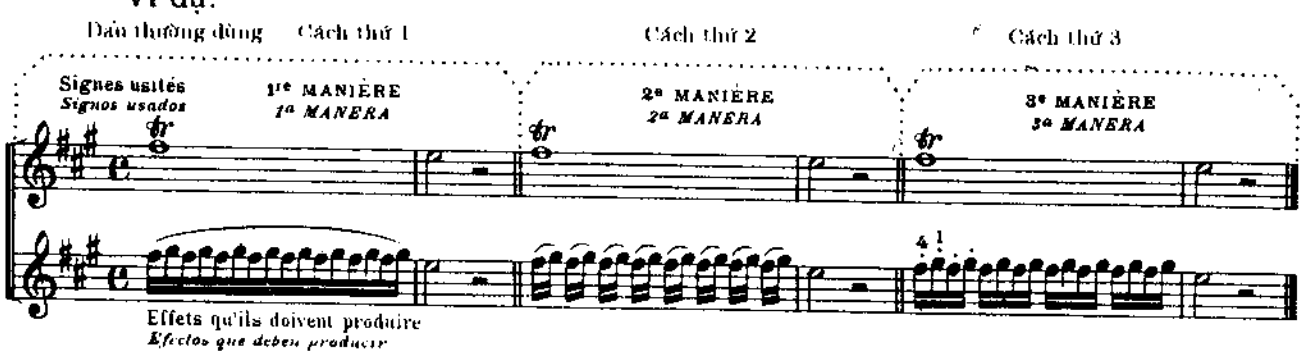

Cách thực hành

CÁC THẾ BẤM

Đàn Guitare có 5 thế bấm trên cần đàn, nhưng các nhà soạn nhạc và thầy giáo ít sử dụng hợp âm trên các thế bấm đó. Các phím đàn thường dùng trong các âm giai là phím 4, phím 5, phím 7 và phím 9.

Sau đây là bản vẽ nốt trên cần đàn, sau đó sẽ có bài tập âm giai cho các phím tương ứng trên.

Các nốt tương ứng trên 6 dây của cần đàn

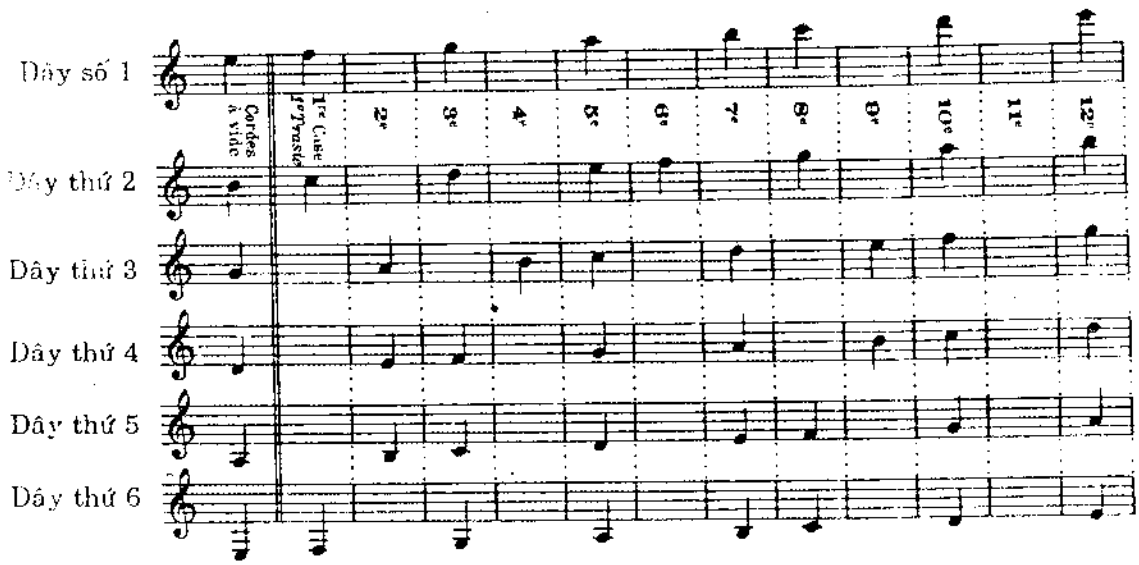

Không nên yêu cầu học viên học thuộc lòng tất cả các nốt trên cần đàn (như một cái lệ). Chúng ta có một phương pháp mới, ngắn, dễ học.

Trong khi học phần thứ nhất, chúng ta chỉ cần biết thế bấm thứ nhất (từ phím thứ nhất đến phím thứ tư). Chúng ta có thể học thuộc lòng nốt trên các phím sau:

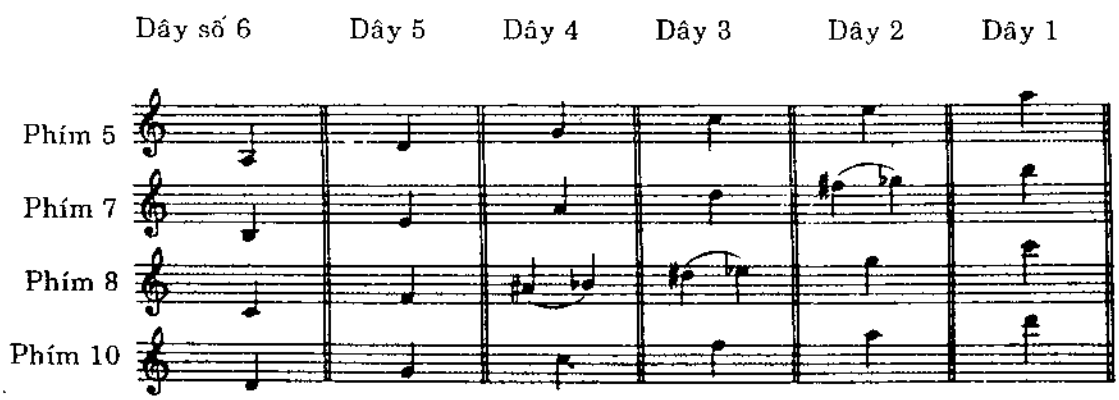

ÂM GIAI VÀ BÀI TẬP

CÁC PHÍM ĐÀN THƯỜNG DÙNG Ở CÁC CUNG THÔNG DỤNG

PHÍM ĐÀN THỨ TƯ

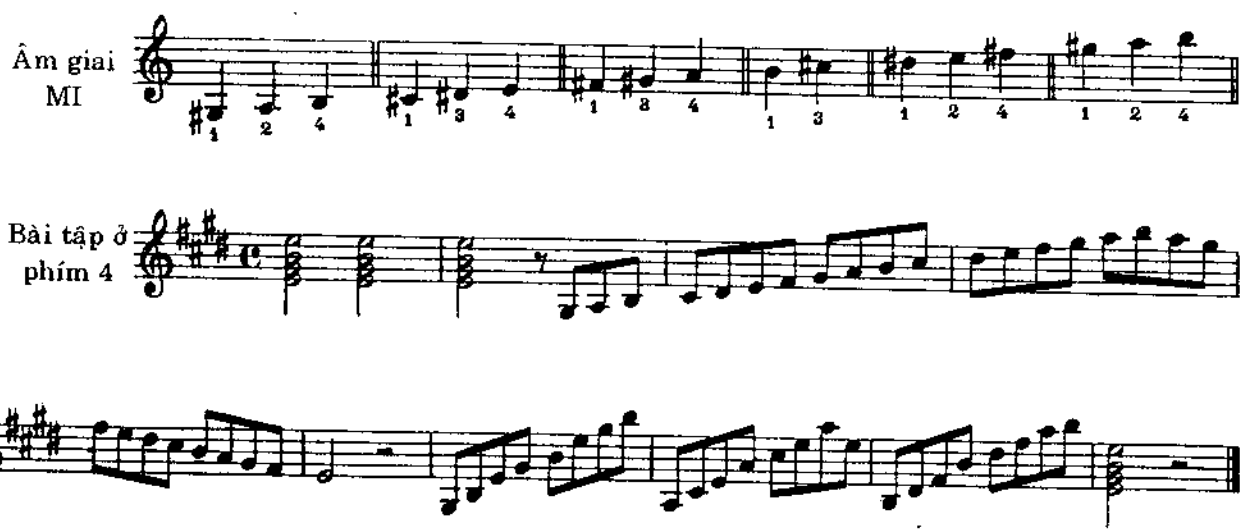

PHÍM ĐÀN THỨ NĂM

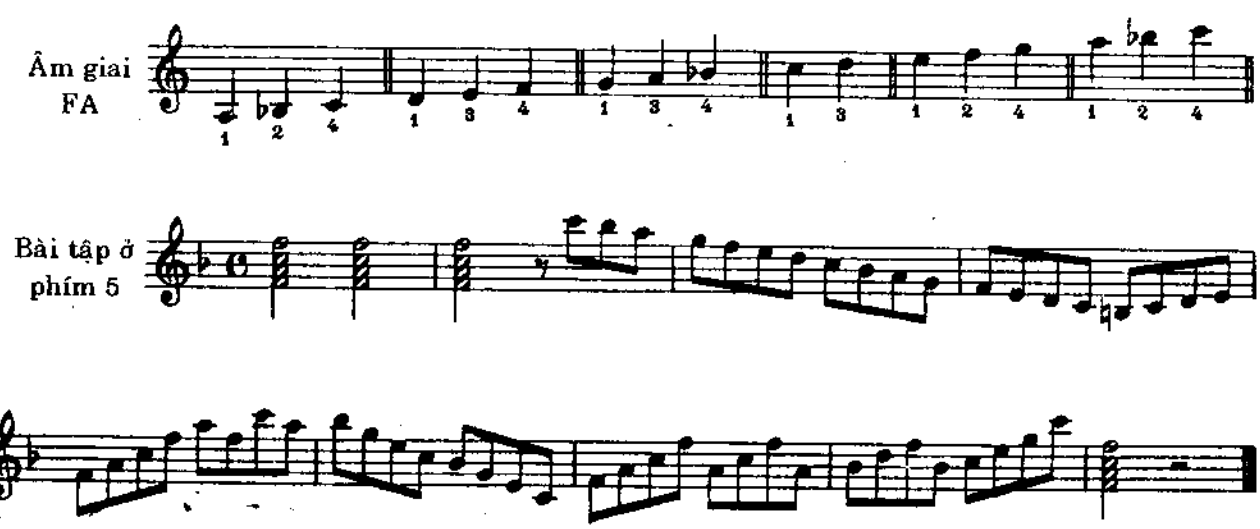

PHÍM ĐÀN THỨ BẢY

Âm giai SOL

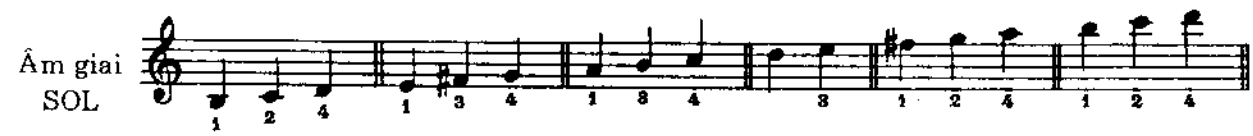

Bài tập ở phím 7

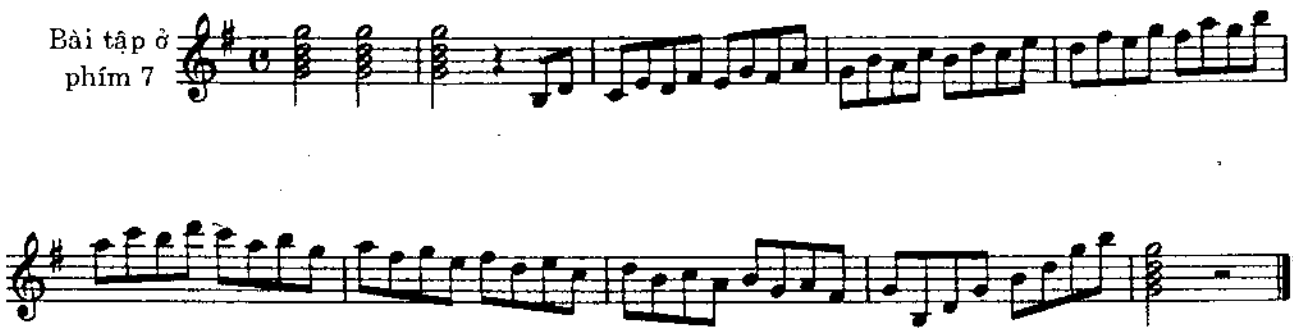

PHÍM ĐÀN THỨ CHÍN

Âm giai LA

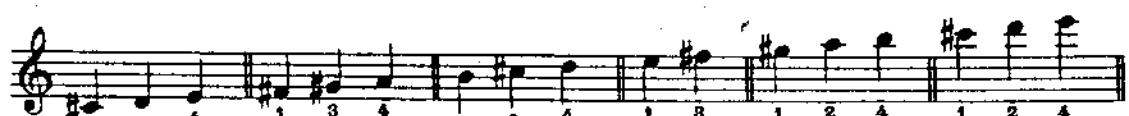

Bài tập ở phím 9

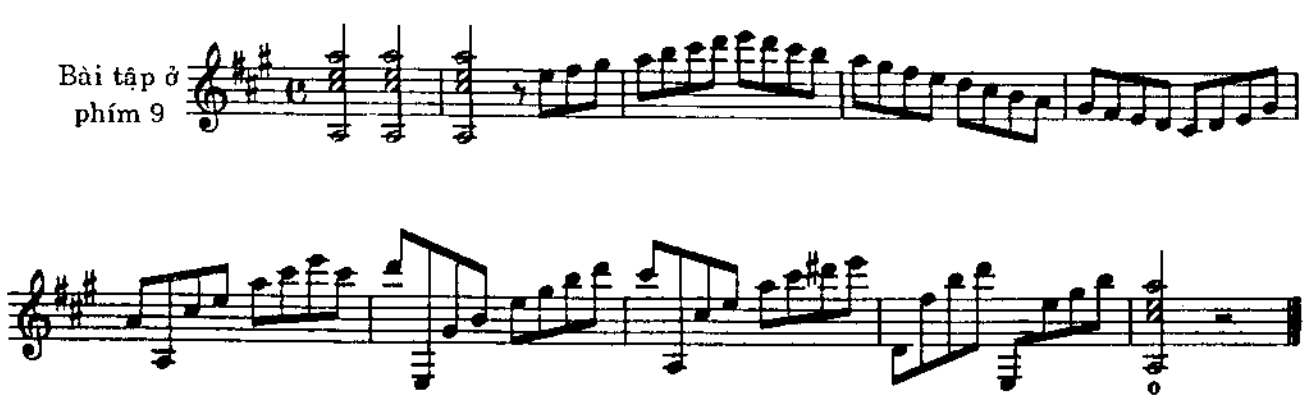

BÀI TẬP CỦA TẤT CẢ CÁC THẾ BẤM

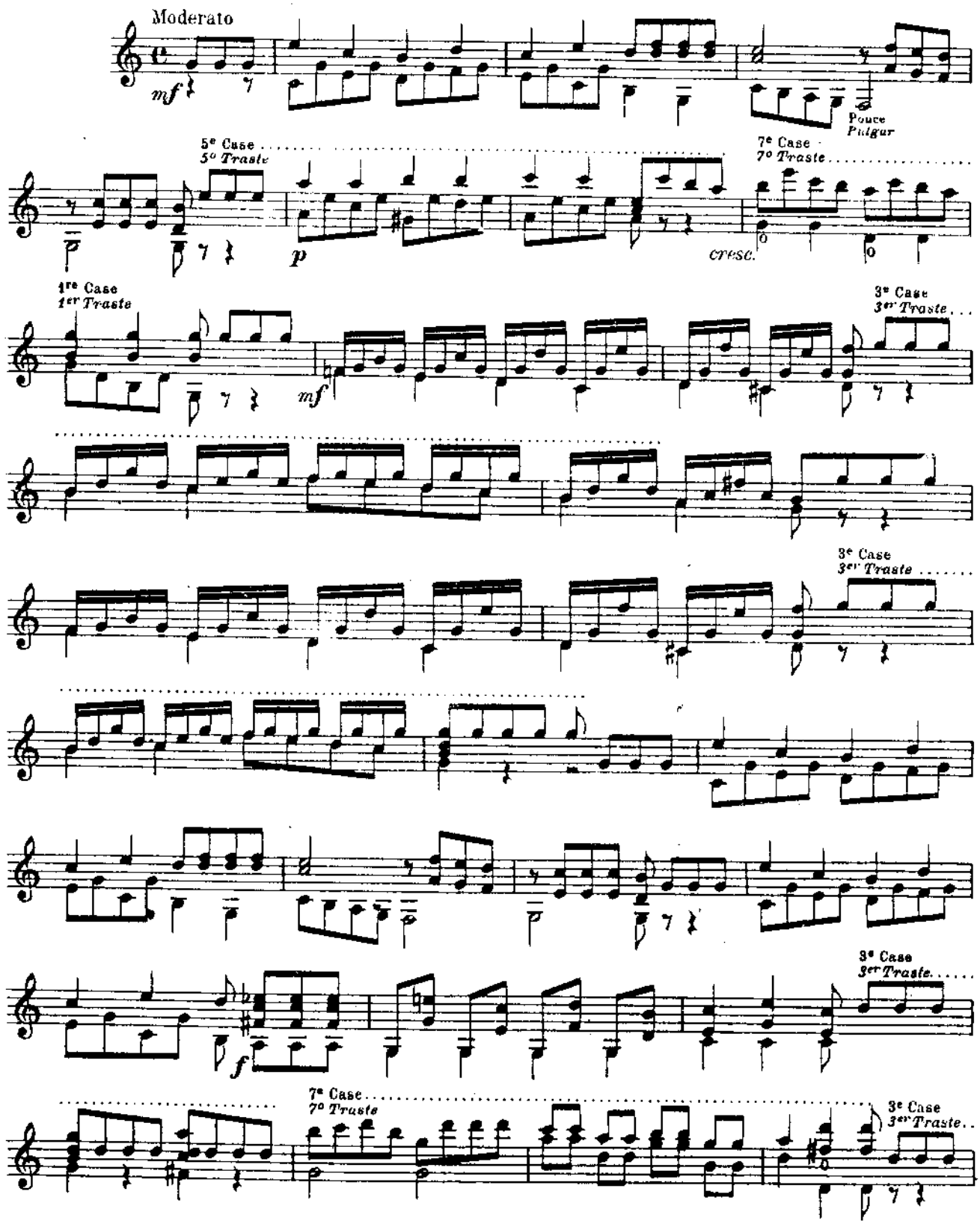

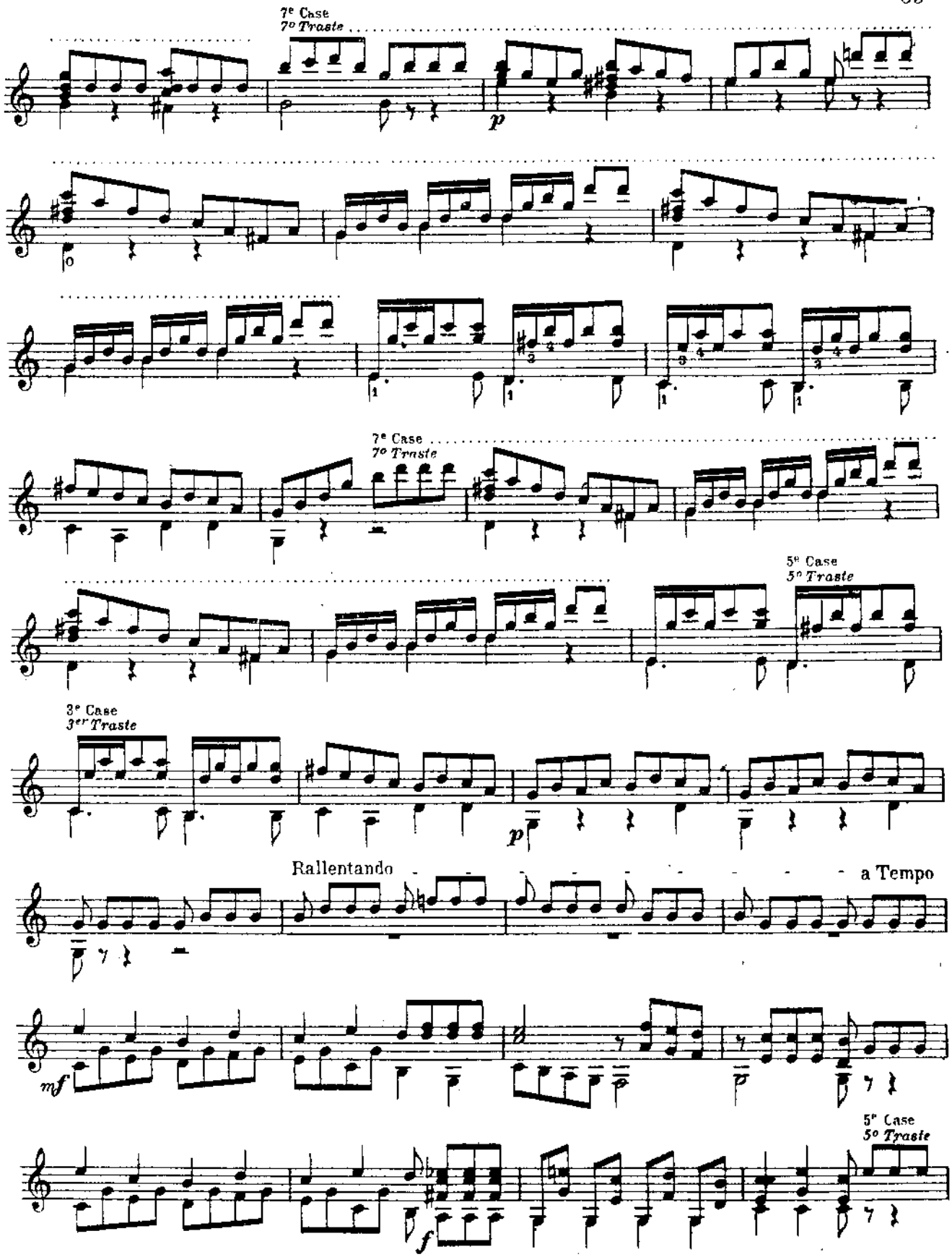
7ª Case
7º Traste
p
7ª Case
7º Traste
5ª Case
5º Traste
3ª Case
3er Traste
p
Rallentando
a Tempo
mf
5ª Case
5º Traste
f

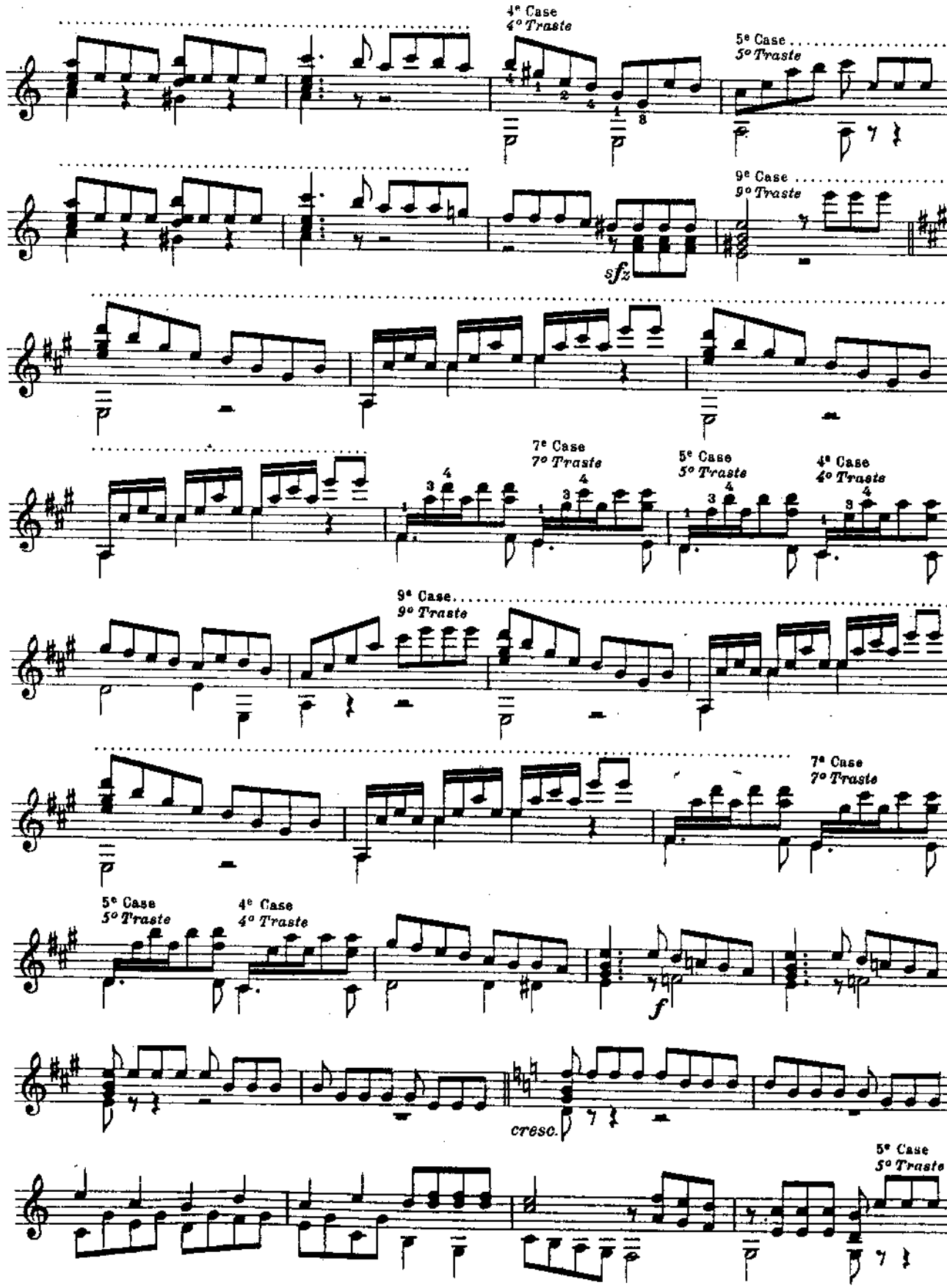
4ª Case
4º Traste
5ª Case
5º Traste
9ª Case
9º Traste
sfz
7ª Case
7º Traste
5ª Case
5º Traste
4ª Case
4º Traste
9ª Case
9º Traste
7ª Case
7º Traste
5ª Case
5º Traste
4ª Case
4º Traste
f
cresc.
5ª Case
5º Traste

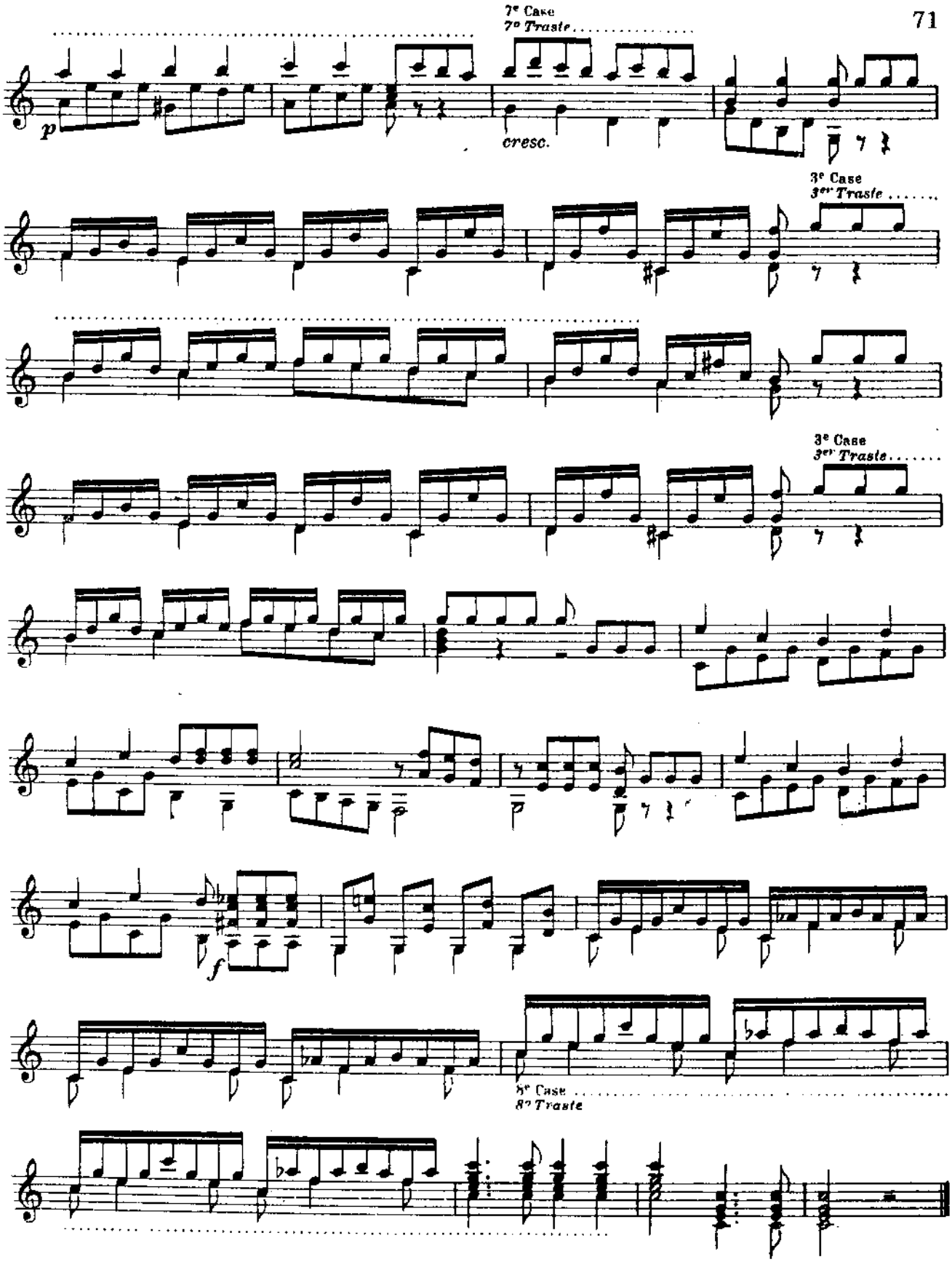
7ª Casa
7º Traste
p
cresc.
3ª Casa
3er Traste
3ª Casa
3er Traste
f
5ª Casa
8º Traste

NHỮNG NỐT ĐÔI

Có 4 cách đánh nốt đôi như sau: nốt đôi tam trình (hai nốt cách nhau quãng 3), nốt đôi lục trình (cách nhau quãng 6), nốt đôi bát trình (cách nhau quãng 8), nốt đôi thập trình (cách nhau quãng 10). Ví dụ:

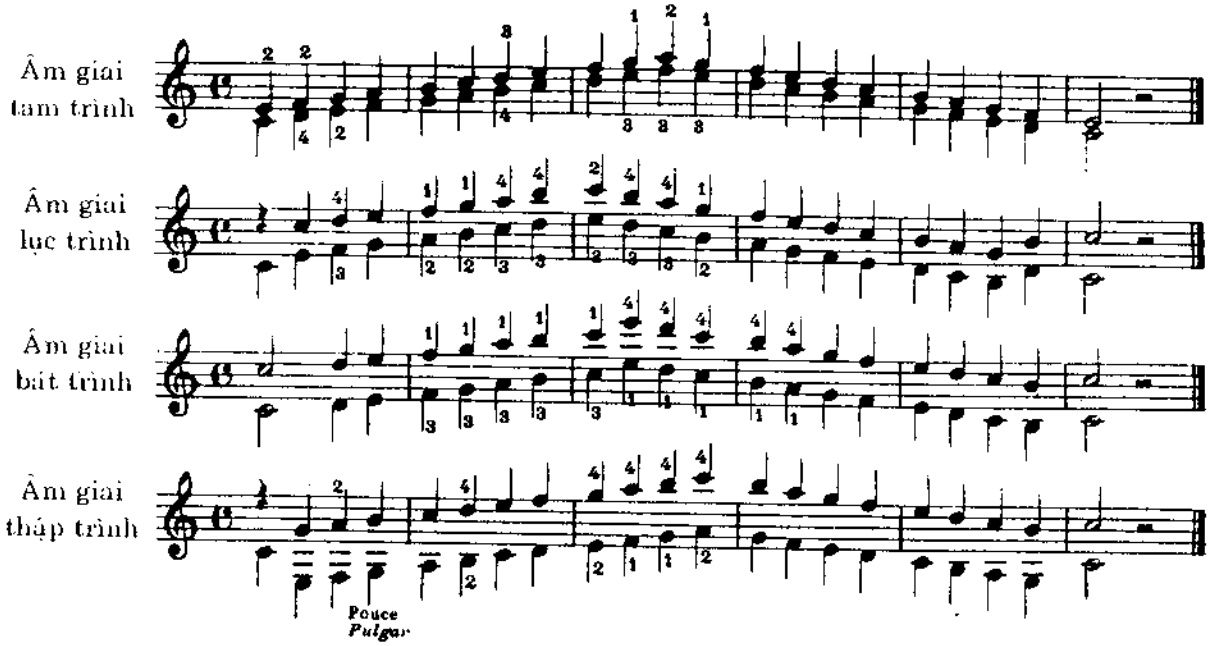

BÀI TẬP DÀNH CHO TAM TRÌNH, LỤC TRÌNH, BÁT TRÌNH VÀ THẬP-TRÌNH

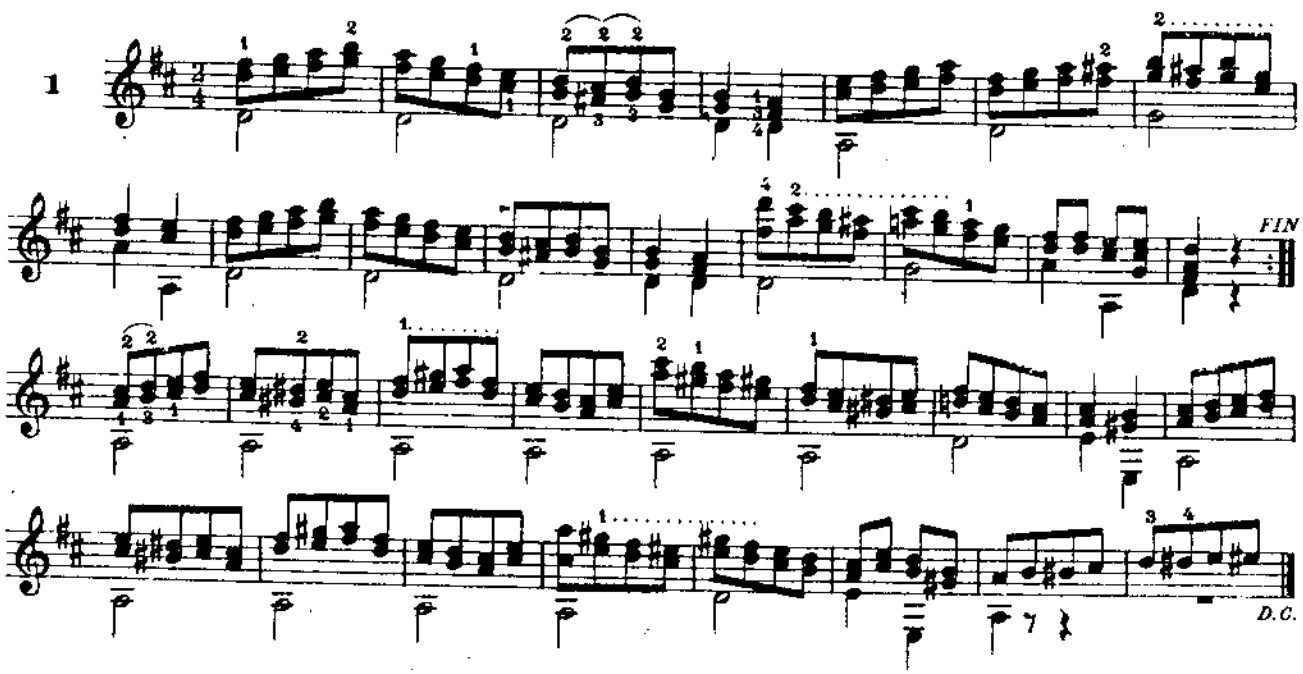

Andantino

2
par Sixtes
en Sextas
cho lục trình

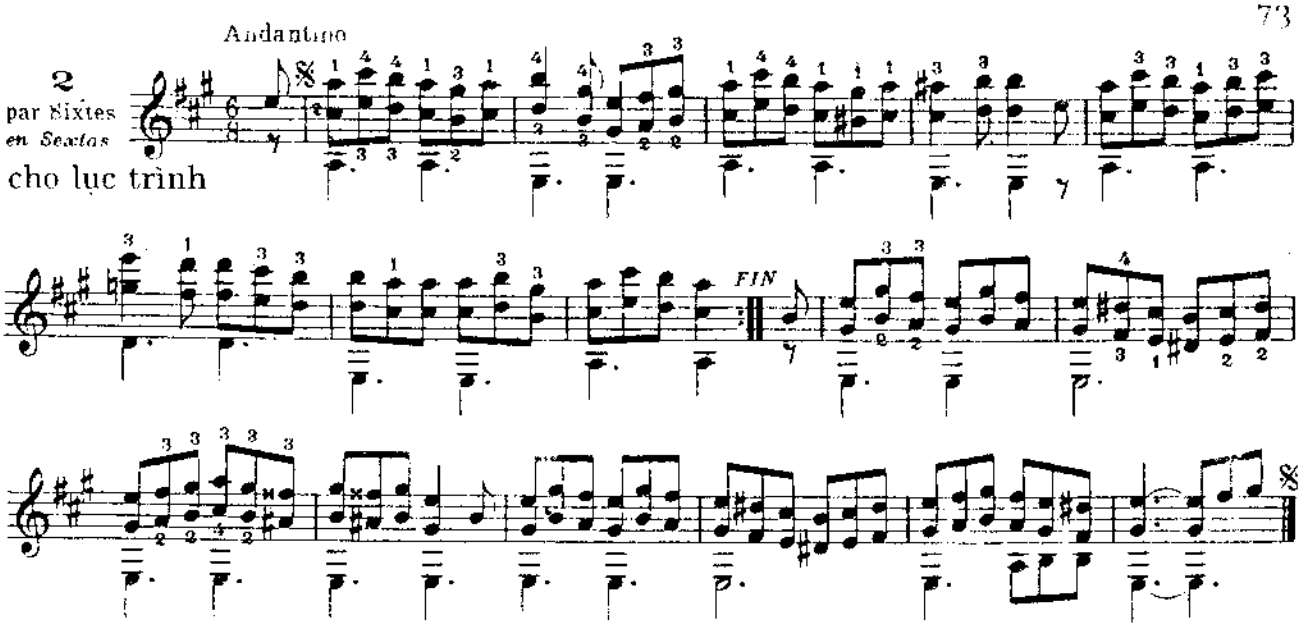

Andante mosso

3
par Octaves
en Octavas
cho bát trình

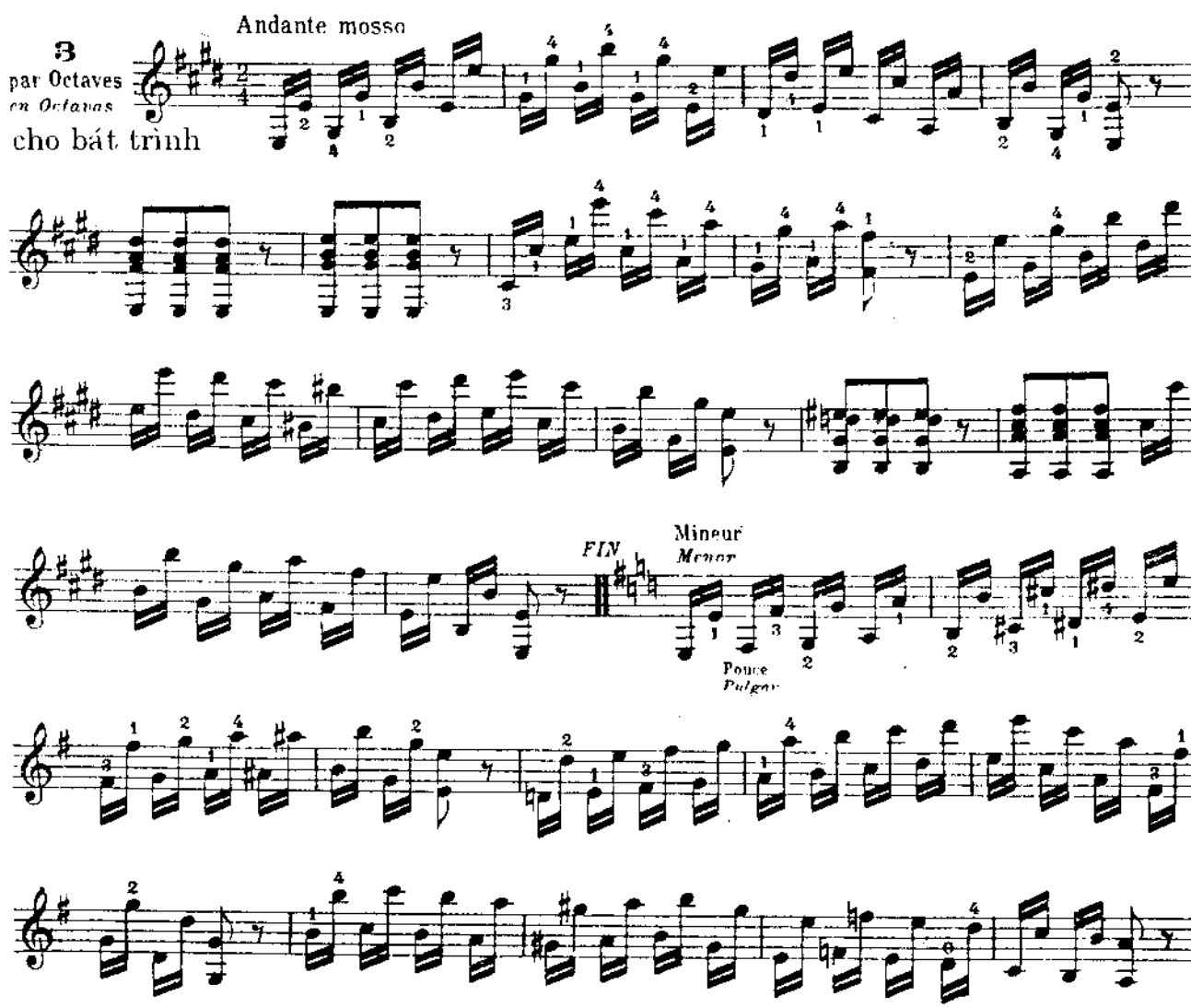

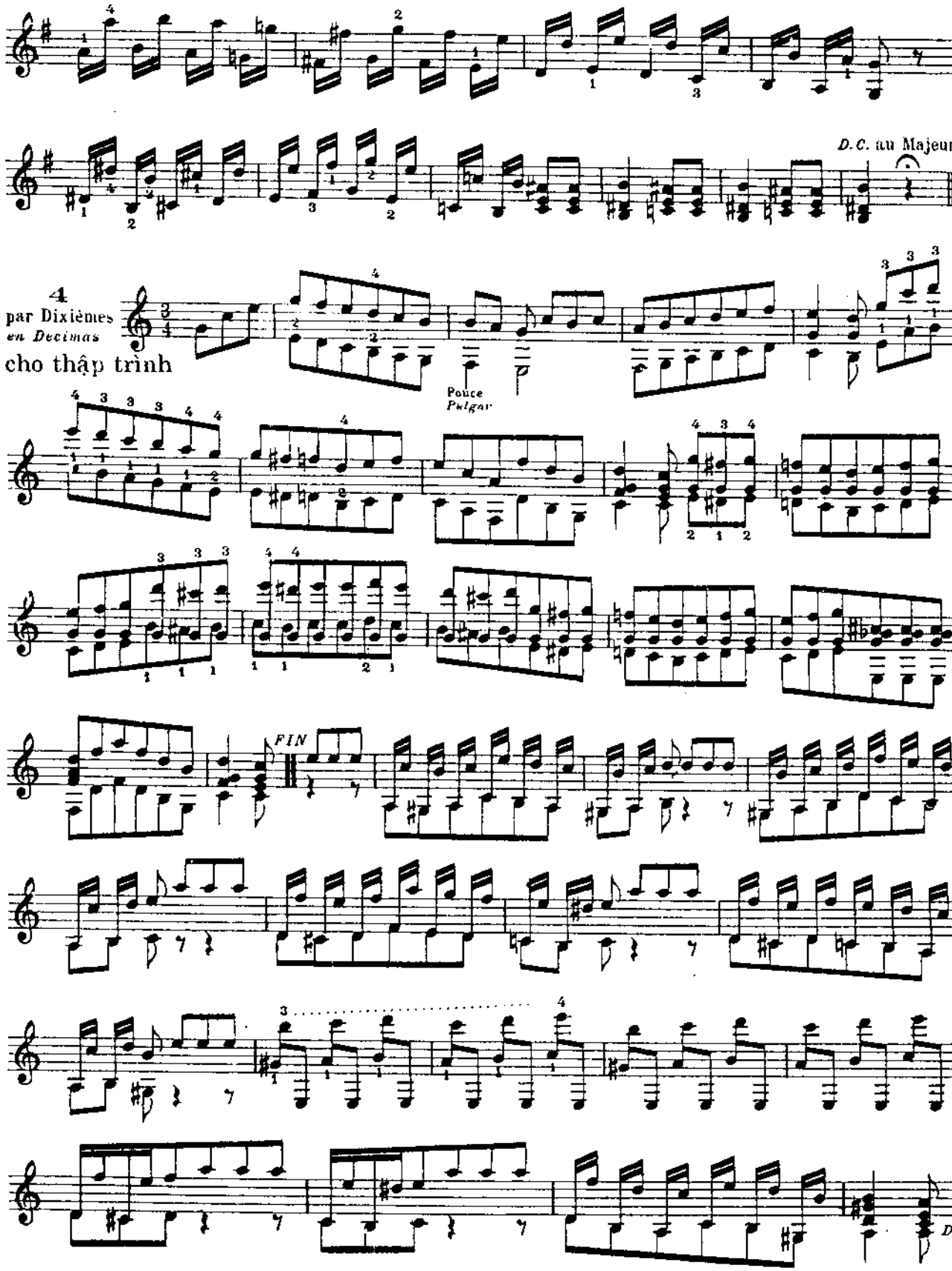
D.C. au Majeur
4
par Dixièmes
en Decimas
cho thập trình
Pouce
Pulgar
FIN
D.C.

NHỮNG ÂM THANH HÀI HÒA

Âm thanh hài hòa (nghe như tiếng chuông) được tạo ra trên các phím 5, 7 và 12 và đôi lúc ở phím 4 và 3 của các dây trầm.

Để đàn được các âm thanh trên, các ngón tay trái phải để nhẹ trên phím đàn (A), không được bấm giữa ô phím đàn. Người ta đánh dây đàn mạnh bằng ngón cái của tay mặt, gần nơi con ngựa chống đàn.

(A) Phím đàn là một vạch ngăn bằng đồng, nơi người ta chia ô phím thành từng nửa giọng.

Dưới dây là âm thanh hài hòa trên 6 dây đàn.

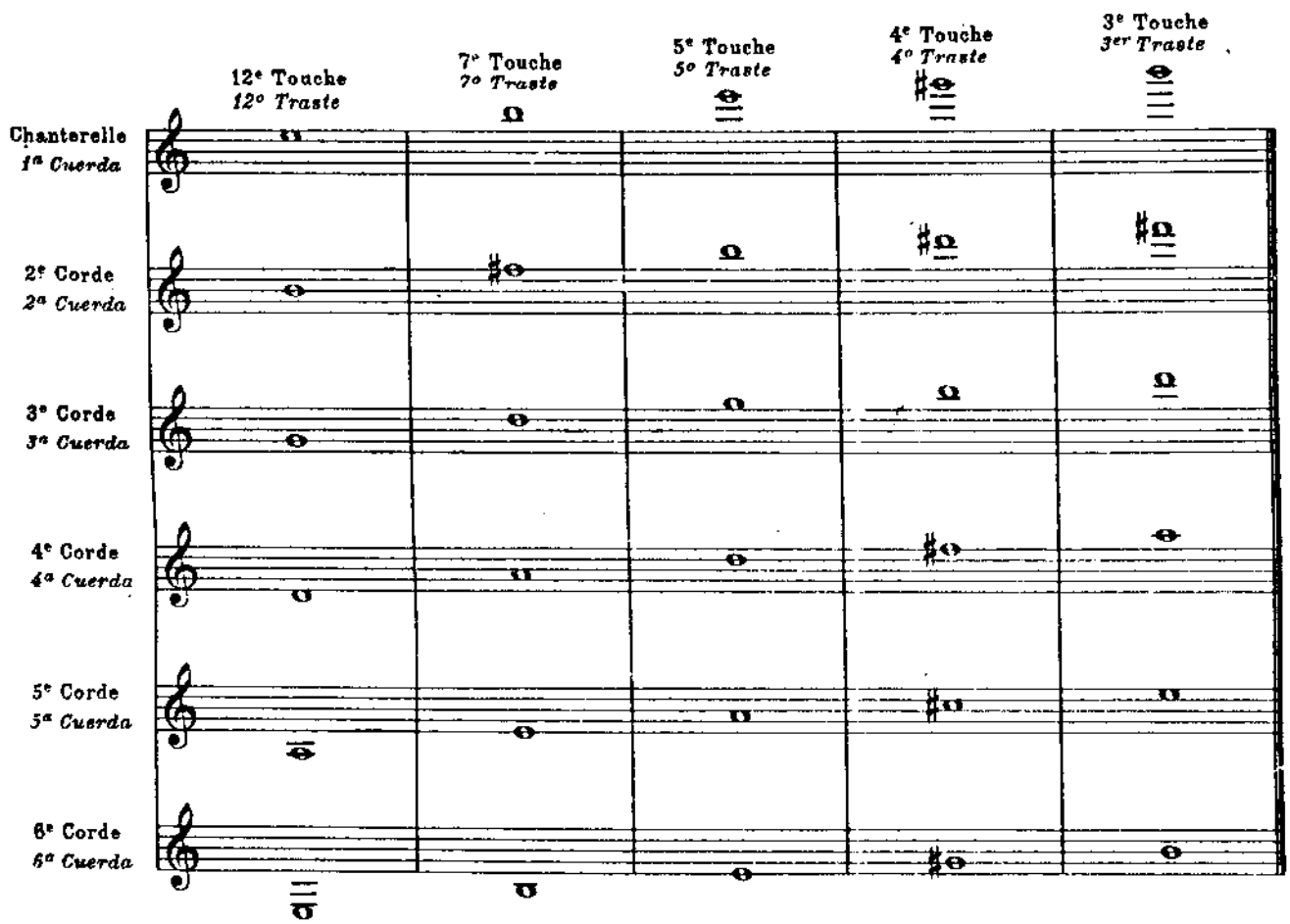

BÀI TẬP ÂM THANH HÀI HÒA

Để thực hiện bài tập dễ dàng, các nốt được đánh số ở phía trên và dưới. Các số phía trên để chỉ số phím đàn và các số ghi ở dưới để chỉ dây đàn.

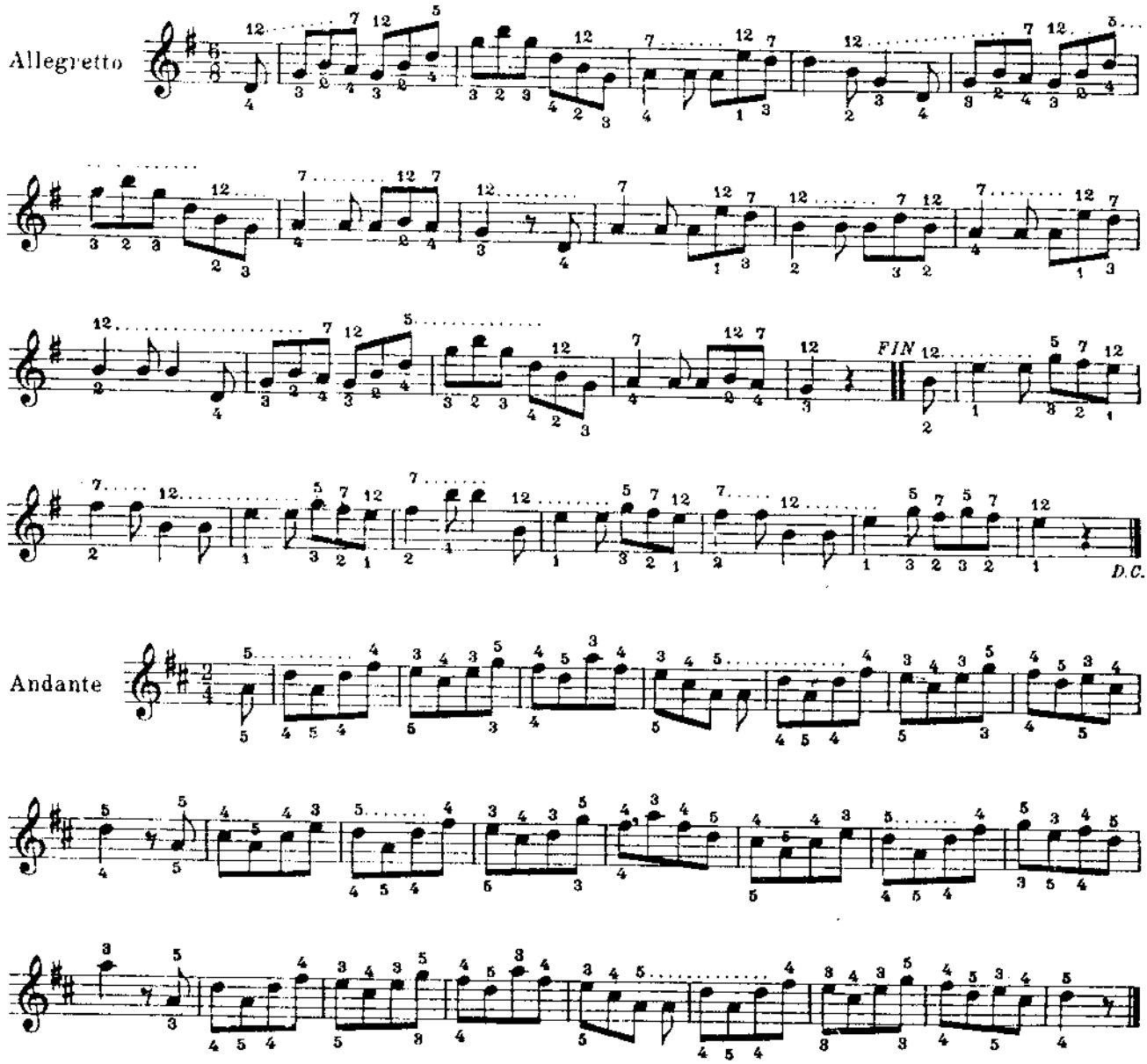

Ở phần cuối, có 6 dạo khúc hay các bài tập về chảy tiếng, dấu láy, các thế bấm và các nốt đôi.

CÁC BÀI LUYÊN TẬP TIẾP THEO

41

A la Polonaise

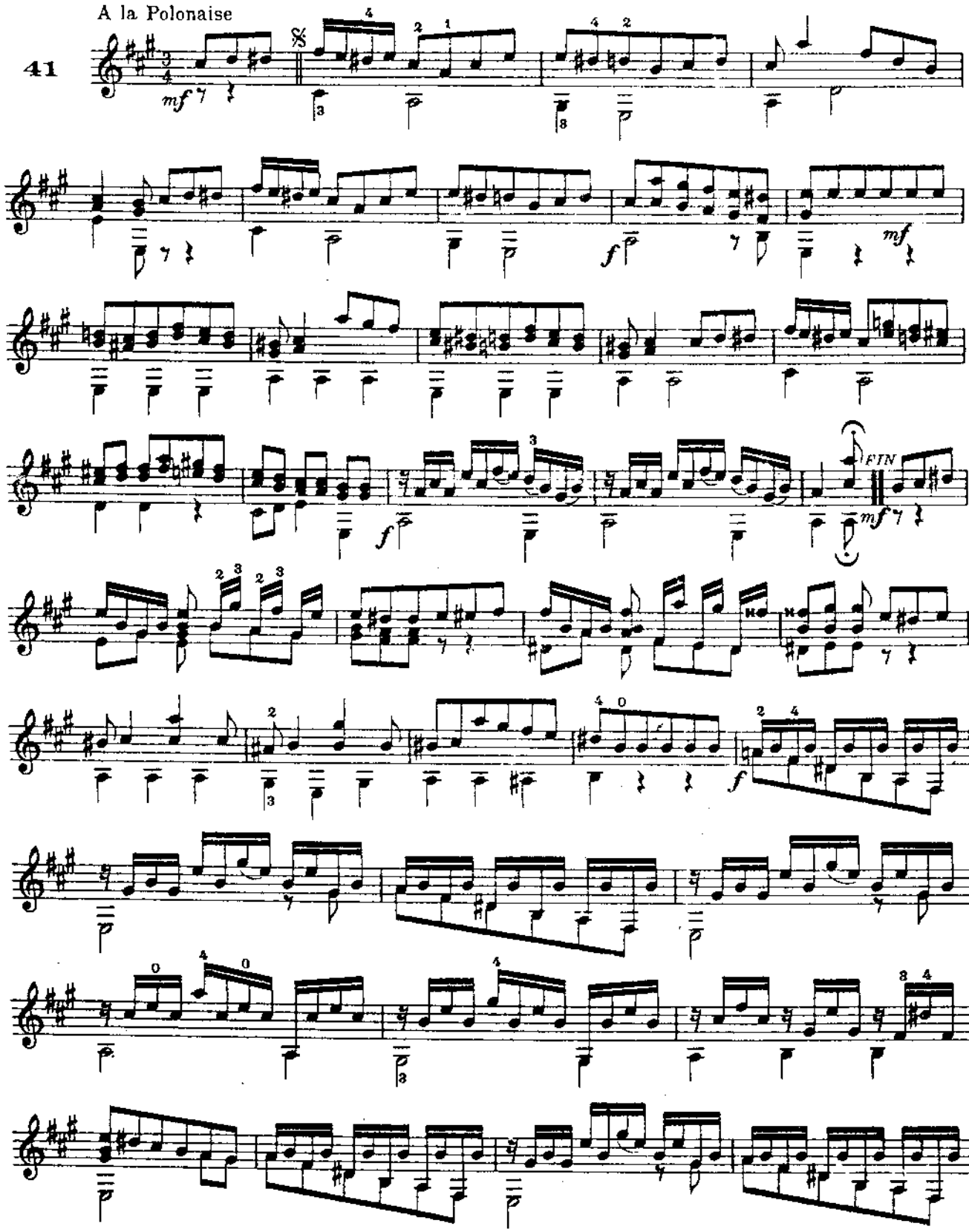

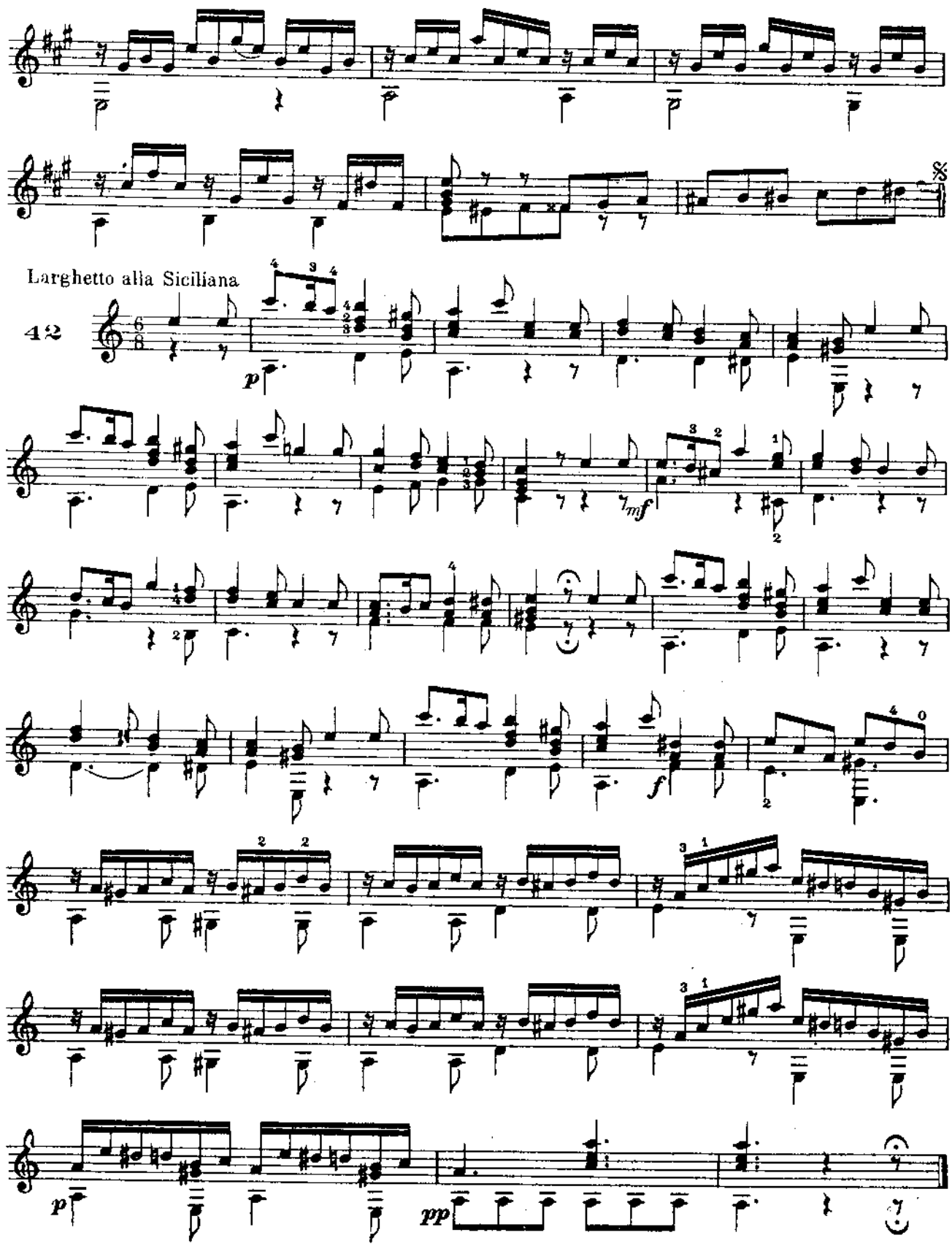
Larghetto alla Siciliana
42
p
mf
f
pp

Poco allegretto

48

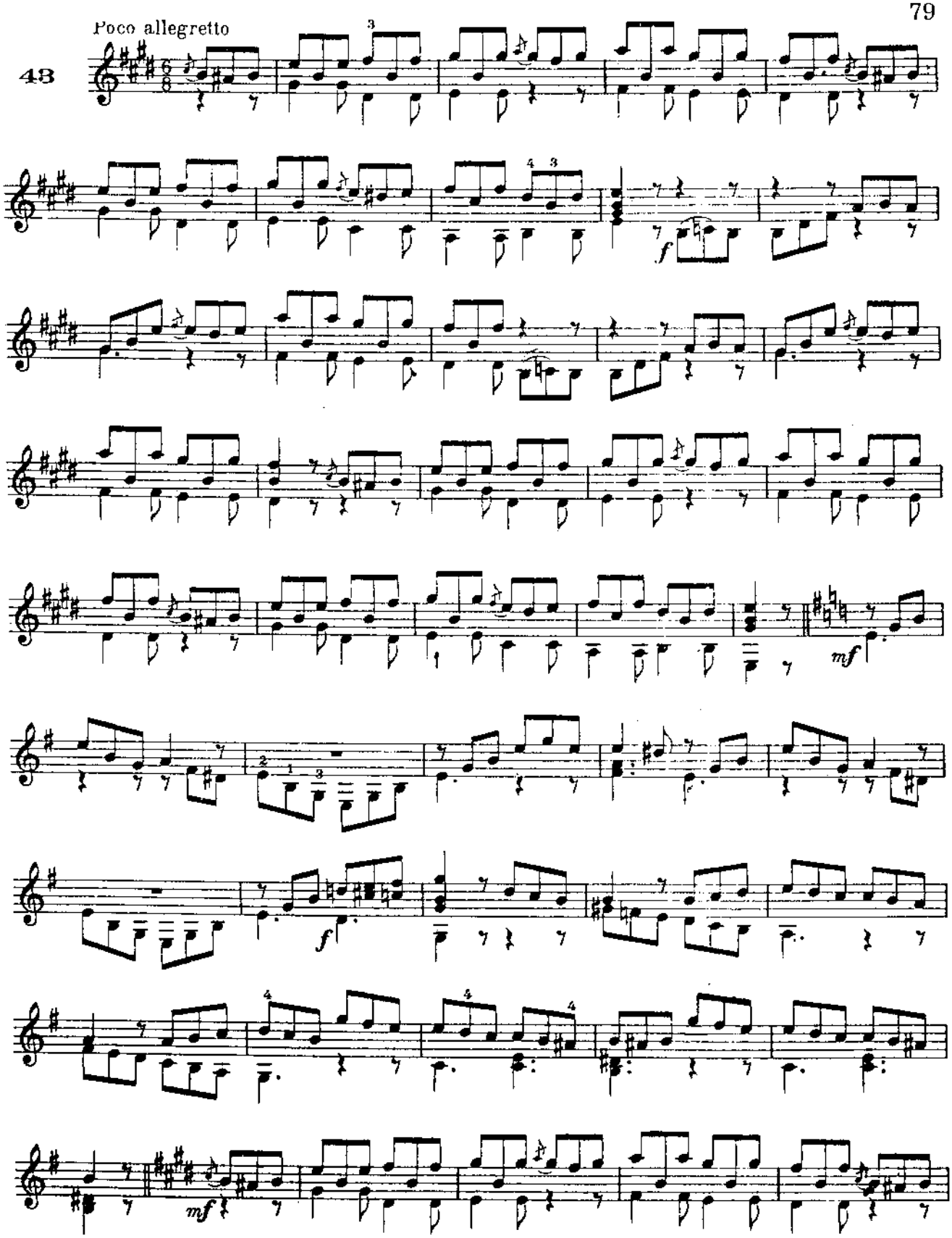

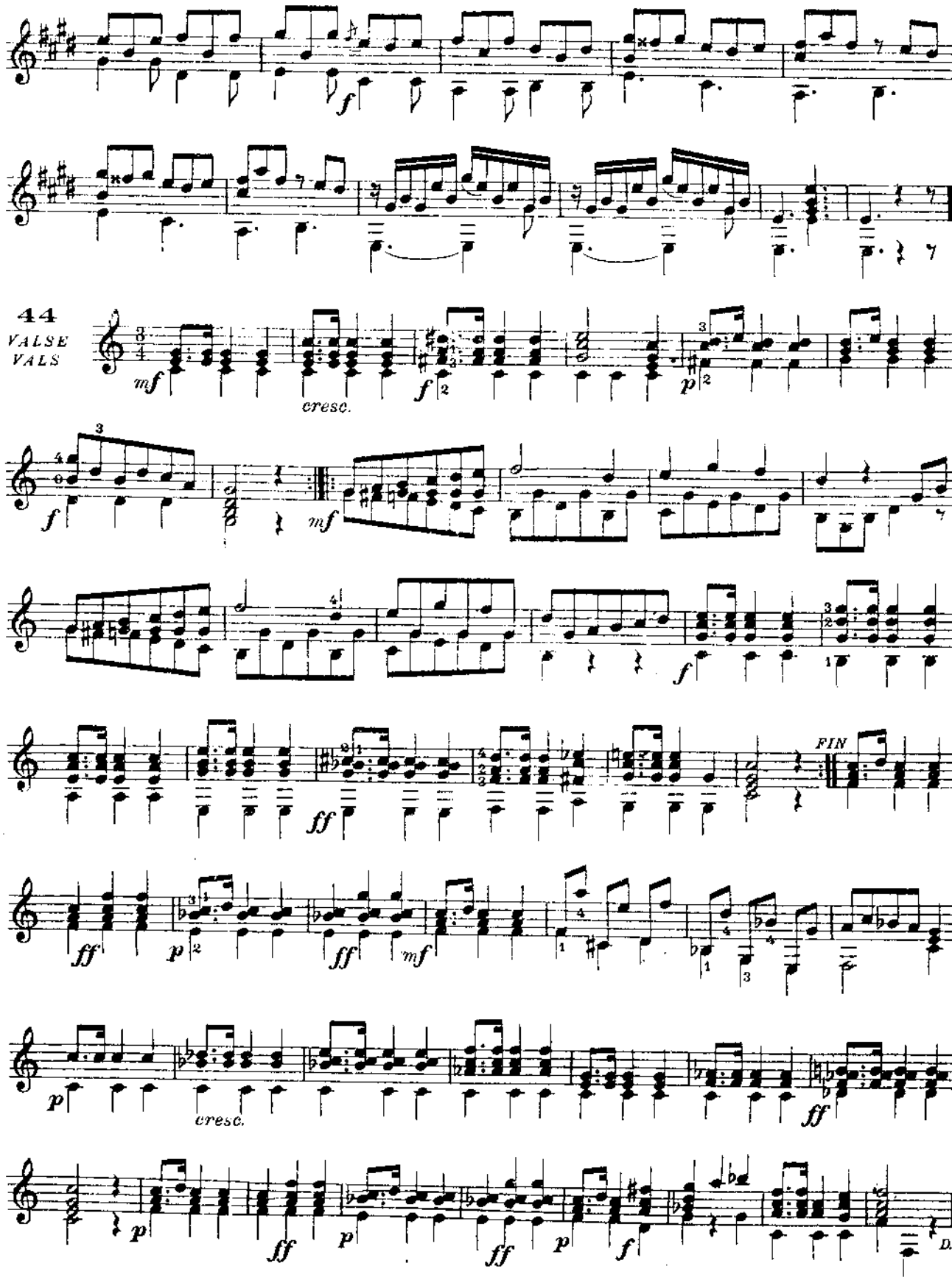
44
VALSE
VALS
mf
cresc.
f
p
FIN
ff
D.

Larghetto

45

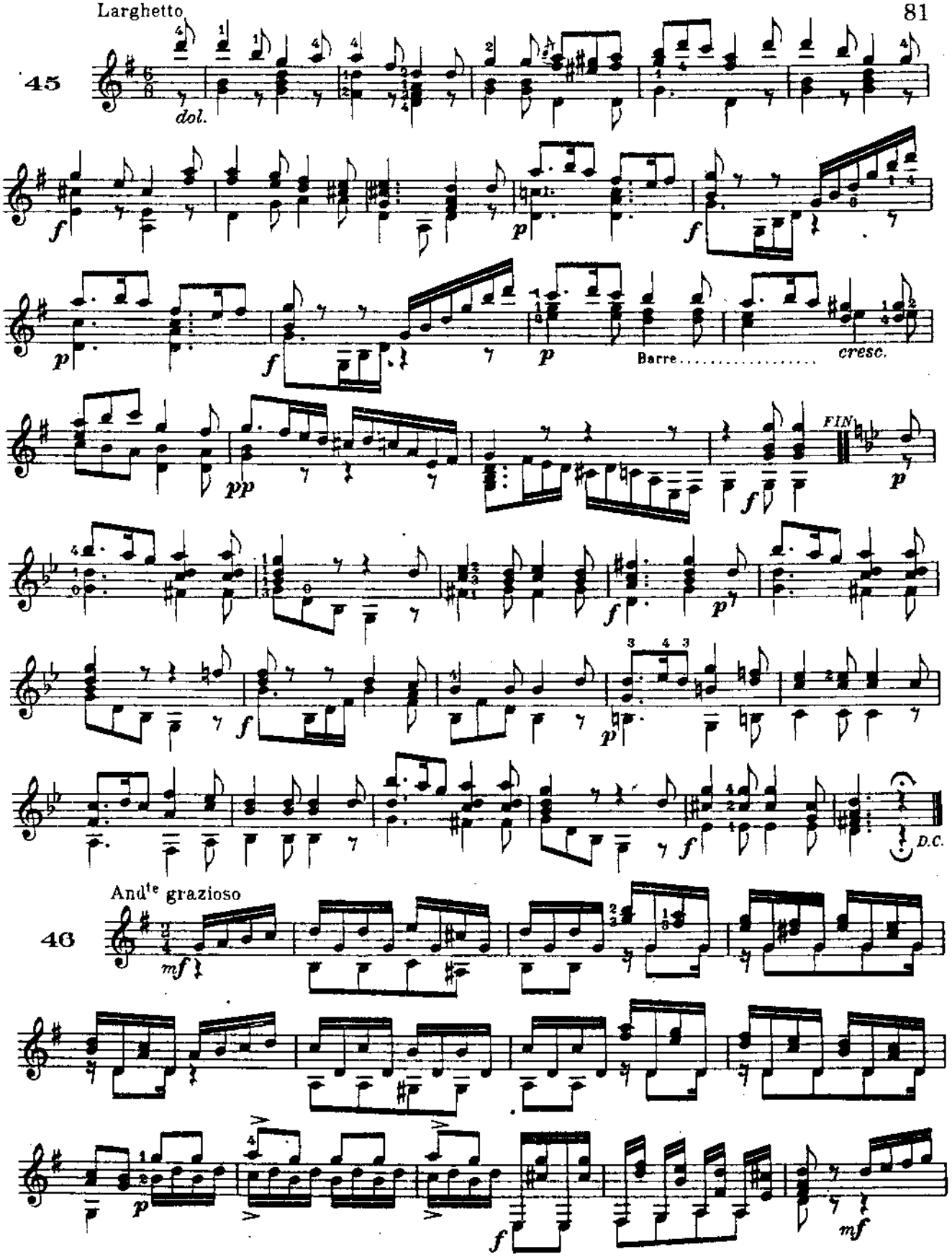

And^te grazioso

46

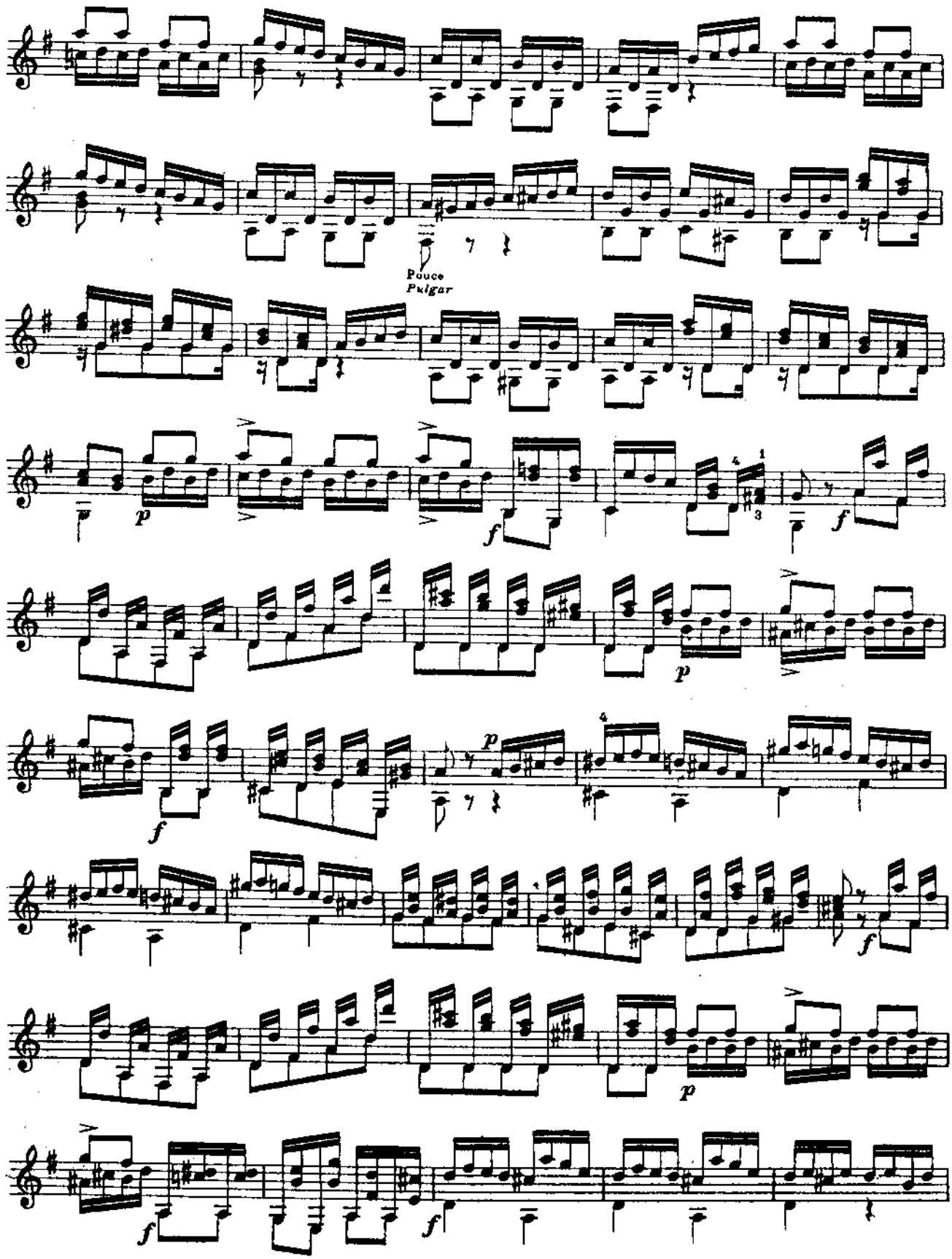
Pouce
Pulgar

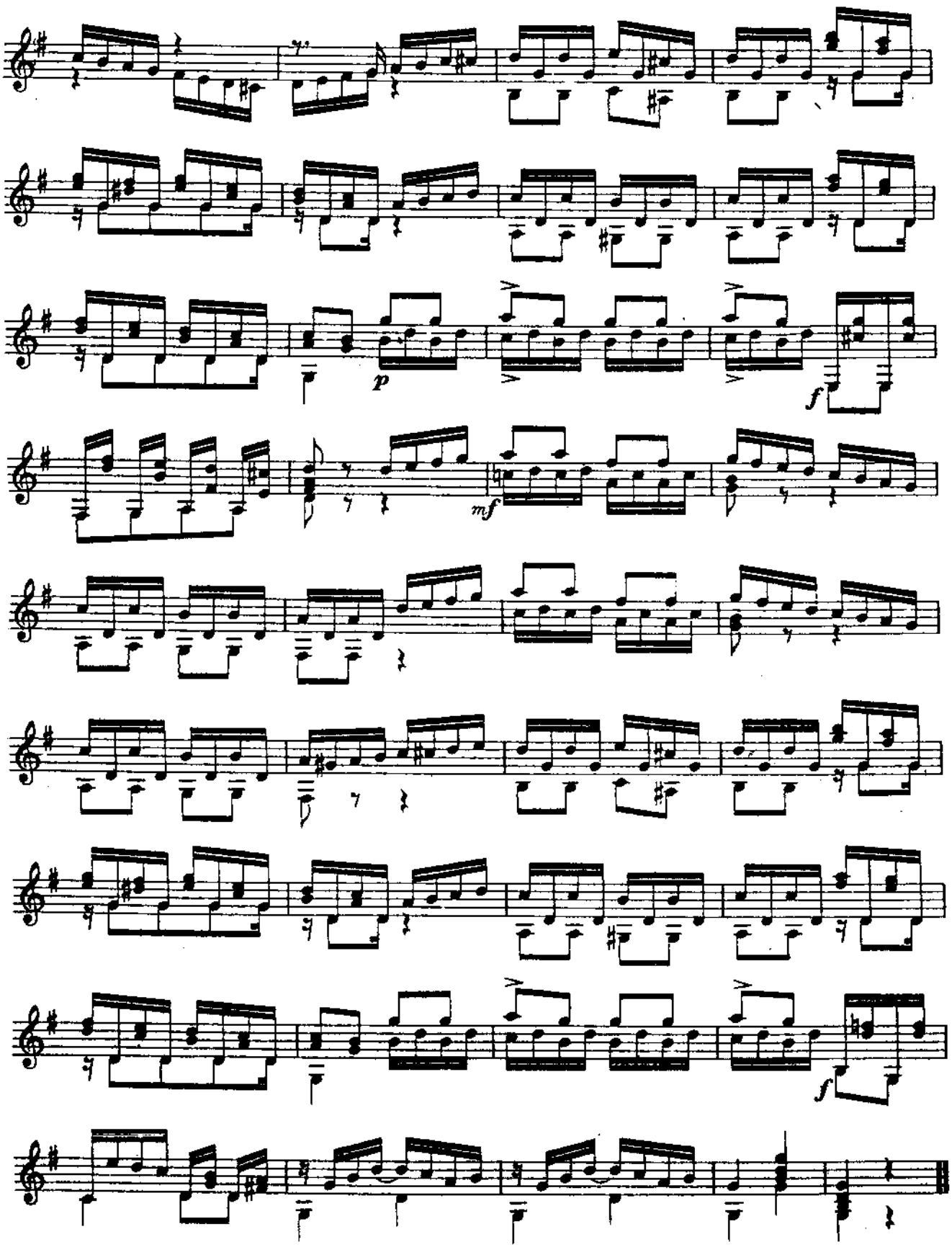
p
f
mf
f

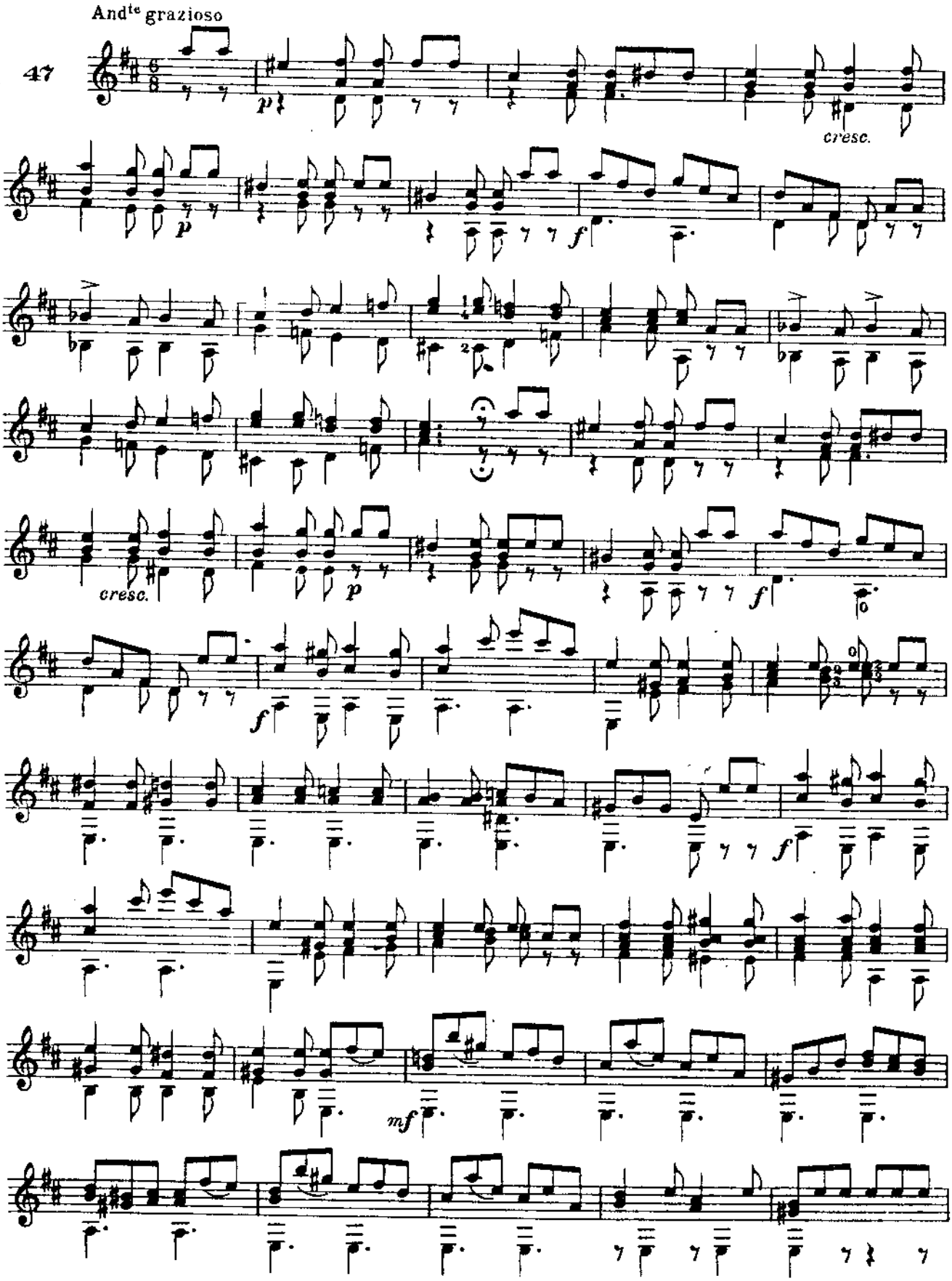
And^te grazioso
47
cresc.
cresc.

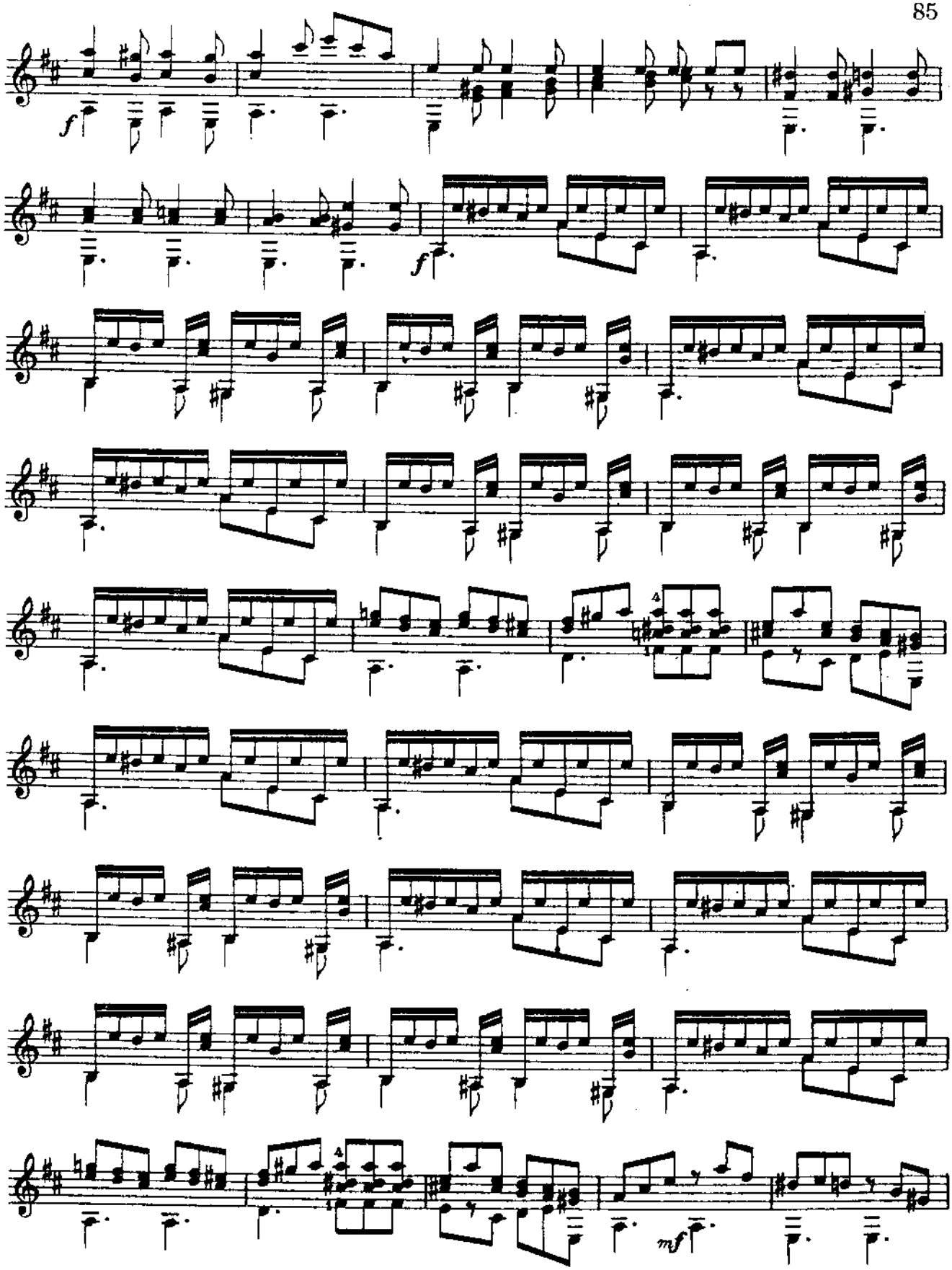
f
f
4
4
mf

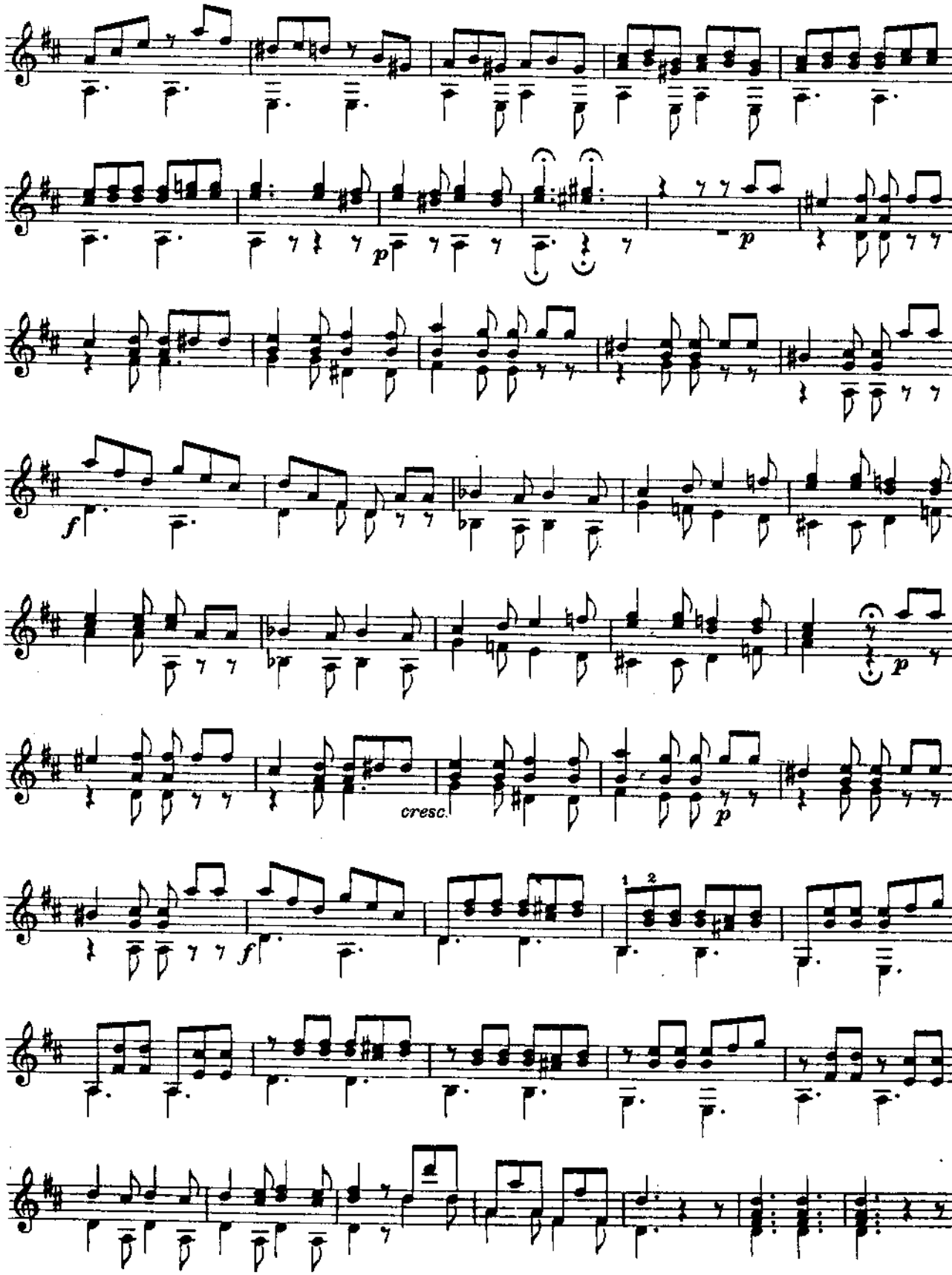
p
p
f
p
cresc.
p
f
1
2

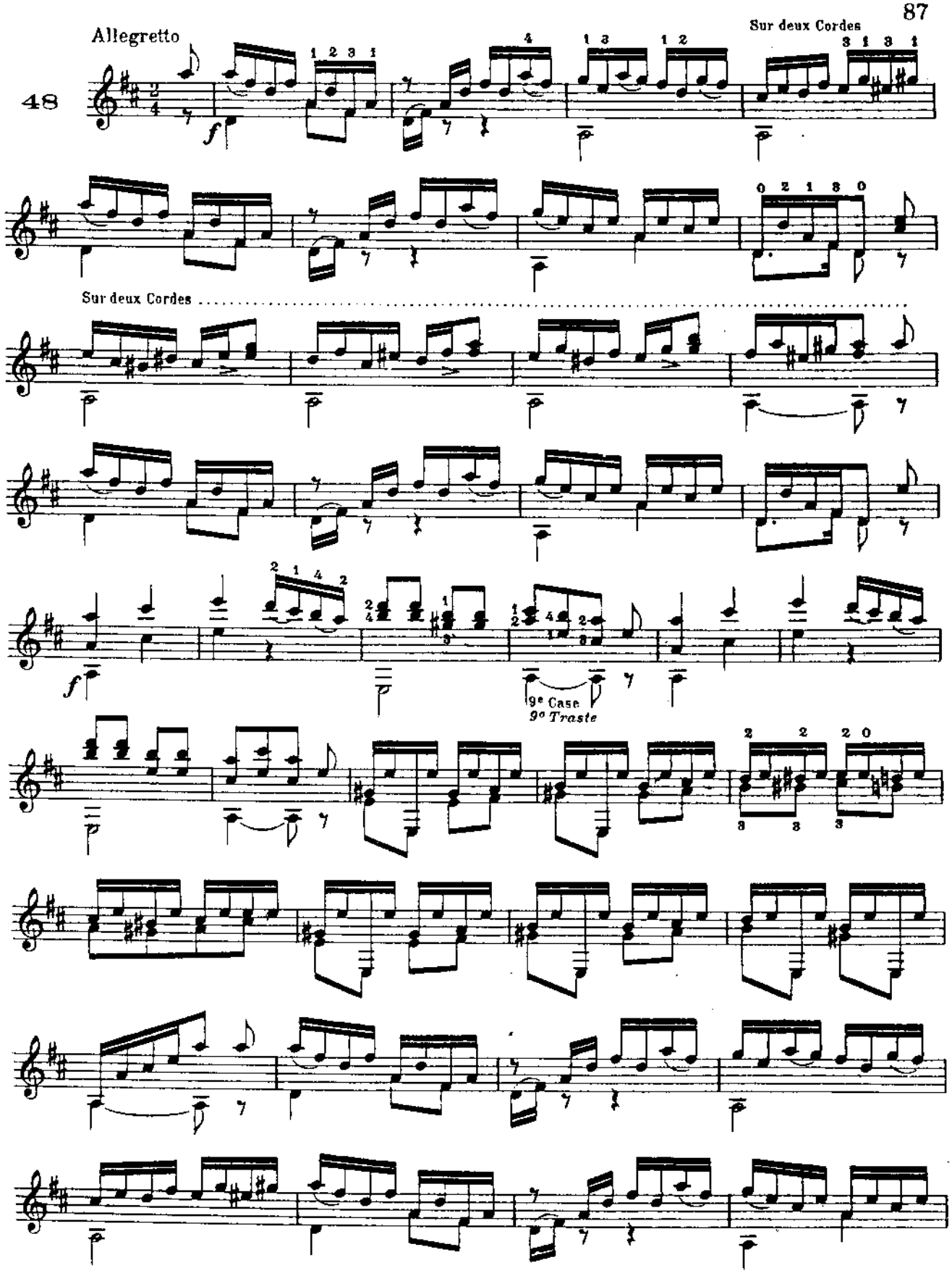
Allegretto
48
Sur deux Cordes
Sur deux Cordes
9e Case
9o Traste

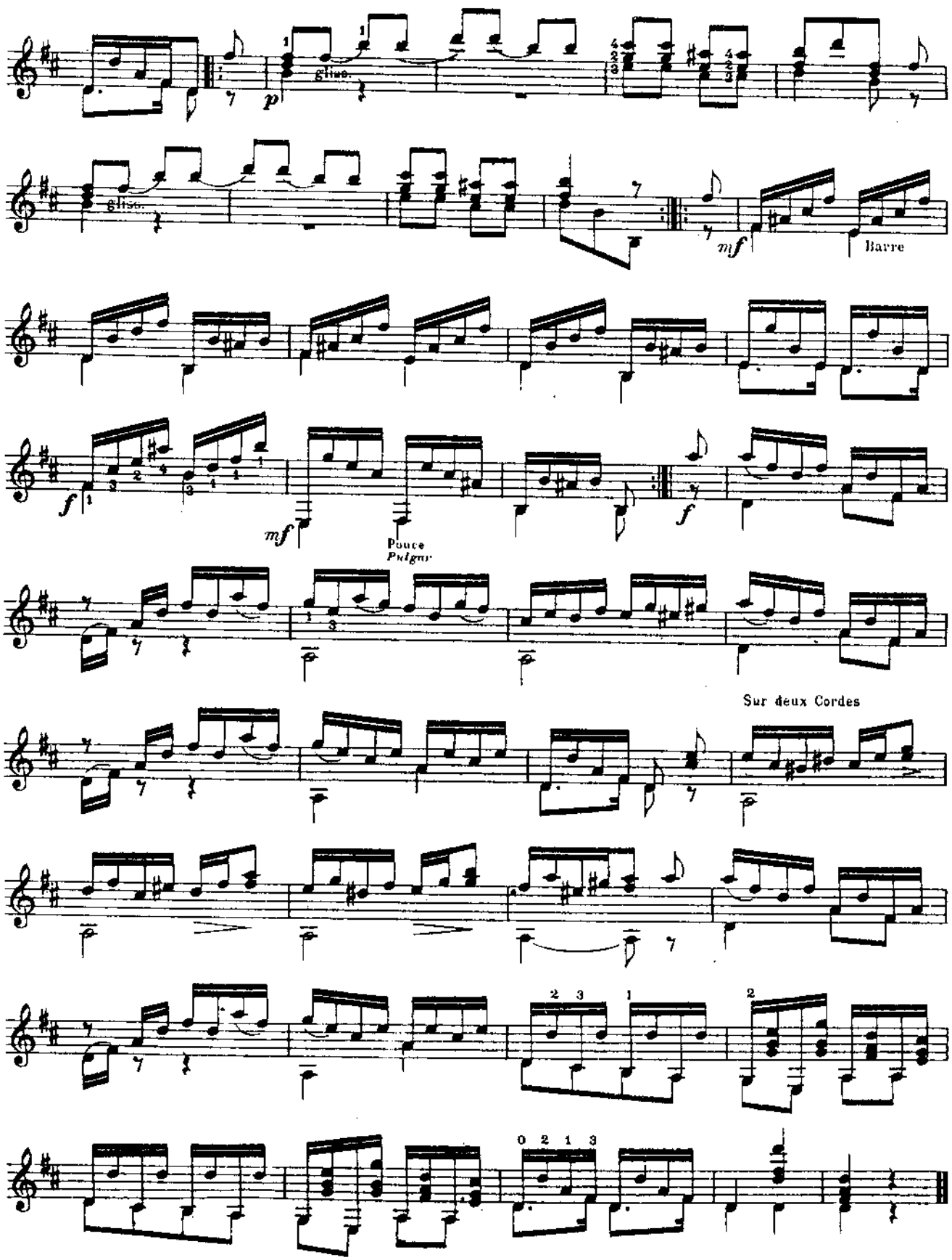
glissé
p
glissé
mf
Barre
f
mf
Pouce
Pulgar
f
Sur deux Cordes

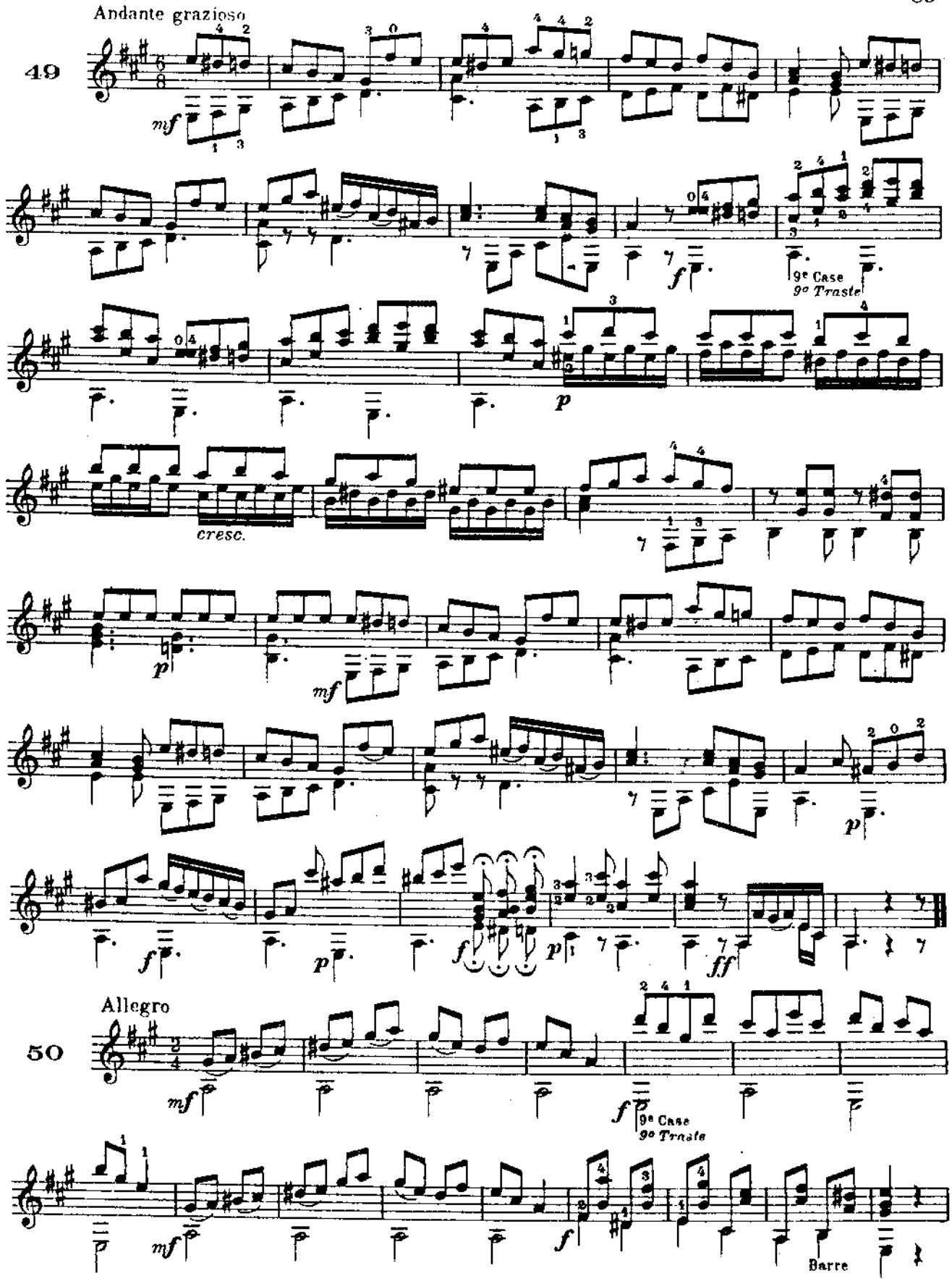
Andante grazioso
49
mf
9e Case
9o Traste
p
cresc.
mf
p
f
p
f
p
ff
Allegro
50
mf
f
9e Case
9o Traste
mf
f
Barre

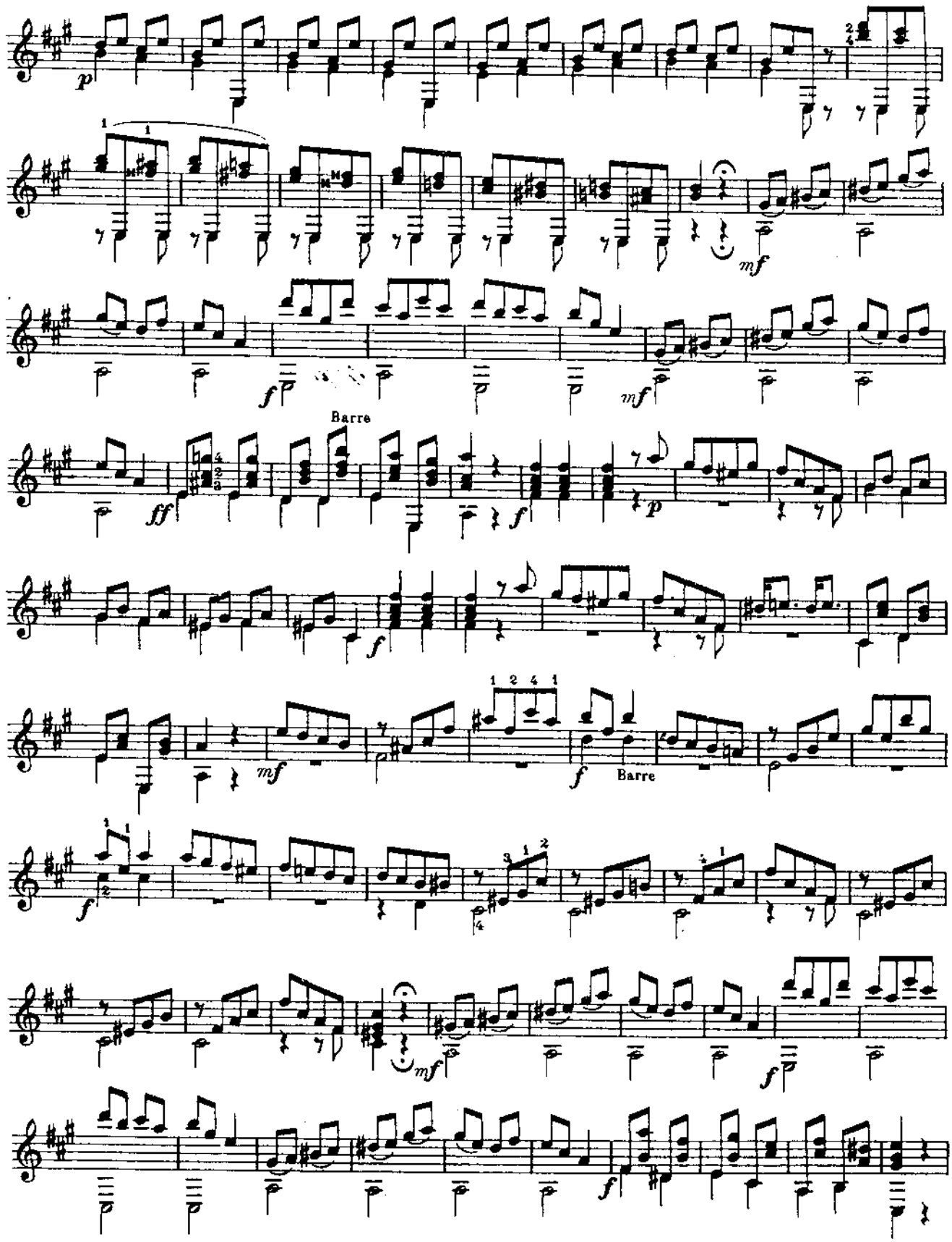
Barre
Barre

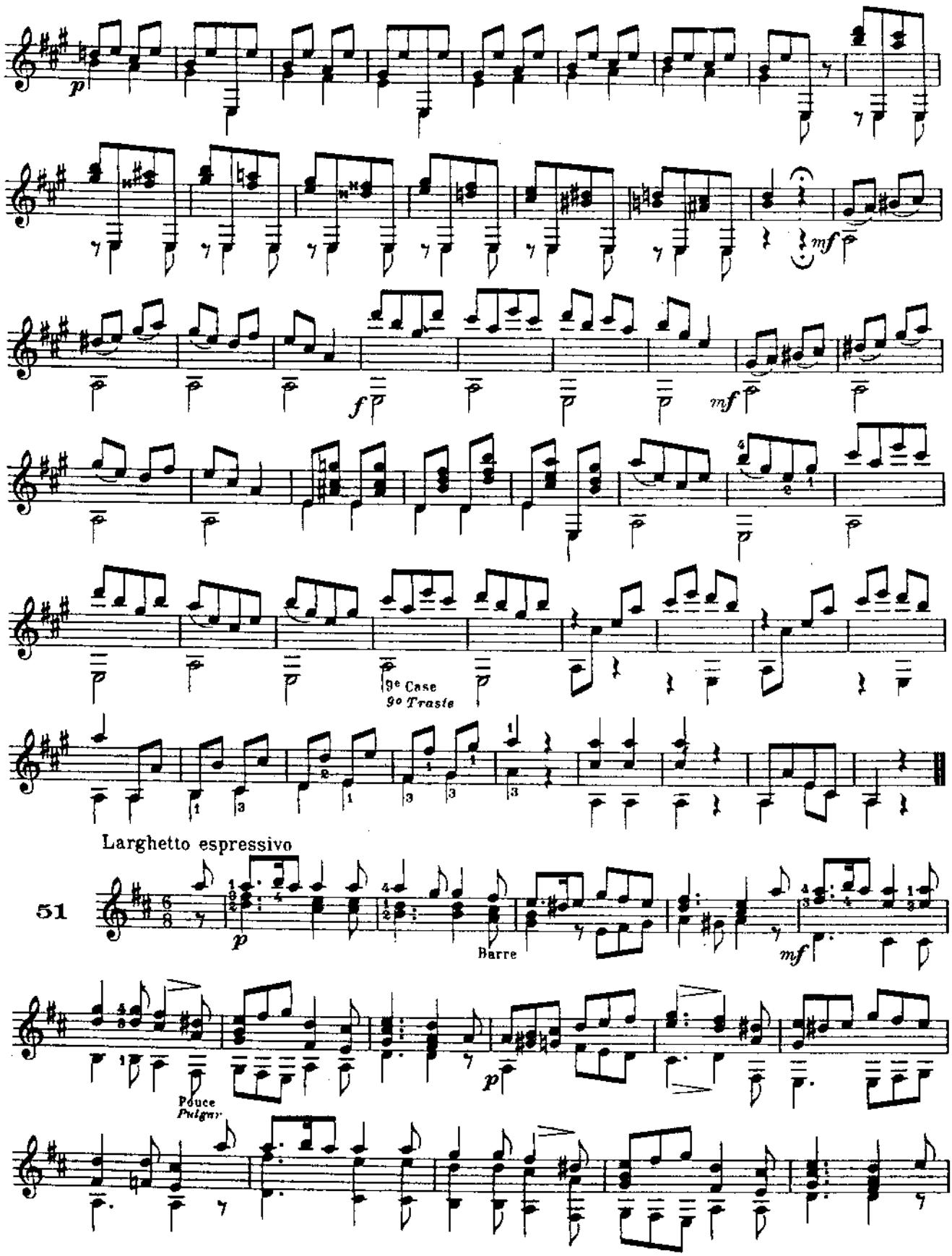
p
mf
f
mf
9e Case
9o Traste
Larghetto espressivo
51
p
Barre
mf
p
Pouce
Pulgar

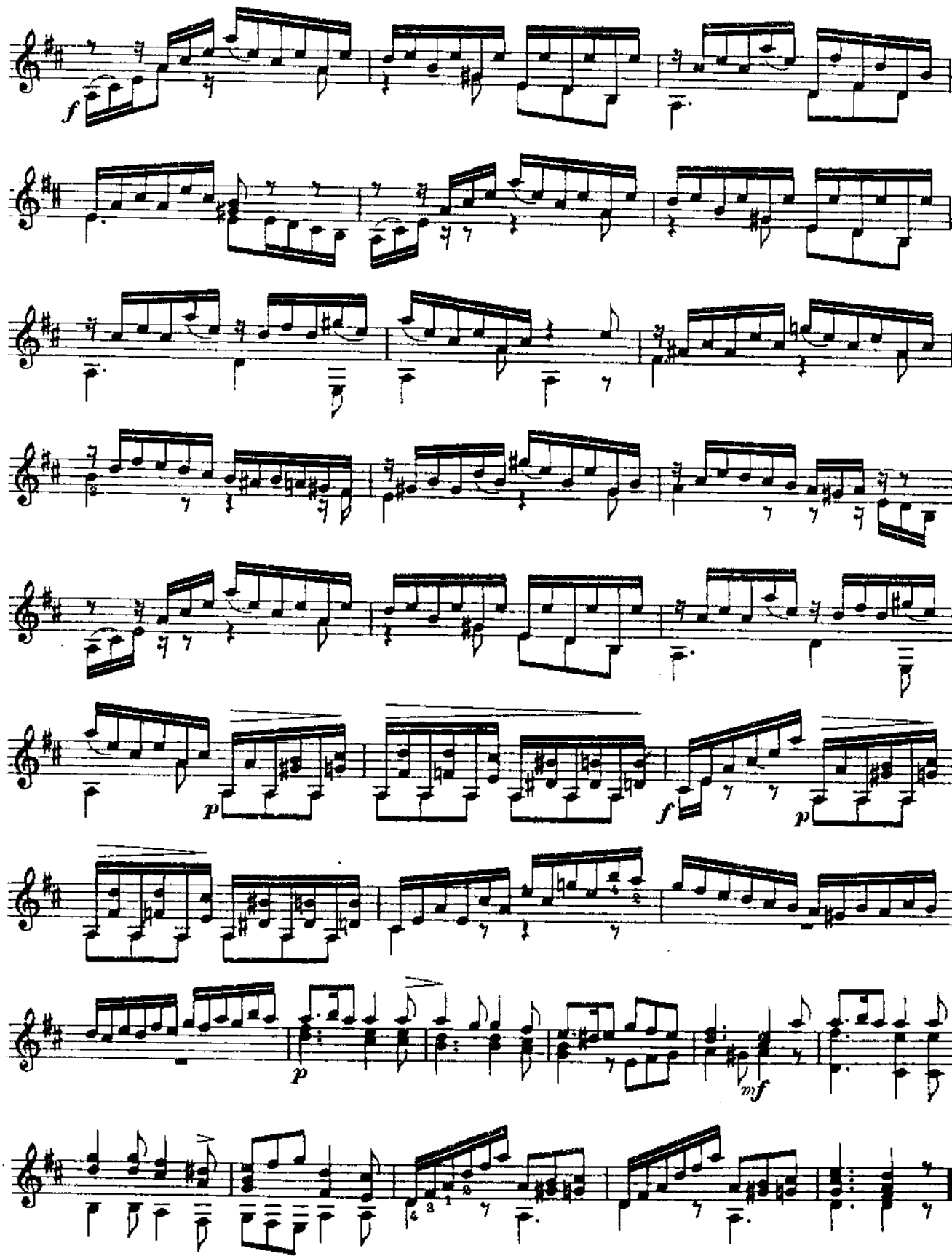
f
p
f
p
p
mf

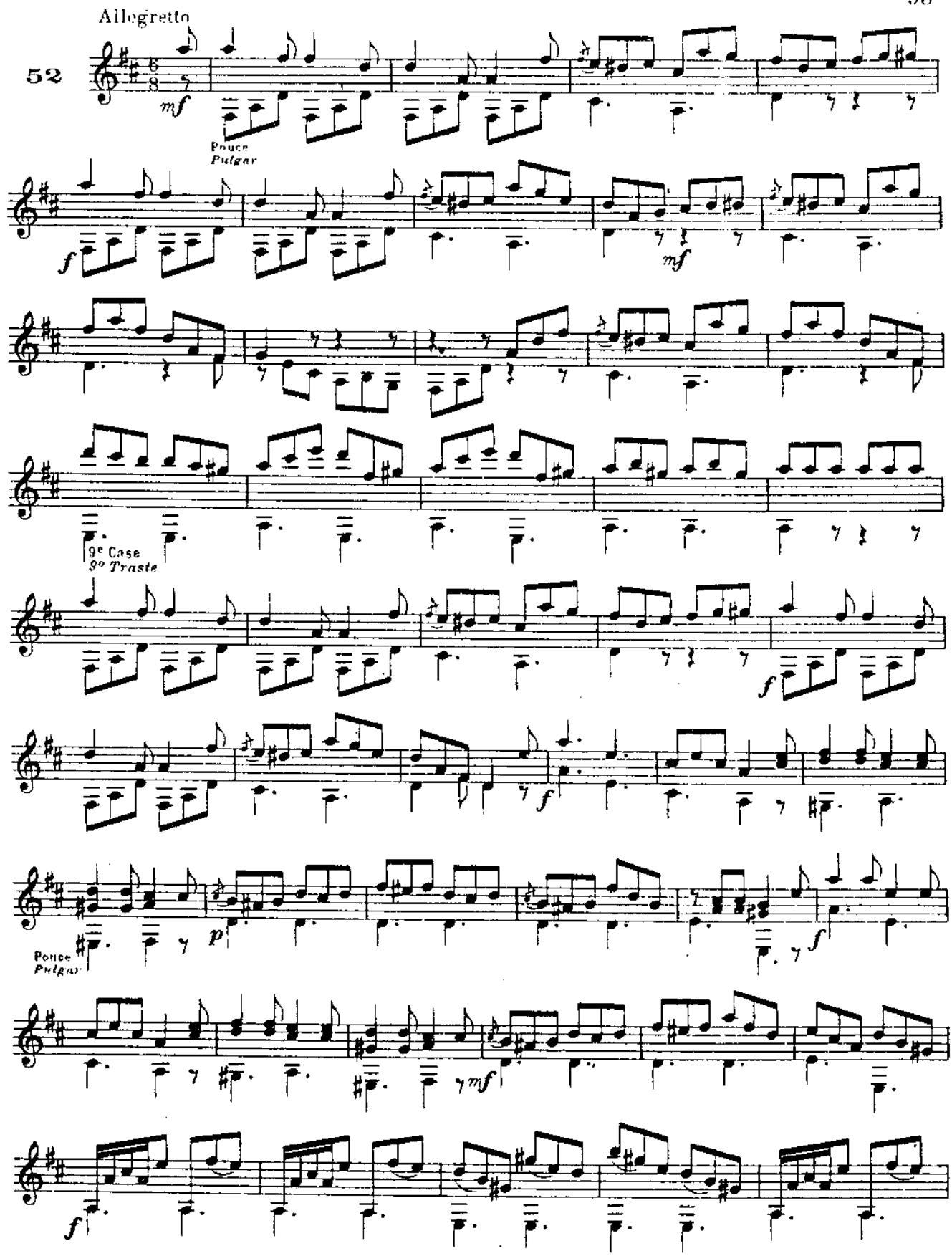
Allegretto
52
mf
Pouce
Pulgar
f
mf
9e Case
9o Traste
f
f
p
Pouce
Pulgar
f
mf
f

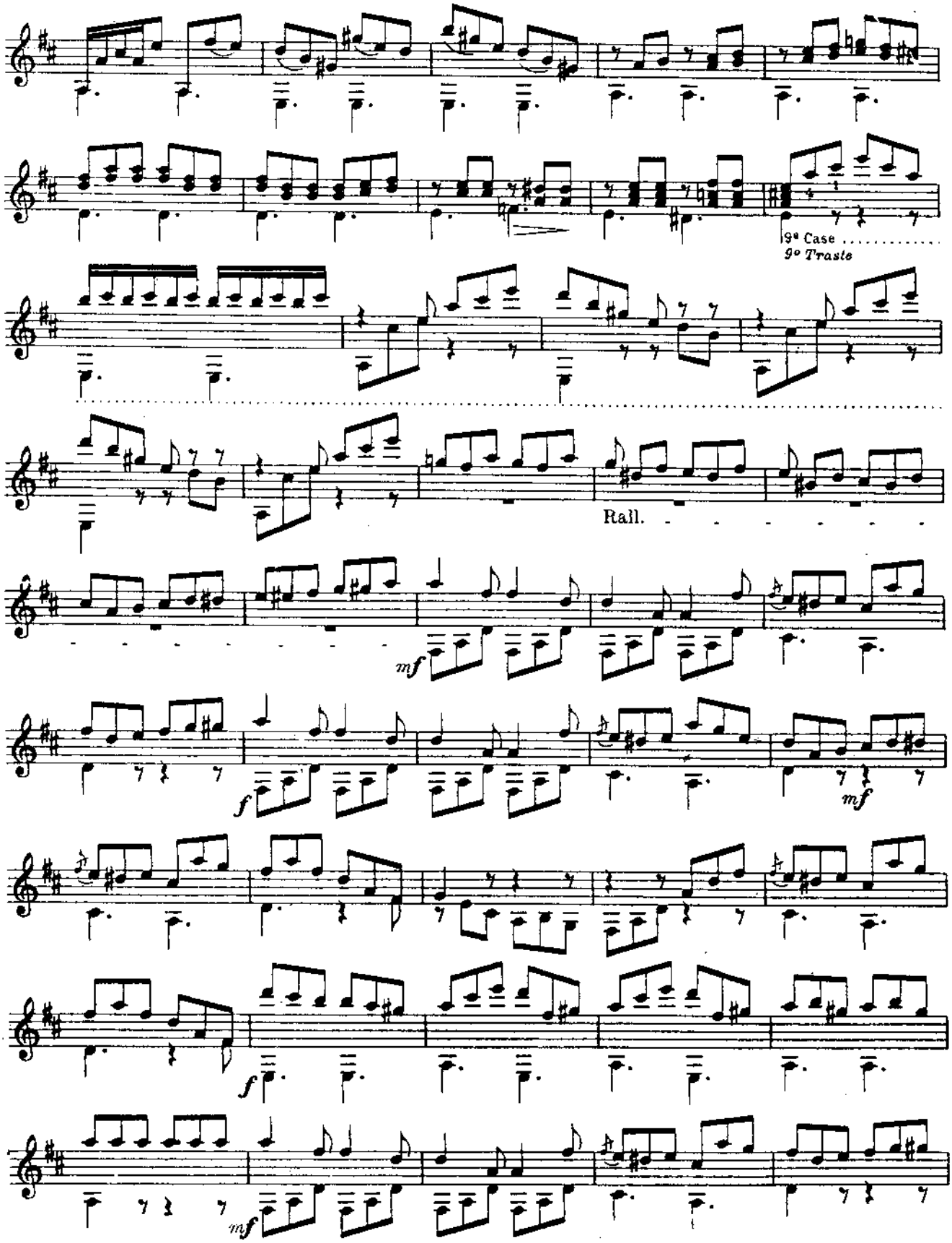
9ª Case
9º Traste
Rall.
mf
f
mf
f
mf

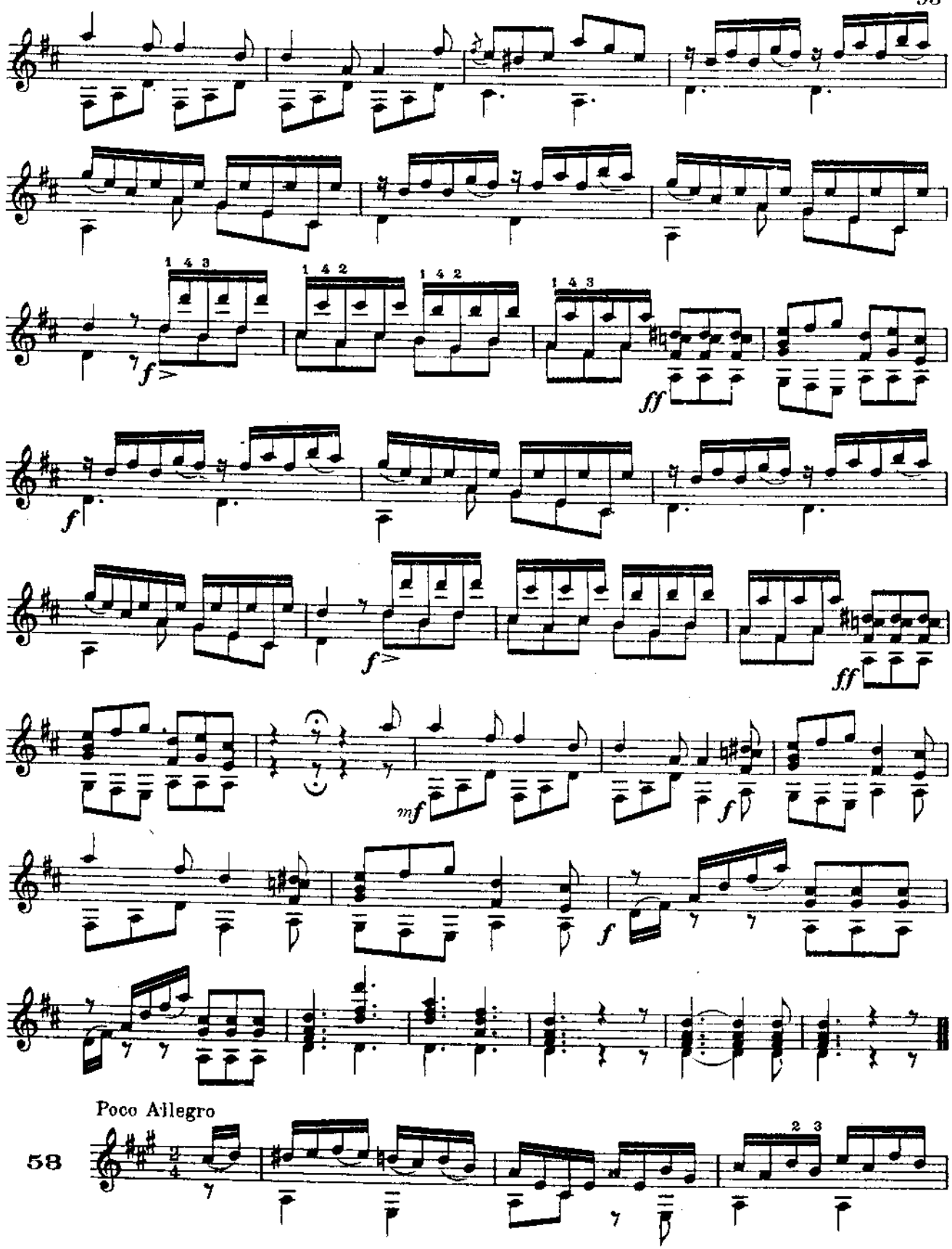
1 4 3
1 4 2
1 4 2
1 4 3
f
ff
f
f
ff
mf
f
f
Poco Allegro
58
2 3

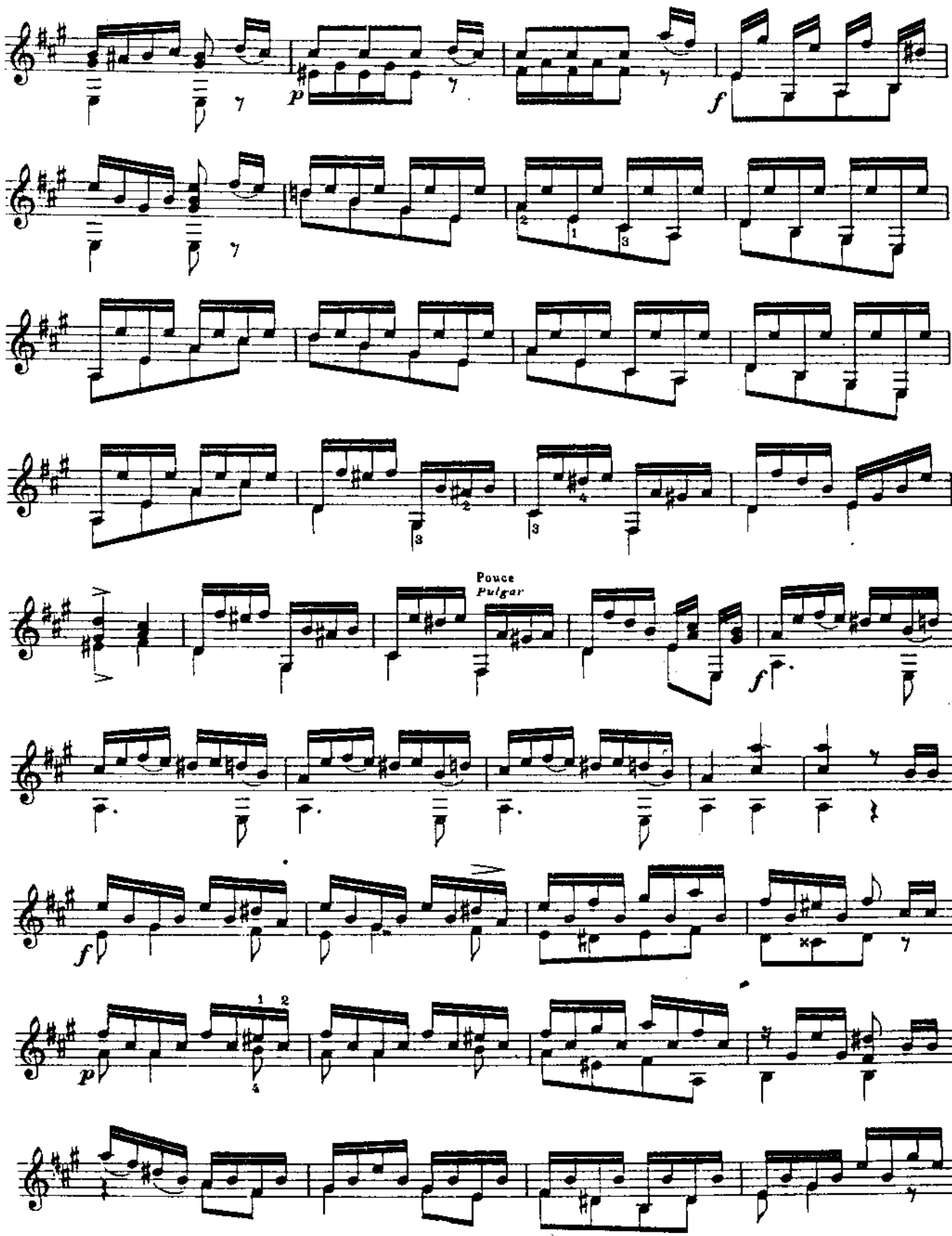
p
f
Pouce
Pulgar
f
f
p

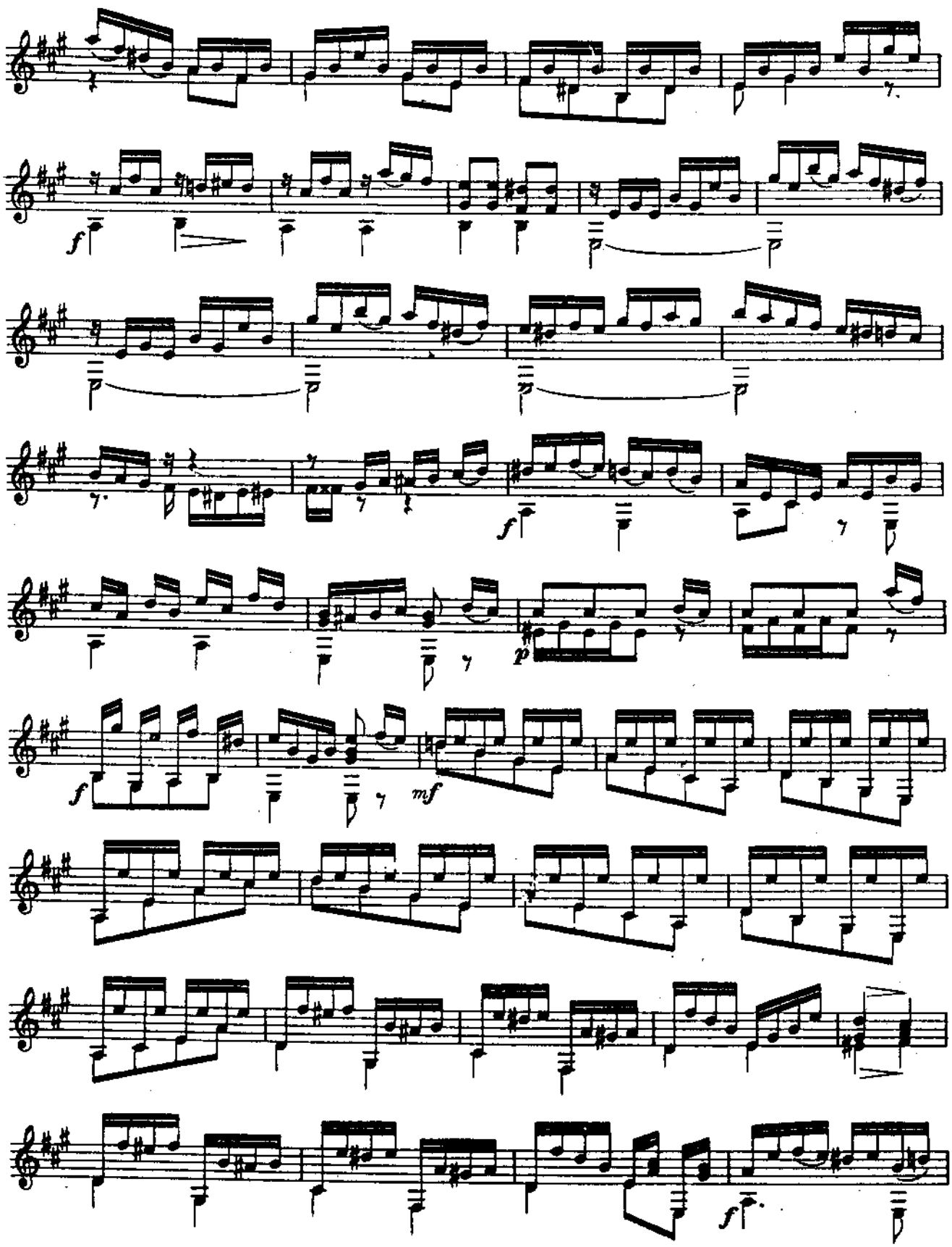
f
p
f
mf
f

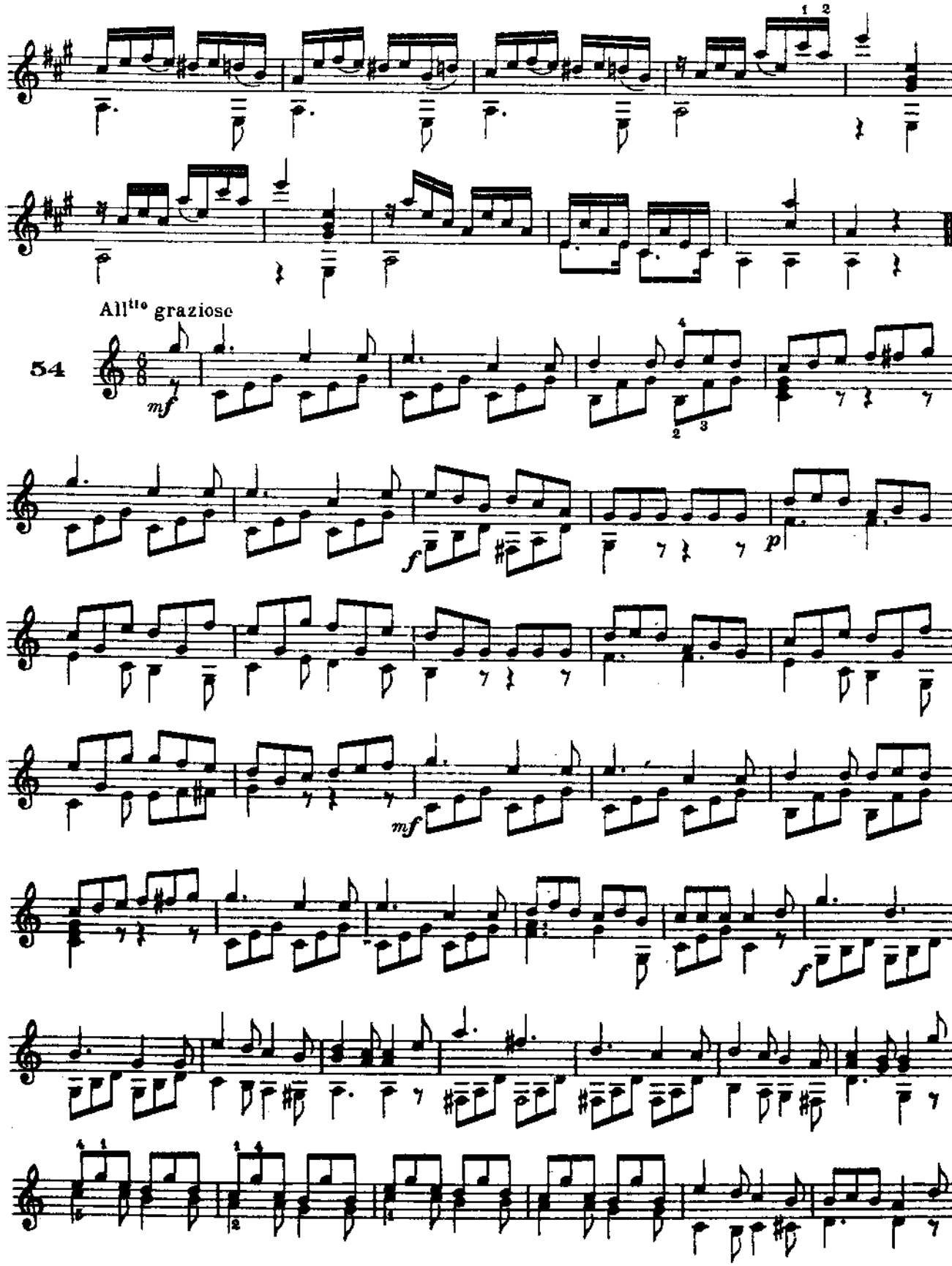
All^tto graziose
54
mf
f
p
mf
f

7ª Case
7º Traste

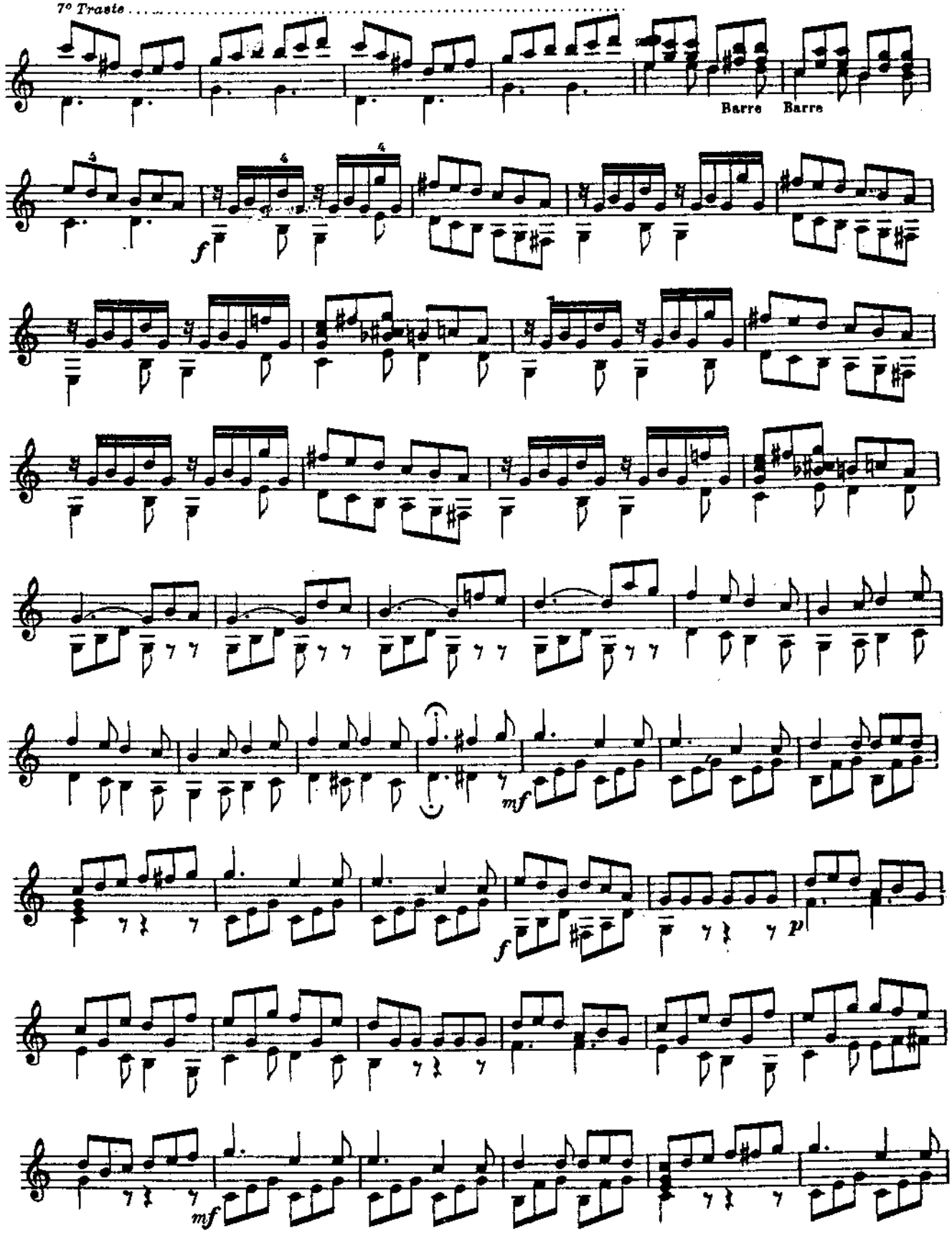

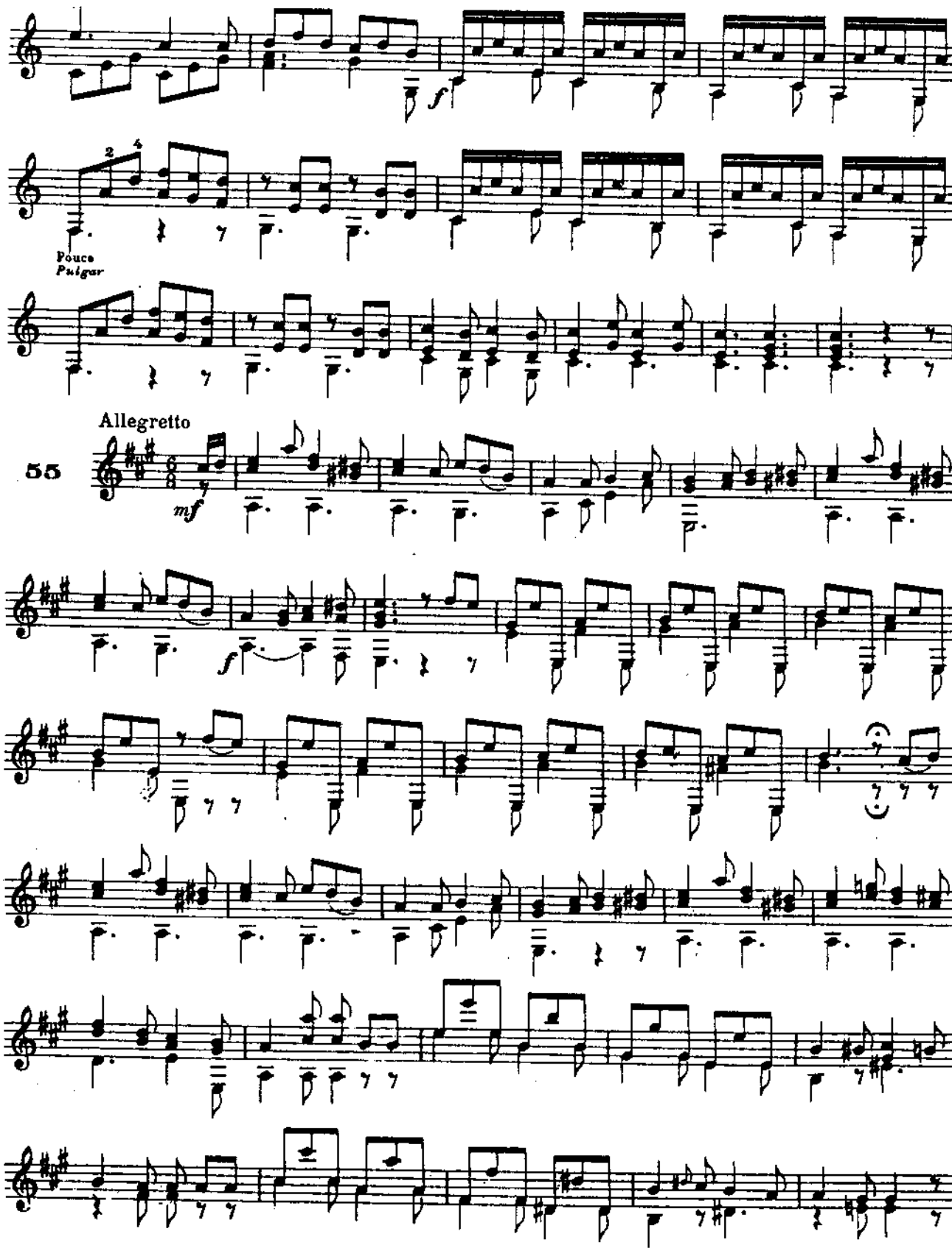
Pouce
Pulgar
Allegretto
55

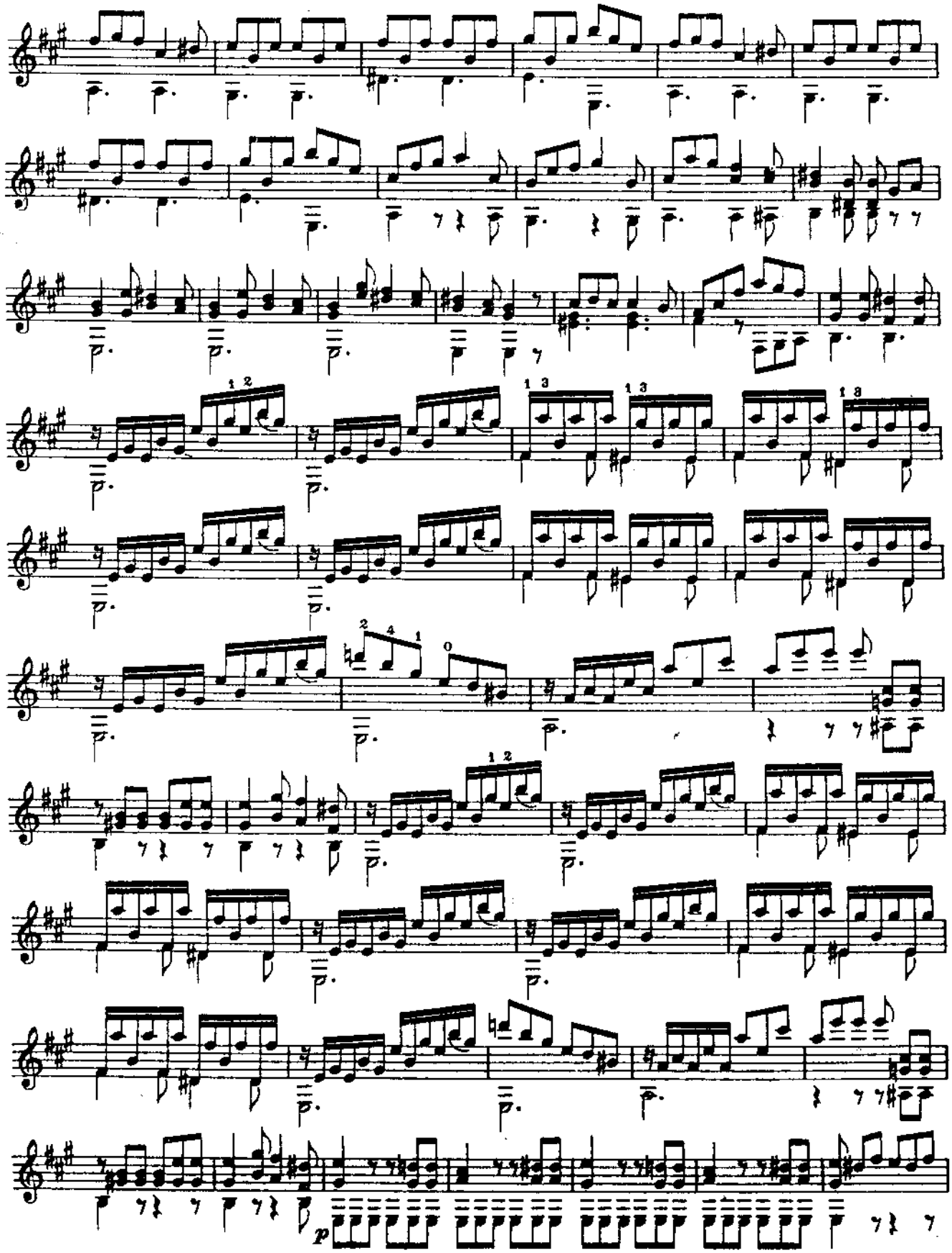

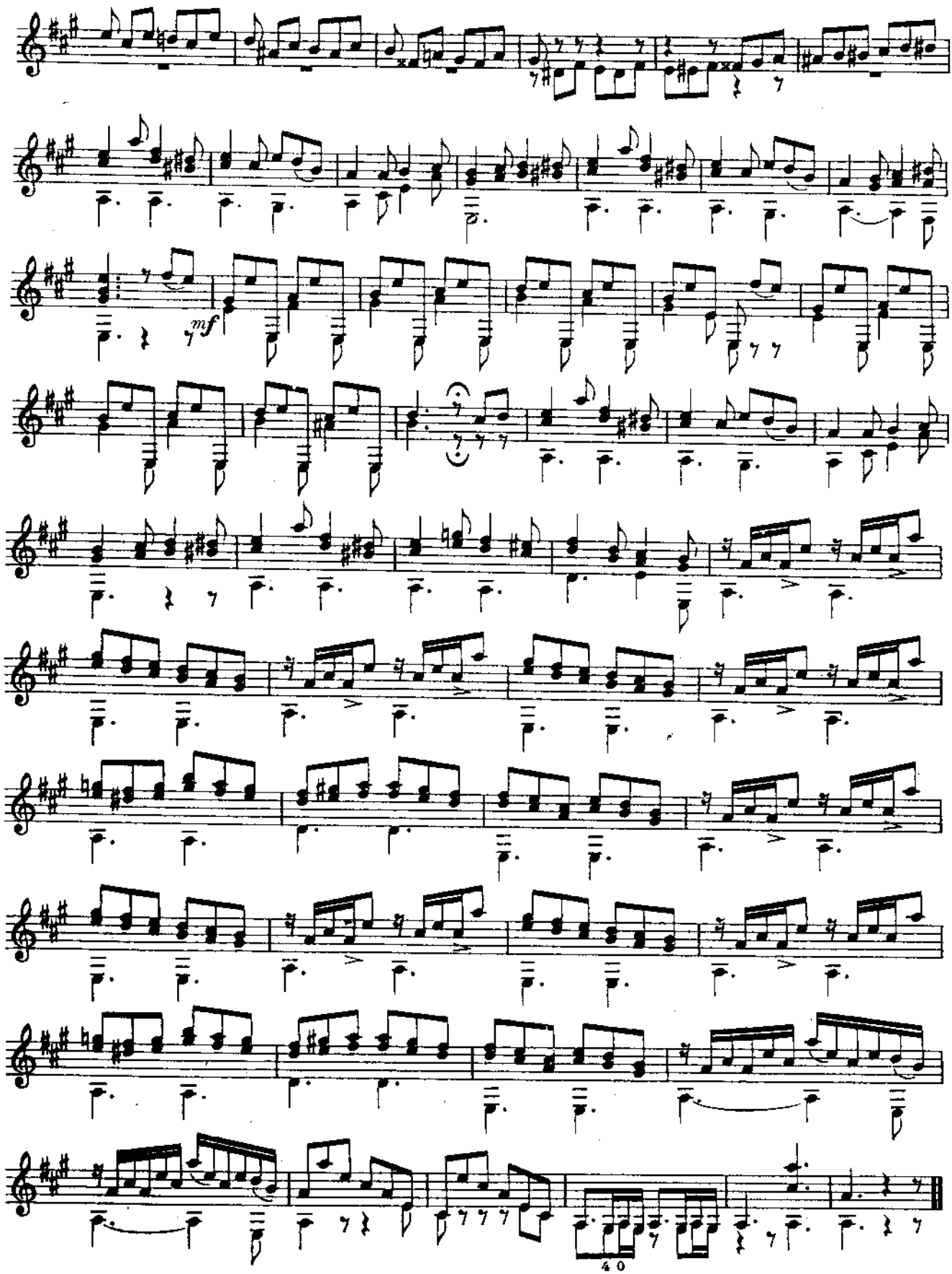
mf
40

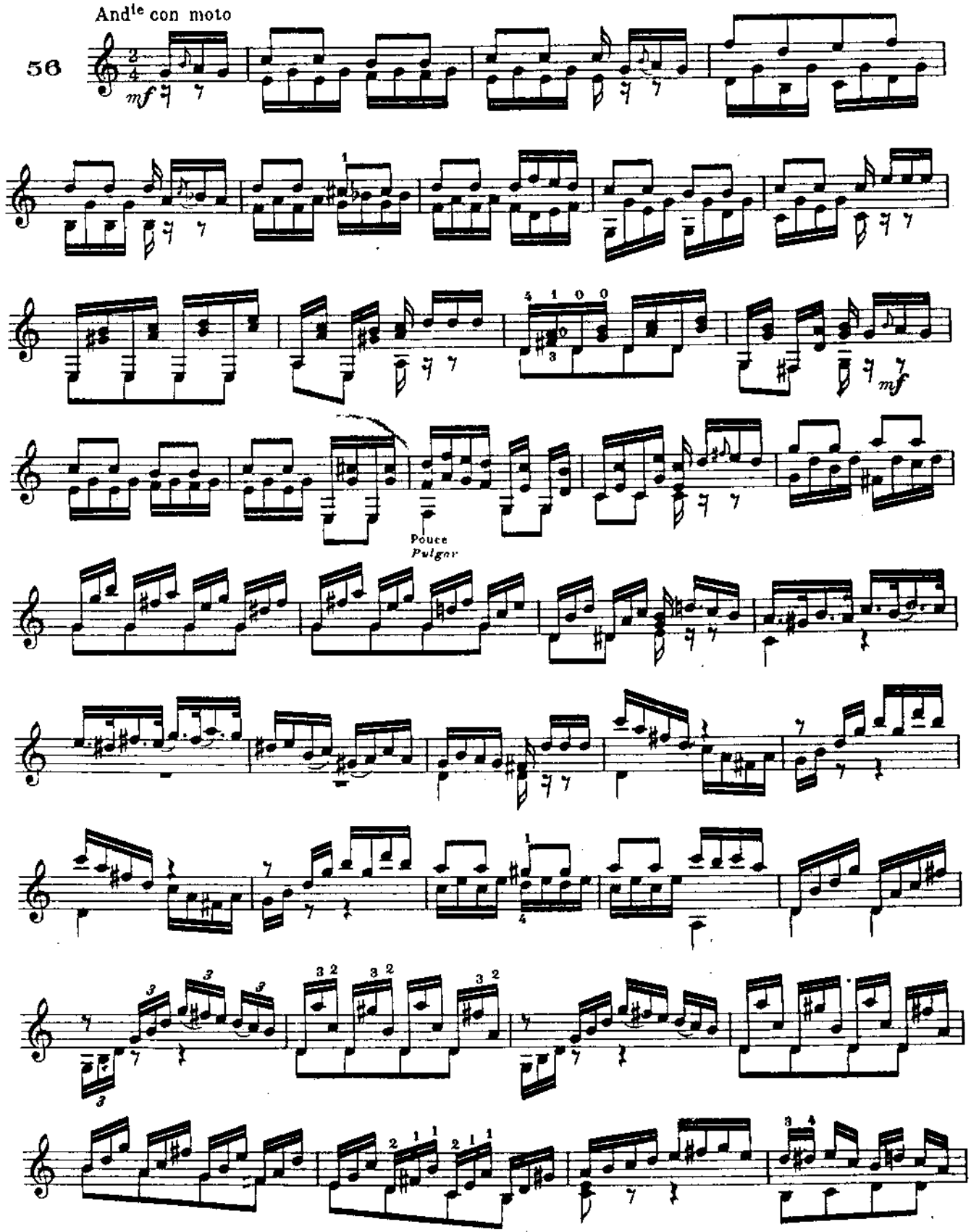
And^te con moto
56
mf
mf
Pouce
Pulgar

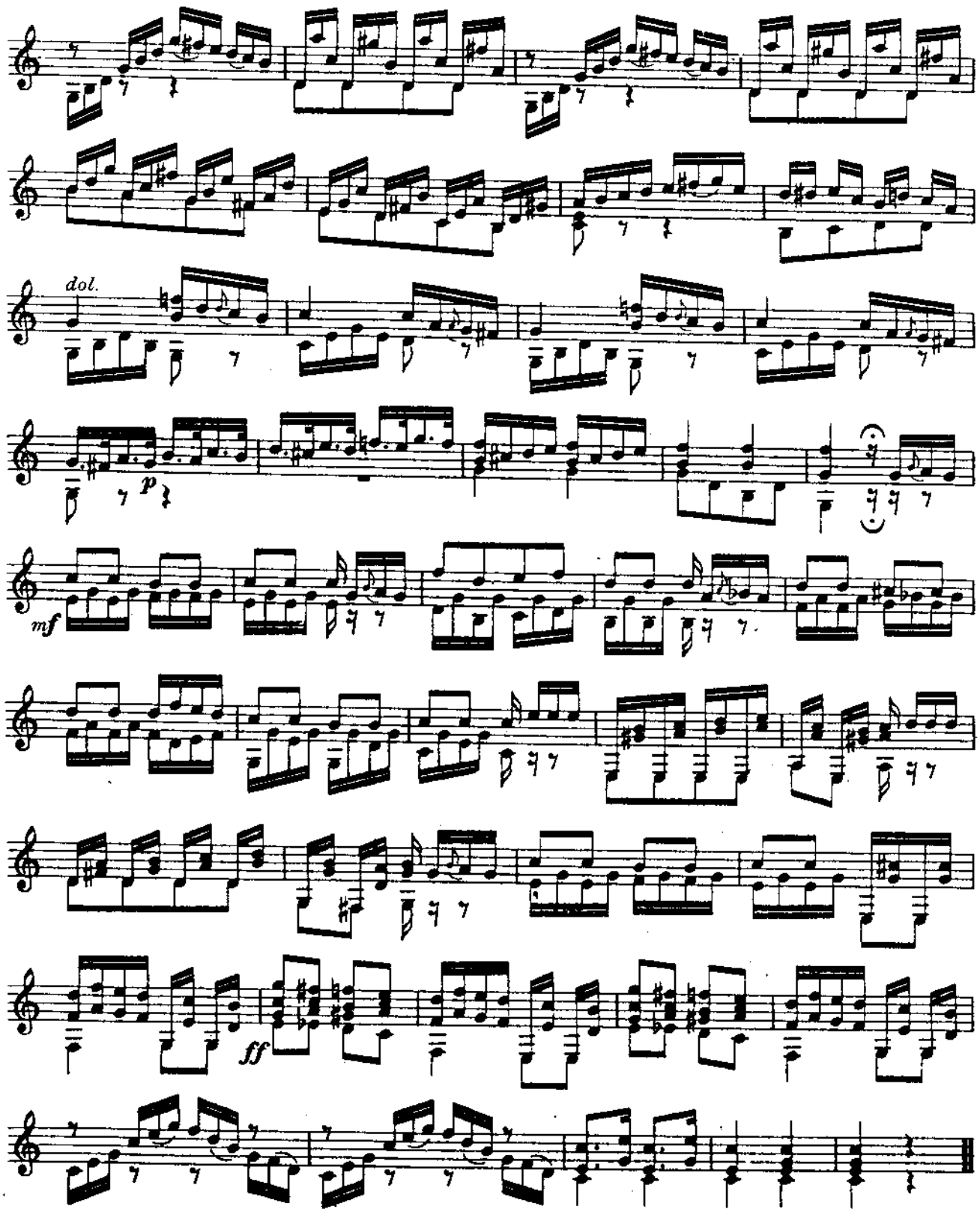

FIN de la Seconde Partie | HẾT phần hai

SÁU BÀI TẬP

DÀNH CHO VIỆC TẬP CÁC THẾ BẤM, LÀM QUEN VỚI CÁC PHÍM, CHẢY TIẾNG, TAM TRÌNH, LỤC TRÌNH, BÁT TRÌNH VÀ THẬP TRÌNH

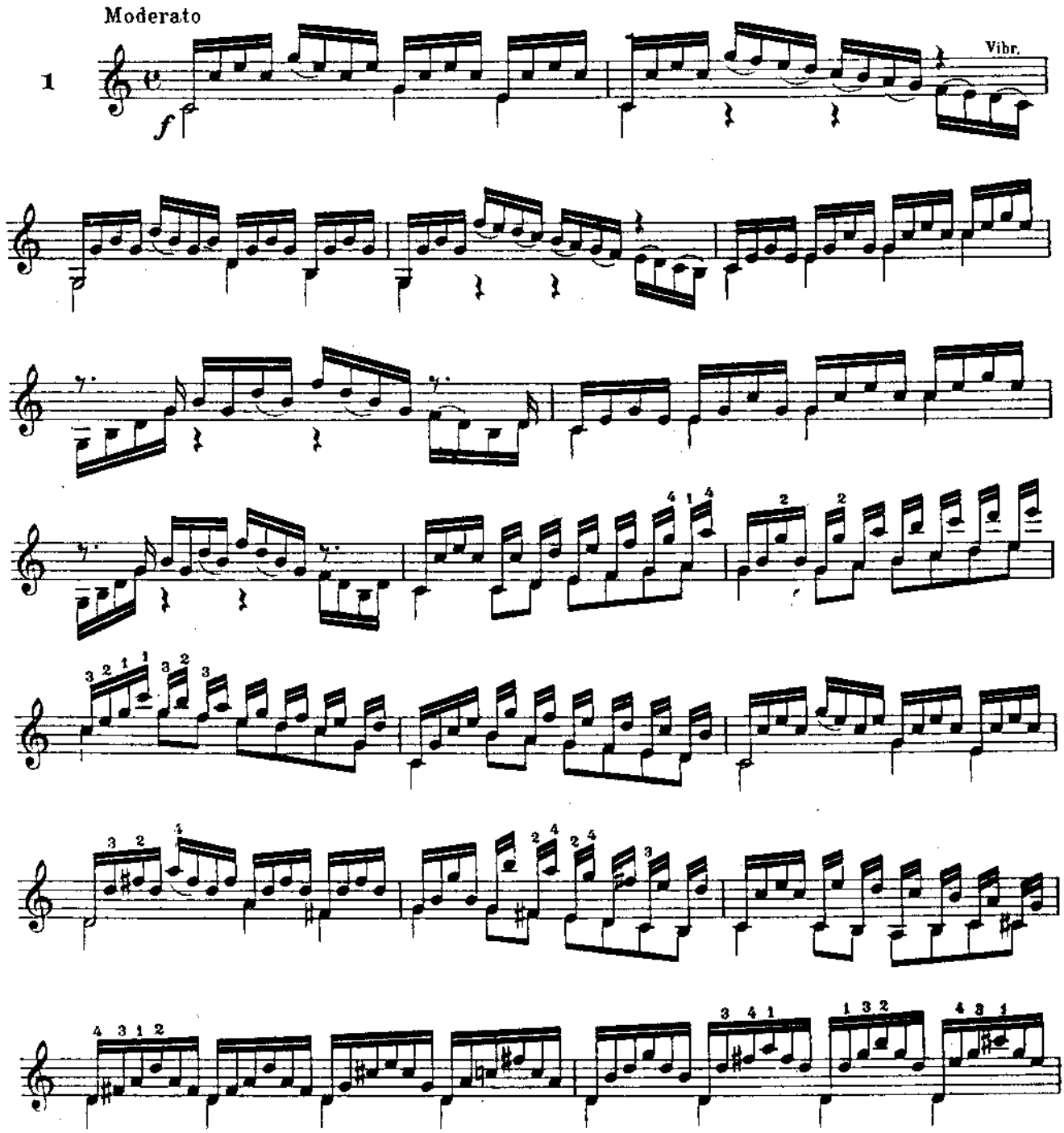

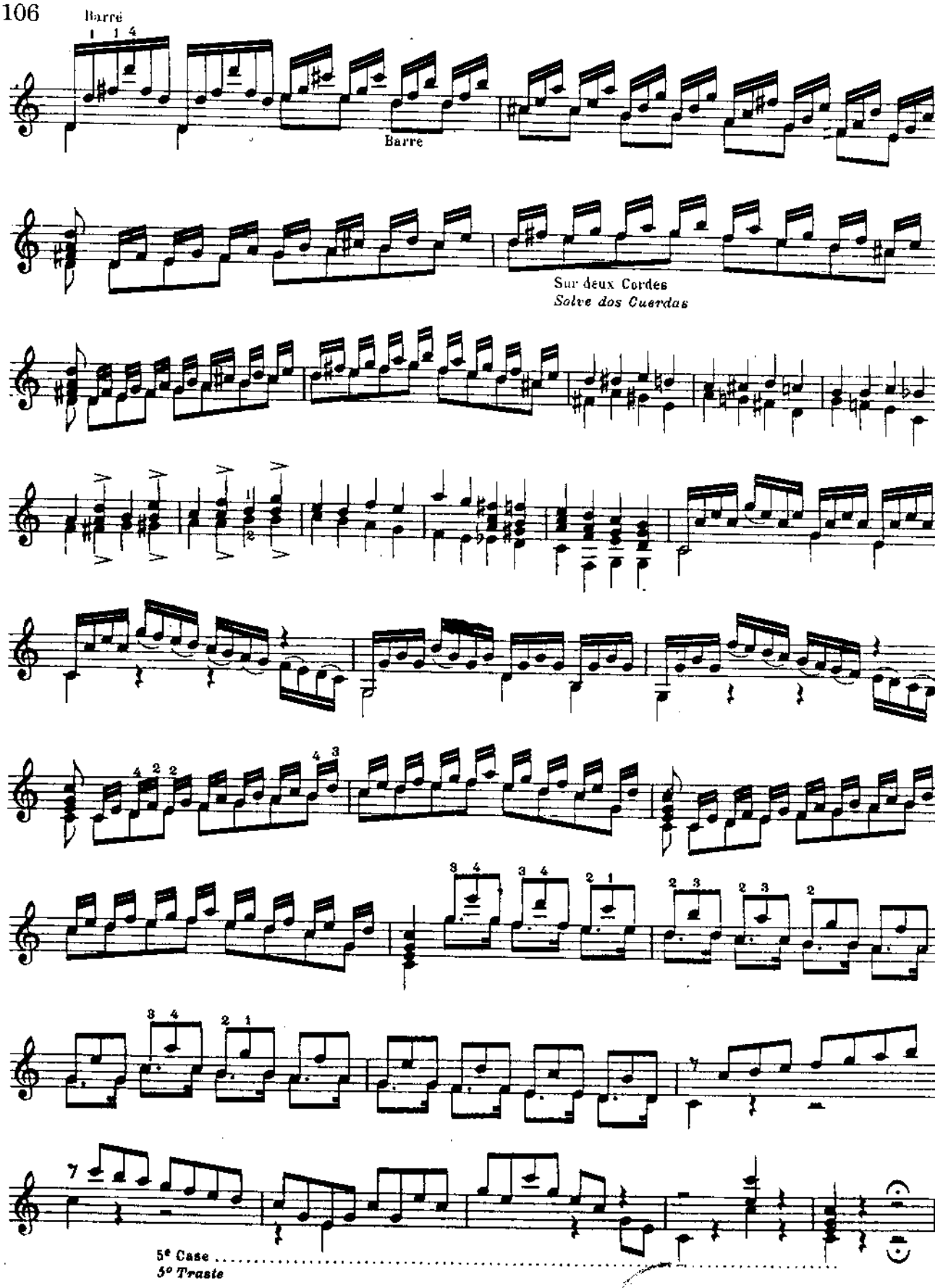
Barré
Barre
Sur deux Cordes
Solve dos Cuerdas
5e Case
5º Traste

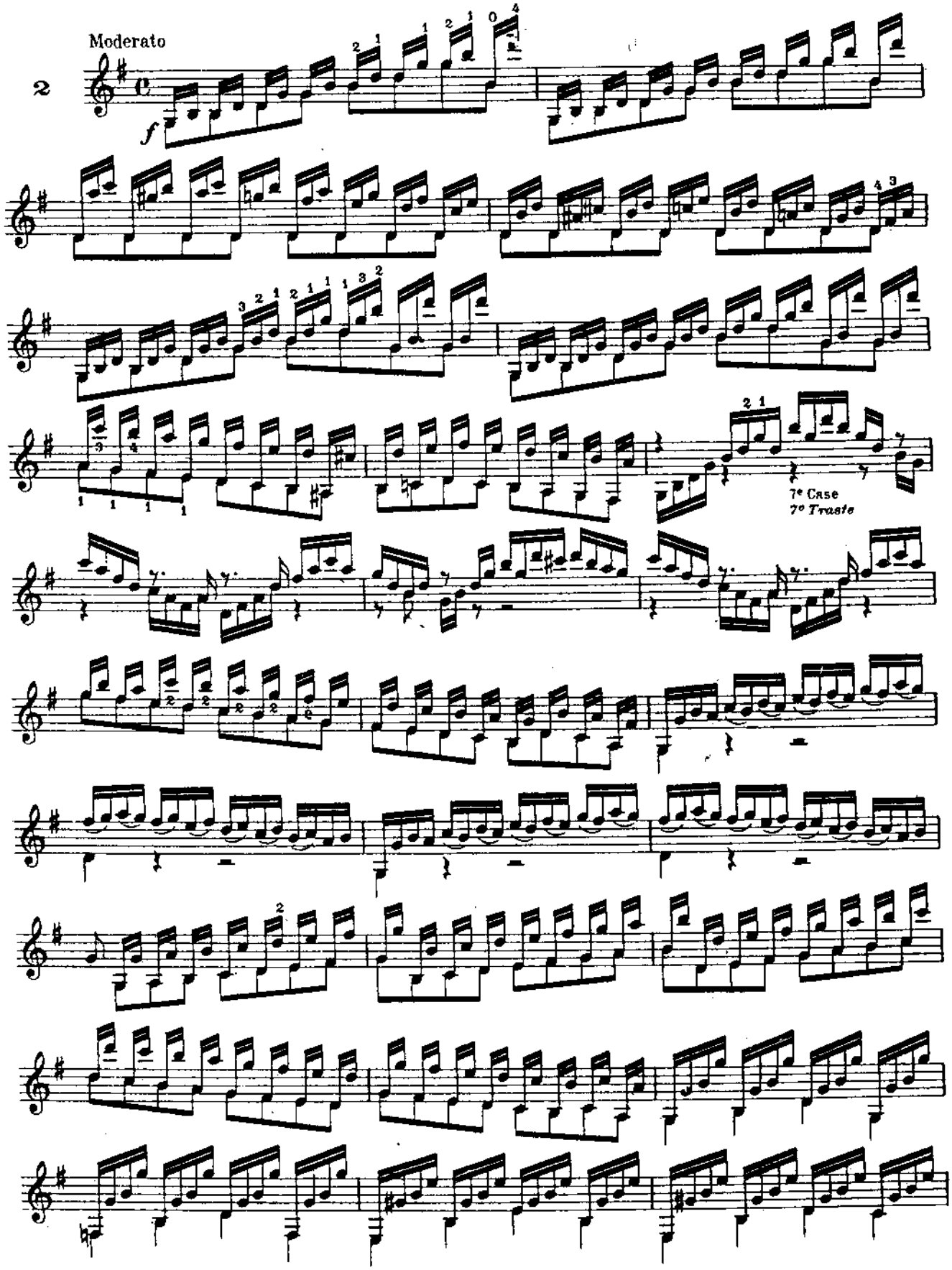
Moderato
2
f
7e Case
7e Traste

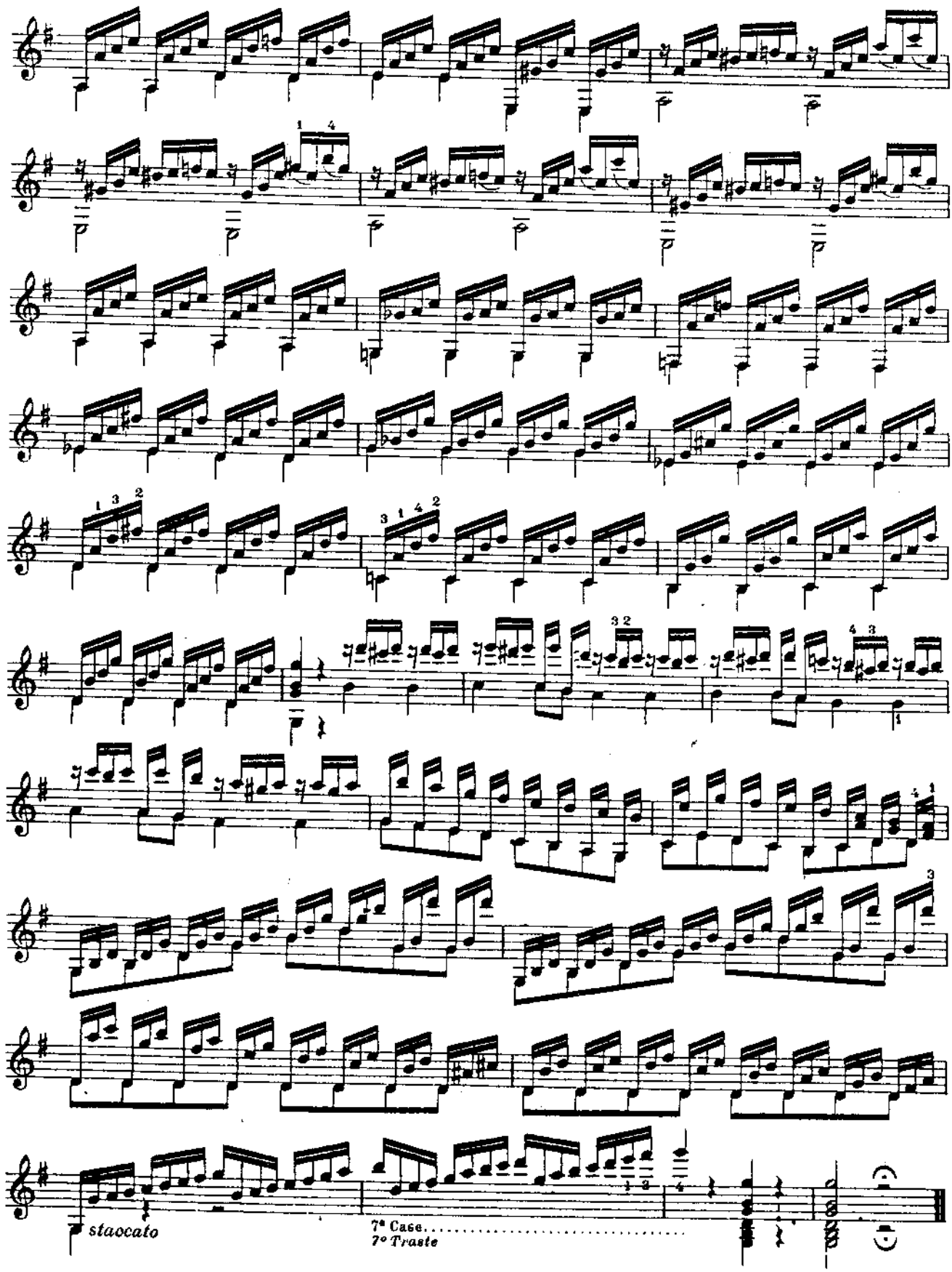
staocato
7ª Case
7º Traste

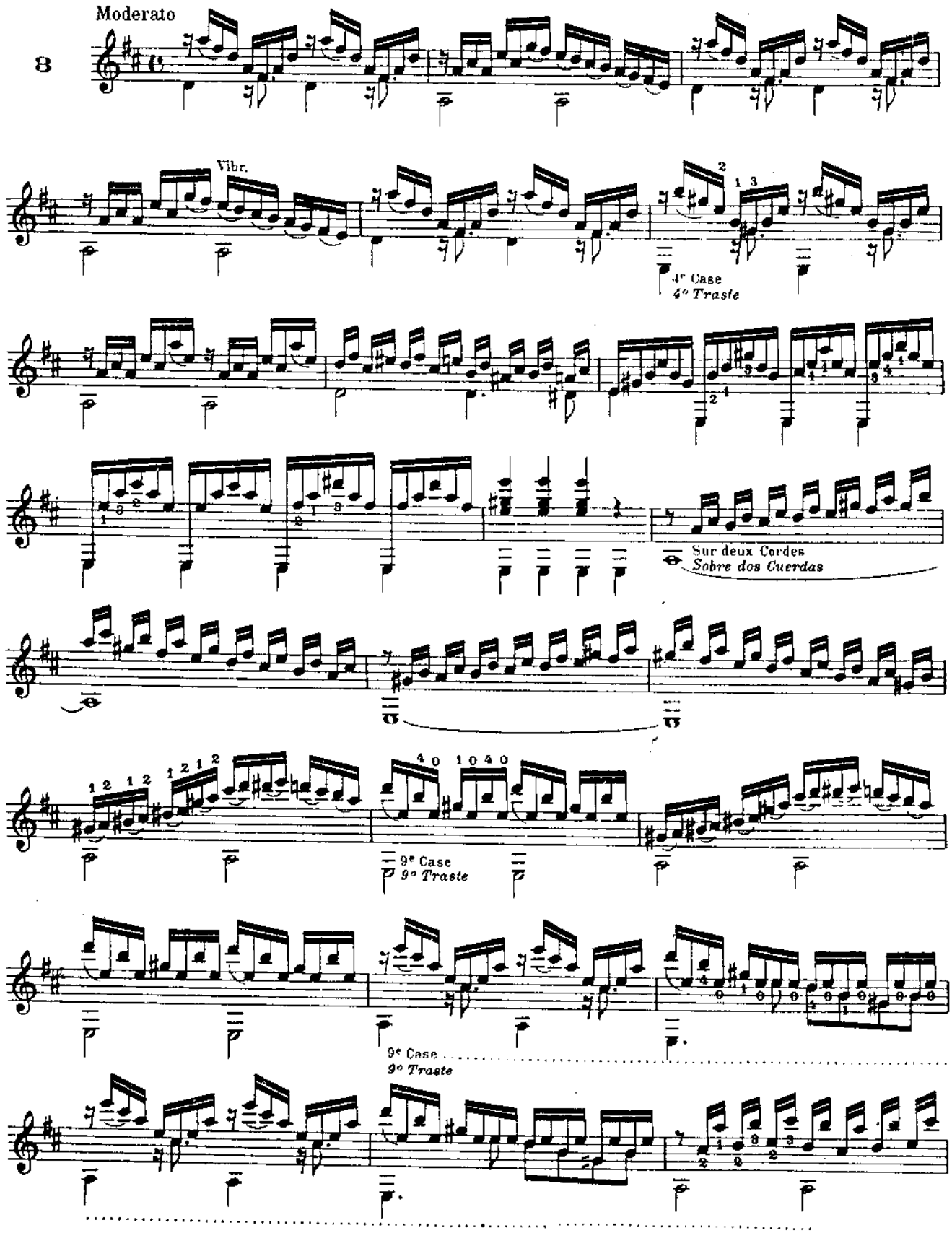
Moderato
8
Vibr.
4e Case
4º Traste
Sur deux Cordes
Sobre dos Cuerdas
9e Case
9º Traste
9e Case
9º Traste

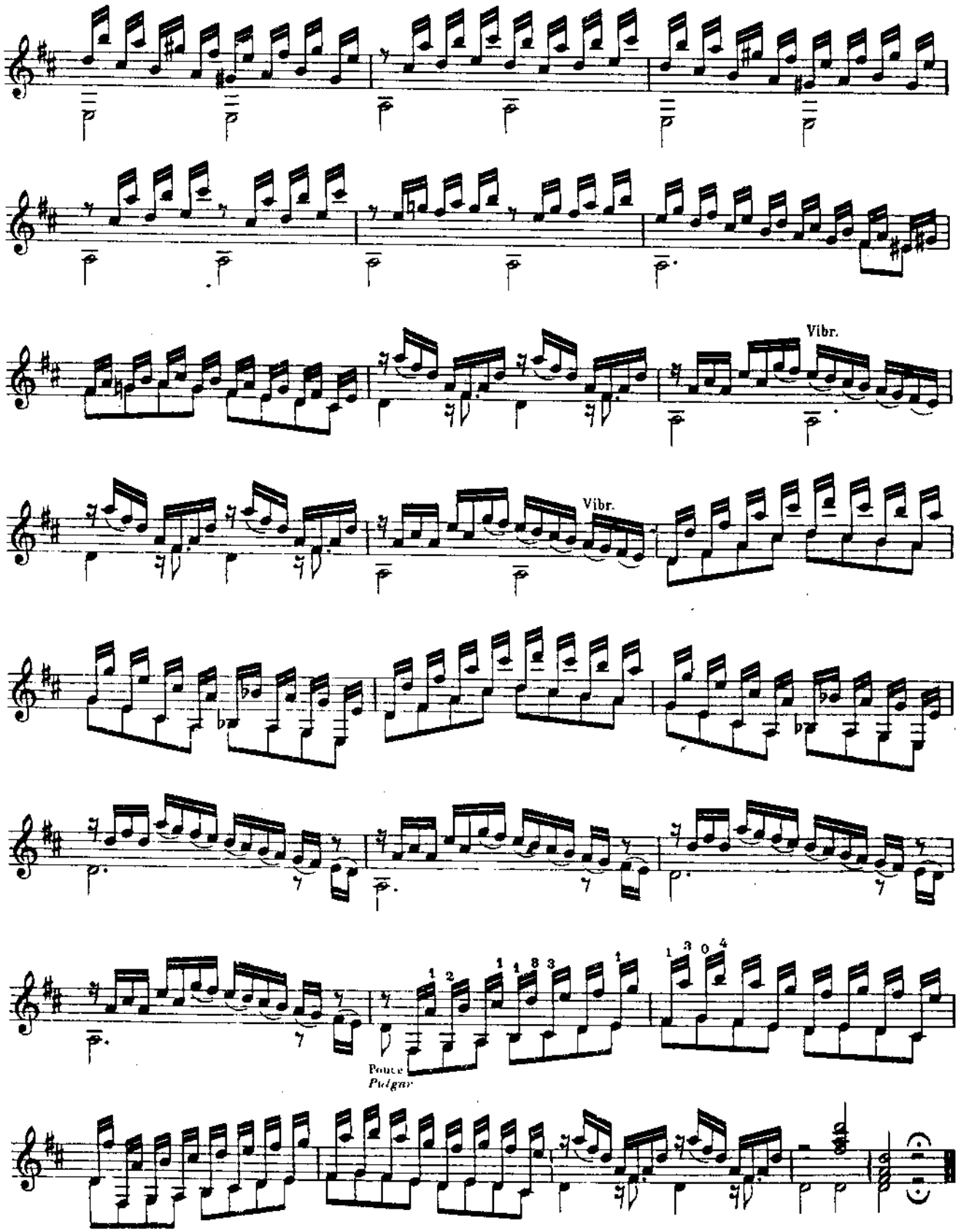
Vibr.
Vibr.
Pouce
Pulgar

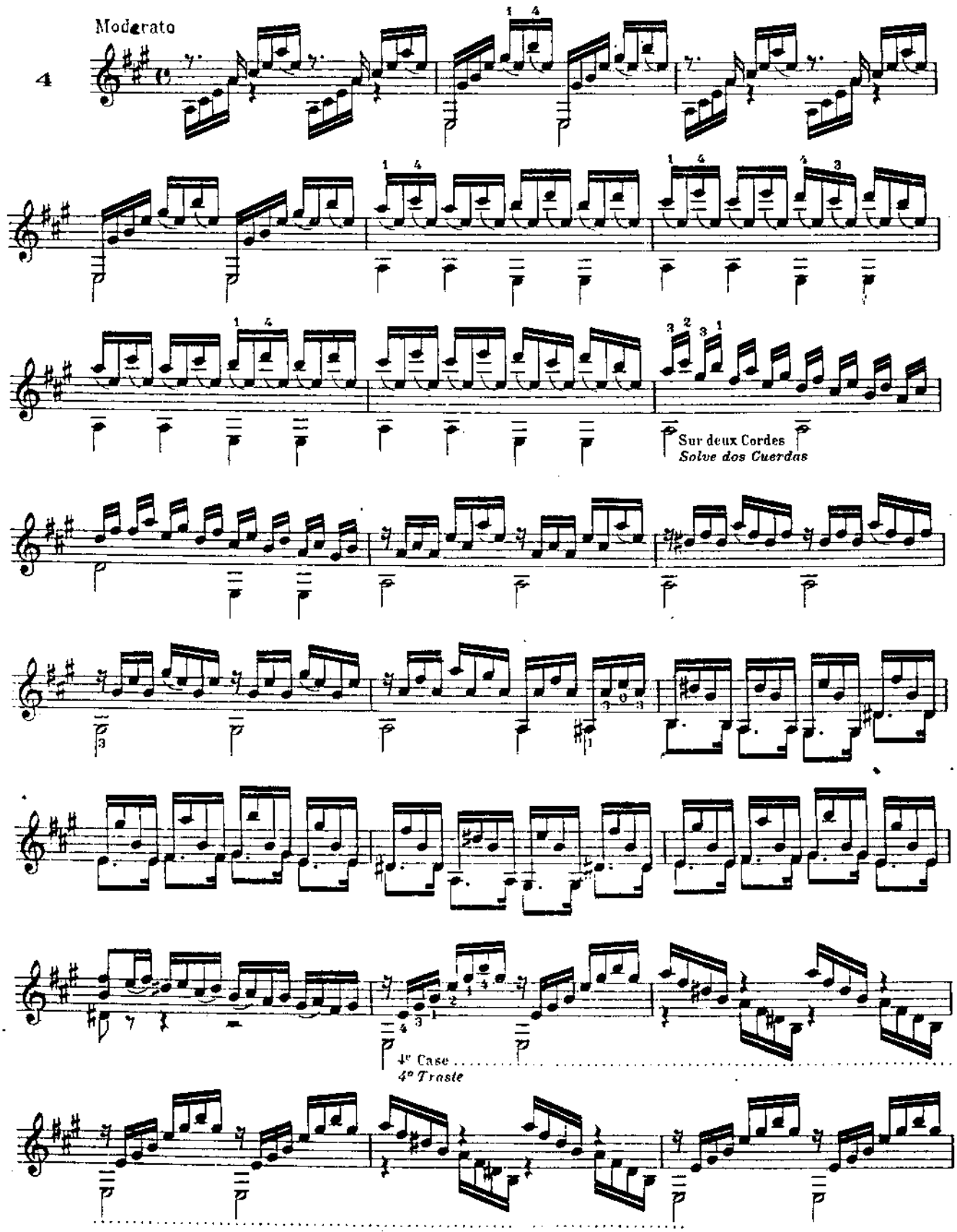
Moderato
4
Sur deux Cordes
Solve dos Cuerdas
4e Case
4º Traste

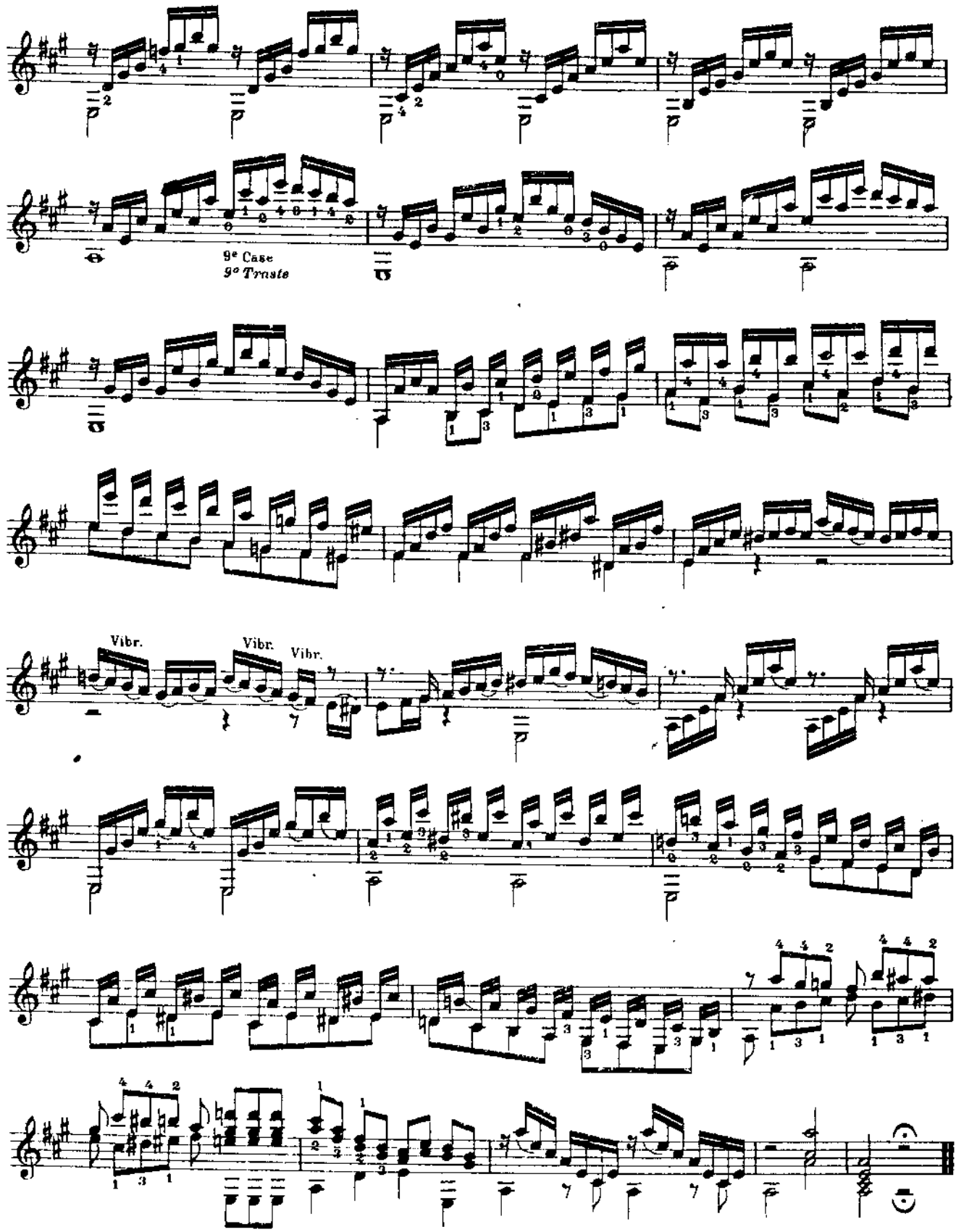
9ª Case
9º Trasto
Vibr.
Vibr.
Vibr.

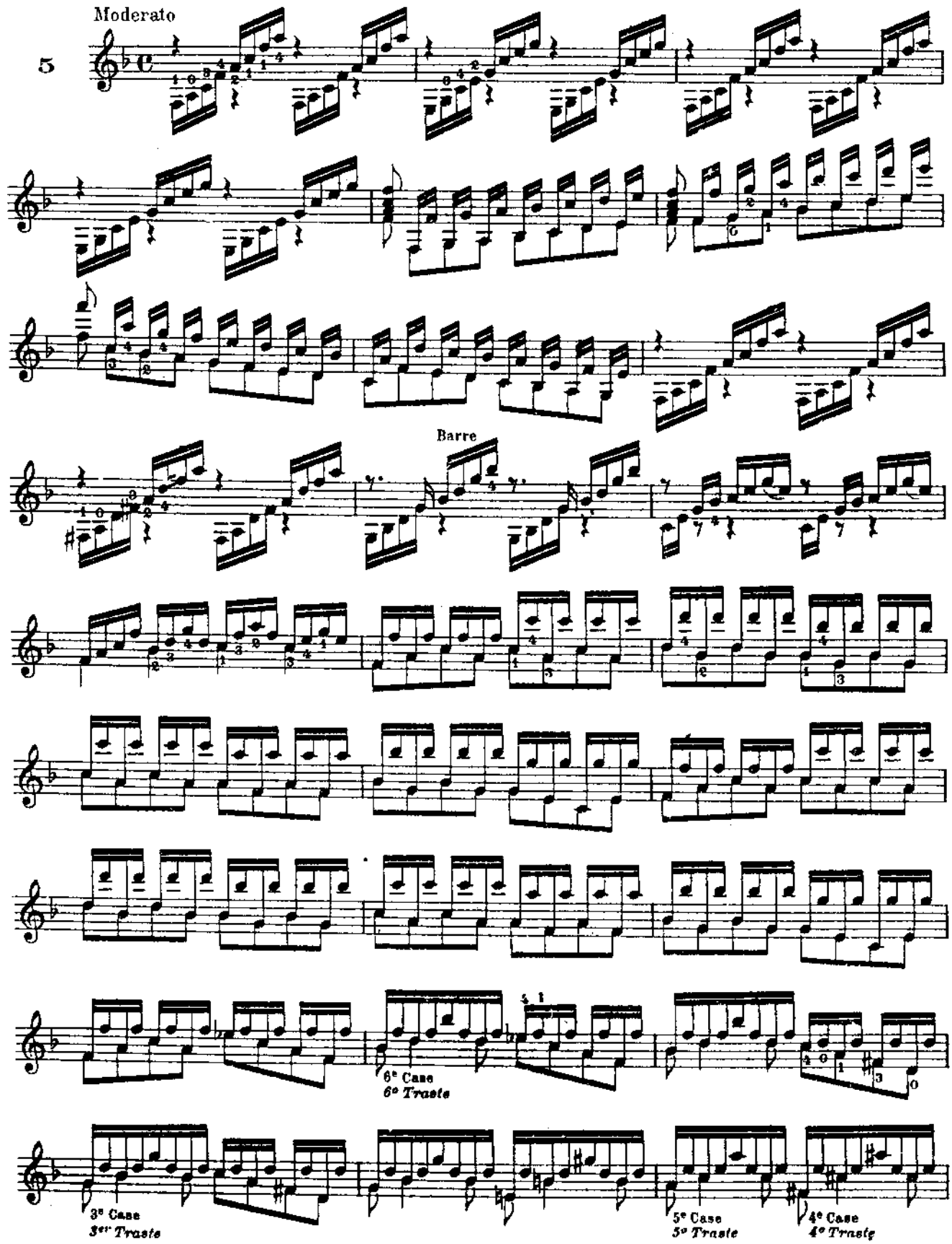
Moderato
5
Barre
6ª Casa
6º Traste
3ª Casa
3er Traste
5ª Casa
5º Traste
4ª Casa
4º Traste

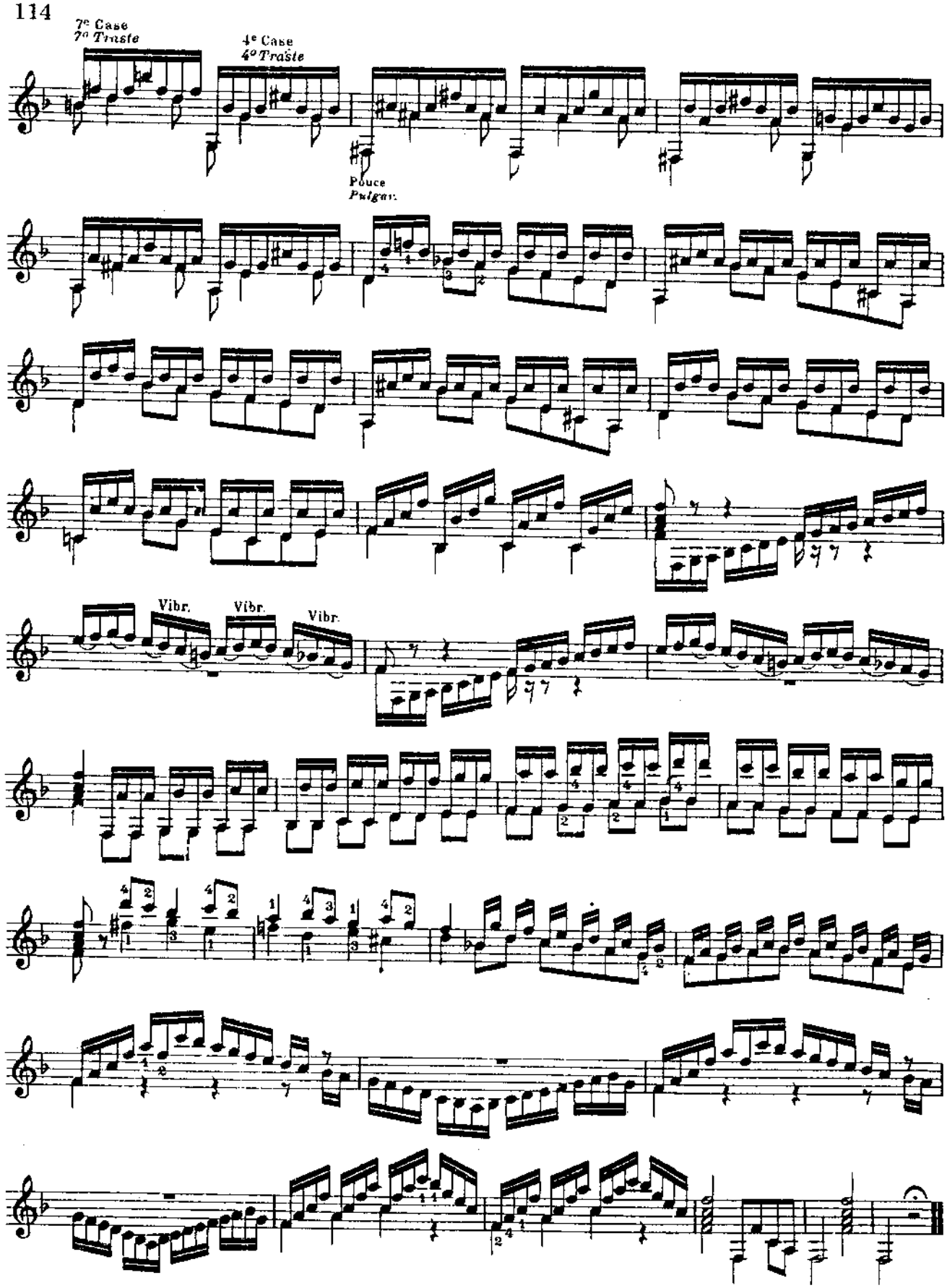
7e Case
7o Traste
4e Case
4o Traste
Pouce
Pulgar.
Vibr.
Vibr.
Vibr.

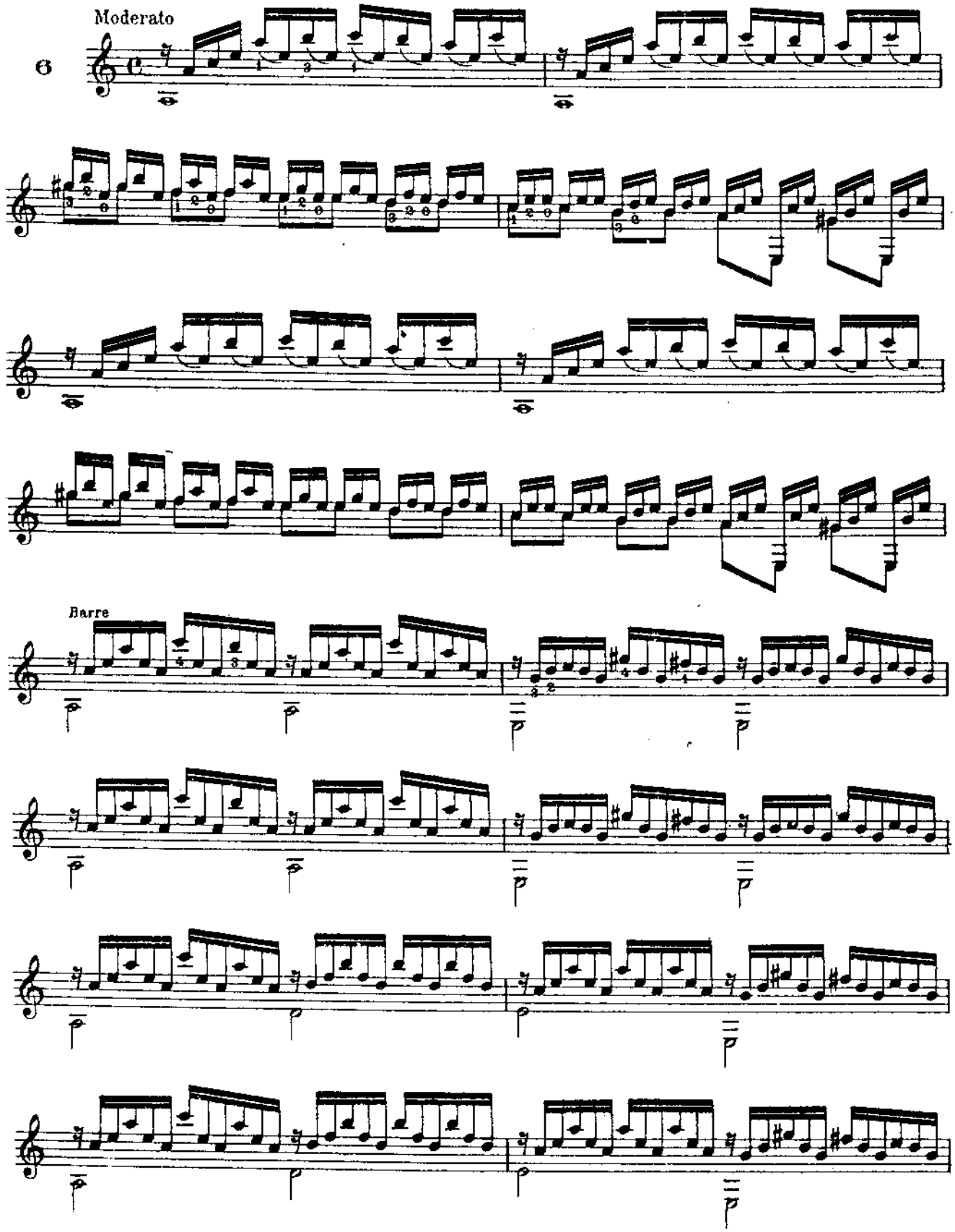
Moderato
6
Barre

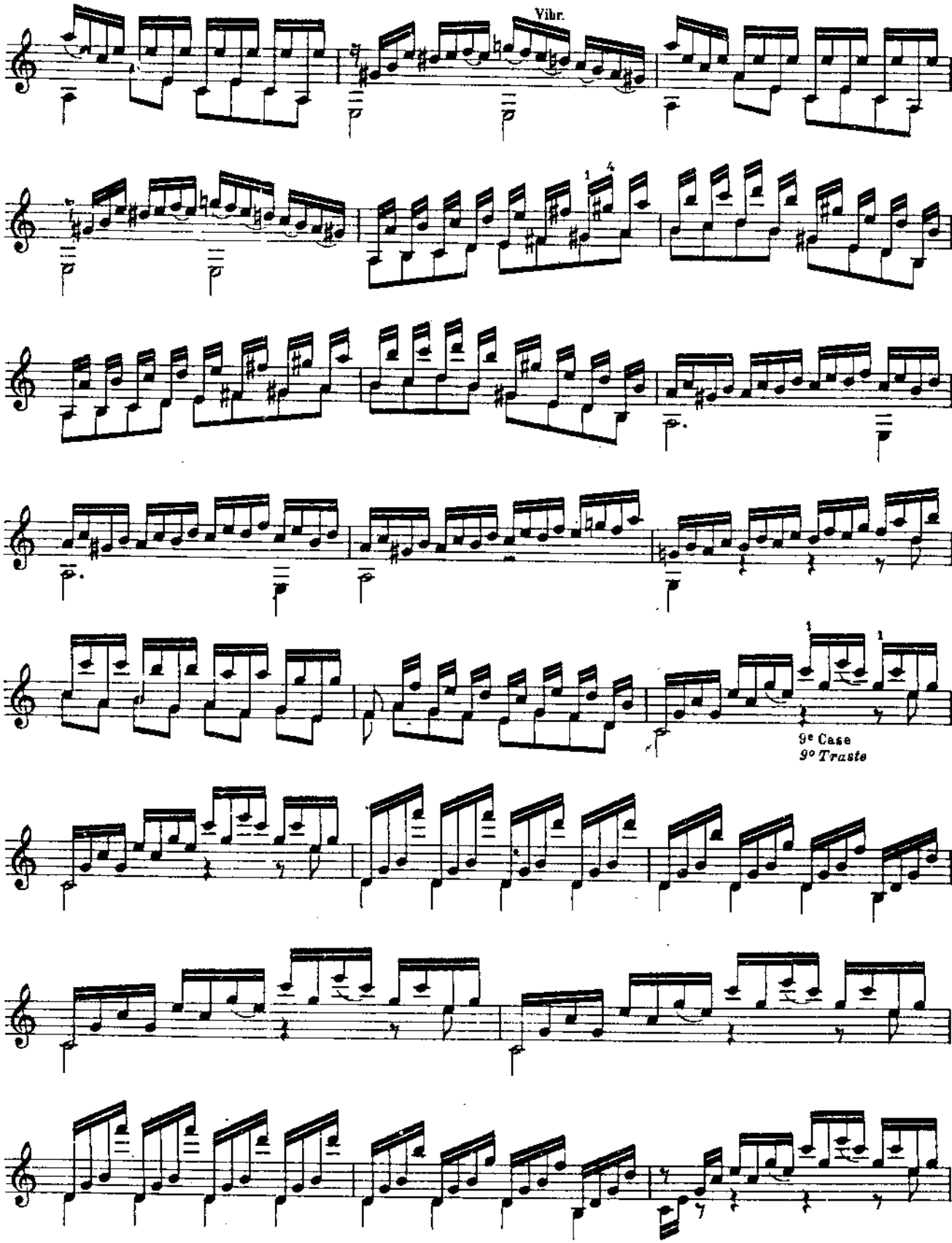
Vibr.
9e Case
9º Traste

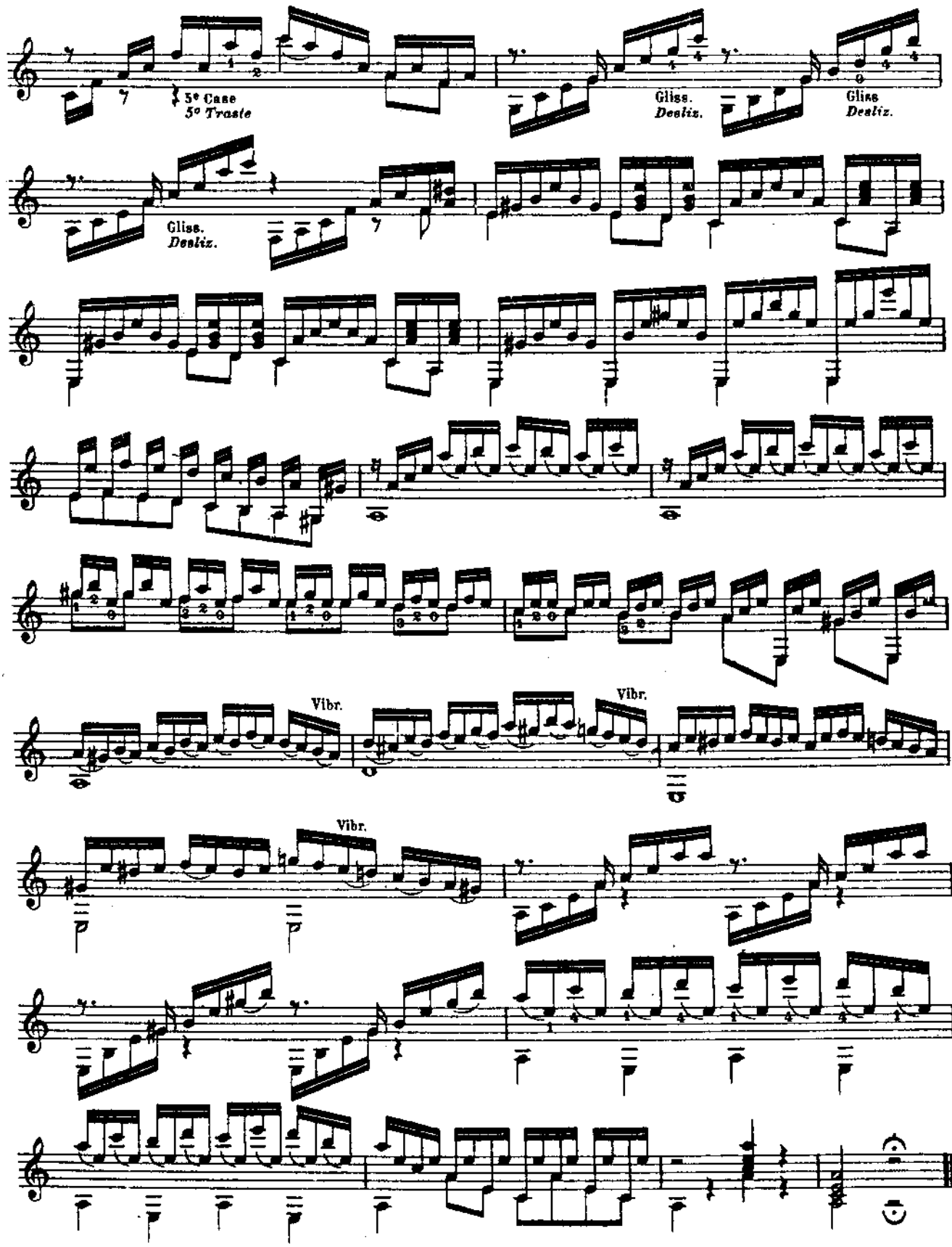
5ª Case
5º Traste
Gliss.
Desliz.
Gliss.
Desliz.
Gliss.
Desliz.
Vibr.
Vibr.
Vibr.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Các dấu căn bản âm nhạc	5
PHẦN I	
Cách cầm đàn và cách đặt tay	9
Các nốt cơ bản	17
Các nốt mở rộng	19
Âm giai thế bấm thứ 1 - Bài tập	21
Âm giai lên xuống với các dấu thăng - giáng	24
Bài tập với dấu thăng giáng	25
Cách đánh hợp âm	26
Cách đánh hợp âm rời	27
Âm giai hợp âm, bài tập thông dụng ở thế bấm 1	31
Bài tập để tập quen với thế bấm 1	46
PHẦN II	
Chảy tiếng hay các nốt nối	61
Dấu láy	63
Dấu vê - âm điệu - các thế bấm	64
Các phím đàn thường dùng ở các cung thông dụng	66
Bài tập của tất cả các thế bấm	68
Những nốt đôi	72
Những âm thanh hài hòa	75
Bài tập âm thanh hài hòa	76
6 Bài tập để tập các thế bấm	105

■ TỰ HỌC ĐÀN GUITAR
THEO PHƯƠNG PHÁP F.CARULLI
Chịu trách nhiệm xuất bản: Quang Thắng
Biên tập nội dung: Lê Tuấn Hải
Sửa bản in: Minh Hòa
Bìa: Lê Tân
In 1.000 cuốn tại Xí nghiệp in 27 tháng 7,
73 Trần Bình Trọng, Q. Gò Vấp,TP. Hồ Chí Minh.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1073/XB-QLXB-33.
Cục xuất bản ký ngày 08 tháng 07 năm 2005.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2005.

CÁC SÁCH VỀ GUITAR ĐÃ PHÁT HÀNH

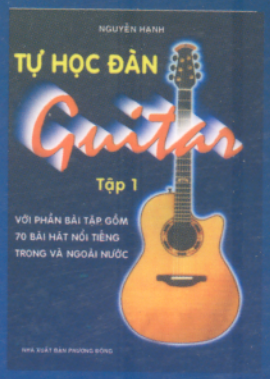

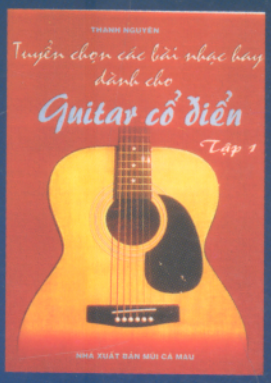

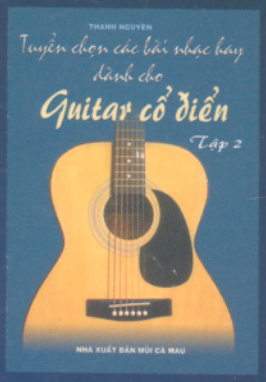

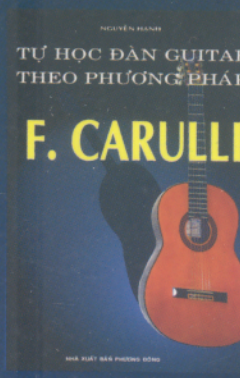

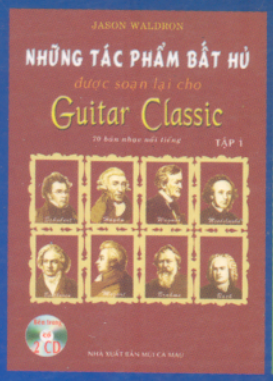

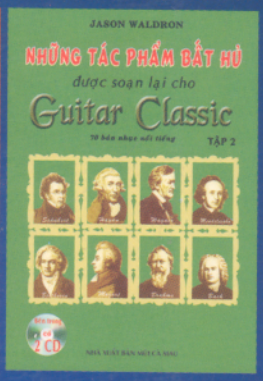

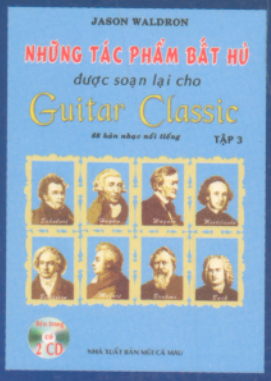

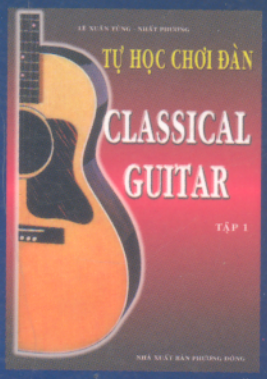

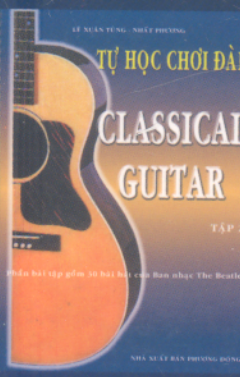

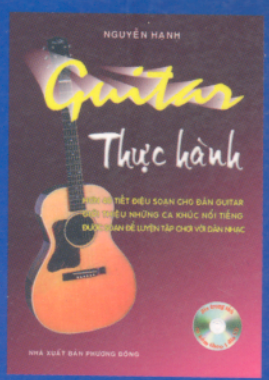

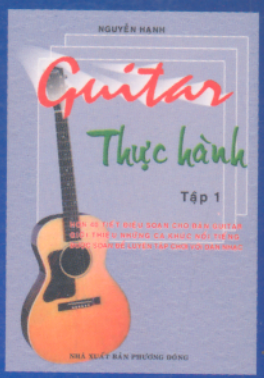

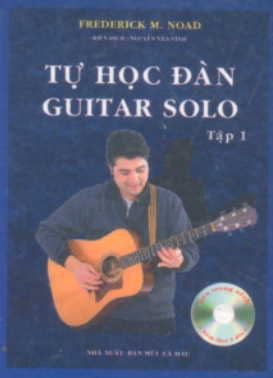

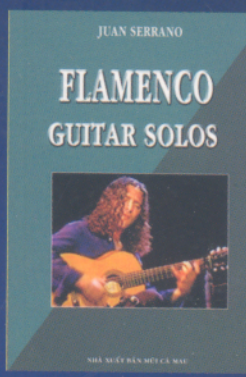

Phát hành tại:
Công ty TNHH BÚT VIỆT
172 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM
ĐT: 8201686 - Website: www.v-nghe.com
Email: v-nghe@hcm.fpt.vn

D211273

Giá: 30.000 đ